

CHƯƠNG THỨ NHỨT

Cơ-Đốc-Giáo

Ngày Tận-Thế chắc-chắn sẽ đến

Vấn-đề-Tận-Thế kể ra chưa hẳn là một đầu-đề mới lạ, vì từ lâu ở trong sấm kinh của nhiều tôn-giáo đã từng nói đến, nhưng ít ai để ý, hoặc-giả có quan-tâm chẳng là những người ở trong tôn-giáo.

Vừa rồi ông Daniel Walther một ông nghề mà cũng là tin-đồ Cơ-đốc Phục-lâm đem đầu-đề ấy làm một cuộc diễn-giảng, tưởng cũng nên biết qua những lý-lẽ của ông trình-bày và hơn dịp này đem đối-chiếu với bao nhiêu lời tiên-tri trong các sấm kinh mà từ lâu ít ai nói đến.

Vào đề ông Walther nhấn mạnh về những biến-cổ xã-hội, kinh -tế, chánh-trị của thời-đại chúng ta, dồn dập đến đối các nhà quan-sát cũng phải hoang-mang không biết ngày mai xảy ra những việc gì. Những nhà bác-học, những nhà phát-minh, đứng trước thời cuộc nghiêm-trọng đến phải bi-quan mà cho rằng ngày Tận-Thế sắp xảy ra và trở lại ghê-tởm cho công-trình phát-minh của mình.

Nhưng nên hiểu thế nào là Tận-Thế ?

Ông Walther không đồng ý với các nhà bác-học kia hiểu Tận-Thế là một cuộc chấm dứt vũ-trụ hay địa-cầu. Theo ông, khi nói Tận-Thế có nghĩa là chấm dứt một thế-hệ do con người cai-quản để mở ra một thế-hệ minh-triết dưới sự chưởng-quản của Chúa.

Vào thời của Chúa, một hôm tin-đồ có hỏi Chúa rằng: "Thế nào là điềm Ngài giáng-lâm và Tận-Thế ?"

Chúa cho biết: "Sẽ có những điềm trên Trời, trên mặt trăng và các vì sao. Trên quả địa-cầu thì nhiều nơi sẽ có bệnh dịch và nạn đói...sự đau thương ở các nước không biết làm gì...con người thì tinh thần khủng -hoảng trong sự mong chờ những điều xảy đến cho trái đất."

Về những thời-triệu ấy, ông Walther dẫn chứng bao nhiêu bằng-cớ đã xảy ra. Nào là nạn đói kém đã đe dọa hoàn-cầu: Hy-lạp, Nhật-bản, Trung-hoa, Ấn-độ, Nga...nào là những trận động-đất một ngày một lan rộng, phá hủy bao nhiêu công-trình kiến-trúc và giết hại biết bao sinh-linh vào thế-kỷ thứ XVIII. Người ta phải hoảng-hốt tự hỏi tại đâu có sự sát hại ấy, và sát hại để làm gì? Nào là những điềm Trời đã xảy ra ứng với lời tiên-tri của Chúa như cuộc thiên ám địa-hôn ở thành Lisbonne năm 1755 những vì sao băng mà ông J.H Fabre đã tường thuật.

Nhưng càng thảm-khốc và khủng-khiếp hơn nữa là những cuộc chiến-tranh, những thảm họa xảy ra ở các nước.

Trong thế hệ gần đây, loài người đã bước vào một thời-kỳ chiến-tranh tàn-sát ghê-gớm, Liên tiếp không có lúc nào loài người không giết nhau; nào là trận giặc Tôn-giáo, trận giặc một trăm năm, những cuộc cách mạng giết hại nhân-loại không biết cơ-man nào mà kể. Khi phát-minh thuốc súng và sử-dụng đại-bác trong chiến-tranh, người ở thời-kỳ ấy phải kinh-khủng mà thấy cuộc tàn-sát đã đạt đến một phạm-vi quá rộng.

Nhưng nếu đem sánh với các cuộc phát-minh cận-đại, người ta mới hoảng-hốt với sức tàn-phá sát hại của bom nguyên-tử, khinh-khí là bực nào. Gần đây Tổng thống Mỹ-quốc còn tuyên bố sẽ đem dùng một thứ bom có thể giết hại 150 ngàn sinh-mạng dễ như chơi, sức tàn phá của nó bằng cả 20 ngàn tấn chất nổ.

Ông Walther còn dẫn lời tiên-tri của nhà bác-học Berthelot viết từ năm 1869 cho biết rằng: Trong vòng một trăm năm, khi mà người ta phát -minh được nguyên tử-lực thì chính đó là thời - kỳ tiêu-diệt.

Một đềm thảm khốc cho hơn-loại nữa là nạn đói hoành-hành trên thế giới. Một con số không ai ngờ được là đã có 7 triệu người chết về nạn đói. Trong lúc ấy, trái lại dân số tăng gia quá sức tưởng-tượng cho đến nguồn tài-nguyên không đủ cung cấp, mặc dầu đã bị giết hại vì chiến tranh, vì bệnh dịch...

Tình thế xã-hội đã vô cùng khốc-liệt, người ta nhận thấy càng ngày càng tiến đến chỗ sụp-đổ và tinh-thần con người càng ngày càng hư-hỏng suy-đổi.

Nhưng ông Walther không lấy đó làm bi-quan, vì con người vẫn chưa đến tuyệt-vọng. Ông cho biết hiệu lực vô biên của một niềm hy vọng. Có nhận thấy sự an vui trong lòng và một nguồn hy-vọng không lay chuyển chẳng, là những ai đã biết đặt đức-tin của mình vào những giá-trị tinh-thần và vào sự giáng-lâm của Đấng Cứu-Thế, là con đường duy nhất, là chơn-lý và là sự sống.

Nhưng ngày nào Đấng Cứu-Thế ra đời, ngày nào mới Tận-Thế ? Không ai có thể biết được ngày giờ, chỉ trừ ra Chúa, Ngày Tận-Thế chắc chắn sẽ đến.

Những đềm xảy ra ở trên Trời, trên quả địa-cầu, trên xã-hội loài người, nhứt là những tai họa và đau-khổ dập dồn đưa đến cho hơn-loại, là những báo hiệu cho thời giờ đã cận rồi. Hãy nhìn lên Trời để theo dõi những biến động của vũ-trụ, hãy nhìn thời-triệu thì hẳn thấy ngày Tận-Thế đã gần lắm rồi. Hiện-trạng ngày nay không thể kéo dài hơn nữa.

Tận-Thế đã gần chưa ?

Đó là quyển sách của ông Joseph Monnier viết, do Hội Cơ-đốc phục-lâm cho phát-hành, mà chúng tôi xin lược-thuật dưới đây:

“ Kính Chúa, xin Ngài cho chúng tôi biết chừng nào sẽ đến và thế nào là đềm Ngài giáng-lâm và ngày Tận-Thế ?”

Đó là câu hỏi quan-trọng mà các tín-đồ một hôm ngồi trên núi Oliviers hỏi Chúa. Ngài bèn giảng cho nghe về sự bần-bĩ của mọi vật ở dưới cỏi đời này và cho biết trước cuộc tàn phá thành Jérusalem và giáo-hội của nó.

Nhưng ngày nào Chúa trở lại ? Đó là điều không khoản nào trong kinh thánh cho biết trước. Nếu nói rằng người ta không thể biết gì hết và không có điềm nào báo trước ngày giáng-lâm cấp-bách của Chúa Cứu-Thế, tức là không hiểu khi Chúa phán: " Các ngươi hãy hiểu bằng sự tỷ-dụ về cây vả. Khi cành nó trở nên non xanh và lá mọc ra, các ngươi biết đó là mùa hạ đã gần. Cũng như khi các ngươi thấy mọi điều ấy thì nên hiểu rằng Chúa của loài người đã đến gần bên cửa."

Nhưng có điềm nào báo rằng Chúa đã đến gần bên cửa ?

NHỮNG ĐIỀM DƯỚI ĐẤT. Hãy nhìn trở ngược lại, chúng ta nhận rõ nguyên-do và ý-nghĩa của những cuộc nhiễu-loạn trong trật-tự thiên-nhiên. Nổi loạn chống lại Chúa và luật của Ngài, con người cũng như trái đất, đã trở thành một đối-tượng của sự bất-hạnh rồi. Cho nên, ngay từ đó, trái đất sản-xuất những lau sậy và gai gổc, và con người phải làm hết sức mình mới kiếm được miếng ăn. Mỗi bước vượt qua luật tinh-thần và tự nhiên là chìm nhưn-loại trong một trạng-huống thấp hèn và yếu đuối về tinh-thần và vật-chất.

Con người từ đó trở đi không còn được chết thoả-thích như ông bà tổ-tiên nữa, mà bị xâm chiếm, cuốn lôi đi bởi tật bệnh, và nhưn-loại sẽ tàn tạ bởi những dịch bệnh một ngày một nhiều và ghê-gớm. Tuổi thọ sẽ xuống dốc và sự sanh-sản thì đầu-hàng trước những tấn-triển đáng lo ngại của nạn rượu, bệnh phong-tình, ho lao, ung thư...

Người ta càng tiến gần đến thời-kỳ mà Thánh-kinh gọi là " thời giờ cuối cùng" hay " ngày cuối cùng" thì những điềm ấy càng trở nên thống khổ.

Quả đất chừng nào hoà-hợp với sự hỗn-độn ấy. Không còn mùa tiết nữa. Trận địa-chấn càng ngày càng nhiều, gieo sự hỗn-loạn, chết chốc...

Người ta kể không dưới 14 triệu sinh-linh đã chết trong những trận địa-chấn từ ngày Chúa cho đến nay. Một lần nữa, lời của Chúa được xác-nhận trong câu tiên-tri: " Sẽ có những cuộc địa-chấn ở mọi nơi" .

Những biến-cổ này là triệu-chứng của sự suy yếu, nó dạy ta rằng trái đất đã già-cổ cũng như một chiếc áo, hay lão đảo như một cái chòi, vì tội của nó đã đè nặng lên nó. Một điều nữa là tiền bạc đã mất giá-trị và những kẻ tôn thờ nó sẽ lâm vào nạn khủng-hoảng.

Nhân loại sẽ lâm vào tình-trạng hỗn độn. Dầu xây qua bên nào, người ta cũng gặp những tiếng uất-hận, thở than, thoi-thóp của một thế-giới sắp tàn nhưng không muốn chết.

NHỮNG ĐIỀM TRÊN TRỜI. Chúa đã cho biết: Các ngươi sẽ thấy "những điềm trên mặt trời, trên mặt trăng và trên các vì sao" và Chúa thêm rằng: " Liền sau những ngày

nguy-cấp ấy, mặt trời sẽ tối đi, mặt trăng sẽ không có phát ánh-sáng, các vì sao sẽ rơi rụng, và quyền-lực của các cõi trời sẽ lung lay.”

Và một điềm lạ-lùng là cuối thế-kỷ XVIII đã xảy ra điềm thứ nhứt mà Chúa đã báo trước: đó là cuộc thiên ám địa hôn.

Ông Herschel, nhà thiên-văn-học đã nhận thấy điều ấy, có nói: Ngày thiên ám địa hôn ở Bắc Mỹ là một hiện-tượng kỳ-dị của tạo-hoá mà không một nhà triết-học nào có thể cắt nghĩa được.

Về vấn-đề này ông Noah Webster, tẩn-sĩ luật nước Anh, cho biết:

Ngày thiên ám địa hôn hôm 19 Mai (tháng 5) 1780 bao trùm cả nước Anh trong ngày ấy. Ở nhiều nơi, ngay ở nước ngoài trời cũng không đọc được một chữ thường, điều đó xảy ra trong nhiều giờ liên-tiếp. Chim chóc thì hót những giọng về chiều, ẩn núp và trốn về tổ luôn; gà vịt thì kéo nhau lên gác; thú vật thì kéo vào chuồng, còn trong nhà thì phải thắp đèn. Cuộc thiên ám địa hôn này bắt đầu từ mười giờ mai cho đến nửa đêm sau...

Điềm thứ hai mà Chúa báo trước mặt trăng mất ánh-sáng.

Báo Independent Chronicle ở Boston, ngày 8 Juin 1780, có kể:

Trong thời-gian ấy một màu đen bao phủ vạn vật. Sự hôn ám của đêm này không phải là chẳng thường thấy và khủng-khiếp như điềm xảy ra ban ngày. Trăng tuy tròn hay hơi tròn, mà người ta chẳng thấy vật, nếu không nhờ ánh đèn.

Điềm trời thứ ba là nhiều vì sao rơi rụng. Hiện tượng đã xảy ra ngày 13 Novembre (tháng 11) 1833, Bác-sĩ Seiss đã tường thuật:

Những người được điểm-phúc trông ngắm các vì sao rơi rụng đêm 13 Novembre 1833 có thể đã dự một cuộc đốt pháo bông vô cùng uy-nghiêm mà từ tạo thiên lập địa đến giờ chưa từng có, hay ít nhứt từ thời-kỳ có sử. Về mặt lan rộng, hiện-tượng đã bao trùm một phần lớn mặt địa-cầu, từ giữa Đại-tây-dương phía Đông cho đến Thái-bình-dương phía Tây và từ bờ Mễ-tây-cơ phía Nam cho đến vùng vô-định của Gia-nã-đại phía Bắc. Cảnh tượng rất rõ và nơi nào cũng thấy rõ như thế.

Trong ba giờ xảy ra, hàng trăm hàng vạn người thấy trong hiện-tượng ấy, sự hoàn-thành lời tiên-tri của Chúa. Họ đều hoảng-hốt. Chừng như các vì sao ấy thành-linh thay hướng để rơi xuống trái đất. Những người mục-kích cảnh-tượng này đều mô-tả như là một sự uy-nghiêm ghê-gớm.

Đó là điềm tiên-tri của Chúa. Nó đã hoàn-thành. Bây giờ chỉ còn chờ ngày giáng-lâm của Chúa.

Nhân-loại có biết hưởng và có hiểu rằng: “Chúa không chậm trễ trong sự hoàn-thành lời hứa, cũng như nhiều người tin rằng: Ngài kiên-nhẫn đối với chúng ta, không muốn một ai phải chết, mà muốn cho mọi người tiến đến sự hồi cải”.

Chúa còn dặn những ai trông chừng: “Khi những việc ấy khởi sự đưa đến, các người hãy trở dậy mà ngược đầu ngó lên, vì sự giải-thoát của người đã đến”.

Những điều tiên-tri này có giống các tôn-giáo khác chẳng? Và ngày Tận-Thế gần chưa?

CHƯƠNG THỨ HAI

Phật-Giáo

Thời-kỳ Phật Di-Lặc ra đời

Về vấn-đề Tận-Thế, trong các kinh Phật cơ-hồ không có đề-cập đến, mà chỉ thường nói đến định luật: thành, trụ, hoại, không của vũ-trụ vạn-hữu là nhiều. Song trong kinh Phật có cho biết rằng: ở khoản đời hiền kiếp kể có năm vị Phật là : Câu-lưu-tôn Phật, Câu-na-hàm Phật, Ca Diếp Phật, Thích-Ca Mâu-Ni Phật và Di-Lặc Phật. Cứ theo lời Phật Thích-Ca mách trước trong kinh thì sau này vào đời-mạt-pháp sẽ có Phật Di-Lặc ra đời là một vị Phật thứ năm trong hiền-kiếp để nối ngôi Phật Thích-Ca giáo-hóa chúng sanh.

Chừng nào Phật Di-Lặc ra đời ? Đó là một câu hỏi mà đến nay chưa thấy kinh nào định rõ ngày giờ.

Nhưng chiếu theo nhiều kinh điển đã có trong đạo Phật để mà xét đoán, thì lúc Phật Thích-Ca còn đương tiền thuyết-pháp cho đến sau khi nhập-diệt tới nay chia ra ba thời-kỳ là: chánh-pháp, tượng-pháp, và mạt-pháp.

Thời-kỳ, **Chánh-pháp** là thời-kỳ đức Phật còn tại tiền thuyết-pháp, các đồ chúng rất tinh-tấn hành y theo Phật-pháp, cho nên phần đông được ấn chứng Phật-quả. Thời-kỳ này phỏng được năm trăm năm sau khi Phật nhập Niết-bàn.

Thời-kỳ **Tượng-pháp** là thời-kỳ sau khi Phật nhập diệt năm trăm năm, có các vị tổ được truyền y bát thình-thoảng nối nhau mà xiển-dương Phật-pháp, các đồ-chúng nhờ đó mà tu hành đắc quả có nhiều, song không bằng thời Chánh-pháp. Thời kỳ này dai-dẳng được một ngàn năm.

Thời-kỳ **Mạt-pháp** là thời-kỳ sau một ngàn năm của thời Tượng-pháp, Phật-pháp suy vi, đồ-chúng lảng mất chánh-tín quay lại tà-tướng mà chia xẻ nhau ra từng khối rồi mạnh ai nấy lo tranh danh đoạt lợi bỏ luống Phật-pháp, cho nên ít có người được chứng quả. Thời-kỳ này kéo dài cả 10.000 năm.

Như thế, nếu chiếu theo Phật lịch năm nay 2515 năm, thì đây là tới lúc của Phật Di-Lặc giáng sanh.

Nhưng sự phân-định thời-gian ấy có quả đúng chằng ? Và thời-kỳ Mạt-pháp diễn ra thế nào để nhận-thức đã đến hay chưa đến ? Và ngoài Đức Phật Di-Lặc ra còn vị nào ra đời cứu-vãn cho thời-kỳ ấy nữa chằng ?

Trong kinh *Pháp-trụ* có kể rằng:

“ Hồi Phật gần nhập Niết-bàn có di chúc với ngài A-Nan rằng: Sau ta diệt rồi, đến đời mạt-pháp các môn-đệ của ta bỏ các giáo-pháp, cứ tập theo cái thuyết không chánh-đáng, chằng chịu tu giới, tu huệ lại nhóm nhau những đồ hung đảng ác, thấy ai có giữ được giới hạnh thì si-nhục chê-bai. Vì cố ấy nên các vị Thiên-long buồn sầu mà xa lìa, còn

các vị Đại-Thần và Trưởng-giả thì không sanh lòng tin kính Tam-bảo, làm cho chánh-pháp muốn diệt.

“Từ đó về sau đám Tỳ-kheo ấy tạo ác càng ngày càng lắm; rồi nhờ có những người Tỳ-kheo khác biết giữ gìn sự thanh-tịnh tu hành, lại đem giáo-pháp của Như-lai mà diễn nói cho loài hữu-tình nghe, làm cho cả thầy đều được phần lợi-ích.

“Khi ấy lại có các vị Quốc-vương, Đại-thần, Trưởng-giả, Cư-sĩ và những thiện-nam tín-nữ đều sanh lòng thương tiếc chánh-pháp của Phật, thờ phượng ngôi Tam-bảo cúng-dường cung kính, tôn-trọng ngợi khen hết lòng hết sức ra hộ-trì cho đặng trùng-hưng. Đó là các vị Bồ-tát lấy cái bổn-nguyện rất to lớn mà sanh ra đời ấy đặng giữ gìn Phật-pháp và làm ích-lợi cho chúng-sanh như vậy.”

Xem thế rồi nhìn lại cuộc đời hiện nay không khỏi khiến cho người đời băn-khoăn sanh ra nghi-vấn.

Huống chi, khi đọc qua kinh *Đại-tập*, về khoảng phân định thời kỳ sau Phật diệt độ càng làm cho người ta phân vân hơn nữa. Cứ theo kinh *Đại-tập*, thời-kỳ sau khi Phật tịch-diệt chỉ có hai ngàn năm trăm năm, phân làm năm thời-kỳ như sau:

Một là năm trăm năm thứ nhất, thuộc về **thời-kỳ Giải-thoát kiên-cố**, nghĩa là trong thời-kỳ này những người Đạo-nhơn căn-tánh cao siêu, trí-tuệ sáng suốt y theo giáo-lý của Phật mà tu hành, đều tùy theo phẩm-hạnh mà chứng pháp giải-thoát.

Hai là năm trăm năm thứ hai, thuộc về thời-kỳ **Thiền-định kiên-cố**, nghĩa là trong thời-kỳ này, phần nhiều hành-giả căn-tánh tinh cần, trí-huệ điềm-tĩnh, y giáo-lý mà tu tập các pháp thiền-na, đều tùy theo phẩm-hạnh mà chứng đặng định-quả-hữu-lậu hay vô-lậu của hàng Đại-thừa hay Tiểu-thừa.

Ba là năm trăm năm thứ ba, thuộc về **thời-kỳ Đa-văn kiên-cố**, nghĩa là trong thời-kỳ này phần nhiều hành-giả tâm-tánh sáng láng, tánh chất lạnh lợi, y theo mười hai bộ kinh của Phật dạy mà tu hành, hiểu thấu các môn giáo-lý hạnh quả và các phép đốn tiệm.

Bốn là năm trăm năm thứ tư, thuộc về **thời-kỳ Tháp-tự kiên-cố**, nghĩa là trong khoảng thời-gian ấy, phần nhiều những người học đạo căn-tánh hẹp-hòi, chí-hướng cạn-cột, chẳng gắng công tu tập, chỉ ưa làm mọi sự hữu-vi, đem của riêng mà lập chùa xây tháp, đúc Phật ấn kinh. Vậy nên sau khi lâm-chung nhờ phước duyên ấy mà hưởng quả-báo nho-nhỏ trong cõi Nhơn-Thiên.

Năm là năm trăm năm thứ năm, thuộc về **thời-kỳ Đấu-tranh kiên-cố**, nghĩa là trong thời-kỳ này, phần nhiều những kẻ tu hành, tâm hay háo thắng, ý thường ganh ghét, tuy là đồng tu một tôn-giáo mà đối đãi nhau như kẻ ngoại đạo. Nhứt là chấp chỗ học-vấn của mình là phải mà cho sự kiến giải của người ta là sai.

Cứ theo **kinh Đại-tập** thì năm thời-kỳ này kéo dài cả đến hai ngàn năm trăm năm. Và theo Phật-lịch thì năm nay là năm 2515. Càng làm cho người đời băn khoăn hơn nữa là khi đem so-sánh thời-kỳ **Đấu-tranh kiên-cố** với hiện tình, lòng không khỏi ngạc-nhiên

mà nghi quyết cho lúc này đã lọt trong thời-kỳ mạt-pháp rồi và sắp đến giai-đoạn của Phật Di-Lặc ra đời giáo đạo trong một ngày gần đây.

Nhưng điều mà hầu hết giới người tu hành muốn biết khi Phật Di-Lặc ra đời, xã-hội loài người vẫn còn giữ nguyên-trạng hay có cuộc biến-thiên.

Cứ theo kinh-điển thì mỗi khi có một vị Phật ra đời là có mở Hội hóa-độ. Như Đức Nhiên-Đăng Cổ-Phật có lập **Liên-Trì hội**, Đức Phật Thích-Ca thì mở **Hội Linh-Sơn** để cứu-hộ các bậc La-Hán và Bồ-tát. Đến Phật Di-Lặc cũng thế. Hội của Ngài sẽ lấy tên là Hội Long-Hoa bởi ngài ngồi dưới cội cây Long Hoa mà đăc đạo. Chính vì đó mà Hội của Ngài sẽ lấy tên là **Hội Long-Hoa**.

Mặc dầu trong kinh Phật không nói đến Tận-Thế, nhưng khi biết rằng sau này Phật Di - Lặc ra đời nối ngôi Phật Thích-Ca lập ra Hội Long-Hoa hoá-độ chúng sanh và quốc-độ của Phật Di-Lặc vô cùng trang-nghiêm khác hẳn cõi Diêm-phù-đề này tức là quả địa-cầu của chúng ta đang ở không khỏi khiến nhiều người phải tự hỏi: cõi Diêm-phù-đề sẽ trở thành quốc-độ của Phật Di-Lặc bằng cách nào ? Nếu không phải là một cuộc Tận-Thế hay là cuộc thay đổi địa-hình, hay xê-dịch-vị-trí của quả địa-cầu?

Trong kinh Di-Lặc, Phật cho biết rằng: sau này Phật Di-Lặc hạ sanh lấy hiệu là Từ-Thị. Quốc-độ của Ngài là một quốc-độ vô cùng trang-nghiêm. Lầu đài đều làm bằng bảy báu. Đâu đâu cũng có ao trong, có đủ thứ hoa thơm. Mặt đất thì bằng phẳng chẳng có gai gổc, chỉ mọc toàn cỏ nhuỷễn xanh, người đi cũng như đi trên thảm. Người sanh vào cõi này đều là người có duyên lành, sống một đời vô cùng an-lạc, không đau khổ bệnh tật, phiền-não. Thân hình đầy đủ oai nghi đẹp-đẽ, sống lâu đến mười ngàn tuổi, có đủ các thứ mỹ-vị ngon lành, còn mặc thì khỏi cần phải dệt, vì có thứ cây sanh ra quần áo. Đến khi hết số phần thì vào rừng dành cho người đến đó nằm an nghỉ luôn.

Trong nước thì:

*Thả trong bốn biển bình yên,
Không hay chiến đấu cung tên chẳng dùng.
Bủa ra chánh-pháp trị chung,
Dem nền bình-đẳng rộng dung giáo đời.*

(Bản dịch của Đoàn Trung Còn)

Nhưng điều phước huệ nhứt ở đời đó là chúng sanh được Phật Di-Lặc mở ra ba kỳ thuyết-pháp hoá-độ các linh-căn:

Kỳ đầu, thuyết-pháp phổ-thông,
*Độ Thinh-văn chúng rất đông, rộng nhờ.
Chín mươi sáu ức con người,
Chẳng còn phiền-não bít nơi, ngăn đường.*
Kỳ nhì, thuyết-pháp tỏ tường,
*Cũng là độ rộng các hàng Thinh-văn.
Chín mươi bốn ức mạng căn,*

*Được qua khỏi biển tối tăm mê mù.
Kỳ ba, thuyết-pháp rộng sâu,
Độ Thịnh-văn chúng sồ hầu cũng đông.
Chín mươi hai ức bồ đồng,
Tâm điều, ý phục, một lòng kính xưng.(1)*

(1). Bản dịch của Đoàn trung Còn.

Trong quyển Qui nguyên Trực chỉ, Đức Tông-Bổn cũng cho biết sau Phật Thích-Ca là đến Phật Di-Lặc ra đời, lập Hội Long-Hoa mở ra ba trường thuyết-pháp hóa-độ các bậc A-La-Hán. Người sanh ra ở quốc-độ ấy sẽ:

“Sống lâu đến tám muôn tuổi, thân cao 16 trượng, tướng dạng nghiêm-trang, không người xấu xa, con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng.

“Đời đó không có tai họa cũng không lạnh nực, cửa nẻo chẳng gài, không trộm cướp, y-phục hoá-sanh chẳng sự khó nhọc, vàng bạc châu báu đầy kho không người coi giữ, đất kia bằng phẳng không có gò hố, trên đất mọc cây hình tựa rồng vàng, trên hình rồng trở bông nên kêu là Long-Hoa thẳng-hội, nhân dân ở cõi đó cũng như cung Trời thông-thả, trên cõi lợi-thiên.

“Chỉ có sự khổ chẳng đặng trọn hưởng vui-vẻ: một là ăn uống, hai là lợi-tiện, ba là suy lão; bằng khi lợi-tiện thì đất nứt ra, tiêu rồi đất bèn hiệp lại, trên mọc hoa sen đỏ, che chở mùi hôi; người hầu lâm-chung đến chỗ huyết mà chết; thần-thức sanh về cõi Trời, chẳng sa thú dữ. Bởi có sao ? Là bởi người cõi ấy đều làm việc lành, cho nên sanh về cõi Trời.

“Đức Di-Lặc Phật, hội ban đầu nói phép, chín mươi sáu ức người đặng quả A-La-Hán, ba mươi sáu muôn vị Thiên-nhân Bát-bộ phát tâm Bồ-đề, lại có nhiều người đặng bậc nhị thừa tứ quả. Đại hội thứ hai nói phép, chín mươi bốn ức người đặng chứng quả A-La-Hán, sáu mươi bốn vị Thiên-nhân Bát-bộ phát tâm Bồ-đề, lại có nhiều người đặng bậc nhị thừa tứ quả. Đại hội thứ ba nói phép, chín mươi hai ức người đặng quả A-La-Hán, ba mươi bốn vị Thiên-nhân Bát-bộ phát tâm Bồ-đề, lại có nhiều người đặng bậc nhị thừa tứ quả.

“Đức Di-Lặc trụ thế sáu muôn tuổi thuyết-pháp độ chúng-sanh; khi Ngài trở lại cõi Niết-bàn rồi, chánh-pháp trụ thế cũng như vậy, tượng-pháp trụ thế cũng như vậy. Việc Long-Hoa tam hội nói sơ như vậy, còn nghĩa-lý màu-nhiệm, đều đủ trong kinh văn thuật hết chẳng đặng vậy”.(Bản in của Thạnh Mậu)

Từ trên hẳn đến đây cả bộ *Kinh Di-Lặc* và quyển *Qui nguyên Trực chỉ*, chỉ nói qua Hội Long-Hoa và quốc-độ của Phật Di-Lặc, chớ không nói đến cuộc chuyển-biến cõi Diêm-phù-đề ra quốc-độ của Phật Di-Lặc ra làm sao ?

Duy có *Hứa-sử truyện*, trong đoạn nói Hứa-Sử bị bắt làm xuống Diêm-Vương, có nói đến sự chuyển-biến ấy, bằng mấy câu thơ này:

*Rồi đây trở lại Dương trần,
Rằng ta nhắn bảo nhân-dân trên đời.
Từ đây sắp xuống khốn nàn,
Đến sau hoại kiếp tiêu tan Đất Trời,
Sau Di-Lặc Phật ra đời,
Ba tràng thuyết-pháp độ người thiện-căn,
Phước duyên thọ mạng bội tăng,
Long-Hoa sanh hóa, mặc ăn lo gì.*

Những quan-điểm này sẽ được xác-nhận trong sấm kinh của Cao-Đài-giáo và Phật-giáo phái Phật-Thầy Tây-An.

CHƯƠNG THỨ BA Cao-Đài-Giáo

Với Cao-Đài-Giáo thì danh-từ Tận-Thế và Hội Long-Hoa không còn xa lạ nữa. Trong quyển Đại-Thừa Chơn-Giáo, hai danh-từ này được nhắc đến luôn.

Sở-dĩ các đấng thiêng-liêng xuống cơ mở đạo, cũng chẳng qua là báo trước cho người trần biết cơ tận-diệt đã hầu kề và Hội Long-Hoa sắp mở, để thức tỉnh người đời trở về con đường đạo-đức cho kịp Hội Long-Hoa.

Bởi thế trong bài **Thánh-tựa** là bài đầu của quyển Đại-Thừa Chơn-Giáo, lời kêu tha-thiết trước nhất là lời:

*Minh Chơn-Đạo thời-kỳ mạt-kiếp,
Thức-tỉnh đời cho kịp Long-Hoa.*

Luôn luôn danh-từ Tận-Thế, thời-kỳ mạt kiếp được nhắc đến. Dưới đây chúng tôi trích một vài đoạn:

*Gần Tận-Thế **Ngôi Hai** ra mặt
Đặng toan phương dìu dắt chúng sanh
Chỉ đường cội phước nguồn lành,
Giác mê tỉnh ngộ tu hành siêu thăng,
Cuộc tan thương dữ dẫn trước đó,
Mà nào ai có rõ chi đâu !
Rồi đây chúng chịu thảm sầu,
Không nương đạo-đức khó hầu tránh tai,
Nạn khổ cuộc tương-lai dữ-dội,
Nhân vật đồng thay đổi tiêu tan,
Có ai thấu máy hành tàng ?
Dinh hư tiêu trưởng rõ ràng không sai.*

Và cơ tận-diệt được các đấng thiêng-liêng cho biết đã gần kề, như đoạn:

*Nguồn Đạo-Đức thâm vi nhiệm-lý,
Bổn-chơn-truyền lập chí tìm ra.
Máý dinh hư chẳng có bao xa,
Nguồn tận-diệt bày ra trước mắt,
Cuộc xáo trộn Đông, Tây, Nam, Bắc,
Nạn chiến-tranh đạo tặc dấy tràn,
Ôi !Muôn nhà trăm họ lâm than,
Chịu khổn khổ tai nàn thảm thiết !
Đạo ra đời là đời tận-diệt;
Nên Phật, Tiên cho biết mà tu.
Người thế thường chác những hèn ngu,*

Cắm cổ chết trong ngục tù tội lỗi.

Xem đó đủ thấy vấn-đề Tận-Thế đã được Cao-Đài-giáo xác nhận, và ngày tận-diệt cũng được báo nguy là chẳng còn xa, nhưng quyết định thời-kỳ nào thì không thấy nói đến.

Những lý-do về Tận-Thế

Về lý-do gì mà có cuộc Tận-Thế, có cuộc biến-thiên làm cho đời tận-diệt ? Quyển Đại-Thử Chơn-Giáo cho biết nhiều lý-do mà chúng tôi xin lược trình dưới đây:

1°. **Đời sống vật-chất hỗn-loạn.** Thứ nhất là vì loài người càng xu-hướng theo đường vật-chất, bỏ hết đạo-nghĩa.

“Cứ mãi đeo mang lấy thói thấp-thường, chuộng cái hư-danh giả-trá, toan lòng độc-ác, chém giết lẫn nhau vì phân màu da, nước tóc, chỗ ở miếng ăn, chớ không đem bổn-phận làm người đối với nhân-quần xã-hội. Càng ngày càng xa con đường Thiên-lý, bỏ hết sự tự-nhiên thanh-tịnh vô-vi mà mải đắm say về thực-tế. Điểm linh-hồn phải chịu dưới quyền hành của nhân-dục khiến sai, làm cho càng ngày càng tối-tâm mù mịt thì mong chi thoát khỏi trầm-luân nơi biển khổ được.”

Vì quá chạy theo thị-dục mà lòng người trở nên hung-ác:

*Càng ngày chí thiện càng xa,
Nhơn tình đạ-m-bạc lòng tà dấy lan.
Đời này hung bạo ngổ ngang,
Lòng người bất chánh, dạ càng bất nhơn.
Nên chi quỷ giận Thần hờn,
Trời ghen Đất ghét chịu cơn thảm sầu.
Hoạ tràn dầy khắp năm châu,
Thiên tai, Địa ách khó hầu thoát thân,
Xanh kia một đấng cầm cân,
Thưởng răn cho kẻ hữu phần, vô duyên.
Thấy đời thêm luống não-phiền,
Vô-hình Phật, Thánh, Thần, Tiên thở dài.*

Mà một khi lòng người trở nên hung-ác rồi thì sự giết hại lẫn nhau càng ngày càng thêm chất-ngắt.

“Ôi ! đời đã đến thế thì đời chỉ là một trường tranh đấu kịch liệt, một cuộc tàn sát ghê-gớm, nạn khổ dầy dầy, đao binh chất ngắt, đạ-tặc lung-tung cho đến đổi cùng chung một bọc, cùng chung một nòi mà cũng tương tàn tương sát lẫn nhau cho vừa lòng dục, thì còn chi phong tục kỷ-cương tình-nghĩa.

“Đời đã đến thế thì dầu ai trí cả tài cao bực nào cũng đành thúc thủ vô sách, chớ có thể gì khiến nổi nhơn-tâm dưng ấy là đời sắp tận vong tiêu-diệt đó.”

Lý-do về cõi đời sắp tàn-tạ này của Cao-Đài-giáo, chúng ta thấy không khác lý-do về tận-Thế của Cơ-Đốc-giáo.

2° Đời sống tinh-thần suy-đôi. Ngoài lý-do về vật-chất, còn lý-do về tinh-thần cũng là một lý-do làm cho đời con người tiến đến cơ tận-diệt. Quá sùng phụng vật-chất, chỉ biết có vật-chất, nên con người càng mất dần tinh-thần đạo-đức. Các nền đạo-giáo cũng gì đó mà thất chơn-truyền, sa vào lối mê-lầm, hư-hại.

Không kể những đạo-giáo khác, chỉ nhìn vào đạo-giáo ở Đông-phương, cái cơ suy-đôi của tam giáo: Nho, Thích, Đạo đã thấy rõ-rệt lắm rồi.

"1. Đạo Thích, Đạo Thiên bày dị-đoan từ đời Thần-Tú làm mê hoặc chúng-sanh. Vậy cũng phổ-độ, cũng giựt giành mà chỉ đem con người vào đường u-ám, lạc-lầm. Kinh sách truyền lại mà không khảo-cứu, kiểm tầm cho ra chơn-lý, chẳng định-trí tham-thiền, không gom thần nhập-định.

"2. Còn Nho-giáo, sau đời Mạnh-Tử, càng ngày càng lạc-lầm đường Thiên-lý chẳng cần, chỗ thâm nhiệm không rõ, chỉ học đặng khoe tài hay giỏi, dục-lợi cầu-danh, tổn-nhân ích-kỷ, chớ không chịu học để sửa mình, tầm hiểu cho tốt cùng cái lý cao-siêu huyền-bí cái cơ nguồn cội muôn loài."

"3. Còn Đạo-giáo là huyền-bí, thậm chí ư huyền-bí, chỉ có người bậc thượng-trí mới thấu đáo chỗ căn, nguyên, còn bậc thường-nhân hạ-trí rất khó thông cơ mầu-nhiệm, bởi vậy mới hiểu lầm, tưởng sai mà bày ra phép-tắc, phù chú làm cho mê-hoặc thối đời thêm hư phong-tục khiến người nhiễm lấy dị-đoan, nào là hô-phong hoán-võ, tróc quỷ trừ ma, bày binh bố trận, mới biến ra tả-đạo bàn-môn thiệt là rất hại."

Cái nền tảng vật chất đã hỗn-loạn như thế, nền tinh-thần đạo-đức đã suy-đôi như thế; luật tự-nhiên của vũ-trụ đã sai-lệnh thì đó là nhân-tổ đưa đến con đường biến-chuyển đúng với luật tuần-hoàn: hết suy tới thịnh.

3o Lý tam ngươn. "Các con khá biết: Đạo có ba ngươn, ba ngươn ấy là cái số cuối cùng của Trời, Đất. Trước hết mở đầu là THƯỢNG-NGƯƠN. Thượng-Ngươn đây chính là "ngươn tạo hoá" là ngươn đã gầy dựng cả Càn-Khôn Võ-Trụ. Vậy khi mới tạo Thiên, lập Địa, nhân loại sanh ra thì tánh-chất con người rất đổi hồn-hồn ngạc-ngạc, còn đang thuần-phác thiện-lương, nên chi cứ thuận tòng Thiên-lý mà hòa-hiệp dưới trên, tương thân tương ái. Thời-kỳ ấy người người đồng hấp-thụ khí thiên-nhiên, nên hằng cộng hưởng thanh-nhàn khoái-lạc mà vui say mùi Đức tháng ngày. Bởi đó đời Thượng-cổ mới có danh là đời THƯỢNG-ĐỨC, mà Thượng-Ngươn ấy cũng kêu là ngươn "THÁNH-ĐỨC" nữa.

"Kể đó bước qua TRUNG NGƯƠN thì nhân tâm bất nhút, tập quán theo thói đời, thâm nhiễm những nét xấu mới làm cho xa mất điểm thiện lương bèn cậy ở sức mình mà hiếp bức lấy nhau, chém giết lẫn nhau, tương sát, tương tàn, mạnh còn yếu mất thì mới sanh ra biết bao trường huyết chiến, không còn kể đồng loại, đồng chủng, đã lợt tình đồng nghĩa, đồng bào. Bởi đó đời Trung Cổ mới có danh là đời THƯỢNG LỰC, mà

Trung Ngươn ấy cũng kêu là Ngươn "TRANH ĐẤU" nữa.

"Tiếp đến HẠ-NGUƠN, sự tranh đấu ngày càng ráo riết, dữ-tợn, gớm ghê thì nhân-loại lại chê sức mạnh mà dùng não cân, nên mới bày ra chước qui, mưu-tà kế sâu, bẫy độc, thiệt là khốc-liệt phi thường. Song đó cũng lẽ tự-nhiên, càng tranh-đấu mới càng tấn-hóa. Ngặt càng tranh-đấu lắm lại càng ác-liệt lắm, nên tranh đấu thét phải đến ngay thời-kỳ tiêu-diệt. Bởi đó đời hiện tại là đời MẠT-KIỆP, còn Hạ-Ngươn này là ngươn "ĐIỀU TÀN" .

"Nhưng hễ loạn là tới trị, vong tất phục-hưng, nên ngươn tiêu-diệt tất sẽ bước đến ngươn bảo-tồn là ngươn Đạo-Đức phục-hưng, để sắp lập lại như đời thượng-cổ, thế nên cũng gọi là ngươn "TÁI-TẠO" .

"VẬY nhân-loại bước qua thời-kỳ này là thời-kỳ qui nhứt-thống, đại luân-hồi của Thiên-địa đó. Mà ngày nay đã đúng số nhứt-định của Tạo-Đoan, đã tới ngươn cuối cùng của Thiên-Địa, vì tính ra thì đã mười hai vạn chín ngàn sáu trăm năm, nên đã tới thời-kỳ tạo Thiên lập Địa một lần nữa."

Cái lý về tam-ngươn này cũng đồng một lý với Phật sự phân chia ba thời-kỳ của Phật là: Thời-kỳ chánh-pháp, thời-kỳ tượng-pháp và thời-kỳ mạt-pháp.

Như ta đã thấy ở thời-kỳ chánh-pháp là thời-kỳ Phật ra đời phổ-hóa chúng sanh. Chánh-pháp rất thịnh cho nên người sanh ở đời này mỗi tu mỗi đắc. Qua thời-kỳ tượng-pháp là thời kỳ xa dần chánh pháp, cho nên việc tu hành buông lơi, kẻ tu thì nhiều người đắc quả thì ít. Kịp đến thời-kỳ mạt-pháp lại càng xa chánh-pháp không biết bao nhiêu, cho nên việc tu-tĩnh rất bê-trể.

Con người sanh ra trong thời-kỳ này háo danh háo-lợi, dầu cùng ở trong một tông phái cũng chia phe kết đảng tranh-đấu nhau. Chính vì đó mà con người bước đến chỗ đốn mạt. Song luật tuần-hoàn của vũ-trụ vẫn không bao giờ dứt. Một khi đi đến chỗ cuối cùng thì chuyển sang qua một giai-đoạn mới để trở lại thời-kỳ chánh-pháp, rồi tượng pháp và đi đến kết cục là mạt pháp. Chính Phật Di-Lặc sắp ra đời là để trùng-hưng chánh-pháp hay Thượng-Ngươn vậy. Cái lý của Cao-Đài-giáo không xa cái lý của Phật.

Nhưng ngoài cái lý về tam-ngươn, Đức-Cao-Đài Tiên Ông còn giải-thích cái cơ mầu-nhiệm về luật tiến-hoá của quả Địa-cầu mà Ngài gọi là "quả Địa-cầu 68" , và chính đó là lý-do thứ tư về đời tận-diệt.

4° Luật tiến-hoá của Địa-cầu. "Đây Thầy luận qua "quả địa-cầu 68 của các con", nó gần ngày tiêu-diệt.

"Thầy không nở để cho các con chung chịu vùi lấp trong cuộc tang-thương nên phải giáng-thế độ đời, thả Linh-Thoàn mà đưa về Bồng-Lai Tiên-Cảnh.

"Cái quả Địa-cầu của các con ở đây nó gần đúng thời-kỳ tan rã, ấy là Thiên-Thơ Thầy định trước ngày giờ, mà cũng vui cho các đảng chúng-sanh được trở bước lên một nấc thang cao vợi. Hễ Thế-giải này tiêu-diệt thì linh-hồn nhân-loại tấn-hóa sang qua quả Địa-cầu 67 là nơi tiền-định của Đạo mầu.

“Thầy mới đến đây lần chót mà đem các con sang qua thế-giải nhẹ-nhàng, còn những đứa mê-muội, ngỗ-ngang, tội tình thì lại bị tiêu-tan ra gió bụi. Các con phải có ngày tận-tuyệt. Đứa nào thuận Thiên-cơ biết Đạo-Đức thiện-tử thì Phật-Tiên chực rước. Còn đứa nào cả ác-độc, trược trần khó mà an thân ngày chót..

“Vậy thì ngày nay thế-giải đã đúng luật tuần-hoàn Thầy đến đặng sẽ đem các con vào một thế-giải khác mà cho an-nghỉ hầu tầm cơ siêu-xuất đến cảnh Thần-Tiên. Các con chẳng nên khinh lời ấy là dị-đoan, một ngày kia sẽ có.”

Xem qua bốn lý-do vừa kể thì cơ tận-diệt đã rõ rệt quá rồi. Các đấng Phật, Tiên, Thần, Thánh giáng bút đều chẳng biết bao nhiêu lần nhắc nhở và báo trước ngày Tận-Thế sắp đến. Cái định-luật này đã dĩ-nhiên của cơ tạo-hoá, không có đấng thiêng-liêng nào làm ra hay cưỡng lại được. Chính đấng Cao-Đài Bồ-Tát đứng trước định luật ấy cũng không biết làm sao, đến phải than:

*Thời-kỳ nhân-vật đổi thay,
Nên chi Thầy mới ra tay độ hồn,
Thầy là chúa cả Càn-khôn,
Nhưng không thể sửa **Phép công Thiên điều.**
Thấy con phạm tội rất nhiều,
Thương con xuống thế dắt dìu các con.*

Bởi là Thiên-điều, là Phép công của Tạo-hóa cho nên không làm sao sửa-chữa được vì Tạo-hóa bao giờ cũng vô-tư, thường phạt rất công-minh.

*Cầm cân Tạo-hóa rất công-minh
Lành thường phước ban, dữ phạt hành.
Một mảy không ly, đời tưởng dễ,
Nạn tai dường ấy cũng chưa kinh.*

Mà luật thường phạt ấy, do đâu mà có ? Nếu nói do đấng thần-linh làm ra là sai cả luật Tạo-hóa công-minh vô tư. Không đấng thần-linh nào bày ra cả. Mọi sự phản-khích trong đời đều từ con người mà ra. Hễ con người tạo ra cái nhân nào thì tất nhiên phải hưởng lấy cái quả ấy. Các đấng Phật, Tiên, Thần, Thánh thấu triệt cái luật nhân-quả muốn cứu đời cũng không biết làm sao được khi chúng-sanh đã gây ra rất nhiều tội lỗi. Các đấng thiêng-liêng chỉ còn cách là khuyên người đời bỏ ác về lành, sống đúng theo con đường Đạo là con đường hướng thiện.

Đứng trước cơ tận-diệt, các đấng thiêng-liêng không nỡ ngồi yên phải đành giáng-thế độ đời.

*Thầy thương mở lượng từ bi,
Giáng trần khai hóa Tam-kỳ Hạ-Ngươn.
Nay là đúng cuộc tuần huần.
Phật-Tiên giáng thế ra ơn độ người.
Chấn-hưng giáo-lý Đạo Trời,*

Hầu toan đánh thức người đời tỉnh say.

Cách giáng-thể độ đời của Tiên, Phật có nhiều lối: hoặc ra cơ-bút như Cao-Đài-giáo, hoặc chuyển-kiếp mượn xác trần như Phật-giáo phái Phật-Thầy Tây-An.

Khi giáng bút thức tỉnh người đời, các đảng thiêng-liêng hằng báo cho hay trước sắp đến ngày tận-diệt.

*Ngươn hội chót lập thành cơ Đạo-Đức,
Để độ đời thoát vực biển sông mê;
Cuộc tang thương nay cũng gần kề,
Đường chánh đạo chưa hề ai bước đến.*

Hoặc giả thấy đời sắp thảm khổ mà phải than:

“Cuộc đời cay nghiệt, nhiều nỗi éo le, nạn nọ nạn kia kể đến ngày tạo Thiên lập Địa. Máy hành tàng chưa thấu đáo, phép nhiệm-mầu cơ Tạo đã bày ra. Ôi là thảm khổ cho đời sẽ chịu vùi chôn trong cuộc tang thương biến đổi.”

Nhưng cơ tận-diệt ấy sẽ diễn ra thế nào ? Và chúng-sanh sẽ bị tiêu-diệt hết chăng?

Hội Long-Hoa là ngày phán-đoán

Theo cơ bút của Cao-Đài-giáo thì rồi đây sẽ có Hội Long-Hoa để chọn người hiền đức. Chỉ có người hiền đức mới có đi đến Hội Long-Hoa. Còn những kẻ hung ác thảy đều bị tiêu-diệt.

*Hiếm hoi cuộc thế xoay vần,
Long-Hoa đặng bảng Phong-Thần chẳng lâu.
Thấy đời có biết gì đâu ?
Không lo luyện tập Đạo mầu thoát mê.
Cả mang tội lỗi nặng nề,
Trong vòng tứ khổ khó bề lánh tai.
Cuộc trần nhiều lối chông gai,
Trời hôm bước khéo lạc loài mạng nguy.*

Như thế đủ thấy Hội Long-Hoa là một Hội lập ra trong thời-kỳ tận-diệt để chọn người hiền, một cơ-hội hiếm hoi, mấy muôn năm mới có một kỳ. Hội sở dĩ được lập ra là vì con người đã gây ra tội lỗi quá nhiều, cũng như nhà ngục sở dĩ có là vì đã có người phạm tội.

Như thế ai cũng có thể hiểu “Hội Long-Hoa là ngày phán-đoán, ai mưu tà, chước quỷ bị đoạ đày. Bảng Phong-thần trước mắt, cuộc dữ dẫn đã cuối buổi tương lai”. Đối với kẻ ác, Hội Long-Hoa là một cuộc phán-quyết, nhưng đối với người hiền đức, Hội “Long-Hoa vốn là trường thi để chọn trang tu-mi Đạo cao Đức cả”.

Ngọc-Hoàng Thượng-Đế vận thần thông,

*Điểm đạo nhân sanh thoát nã nông.
Mở cuộc Long-Hoa chiêu Thánh Đức,
Hưng truyền Chơn-Lý phước cao phong.*

Thế cho nên những “kẻ hữu căn hữu phước... khá lập chí lo tu luyện cho kịp kỳ” vì là một cơ-hội hiếm hoi mà lại là:

*Kỳ đại-xá Nam-bang hữu phước,
Mỗi chơn truyền gặp được là may.*

Dẫu người có tội tình mà biết ăn-năn cải hối lo lập đức tu thân cũng đều được ân-xá hưởng chi chính Nam-bang là nơi hữu phước hơn hết:

*Lo lường thấu đáo đạo huyền-vi,
Từ thuở năm xưa chẳng giám bì.
Một nước nhỏ nhen trong vạn quốc,
Ngày sau làm chủ mới lạ kỳ.*

Nhưng vì đâu Nam-bang hữu phước thì không thấy giải, chỉ thấy nói:

*Đông-phương hồng-phước cũng còn,
Nên chi Tiên-Phật chịu lòn độ nhơn.*

Đã là một cơ-hội hiếm-hoi cho những người hữu-phước nên Phật, Tiên khuyên chúng-sanh phải sớm cải ác tùng thiện, gắng chí tu hành cho kịp Hội Long-Hoa để cho khỏi đọa sa muôn thuở:

*Đời vừa gặp lúc Hạ-Nguơn,
Tang điền thương hải tuần huồn vẫn xoay.
Thiên-cơ khó nổi tỏ bày,
May duyên mới gặp Đạo-Thầy kỳ ba.
Rán tu kịp hội “Long-Hoa”,
Trễ rồi một kiếp đọa sa muôn đời.
Dầu cho vật đổi sao dời,
Tu hành cũng được Phật Trời chở che.*

Nhưng khi Hội-Long-Hoa đã mở, những người hiền-đức đã được chọn, đời sống tương-lai sẽ ra thế nào? Đây là điều đức Cao-Đài Thượng-Đế cho biết:

“Đạo phục-hưng là vì lòng bác-ái, từ bi của Thầy thấy cuộc tuần huồn hầu mãi, cơ dĩ định cận kề, không lẽ để đám con thầy phải chung chịu trong cuộc tang điền thương hải, mà bị chôn lấp cả xác hồn, nên mới giáng-thể phục-hưng chơn truyền để chỉnh đốn đời U-Lệ trở lại đời Nghiêu-Thuấn cho người người rõ Đạo Đức tu hành, hầu thuận theo Thiên-lý mà bỏ dữ làm lành và kèm nhơn-dục để xa đường tội lỗi.”

Chỉ biết đời hậu lai sẽ như đời Nghiêu, Thuấn hay hơn nữa:

*Dựng đời Ngủ Đế Tam-hoàng,
Trăm nhà muôn họ vững vàng thành thoi.
Chưa ai thấu đáo cơ Trời,*

Rồi ra kích bác lắm lời dị-đoan.

Chớ không biết gì nhiều hơn nữa. Duy có Sấm Giảng của Phật-giáo phái Phật-Thầy thì mới thấy giải rõ cõi đời Thượng-Nguyên.

CHƯƠNG THỨ TƯ

Phật-giáo

phái Phật-Thầy Tây-An

1.- Ông Sư-Vãi Bán-Khoai

Đức Phật Thầy Tây-An mà dân-chúng ở miền Tây Nam-Việt đều biết, chỉ là một kiếp trong nhiều kiếp của Đức Phật-Thầy. Theo sự hiểu biết của chúng tôi thì Đức Phật-Thầy còn nhiều kiếp nữa như: Đức Phật-Trùm ở Xà-tón, Đức Bổn-Sư ở Núi Tượng, Đức Phật-Thầy Tây-An ở Núi Sam, ông Sư-Vãi Bán-Khoai ở Cao-miên...và gần đây Đức Giáo-Chủ Hoà-Hào. Tôn-chỉ đạo của Đức Phật-Thầy là gìn đạo Thích-Ca tu theo pháp vô-vi, thế nên ít chú-trọng về mặt hữu-vi. Vì thế mà ít thấy lưu-truyền Sấm Giảng, hoặc giả có nhờ môn đệ kết-tập, cũng vì thất lạc mà không còn. Ngày nay chỉ thấy lưu-truyền quyển Sấm Giảng Người Đời của ông Sư-Vãi Bán-Khoai là còn được đầy đủ. Cho nên về tài-liệu để hiểu đạo của Đức Phật-Thầy, không thể vịn vào đâu hơn bút-tích của ông Sư-Vãi Bán-Khoai.

Chắc sao cũng có người hỏi: Làm thế nào được biết ông Sư-Vãi Bán-Khoai là chuyển kiếp của Đức Phật-Thầy ?

Có ba bằng chứng có thể tin được:

1. Theo những lời của các môn đệ được gần Ngài kể lại hay được ngay Ngài giảng dạy.

2. Theo quyển **Sấm giảng người đời** của Ngài có nhiều đoạn Ngài đã bộc lộ, như:
*Thương dân nói đã hết lời,
Tôi nay thế vị thế lời Thích-Ca.*

Hoặc như:

*Tôi nay vưng lịnh Phật, Trời,
Rao cho thiên-hạ dưới đời đặng hay.*

Chỉ có Đức Phật-Thầy mới dám xưng như thế.

3. Theo Sấm giảng của Đức Giáo-Chủ Hoà-Hào, có chỗ cho biết:

*Ở Cao-Miên vì mển Tần-hoàng
Trở về Nam đặng có sửa sang
Cho thiện-tín được rành chơn-lý.*

Mấy câu này đủ ám- hỉ về ông Sư-Vãi Bán-Khoai và chính trong *Sấm Giảng*, ông Bán-Khoai cũng có viết :

*Tôi đâu mà có yên thân,
Bây giờ Phật biểu tôi sang nước Tân (Cao-miên).
Mển là mển nghĩa Hoàng-Lân,
Thương là thương lấy vạn dân mắc nàn.*

Cứ theo bằng chứng trên đây, không còn ai chẳng nhìn nhận ông Bán-Khoai là chuyển-kiếp của Đức Phật Thầy.

Phương chi giữa Đức Phật-Trùm, Đức Phật-Thầy Tây-An và ông Sư-Vãi Bán-Khoai vẫn có sự đồng-nhút:

1°. Hay xưng Khùng Điên là để đối lại người đời ưa xưng khôn lanh, nhưng khôn lanh về đường tội ác. Mặc dầu là xưng Khùng Điên, nhưng mà thứ Khùng Điên của Phật, tỏ thấu cơ huyền. Trong *Sấm Giảng người đời*, ông Bán-Khoai đã xưng Khùng:

*Khùng là Khùng Phật Khùng Trời,
Cho nên Khùng biết việc đời hết trơn.*

Và xưng Điên :

*Điên này Điên Phật Điên Thầy,
Chẳng sợ ai rầy nên nói cù nhây.*

Các Đức Phật-Trùm, Đức Phật-Thầy Tây-An và Đức Giáo-Chủ Hòa-Hảo, vẫn thường xưng như thế .

2°. Hay giả dạng khi trẻ khi già, khi kẻ ăn mày, đi hóa-độ chúng-sanh, thức tỉnh người đời. Ông Bán-Khoai có viết:

*Hết trẻ thì tôi lại già,
Hết già tới trẻ ai mà có hay,*

Hoặc là:

*Phật còn giả kẻ ăn mày,
Ai mà biết đặng kẻ này thiệt hơn.*

Ai có ở miền hậu-giang đều thường gặp những trường-hợp Đức Bổn-Sư, Đức Phật-Thầy Tây-An giả dạng đi cứu dân độ thế.

3°. Các lời giáo-truyền của Đức Phật-Trùm, Đức Phật-Thầy Tây-An, ông Sư-Vãi Bán-Khoai và sau này Đức Giáo-chủ Hòa-Hảo vẫn giống nhau. Nhận định huyền-cơ cùng tiên-tri hậu-vận không có chỗ nào khác nhau. Bởi thế khi đọc *quyển Sấm giảng người đời* của ông Sư-Vãi Bán-Khoai, ta có thể hiểu được tôn-chỉ đạo của Đức Phật-Thầy.

Ta có thể nói *quyển Sấm giảng người đời* đại-diện cho tư-tưởng cùng quan-niệm của cả phái Phật-Thầy. Như vậy trong tình-trạng thiếu sót tài-liệu như hiện nay, ta có thể bằng vào *quyển Sấm giảng người đời* của ông Bán-Khoai để hiểu Đức Phật-Thầy nói gì về Tận-Thế và Hội Long-Hoa.

Cũng như *quyển Đại-Thừa Chơn-Giáo* của Cao-Đài-giáo, *quyển Sấm giảng người đời* của ông Sư-Vãi Bán-Khoai cũng mở đầu bằng câu đánh thức người đời rằng đời Hạ-Ngươn đã đến:

*Hạ-Ngươn Giáp-tý bằng nay.
Cơ Trời đã khiến lập đời Thượng- lai.*

Và từ đầu chí cuối, danh-từ Hạ-Nguơn vẫn được lập đi lập lại mãi, ý chừng muốn nhấn mạnh cho người đời luôn luôn để ý:

*Hạ-Nguơn nay đã hết rồi,
Minh-Hoàng cầu Phật lập đời Thượng-Nguơn.*

Hoặc với câu:

*Hạ-Nguơn Tuất-hợi đổi đời,
Ngọc-Hoàng hội-nghị lập đời Thượng-Nguơn.*

Cứ theo ba câu vừa dẫn, đủ cho ta thấy rằng sự nhận định của ông Sư-Vãi Bán-Khoai không khác với Cao-Đài-giáo về lý tam-nguơn. Thời Hạ-Nguơn sắp dĩ sắp mãn là để lập lên đời Thượng-Nguơn. Rồi cứ theo luật tuần-hoàn, sẽ bước qua thời-kỳ Trung-Nguơn để lọt xuống thời-kỳ Hạ-Nguơn. Và luật tuần-hoàn cứ như thế diễn-biến mãi. Nay thì thời-cơ đã mỏng-manh:

*Hạ-Nguơn như sợi chỉ mảnh,
Sao không tu niệm tranh dành làm chi ?*

Và ông Sư-Vãi Bán-Khoai dám quả quyết rằng:
cơ Trời đã dĩ định.

*Đời nay như nước cờ cùng,
Nói cho già trẻ giữ gìn tu thân,
Xem qua xét lại mấy lần,
Cơ Trời định chắc không lằm bớ dân !*

Bởi thế mà ông không ngần-ngại truyền rao:

*Rao cho bá tánh đặng tường,
Kinh này rất việc rất đời bớ dân !*

Thời-cơ đã mỏng-manh, cơ trời đã định nhưng đã gần chưa và do đâu biết nó sẽ đến?

Những điềm báo trước đời đã tới

Ông Sư-Vãi Bán-Khoai không ngần-ngại mà cho biết đời đã cận lắm rồi. Quá cảm thương trần hạ nên ông không còn giấu nữa:

*Cám thương trần hạ gái trai,
Ra bài giáo thiện khỏi tai nạn sầu.
Bây giờ còn giấu chi đâu,
Từ đây riết tới không lâu mà chờ.*

Nhưng sợ người đời vì chờ quá lâu mà đâm ra nghi ngờ, nên chi ông khuyên và quả quyết:

*Trẻ già đừng có nghi ngờ,
Việc đời nó thấy bây giờ tới đây.*

Đã biết rằng đời Hạ-Nguơn sắp mãn, nhưng do đâu mà biết rằng đã tới ? Ông Sư-Vãi cho biết hai việc: một việc xảy ra ở cõi tục-phàm và một việc xảy ra ở cõi trời.

Về cõi đời thì con người một ngày một trở nên hung-ác tranh giành cướp giựt chém giết lẫn nhau, không còn thờ kính Phật Trời, nề kiêng cha mẹ, nói tóm lại là những điều gồm trong hai nhân-tố: đời sống vật-chất lầy-lùng và đời sống tinh-thần đạo-đức suy-đồi, như đã thấy trong bốn lý-do của cơ tận-diệt mà Cao-Đài-giáo đã đưa ra.

Cơ tận-diệt ấy còn biểu-hiện bằng những điềm Trời, cũng như trước kia chúa Giê-Giu đã tiên-tri. Ông Sư-Vãi cho biết trước rằng:

*Máy trời mở hội đặng khoa,
Mười ba tháng chín Trời ra một điềm.
Trời chiều mây lạng gió êm,
Giờ Thân Trời mới nổi lên rõ ràng.
Điềm hiện ba sắc tam quang,
Sắc đỏ sắc vàng lại với sắc xanh.
Rồi ông kết luận :
Nói cho già trẻ đặng tàng,
Việc đời gần chớ không xa mà chờ.
Phật Trời chiếu rõ tri-cơ,
Có nghe không ép, làm ngơ không nài.*

Về điềm này, theo lời của một vài ông kỳ-lão kể lại, những người cùng thời với ông Bán-Khoai đều mục-kích rõ-ràng, và nhờ đó họ tăng-trưởng đức-tin, một dạ tinh-tấn tu-hành.

Nhưng muốn cho người đời nhận-thức một cách thực-tế hơn, ông Sư-Vãi còn chỉ cho người đời để ý về thời tiết đã đổi xoay:

*Đời đà Tận-Thế vậy mà,
Mùa Nam gió bắc, Đông thời gió Tây.
Máy Trời nay đã đổi xoay,
Công danh có một hội này mà thôi.*

Đó là những điều xảy ra trong cõi tục-phàm. Ngoài ra, cơ tận-diệt, theo ông Sư-Vãi Bán-Khoai, còn nằm trong quyền định-đoạt ở cõi Trời. Và chỉ có các đấng Phật, Tiên mới rõ được. Điều này ngoại trừ người có tôn-giáo, không có thể hiểu nổi. Ông Sư-Vãi cho biết rằng:

*Cõi trần khi dễ Phật, Tiên,
Cứ theo vụ việc kiên dèm liên-miên.
Du-Thần tuần vãng chép biên.
Ghi tội ghi phước dưới miền trần-gian.
Mãn trăng số nợ một lần,
Thiên-đình hội-nghị phân tường hiền-trung.
Số kia soạn trước vân-trung,
Tội nhiều phước ít khó dung cho trần.*

Cứ theo các kinh Phật thì cõi trần tức là Nam Thiệm-Bộ châu, cùng ba châu nữa tức là : Đông-Thăng-Thần châu, Tây-Ngưu-Hóa châu và Bắc-Cu-Lô châu đều đặt dưới quyền chưởng-quản của Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế. Chính Ngài nắm luật thưởng-phạt, nhưng cái luật ấy sở dĩ có cũng do nơi người trần. Hễ con người tạo nhân nào thì chịu quả nấy. Ngài chỉ giữ địa-vị như một vị thẩm-phán mà thi-hành luật. Cứ theo bản thưởng-tấu của các Du-thần thì:

*Dương-trần ít kẻ kính thành,
Mảng lo làm dữ việc lành bỏ đi.*

Tội ác của người trần kể không xiết và không thể tha thứ được:

*Tội dữ thiệt đã vô ngần,
Xem trong kinh số khó phần thứ tha.*

Chính vì đó Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế định tiêu-diệt:

*Hạ nguơn gian ác rất nhiều,
Thiên-đỉnh Ngài muốn xử tiêu cho rồi.*

Nhưng với lòng từ-bi bác-ái, Phật rất thương xót chúng-sanh không đành để cho đời tiêu-diệt, nên:

*Tâu qua Ngọc-Đế một khi,
Thứ dung trần thế như dân đặng nhờ.*

Và Phật xin xá tội cho trần gian để Phật giáo khuyên một lần chót. Ông Sư-Vãi cho biết:

*Năm nay đời đã tới rồi,
Phật sai xá tội vậy thời cho dân.*

Hay là :

*May mà Trời Phật bố-ân.
Xá bớt tội nọ thanh-nhàn tẩm thân.*

Về vấn đề xá-tội, Cao-Đài-giáo nhận là kỳ xá-tội lần ba.

Chính với sứ-mạng cứu vớt chúng-sanh trong thời-kỳ Hạ-Nguơn này mà Phật Tiên lâm phạm, hoặc bằng cơ bút như đã thấy Cao-Đài-giáo, hoặc giảng-sanh như trường-hợp ông Sư-Vãi Bán-Khoai, Ông cho biết:

*Thân tôi còn ở trong Trời,
Phật sai tôi phải đôi lời giáo khuyên.*

Hoặc là :

*Tôi nay vưng lịnh Phật Trời,
Rao cho thiên-hạ dưới đời đặng hay.
Cuộc đời các việc tỏ bày,
Dữ lành đâu có nào sai đâu là.*

Sứ-mạng của ông rất lớn. Ông hóa-hiện hay chuyển kiếp chẳng biết bao nhiêu thân, đi giáo khuyên khắp cõi trần:

*Phật Trời Tiên Thánh sầu bi,
Cậy ông Sư-Vãi mau đi giải trần.
Sư-Vãi vội-vã ân cần,
Đi hết khắp bốn cõi trần van khuyên.
Thương ông Sư-Vãi nhọc nhằn,
Sao thân chẳng biết mấy thân dưới trần !*

Ông đem hết lời Phật dạy mà khuyên răn chúng sanh. Ông cho biết những lời của ông nói ra không phải tự của ông mà lời của Phật:

*Giảng này của Phật Tây-Phương,
Cho Khùng đặng dạy cứu an dương-trần.*

Hoặc giả:

*Giảng này Phật biểu truyền rày,
Thấy trong cuộc thế đời này nghinh-ngang,
Cho nên Phật biểu lưu truyền,
Như trong bá tánh tin thời ghi coi.*

Về phương-pháp phổ-hóa, ông Sư-Vãi Bán-Khoai hay nói rõ ra những Ngài trong phái Phật-Thầy, thường hay giả dạng, khi kẻ ăn xin, khi người buôn bán, nhứt là xưng Khùng xưng Điên, đi từ xứ này qua xứ nọ, từ thành-thị đến thôn-quê, đem lời Phật mà khuyên răn đời. Ông Sư-Vãi Bán-Khoai cho biết:

*Phật Tiên thôi mới đổi phiên,
Xuống ngay trần-thế giả người bần nhơn,
Giả Điên rồi lại giả Khùng,
Cơ hàn rách rưới rất nên thăm sầu.*

Riêng về phần ông thì ông giả người đi bán khoai, hoặc bán gạo, bán củi, thường lai vãng miệt Hậu-giang:

*Tôi là "ông sãi bán-khoai",
Bán gạo Ông-Chường ai ai cũng lầm.*

Nhưng sứ-mạng của ông có thể nói là ở Cao-miên hơn. Chính ông cũng nhận là Phật sai ông qua đó phổ độ:

*Tôi đâu mà có an thân,
Bây giờ Phật biểu tôi sang nước Tân,
Mến là mến nghĩa Hoàng-Lân,
Thương là thương lấy vạn dân mắc nàn.*

Sư-Vãi Bán-Khoai với Hội Long-Hoa

Ông Sư-Vãi không ngần-ngại mà cho biết là Hội Long-Hoa sẽ được mở ra để chọn người hiền-đức, vì đời Thượng-Nguơn là đời vô cùng đẹp-đẽ, một xã-hội của người hiền, không còn kẻ ác. Sở dĩ Hội Long-Hoa lập ra là để chọn người hiền vậy:

*Bởi trần lỗi quá muôn phần,
Cho nên lập Hội Long-Hoa chọn người.
Hiền-tử thời đặng thành thời,
Nghinh-ngang khó trốn lưới Trời bố dân !
Lưới hồng bủa khắp cõi trần,
Chuyển luân bát-quái còn trông nỗi gì !
Hạ-Nguơn sau chót xét suy,
Sự vong nào có khác chi sự tồn.*

Nhưng cho được đi đến Hội Long-Hoa và được chọn chẳng phải là một việc dễ. Vì là một trường thi để chọn người hiền, cho nên trước khi đi đến Hội Long-Hoa phải trải qua bao nhiêu giai-đoạn thăm sàu ghê gớm. Đây là những báo hiệu của thời Hạ-Nguơn:

*Hạ-Nguơn này thể như bèo,
Nay còn mai mất hiểm nghèo thon-von,
Lớp thì bịnh tật gãy mòn,
Lớp thời bão lụt nhân dân khốn nàn,
Lớp thời sưu thuế đa-đoan,
Lớp kia lớp nợ khổ nàn biết bao.
Lớp thời tà quỷ lao xao,
Xui mưu làm loạn hại dân muôn ngàn.*

Lớp nào là giặc nổi lên đánh tứ tung, không còn biết nơi nào mà tránh:

*Giặc thời tứ hướng vậy thì,
Nhiều nước dị-kỳ khác chẳng giống nhau.
Vừa chạy vừa khóc như mưa,
Trốn đâu cho khỏi binh ngựa bốn phương.*

Nào là cha con chồng vợ lạt nhau, nhà tan cửa nát:

*Làm cho nhiều việc tiêu điều,
Muôn ngàn thiên-hạ chín chiều thon-von,
Kẻ thời khóc mẹ kiếm con,
Ruộng trâu đã hết chẳng còn món chi,
Cửa nhà tan nát vậy thì,
Đất bằng sấm dậy còn gì Trời ơi !*

Thiên-hạ chết như bèo trôi sông :

*Ngồi trên đỉnh núi cheo leo,
Thấy trong thiên-hạ như bèo trôi sông.*

Và phần nhiều những người xấu số ấy, theo ông Bán-Khoai, là những người hung ác:

*Đứa dữ chết đuối chết đường,
Lớp đau lớp chết xóm làng tan hoang.*

*Thấy năm như thể làng-cang,
Nhà giàu thì lại tan hoang hơn nghèo.*

Nhưng ngoài cuộc tàn-sát bằng chiến-tranh do loài người gây ra, còn nhiều tai trời ách nước nữa, như nạn nước lụt, lửa cháy khắp trời:

*Truyền rao chẳng biết mấy lần,
Thương đời trần hạ muôn phần lao-đao.
Nước đâu ngập lụt gò cao,
Lửa đâu dậy cháy lao xao khắp ngàn.
Cảm thương trần hạ lằng-xăng,
Mắc trong nước lửa biết đường là đâu ?
Thứ lửa nó bay trên cao,
Đến đâu cháy đó chỗ nào cũng tiêu.*

Lại còn âm-binh nhiều-hại:

*Lại có một mối âm-binh,
Làm đau nhiều chứng trong mình chẳng an.
Kẻ thời nát ruột nát gan,
Người lại nát thịt tan xương chẳng còn.*

Lại còn ác thú giết người không biết bao nhiêu mà kể:

*Những kẻ hung ác chẳng bền,
Hồ lang ác thú bắt rày chẳng tha,
Thịt xương ăn bỏ dầy đầy,
Nói cho bá tánh đời này tu thân.*

Mà lại là những thứ ác thú kỳ hình dị trạng chưa từng thấy:

*Thứ sao nhiều thứ dị kỳ,
Biết sao cho hết khác thì thú nay.
Lớp bay lớp chạy lằng-xăng.
Chừng đó cầu nguyện Phật giữa đặng đâu.*

Những cảnh-tượng ghê rợn ấy thật là ngoài sức tưởng-tượng của con người. (Nhưng rồi đây chúng ta sẽ thấy nhà học giả duy vật Hồ Hữu tường giải thích bằng phương pháp khoa học)

Khi xảy ra bao nhiêu cảnh tượng rùng rợn, con người sẽ ra sao và cuộc đời sẽ ra thế nào ?

Ông Sư-Vãi Bán-Khoai cho biết rằng trong lúc hỗn-loạn chiến- tranh giữa loài người thì có điềm Trời xuất hiện. Cái điềm đó sẽ kinh Thiên động Địa, bởi nó là những tiếng sấm nổ:

*Thương thay trần hạ hết tình,
Sấm Trời sao lại thành-linh nổ ra.
Chừng ấy mới thấy quỷ ma,*

*Ai lành ai dữ, ai là Phật, Tiên ?
Chừng nào tiếng sấm nổ ra,
Thời là lành dữ kẻ tiêu người còn.
Nói ra nghĩ lại héo don,
Lành còn dữ mất khác rày với nhau.*

Tiếng sấm ấy sẽ làm cho nhiều hòn núi phải vỡ, nhiều cù-lao, đất liền phải sụp. Quả địa-cầu vì đó mà thay hình. Chính trong lúc đó thì sấm không còn nổ.

*Đến đâu sấm nổ đá chai,
Nói cho già trẻ gái trai hay mừng.*

Có phải chẳng, vì thấy loài người dùng súng giết hại nhau, nay đá nổ nó phải chai không còn bắn giết được nữa, mà ông Bán-Khoai gọi đó là một điều mừng. Và ông còn báo một tin kinh ngạc khác nữa:

*Nói cho già trẻ lo âu,
Minh-Vương khôi phục Hớn-Châu Phong-Thần.
Rán mà tu niệm ân cần,
Đặng mà coi Hội Long-Vân trên Trời.
Ở trên mây bạc giữa vời,
Tiêu thiểu ca xưởng khác nào Trường-An.*

Chính là lúc Phật, Tiên lập Hội Long-Hoa để chọn người hiền đức:

*Phật trời nói chẳng sai lời,
Long-Hoa là Hội Phật Trời lập ra.
Lập rồi cái Hội Long-Hoa,
Chọn người tu niệm đặng mà bao nhiêu ?
Chọn lựa coi thử ít nhiều,
Người lành kẻ dữ còn tiêu kẻ nào ?*

Như thế Hội Long-Hoa có thể gọi là một Hội chọn người hiền. Nhơn-loại vì đó phải trải qua bao nhiêu tai Trời ách nước, chịu một cuộc sàng sảy ghê gớm:

*Sàng qua sảy lại bằng nay,
Hết xấu tới tốt hết vong tới tồn.*

Chẳng qua là để chọn cho thiệt người hiền đức :

*Gạn cho hết đục tới trong,
Thương thay đồ-đệ hết lòng chẳng buông.
Lựa đồng mà đức lấy chuông.
Lựa người hiền-đức mà thương lâu dài.*

Nhưng sau cuộc sàng sảy chọn lựa, người hiền-đức còn lại chẳng có bao nhiêu. Ông Sư-Vãi cho biết trong mười người chỉ còn có hai người:

*Tôi buồn bốn phía không yên,
Kẻ dữ hết tám người hiền còn hai.*

Và chỉ có hạng người hiền mới được đi đến Hội Long-Hoa :

*Cuộc đời quả thiệt hãn-hòi,
Hội mười tám nước tôn Vương Đế-Hoàng.
Đặng coi cái Hội Long-Hoa,
Chọn người tu niệm Hoàng-gia tôn thần.
Lại còn cái Hội Long-Vân,
Quân thần cộng lạc thấy đều vui chơi,
Người lành mới đặng thành thời,
Hoa, Vân hai Hội chúa tôi vui vầy.*

Được đi đến Hội Long-Hoa đã là diễm-phúc rồi, thế mà ông Bán-Khoai còn cho biết người nhân-đức được một diễm phúc-nữa:

*Tu hành nhân-đức thì hơn,
Thay hồn đổi xác nhờ ơn Cửu-trùng.
Hết tục rồi lại đến Tiên,
Giữ lời Phật dạy mới yên mới lành.*

Chính đến lúc đó mới là đời Thượng-Nguơn, mở ra một thời-kỳ thái-bình vĩnh-viễn. Ông Sư-Vãi cho biết:

*Chùng nào núi Cấm quá lâu,
Thời là bá-tánh đâu đâu thái-bình.*

Ông không dứt nhắc đi nhắc lại hiện tượng này cho chúng-sanh để ý:

*Chùng nào Bảy Núi thành vàng,
Thì là mới được thanh nhàn tẩm thân.*

Nhưng điều mà ông Sư-Vãi Bán-Khoai vui mừng là khi thời-kỳ Thượng-Nguơn đã lập, nước Nam sẽ là một nước diễm-phúc nhứt trên quả địa-cầu:

*Nước Nam như thể cái lâu,
Ngày sau các nước đâu đâu phục tùng.*

Sở-dĩ nước Nam được diễm-phúc là vì cơ Trời đã định cho nước Nam là cõi Trung-ương, nghĩa là trung tâm của nền văn minh Thượng-Nguơn sau này. Chính vì được cái diễm-phúc đó mà chư Phật, chư Tiên đều lâm-phàm ở nước Nam:

*Bấy lâu Phật ở xa ngàn,
Bây giờ Phật lại bước sang Nam trào.*

Hoặc giả:

*Bấy lâu Phật ở nước Tân,
Bây giờ Phật lại trở lẩn về Nam.*

Và cũng vì nước Nam có diễm-phúc mà ông Sư-Vãi Bán-Khoai vưng lệnh Phật đi phổ-hóa khắp nơi. Ông rất đau khổ mà thấy đời không chịu nghe. Ông thường than-van:

*Chùng nào đến việc biết đời,
Bây giờ không thấy nó thời không nghe.*

Hay là:

*Cõi trần nhiều kẻ thị khinh,
Thấy đời chưa đến biết chi làm lành.*

Nhưng ông quả-quyết là sẽ có. Cho nên muốn cho đời tin, ông thề rất tha-thiết:

*Bấy lâu nói trước mà sau,
Bây giờ nói chuyện mau mau tới rồi.
Như ai mà có nghi ngờ,
Tôi thề chúng có Phật Trời nào sai.*

Ông bảo cứ làm theo lời dạy, rồi đây coi sẽ có hay không cho biết:

*Khuyên hết lớn nhỏ ai ai,
Giữ theo lời dạy nay mai coi đời.*

Ông còn cẩn-thận mà dặn trước: nếu không tin sau này mang họa đừng có trách sao ông không có dạy trước:

*Mấy bài khuyên khắp Đông Tây,
Nói cho nam nữ đừng hay giữ mình.
Nếu ai mà chẳng có tin,
Rồi sau mang họa chớ tình trách than.*

Thật là những lời đầy lòng thương sót; nhưng chúng-sanh có tin chẳng ? Riêng đối với tín-đồ phái Phật-Thầy thì những điều nói trên không còn xa lạ, bởi nhiều điều tiên-tri của ông đã được xác-nhận và đương thực-hiện.

Đây là lời tiên-tri của ông về nước Tàu, tiên-tri gần một trăm năm nay:

*Thương thay Trung-quốc chẳng lành,
Bị Phù-tang nhiều cách khổ hành lê dân.
Nhưng mà Trời chữa định phân,
Cho nên Trung-quốc **lo cầu các nơi.***

Và đây là lời tiên-tri về Việt Nam:

*Nói cho thiên hạ đừng tưởng,
Rán mà tu niệm khỏi đường đao binh.
Giặc kia **phía Bắc chiến chinh.**
Tu nhân thì đừng Thần linh hộ mình.*

Mà tại đâu Trung-quốc bị nạn và nhờ đâu Việt-Nam được diễm-phúc, ông Ba-Thới, một môn đệ của phái Phật-Thầy sẽ nói rõ.

2.- Ông Ba Thối

Sanh năm Bính dần (1866), ông Ba là người ở thôn Mỹ-Trà thuộc quận Cao Lãnh (Sa-đéc). Ông tên Nguyễn Văn Thối, sanh trưởng trong một gia-đình bình-dân, biết làm nghề thợ nhuộm và thợ chạm. Ông biết chữ nho. Ông có vợ sanh được bốn trai, một gái.

Ông thường đến vùng Láng thuộc Thạnh-Mỹ-Tây (Châu đốc) để mua cá về bán lại. Nhân đó ông được nghe danh Cậ Hai (Trần Văn Nhu), con ông Quán-Thành, một đệ tử của Phật-Thầy, là người đạo-hạnh cao siêu.

Ông tìm đến Cậ Hai và sau khi lãnh-hội-giáo-ly ông bèn qui-y với Cậ Hai và dời cả gia-đình về Láng vào khoảng năm 1905, ở gần chùa Bửu-Hương-Tự.

Thường ngày ngoài việc ruộng rẫy để mưu sanh, ông gấn chí trau-giồi đạo-hạnh. Nhờ có tấm lòng sùng tín với bản-tánh thông-minh, ông sớm hiểu lẽ diệu huyền của Phật-pháp. Lúc ở Láng, ông sáng-tác được ba quyển: *Vân-Tiên*, *Thiện-Tử*, *Cổ-vãng kim-lai*.

Ở đây trong tám năm, ông với Cậ Hai rất tương đắc. Vì thế, cháu ruột của của Cậ Hai tên là sáu Phẩm đem lòng ganh tỵ, nên thừa lúc tại chùa Bửu-Hương-Tự có cuộc lễ Phật đông-đào, bèn tố-cáo với nhà cầm quyền tỉnh Châu-đốc rằng ở đó có cuộc nhóm hợp định chống lại chánh-phủ Pháp.

Chùa Bửu-Hương-Tự bị bao vây. Cậ Hai và ông Ba thoát khỏi, còn lại 56 người bị bắt trong đó có Hai Tuấn là con thứ hai của ông. Những người này bị giải về Châu-đốc. Tòa kê án 13 tháng tù. Có 36 người chịu án, còn Hai Tuấn và những người kia chống án, nên bị đưa về Sài-gòn. Tòa Sài-gòn y án. Ở khám Sài-gòn độ năm sáu tháng, những người ấy bị đưa đi Côn-Nôn cho đến mãn tù mới về.

Khi Hai Tuấn bị bắt và cậ Hai ẩn mặt, ông Ba rất buồn thảm, nên ba hôm sau ông dùng dao cạo tự cắt họng. Vết thương rất nặng vì cuốn họng của ông đứt hơn hai phần, nên người nhà chở ông lên nhà thương Châu-đốc. Ở đây lương-y bằng bó bao nhiêu đều bị ông gỡ bỏ hết. Ông cự tuyệt không dùng một vật gì của nhà thương. Thấy ông không thể sống được, người ta đem bỏ ông ở nhà xác. Ông trốn ra ngoài và được người nhà đem về.

Chùa Bửu-Hương-Tự bị nhà cầm quyền để ý, ông bèn dời nhà về làng Kiến-an thuộc quận Chợ-mới (Long-xuyên) vào năm 1912. Vết thương vẫn không lành, nên chỉ khi ăn uống ông phải dùng khăn rịt nó lại mới không rút cơm ra ngoài. Trước khi tạ thế ông ở mãi trong buồng viết thêm sáu quyển nữa: *Ngôi-buồn*, *Kiếng-Tiên*, *Kim-cổ Kỳ-quan*, *Cáo-thị*, *Tứ-đại*, và *Thừa-nhàn*.

Ông hưởng thọ 61 tuổi, mất vào 5 giờ ngày mùng chín tháng tư năm 1925. Hiện nay phần mộ của ông được sửa sang và tại nền nhà của ông có dựng lên một đền thờ, hằng năm đều có cúng giỗ vào ngày mùng chín tháng tư.

Trong phái Phật-Thầy, ông Ba có thể được kể là người sáng tác nhiều nhứt và công-trình trước-thuật của ông là một áng văn-chương không kém phần giá-trị. Hềm vì những

áng văn ấy không phải là truyện diễm-tình như Nhị-Độ-Mai hay Lục-Vân-Tiên mà là những lời tiên-tri khuyến thiện, nên ít ai để ý đến.

Thật thế công-trình sáng-tác của ông Ba Thối là một áng văn có thể nói là ngang hàng với Lục-Vân-Tiên của cụ Nguyễn-Đình-Chiêu. Câu văn đã điều-luyện thanh-tao mà ý nghĩa rất thâm-thuý nữa. Một điều đáng nói là ông Ba Thối phóng ra một lối thi lạ nhút trong văn-chương Việt-Nam. Người ta thường thấy nhiều lối thi thuần-túy Việt-Nam như lục-bát, hay song thất lục bát. Ông Ba mở ra một thể thi mới: lối thất bát nghĩa là câu trên bảy chữ câu dưới tám chữ, đọc nghe vừa mạnh, vừa véo von. Dưới đây xin trích bốn câu để quý bạn đọc thử:

*Từ Mạnh-Tử ra mắt nước Lương,
Nhan-Hồi đoản mạng cảm thương thần-đồng.
Tu quốc-vương có vợ có chồng,
Có con có cháu nôi dòng an bang.*

Nếu phải nghiên-cứu và trình bày những áng văn-chương kiệt-tác ấy, ít ra phải viết thành một quyển sách dày. Ở đây chúng tôi chỉ xét về vấn-đề Tận-Thế và Hội Long-Hoa thôi.

Nói về Hạ-Nguơn và Tận-Thế

Cũng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai, ông Ba Thối nhận thời-kỳ này là thời-kỳ Hạ-Nguơn, thời-kỳ Tận-Thế:

*Phật sanh Phật, ma lại sanh ma,
Hạ-Nguơn Tận-Thế Phật ma lộn cuồng.*

Bởi thời-kỳ Hạ-nguơn, thời-kỳ Phật ma lộn lạo, nên ông Ba khuyên:

*Ai ai nhẫn chí để dành,
Hạ-Nguơn Tận-Thế tu hành cần năng.*

Danh từ Hạ-Nguơn Tận-Thế vẫn được lập đi lập lại mãi. Đứng trước cuộc đời này Phật cũng chặt lưỡi, bởi chúng-sanh quá-tham lam tàn ác:

*Việc Hạ-Nguơn mỗi việc mỗi tham,
Phật chặt lưỡi khó đem lại đủ.
Kẻ lo ăn người thời lo ngủ,
Kẻ làm chủ, người phủ, làm quan,
Lợi dụng mưu làm quấy làm gian,
Đoạt của thế lo toan bất-chánh.*

Vì quá tham-lam, mãi dụng mưu làm quấy, đã thế khuyên dạy lại không nghe, cho nên:

*Đáo Hạ-Nguơn Trời đất xử tiêu,
Nhiều lời giáo dụ chẳng siêu việc lành.*

Chính đó là cơ tận-diệt. Ông Ba cho biết để mà đừng có khinh khi:

Việc đời thậm tức,

Dị bocc tiên tri.

Người nào khinh khi,

Hậu ly đạo Phật.

Ấy thế mà người đời vẫn khinh thường, mãi lo bề giữ của:

Người đời này gấm chẳng bao lâu,

Lo bề giữ của lo sau không màng.

Ông Ba thương-xót mà cho biết rằng: không khéo rồi đây nước sẽ ngập tới cổ:

Việc thấy đó người phải lo âu,

Nước đà tới cổ ngập sâu hụp giò.

Người đời quá hững-hờ, vì người đời không thấy. Mặc dầu là chưa thấy, nhưng ông Ba cho hay sắp tới, rồi đây sẽ thấy:

Việc không thấy nói trước cho rồi.

Từ nay sắp tới lần hồi coi chơi.

Nhưng muốn coi đời, ông Ba khuyên hãy rán bền lòng, đừng nản chí, dầu phải trải qua bao nhiêu cảnh gian-lao:

Đói lòng ăn bắp với khoai,

Chờ cho tới lúc chiều mai coi đời.

Nói về Hội Long-Hoa

Như ông Ba cho biết cuộc đời đã mông-manh lắm rồi, nhưng cuộc đời sẽ đi về đâu? Ông cho biết, cũng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai, rồi đây sẽ mở Hội Long-Hoa, dựng bảng Phong-Thần chọn người hiền đức. Ông cũng nhận đó là một cuộc thi:

Chí cầu may niệm Phật lần lần,

Lập đông mẫn tiết Phong-Thần ứng khoa.

Nhưng cuộc thi đây không phải là cuộc thi văn hay võ giỏi mà thi về đức, thi về tấm lòng hiền:

Phật thi đức, trào quốc thi văn,

Nhơn từng thi chánh, nhơn tăng thi lòng.

Một cuộc thi mà người đời muốn đi đến phải chịu bao nhiêu cuộc nhồi nhả để trả quả:

Người đổi người, lời lại đổi lời,

Phong-Thần trả quả thấy thời điếc tai.

Đó là một cuộc trả quả cho nên người đời phải chịu bao nhiêu cuộc thử thách gian-lao khổ sở:

Thân nhồi nhả rời rã chưa thôi,

Mười sầu mười thảm thương ôi! Thân người.

Sự khổ ấy một ngày một tăng lên và tiến tới mãi mãi:

Bịnh khắc dước đã khó định phân,

Từ nay sắp tới khổ thân hoài hoài.

Nói rằng khổ, nhưng sự khổ ấy diễn ra bằng cách nào ? Ông Ba cho biết sự khổ nhứt của người đời phải chịu là nạn đói:

*Sợ ngày sau nhiều kẻ khóc la,
Năm co chịu đói Phật ma mới tường.*

Cái nạn đói này rất dai-dẳng, nó kéo dài trong ba năm đặng đặng. Mà sở-dĩ xảy ra nạn đói là vì có-nạn hạn hán làm cho đồng khô cỏ cháy:

*Dạy làm lành niệm Phật Nam-mô,
Tam niên hạn hán phơi khô thân hình.*

Người đời vì đó mà chết đói la-liệt, đến nhà không người ở, xác không người chôn, chợ không người nhóm:

*Thương ba năm không chợ nhóm chiều,
Nhà không người ở niệm nhiều Nam-mô.
Thây không lấp mà để phơi khô,
Không nước mà uống Nam-mô đạo nào.*

Nhà đã không người ở, chợ không người nhóm, thì ruộng làm gì có người làm:

*Tới đó thì hay việc gió đông,
Nhà không người ở ruộng không ai làm.*

Bởi thế, ông Ba thường khuyên người đời hãy rán chịu kham-khổ cho quen, có sống lây lất muối dưa hẩm-hút sau này mới chịu nổi nạn đói. Người ta quá đói, không còn tìm chi ăn được đến phải ăn đá:

*Đói ăn bấp đói nữa ăn khoai.
Hết khoai hết bấp, chiều mai ăn đá.*

Nhưng danh-từ "đá" đây , theo ông Ba có nghĩa khác, duy những người tu theo phái Phật-Thầy mới hiểu được.

Chẳng những chịu đói mà thôi, người đời còn chịu bao nhiêu tai nạn khác nữa như nạn âm binh:

*Có Phật ra mới thấy việc linh,
Gặp Trời loạn động âm-binh dấy loạn.*

Có nạn ác thú:

*Có hổ lang ác thú tới nhà,
Hùm tha sấu bắt trẻ già thương ôi!*

Những hiện-tượng này đã thấy ông Sư-Vãi Bán-Khoai nói đến rồi. Ngoài ra còn nạn nước lụt:

*Nghèo sấm xuống, giàu có sấm ghe,
Để chờ có nước chèo te lên giồng.*

Còn nạn chiến-tranh khốc-liệt sát hại sanh linh :

Hạ-Nguơn hồn phách tiêu tro,

*Chớ đừng thấy vậy ăn no vui cười.
Tôi nói có chứng chín mười,
Không phải một người nói chuyện bất minh.
Ngày sau các nước lai chinh,
Tây-dương Anh-quốc chiêu binh qua rày.
Nữ-Phiên công-chúa tài hay,
Trận đồ bát-quái đánh nay nửa lưng.
Tương tranh quờn, ẩn trong rừng,
Lòng buồn nói chuyện nhớ chừng mà chơi.
Ai ai bền chí ở đời,
Chừng nghe sấm đất của Trời mở ra.*

Trong các Thiên tai Địa ách mà người đời phải chịu, kể ra cũng thảm khổ quá rồi, nhưng chưa quan-trọng bằng tiếng sấm nổ, bởi đó là sự biến chuyển của vũ-trụ càn-khôn. Tiếng sấm nổ ấy sẽ diễn ra nhiều cảnh-tượng:

1. Làm thay đổi địa-hình, như nhiều cù-lao sụp đổ:

*Hậu nút thình tiêu hết cù-lao,
Nhị niên chí khổ đê lao chen người.*

Như biển nổi thêm hòn :

*Biển minh mông Phật nổi nên hòn,
Đất bằng sánh núi Trời còn không hay.*

Như nhiều dãy núi vỡ tan :

*Núi biển ít sao lại nổi thêm,
Đồng-nai Bắc-địa không êm núi nào.*

Trong lúc có nhiều núi vỡ thì trái lại có nhiều núi nổi lên :

*Cửa Ngả-bát có nổi nhị sơn,
Núi Sam tiêu mất, Thất sơn điện đèn.
Chí anh hùng lập chí cho bền,
Sông ngang ngay thẳng vô đên Bửu-Sơn.*

2. Làm cho con người đê-mê bất tỉnh:

*Tam thình quên tuổi quên tên,
Quên dòng quên họ khá nên cải tà.*

Dầu cho có được tỉnh dậy đi nữa, ngay vợ chồng cũng không còn biết nhau:

*Đạo vợ chồng con cháu buộc chùm,
Ngủ đêm thức dậy đứt đùm không hay.*

Đến lúc đó biết ai là người có căn. Theo ông Ba thì Nam kỳ lại có căn nhiều hơn hết:

Xuất tam thình mặc sức lăng-xăng,

Nam-kỳ niệm Phật có căn giữ hình.

Nhưng người có căn đều được Phật đến giải mê cho:

Khá bủa câu thả lưới đợi chờ,

Phật cho tài phép một giờ thoát mê.

Chẳng những thoát mê, mà những người hữu căn hữu phước còn thay hồn đổi xác nữa:

Tam giới hội xử việc bất miêng,

Thay hồn đổi xác cõi Tiên đem về.

Chính lúc đó tam-giới mở hội để lập lên đời Thượng-Nguơn:

Mãn nút thình các nước đều vô,

Đầu sơn giao chiến Nam-mô tranh tài.

Thập bát quốc vây phủ ở ngoài,

Thiên trung xuất trận phép tài quan thiên,

Đoái Ngũ-Long tiền trận nữ Phiên,

Giao chinh tam trận chư Tiên lai đầu.

Phật thâu phép chư quốc chư hầu,

Qui lai thiên nội ứng hầu Phật-Vương.

Đồng chúc Thánh vạn thọ an khương,

Tuế tặng vạn tuế Phật-Vương thọ trường.

Phán chư quốc cống lễ minh tường,

Tiểu bang lãnh sắc thường thường thọ ân.

Đãi yến diên chư quốc an phân,

Phân ngôi phân thứ định phần quan dân,

Chúc Hớn trào miên viễn hoàng ân,

Trường sanh thọ tuế muôn dân thanh-nhàn.

Lập Thượng-Nguơn hưởng thọ khôn càn,

Đặt chung tứ bốn vẹn toàn hiếu-trung.

Như thế là đời Thượng-Nguơn đã lập, con người sẽ ra sao, đời sống của cõi đó ra thế nào ?

Nói về đời Thượng-Nguơn

Trong hàng môn-đệ của Đức Phật-Thầy, ông Ba Thối kể ra là người viết nhiều về đời Thượng-Nguơn hơn hết.

Phải chăng ông Ba nghĩ rằng: Nếu nói đời Thượng-Nguơn là đẹp mà không cho người đời biết thì làm sao người đời ham-hỗ cố-gắng tu hành để đi đến, nên chi ông Ba viết rõ về đời Thượng-Nguơn ?

Trong kinh *Di-Lặc* và quyển *Qui-Nguyên Trực-Chỉ*, quốc-độ của Phật Di-Lặc đã được mô tả, là đẹp-đẽ trang nghiêm nhứt. Đây chúng ta nghe ông Ba mô tả để so sánh coi có khác những điều mà kinh *Di-Lặc* và quyển *Qui-Nguyên Trực-Chỉ* đã nói không ?

Ông Ba cho biết rằng khi lập đời lại thì đất địa bằng phẳng, không bồi không lở, biển không nổi cù lao nữa:

*Sau đất bằng không thấp không cao,
Biển sông không nổi cù-lao nữa rồi.
Mé sông không lở không bồi,
Sanh sao y vậy nói rồi sau coi.*

Chẳng những thế, nước trong chớ không đục, lại không ròng không lớn:

*Nước một bực thanh-thủy biên Trời,
Không ròng không lớn thuận đời chảy xuôi.*

Đất địa đã tốt đẹp như thế, thời tiết lại chỉ có hai mùa: xuân và thu:

*Lòng niệm Phật hản dạ chí tu,
Ngày sau lập lại xuân thu hai mùa.*

Bởi thế khí trời rất ấm-áp :

*Gió hai ngọn xuân nhựt nguyệt thu,
Không lạnh không nực chi tu để đời.*

Có điều không thể tưởng-tượng được là hễ ban ngày thì có mặt trời mọc, còn ban đêm khi mặt trời lặn thì mặt trăng mọc, đêm nào cũng như đêm nầy:

*Đến chừng nào nhựt nguyệt hiệp căn,
Ngày thời ông mọc đêm trăng sáng hoai.*

Chẳng những thế, lúc mọc lúc lặn không như thời nay vì thời-tiết mà sai dịch:

*Tới ngày sau Tý-Ngọ bất di,
Thìn thời ông mọc bất tri giờ nào.
Đêm giờ Tý, ngày Ngọ hiệp vào,
Tý Ngọ đứng bóng giờ nào lại tranh.
Ngày sáu giờ, đêm sáu giờ canh.
Nguyệt xuất giờ Tuất, không tranh giờ nào.*

Thời-tiết điều-hòa như thế nên năm không có tháng nhuận:

*Tới ngày sau phong vũ có chừng,
Năm mười hai tháng không nhuận như nay.*

Năm đã không nhuận, tháng cũng không có tháng thiếu:

*Nhứt ngoạt tam thập nhựt chiều mai,
Không dư không thiếu, khỏi tai khỏi nạn.*

Thời-tiết đã điều-hòa như thế, tất nhiên đất địa không phải như thời nay sanh cỏ hay gai gốc mà sanh ra toàn là lúa trời, muốn ăn khỏi cần xây giã, vì nó lớn bằng trái dứa:

Hột lúa trời đỏ ruột điềm khuyên,

Trái dừa nhắm sức của Tiên cho mình.

Lúa chỉ có hai giống chó không nhiều, giống như đời nay:

*Sau không nếp mà quết bánh phồng,
Còn hai giống gạo giữ lòng làm ăn.*

Nhưng chẳng phải lúa ấy giữ nguyên hình mãi đâu, vì qua thời-kỳ Trung-Nguơn, bởi chịu ảnh hưởng của thời-tiết đổi thay mà nó biến hình đi:

*Sau hột lúa vỏ trắng thiệt hình,
Trong ruột thời đỏ thế bình bất di.
Trước vỏ vàng ruột trắng phân- ly,
Trung-Nguơn khiến biến người khi tiêu-điều.*

Mùa tiết đã thuận, đất đai đã tốt, sanh toàn lúa thì hẳn không còn loại độc trùng hay các loại thú vô-ích nữa. Ông Ba cho biết chỉ có loài thú nào có ích cho loài người mới sanh ra cho người dùng mà thôi:

*Núi lao xao lập hậu Trời Nghiêu,
Cao điền đất Thuấn tiêu diêu độc trùng.
Sau vật nào trời Phật cho dùng,
Phật đem trở lại dưỡng cùng vạn gia,
Tồn nhị thú phạm luật quốc-gia,
Con trâu con chó cỗi ta không vừa.*

Tại đâu đời sau không có loài trâu loài chó ? Điều ấy rất dễ hiểu. Đã nói rằng loài thú nào có ích cho người mới sanh ra, ngày sau lúa đã mọc sẵn, người ta không còn cày cấy nữa thì con trâu dù có được sanh cũng không còn ích lợi nữa. Còn loài chó sanh ra để giữ nhà mà đời sau là đời Nghiêu, Thuấn, nhà không đóng cửa, cửa rơi không người lượm thì còn đâu trộm cướp mà phải cần có con chó giữ nhà.

Quả thật là đời Nghiêu, Thuấn; nào là nhà không đóng cửa:

*Tri sự tiền lập hậu chánh minh,
Nhà không đóng cửa quảng thình đêm ngày.*

Nào là cửa rơi không ai lượm:

*Họ hàng khơi chiều mai ngó thấy,
Qua ngày sau cửa rơi chẳng lấy.*

Ông Ba cho biết ngày sau con người có tài trí cao-siêu lắm:

*Lo việc hậu mới được lâu dài,
Ngày sau nhiều kẻ phép tài trí tri.*

Và họ vẫn biết bay như xà đặng hoá rồng vậy:

*Đạo trung-dung xà đắc hoá long,
Người thời không cánh không lông bay rày.*

Muốn kiến-thiết thế-giới tốt đẹp như thế, ông Ba cho biết: việc sắp-đặt phải mất ba năm mới xong:

*Lập ba năm đều đủ dưới trên,
Đồng chư quốc lập nên một cuộc.
Thông minh tánh nhiều người không thuộc,
Vận Trời xuôi nhứt cuộc hưng bang.
Nơi nơi đều phú túc hiển vang,
Chốn chốn hưởng an bang vận đạt.*

Về gia-đình thì năm bảy người cùng ở một nhà thuận hoà trên dưới. Cái tục lệ hát ca như đời nay không còn nữa:

*Qua ngày sau không hát không ca,
Năm bảy người ở lại nhứt gia.
Vọng Đức Phật Thích-Ca chí lý.
Năm bảy chủ hiệp tình nhứt ý,
Phật độ người tận lý quang minh.*

Vì người đời hiền lương, nhà nhà đều phú túc, cho nên không sanh ra trộm cướp. Bởi thế không có nhà ngục, nhưng ở mỗi tỉnh vẫn có lập toà-án để hoà-giải những việc bất đồng ý-kiến nhỏ nhặt, cùng xem chừng việc trị-lý trong dân-gian:

*Có toà-án các tỉnh sâm soi,
Không đường ngục thất sau coi để đời.*

Nhà ngục đã không có, cho nên cả pháp-luật lập ra để răn phạt người, làm gì lại có:

*Của người Tây trả cho người Tây,
Tân trào phế luật thẳng tay trở tài.
Kiểng Tiên gia sau đặng lâu dài,
Vô cùng mưu trí phép tài mới nên.*

Một điều mà xã-hội này không có là đời sau dân chẳng có làm xâu nạp thuế chi cả:

*Phật lập chánh chư quốc chư hầu,
Bán buôn lui tới phải đầu nước Nam.
Phật dạy đều lòng dạ đừng tham,
Không sưu không thuế nước Nam thanh-nhàn.
Mười tám nước ăn ở một tràng,
Chợ nào không góp xóm làng an-ninh.*

Sở-dĩ các nước cùng sống thuận hoà, người người đều hiệp ý không gây-gỗ, không sanh ra chiến tranh, là vì ngày sau chỉ có một tôn-giáo:

*Qua ngày sau không miếu không đình,
Hội-tề công-sở nhứt tình quốc-gia.
Nước Tây Phiên nhà thờ không cha,
Niệm Trời niệm Phật quốc-gia an hoà.
Mười tám nước như con một nhà,
Đều thời niệm Phật Di-Đà công-phu.*

Một nước chỉ tu có một chùa và các ngày lễ vẫn như nhau:

*Một nước thì tu có một chùa.
Nhà không phượng-tự hai mùa xem minh.
Cử hai ngày lễ bái tưởng kinh,
Ba mươi mừng một chánh minh nhứt trường.
Ngày mười lăm mười sáu lập thường,
Niệm Trời, niệm Phật nhị trường an khương.
Lễ ngươn-đán hạ nhứt xuân vương,
Chánh ngoại sơ nhứt lễ bà chánh-chung,
Nhơn bất ác tích thiện vi trung,
Lễ xuân ngươn-đán chánh-chung hai mùa.
Lễ Thượng-ngươn gia kết tại chùa,
Trung-ngươn thu nhứt thủ vừa hương rơi.
Nơi nơi đều ngợi chữ thành thời,
Ca ngâm xứ xứ vui chơi thanh nhàn.*

Đời sống đã vui thú như thế, còn con người thì tướng dạng ra sao ? Ông Ba cho biết rằng: đời sau trầu thuốc đều bỏ cho nên răng thì trắng, tóc thì dài, da trắng và châu thân thì không có lông:

*Nhịn trầu thuốc biếng nói biếng cười,
Ngày sau răng trắng như người Quảng-Đông.
Nội châu thân không có mọc lông,
Tóc dài da trắng phụng long dạng hình.*

Con mắt thì sáng ngời, miệng thì thơm:

*Con mắt sao ngó thấy sáng ngời,
Trong như mắt cọp miệng cười ngọt thơm.
Răng thì trắng thiệt người ăn cơm,
Lưỡi sao răng vậy gạo thơm ngọt-ngào.*

Hình dạng đã đẹp-đẽ như thế, người người lại không trẻ, không già, tám mươi tuổi sắp lên mới có con so, song trong mười người mới có một người sanh sống lâu đến muôn tuổi:

*Đâu đâu không trẻ cũng không già,
Tám mươi mới có vậy mà con so.
Ngoài muôn dân lạc-nghiệp đủ no,
Mười người sanh đặng con so một người.
Người tốt tươi ăn nói vui cười,*

Nhưng tuổi thọ ấy qua Trung-Nguơn thì so le, giảm xuống còn trên một ngàn, cũng như hạt lúa bằng trái dưa qua Trung-Nguơn biến hình trở lại nhỏ:

*Người ăn nói bằng thẳng thiệt thà,
Trình thưa dậm dạ giữ mà phép khuôn.
Lập Thượng-Nguơn tuổi có một muôn,
Trung-Nguơn giữ dạ phép khuôn trên ngàn.*

Con người ăn ở đều có lễ nghi khuôn phép cho nên không có sự loạn luân loạn dâm.

*Ngày sau nơn bất loạn dâm,
Người nào nghịch tánh binh âm vật rồi.
Phật cho tâm tánh định hồi,
Man-ri mọi rợ tiêu rồi sạch trơn.
Thiên sanh tiền hải hậu sơn,
Tiền Tân hậu Hốn mang ơn cũng nhiều.*

Ông Ba cho biết rằng vợ chồng đời nay chỉ là oan khiên tức trái, vay trả lẫn nhau, chỉ qua đời sau mới là thiệt vợ thiệt chồng. Những vị làm quan có đến năm bảy vợ, đầu đầy đều hòa-mục, giữ trinh-tiết thờ chồng, có lẽ vì số đàn bà nhờ sự tu-hành ở đời này mà được sống qua đời đó quá nhiều, sắp năm bảy lần số đàn ông. Phải chăng ngày nay chúng ta thấy số đàn bà đi chùa và tín-ngưỡng Trời Phật nhiều hơn đàn ông ?

*Qua ngày sau thiệt nợ thiệt dươn,
Đàn bà trinh-tiết vì ơn nuôi chồng.
Năm bảy vợ hiệp ý một lòng,
Thượng hòa hạ mục nuôi chồng làm quan.*

Một điều lạ nhứt là đàn bà ở đời Thượng-Nguơn không có đường kinh-nguyệt nữa:

*Đường kinh-nguyệt sau Phật xử tiêu,
Đời này ngang dọc phất diêu loả lồ.*

Con người nhờ khí-hậu điều-hòa, đất đai tinh-khiết cho nên được sống lâu đến muôn tuổi, không ai bệnh hoạn. Nhờ đó mà sau này không có thuốc men:

*Việc thuốc Nam thuốc Bắc vô ân,
Ngày sau thôi cũng vô phân thuốc rồi.*

Trên quốc-độ vô cùng trang nghiêm đẹp-đẽ ấy, nước Việt-Nam sẽ ra sao ? Người Việt-Nam sẽ có vai-trò gì quan trọng chẳng ?

Nói về nước Việt-Nam sau này

Sau khi quả địa-cầu biến hình, trên thế-giới sẽ ra sao ? Ông Ba cho biết sự sụp đổ đất liền thành biển, biển nổi lên đất liền, làm thay đổi địa-hình: chừng đó trên thế giới chỉ có mười tám nước mà thôi:

*Cộng tồn thập bát quốc hội an,
Xử tiêu ma quỷ dị-đoan tiêu-điều.*

Hay là:

*Tồn thập bát quốc chỉ noi Nghiêu,
Ngoại trừ các nước quần yêu xử tà.*

Nhưng trong mười tám nước đó, Việt-Nam lại hữu phước hơn hết, vì nước Nam có nhiều bậc thông-minh tài-trí thâm các nước phải phục-tùng:

*Sau nước Nam ít kẻ vụng về,
Thông-minh trí huệ người giỏi hay.
Không có cánh đi đặng trên mây,
Phép tài văn võ hơn nay nước nào.
Hữu quân-sư thượng-trí anh hào,
Dạy mười tám nước chỗ nào văn thơ.
Mười tám nước tài phép trợ trợ,
Phật thâm trả quả ngẩn-ngơ chư hầu.
Mười tám nước lai giảng hàng đầu,
Thường năm cống lễ ứng hầu Hớn-bang.
Phật thâm hết các chữ đa đoan,
Chỉ tồn nhứt tự Nam-bang tiếng mình.
Người khác người ăn nói thật tình,
Binh thơ đồ trận nước mình tài năng.
Qui nhứt thống hiệp lại nhứt căn,
Thượng thiên giáng thể tài năng trong trần,
Đến ngày sau có Thánh có Thần,
Ai lòng tà vạy âm thần xử thân.*

Nhưng hưởng được cảnh vinh-quang ấy, hỡi ôi ! Người Việt-Nam chúng ta trong mười người chỉ còn lại có ba người. Đất Bắc-Việt sau này đổi thành ruộng sâu, trong mười người chỉ còn có một người, phải chăng vì tội làm thịt cáo cầy mà trong kinh Phật đã cấm:

*Việc Nam-bang nhiều kẻ khôn lanh,
Thất phần dư tử thiếu sanh tam phần.
Thấy việc xa chẳng biết việc gần,
Việc Nam còn mấy việc Tần như nhau.
Đất Bắc-kỳ sau lại ruộng sâu,
Mười phần thác chín khó âu cho người.*

Về Bắc-kỳ, ông Ba quả-quyết như vậy, cho nên nhiều nơi ông thường lặp lại:

*Đất Bắc-địa giếng câu đặt lợp,
Ăn cá đồng không cọp ở rừng.*

Chắc sau cũng có người hỏi: nước Việt-Nam nhỏ bé như thế này làm gì lại đứng đầu các nước? Ông Ba cho biết rằng sau khi quả địa-cầu biến-hình, nhiều chỗ đất bằng sụp

đổ, nhiều nơi biển cả nổi lên đất liền, nước Việt-Nam với sự thay hình đó sẽ trở thành một đại-quốc.

*Hậu Bắc-địa tứ trấn cõi ngoài,
Nam-bang đại quốc lâu dài trường sanh.*

Ông Ba còn cho rằng: sau cuộc đại biến-thiên, về đời Thượng-Ngươn, ranh giới nước Việt-Nam sẽ lên đến Lèo hạ:

*Có sông dọc lên khỏi Nam-vang,
Lên đèo xuống dốc nhà sang dẫy dầy.
Từ Lèo hạ sắp xuống dưới này,
Kiểng vui Nam-quốc lời Thầy di-ngôn.*

Và nước Nam ở thời-kỳ Thượng-Ngươn ấy, sẽ lấy quốc-hiệu là Hớn-bang:

*Mười tám nước lai giáng hàng đầu,
Thường năm cống lễ ứng hầu Hớn-bang.*

Không thấy ông Ba cho biết các nước khác sau này sẽ thay đổi ra sao, chỉ thấy nói nhiều về nước Nam thôi. Phải chăng ông Ba nghĩ rằng các nước khác đều có nói cũng không quan-thiết cần-ích cho dân mình, tốt hơn là mình nên biết mình để mà sớm sửa-sang lo-liệu tu-hành.

Về thế-giới các nước sau này, theo chúng tôi được biết, thì Đức Bổn-Sư núi Tượng có để lại một bản Đồ-thơ. Nghe đâu hiện nay trong môn-đệ của Ngài còn giữ, nhưng tiếc vì chúng tôi không được thấy để coi cho biết nước nào còn nước nào mất và mười tám nước còn lại là những nước nào? Duy có nước Nam thì thấy ông Ba cho biết một vài biến đổi về địa-hình, như vài đoạn dưới đây.

Đây nói về Cần-thơ và Mỹ-tho:

*Cửa Cần-thơ Phật khiến xuất sơn,
Mỹ-tho phát hậu ký an một hòn.*

Về Bạc-liêu và Hà-tiên, ông Ba cho biết:

*Sau lập lại Bạc-liêu thiếu muối,
Sau có nổi năm mươi hòn núi;
Đem lộn về muối núi Hà-tiên,
Phép Phật Trời nhiều kẻ chẳng kiêng.*

Nói về sông rạch và đường xe lửa:

*Có sông dọc nhiều chỗ dị kỳ,
Đường ngòi xe lửa chạy thì Bạc-liêu.*

Về sông thì có sông dọc, sông ngang:

*Giác bần tiện, giác việc giàu sang,
Hồng-ngự sau có sông ngang Sơn-chà.
Giác lời ví việc chánh việc tà,
Sông dọc Cần-lố khỏi mà Mỹ-tho.*

Ngoài sông dọc, đồng Cần-lố (Sadéc) còn nổi lên nhiều núi:

*Đồng Cần-lố núi nổi giáp vòng,
Sông ngang sông dọc tại lòng Phật Tiên.*

Nói về sự biến đổi của Thất-Sơn ở Châu-đốc:

*Cửa Ngả-bát có nổi nhị sơn.
Núi Sam tiêu mất Thất-Sơn điện đền.
Chí anh hùng lập chí cho bền.
Sông ngang ngay thẳng vô đền Bửu-Sơn.*

Và đây nói về sự thay đổi sau này của đất Sài-gòn và Châu-đốc:

*Gia-định còn, sau mất Sài-gòn,
Châu-đốc mất trước tiếng còn An-giang.*

Ông Ba còn cho biết rằng sau này ở Nhà-bàn (Châu-đốc) sẽ là tràng ứng-khoa luyện-tập văn-võ:

*Lập chí trai tới chốn Nhà-bàn,
Võ-văn luyện-tập viễn tràng ứng thi.*

Như ông Ba cho biết, trong nước Việt-Nam sau này phần Nam-Việt là tốt đẹp hơn hết. Nhưng chỗ nào ngày sau được hưởng cảnh an vui khoái lạc thì nơi đó phải chịu nhiều khổ cảnh, cũng như hiện nay cảnh nào vui sướng thì sau này phải chịu nhiều sự biến thiên, và đó là luật tuần-hoàn.

*Chốn thị-thành sau lại hóa rừng,
Chát chua trong dạ ốt gừng xót tâm.*

Chính vì luật tuần-hoàn đó mà phần đất Nam-Việt chịu nhiều cảnh khổ-hạ:

*Xử việc trong Lục-tĩnh hao mòn,
Nam-bang khổ-hạ chịu mòn hết hơi.*

Mà cảnh khổ nhất là thảm-họa sau này của lộ Văn-Giáo là con đường đi từ núi Sam vào Nhà-bàn:

*Mặc thế tình kẻ dọc người ngang,
Rồi đây tới đó ngay gian thời tường.
Kẻ thị phi niệm Phật đưa đường,
Qua lộ Văn-Giáo vô thường huyết lưu.*

Về lộ Văn-Giáo, ông Ba còn cho biết:

*Qua hậu xử Văn-Giáo giáo giảng,
Thây phơi ngọn cỏ vô căn Phật Trời.
Con trong nhà nói chẳng nghe lời,
Huống chi hàng xóm nói đời ai nghe.*

Đó là những điều mà ông Ba cho biết về nước Việt-Nam ở đời Thượng-Nguơn, nhưng chừng nào đến giai đoạn chuyển biến?

Những điều tiên tri

Muốn hiểu chừng nào đến giai-đoạn chuyển-biến, cần phải xét coi những điều tiên-tri của Ông Ba có phần nào thực hiện chưa? Đứng về phương-diện nhận xét, đã thấy nhiều điều thực hiện rồi, như cuộc đảo chánh của Nhựt vừa qua là một; ông Ba cho biết:

*Tây chưa mãn tới việc U phân,
Ngồi buồn thấy khổ muôn dân nã nề.*

Câu này đủ cho ta thấy tình-hình Việt-Nam từ ngày Nhựt để chơn lên đất này. Không còn lúc nào dân khổ cho bằng lúc đó trở đi. Ông Ba còn cho biết từ năm mươi năm về trước, thời-kỳ chiếm đóng của Nhựt dầy dụa cho đến năm Tuất (chó):

*Trâu Nhựt-bổn Nam-Việt bắt cày,
Gay go chó sủa hăng ngày sủa dai.*

Đó là một giai-đoạn người Việt-Nam bắt trâu Nhựt-bổn cày cho mình, Ông Ba cho biết còn một giai-đoạn nữa người Việt-Nam bắt trâu Chệt cày:

*Trâu của Chệt Nam-Việt bắt cày,
Khỏi sừu khỏi thuế khỏi rày lao-đao.*

Tuy ông Ba cho biết phải có trâu của Chệt cày, nhưng khi nói đến nước Tàu thì ông Ba không khỏi đau thương mà thống trách:

*Đường giang-nan để giấu khó bày,
Cắm hờn Tàu tặc hại rày Nam-bang.*

Ông thương hại cho Tàu là vì phải tội bày ra bán hình bán tượng của Phật và tranh hành chiếm đoạt nước Nam:

*Tội Tàu man ước chất như thành,
Bán hình bán tượng tranh hành nước Nam.*

Bởi thế khi lập đời lại, người Tàu chỉ sống sót có một người trong mười người:

*Tội Đại-Thanh bán tượng bán tranh,
Hoạ hình bán Phật bất sanh chín phần.*

Ngoài nước Tàu, ông Ba còn cho biết Ấn-độ cũng mang đại khổ:

*Trời khiến xui ách nước từ đây,
Chà-và hai nước mất thân chẳng còn.*

Ông Ba không cho biết vì lý do gì Ấn-độ bị đại nạn như Tàu, nhưng điều này làm cho người ta kinh-ngạc là ông Ba gọi Chà-và không phải là một nước mà là hai nước đúng như hiện-tình chia rẽ của Ấn-độ làm hai nước Hồi, Ấn.

Một nước ở gần ta nhất là nước Tần, ông Ba cho biết sẽ gặp nhiều tai nạn như Tàu và Ấn-độ:

*Có ai từng ăn ốc không gai,
Ăn cơm không dưa đại tai nước Tần.*

Và sau này nước Tần sẽ hiệp về với Hấn-bang ở thời kỳ Thượng-Ngươn:

*Ai từng làm ruộng không trâu,
Nước Tần sau lại lai trâu Hớn-trào.*

Nhưng trước khi đi đến Hội Long-Hoa, nước Tần phải trải qua một thời gian đói khát:

*Cao-miên phải lo dùng cơm gói,
Người khá lo đói trước bây giờ.
Việc mình mông chưa tới bực bờ,
Thấy Tần-quốc vật-vờ hồn phách.
Nhìn đói lạnh chớ than chớ trách,
Một con sâu làm đổ trách canh.*

Chịu nạn đói lạnh như thế là vì con sâu làm đổ trách canh, do nước Tần khởi loạn trước làm cho Việt-Nam lâm vào cảnh khổ:

*Việc trước thì Tần khởi loạn ra,
Sát nơn-vật người ta thậm khổ.*

Tần khởi loạn, theo ông Ba là một điềm mở màn cho biết cuộc đời đã tới. Nhưng muốn xác định thời giờ ông Ba cho biết rằng: khi đời tới thì tự nước nào đánh nước nấy:

*Mình hại mình nói việc có căn,
Nước nào hại nấy lẳng xẵng trở đời.*

Sự tận-diệt của loài người theo ông Ba, sẽ diễn ra bằng cuộc nội chiến của mỗi nước, cùng một lúc xảy ra nước nào đánh nước nấy:

*Giặc dậy lẳng-xẵng,
Lẳng-xẵng giặc dậy.
Đánh nhau tầm bậy,
Tầm bậy đánh nhau.
Nước nào ở đâu,
Ở đâu đánh đó.
Vận nghèo thấy ngó,
Thấy ngó vận nghèo.
Người thác bá bèo,
Bá bèo người thác.
Đâu đâu tan nát,
Tan nát đâu đâu.*

.....
Thật là những điều quá sức tưởng tượng, ngoài ý nghĩ của mọi người. Ông Ba cũng vẫn biết: người đời sẽ có kẻ không tin:

*Tôi cho người thấy,
Việc máy thiên-cơ.
Người cũng ngó lơ,
Tôi ngơ ngẩn dạ.*

Nhưng vì quá thương đời cho nên ông phải tỏ bày để sau người đời không trách:

*Thương chúng sanh Phật mới tỏ bày,
Chẳng nghe lời Phật hội này rã thân.*

Với những người thiện-căn, ông bảo ghi nhớ những lời của ông rồi sẽ biết:

*Nói rồi cho nhớ lời ghi,
Chừng nào thấy việc loạn ly biết lời.
Nơi nơi khổ não cho đời,
Dư trăm việc khổ biết lời để ghi.*

Nhưng hỡi ôi! mặc dầu ông hết tiếng nhắc-nhở mà người đời vẫn hý-hởn không lo:

*Bây giờ hý-hởn không lo,
Gặp cơn bát loạn nằm co kêu Trời.
Lo giàu ít kẻ lo đời,
Gặp cơn bát loạn kêu Trời thấu đầu.*

Và chính vì đó mà các đấng Phật, Tiên bởi quá thương xót chúng sanh, nên lâm-phàm, chẳng dứt ra Sấm kinh, Cơ bút thức tỉnh người đời. Với sứ mạng cao cả ấy, các đấng thiêng-liêng còn mượn xác một cậu nhỏ chín tuổi để viết bộ Tứ-Thánh cho người đời thấy thế có tin.

3.- Tứ-Thánh

Phải chẳng vì thấy người đời còn ngờ vực bán bán tín bán nghi mà lần này Đấng thiêng liêng phải mượn xác chín tuổi ra thơ khuyên đời. Với xác chín tuổi thì không còn ai chẳng tin là có một đấng thiêng-liêng nào trong đó, chớ làm gì từng tuổi ấy lại thông-minh lỗi-lạc, nói ra những giọng Phật Tiên, cứu dân độ thế một cách cao siêu thoát-tục như vậy. Đây là lời tự-thuật của đấng thiêng-liêng ấy.

*Thương dân khuyên nhủ hết tình,
Mượn xác chín tuổi một mình ra thơ.*

Và đấng thiêng-liêng ấy tự xưng là Tứ-Thánh, vì buồn đời không chịu nghe lời khuyên nhủ, nên lâm-phạm cảnh tình:

*Buồn đời coi lại làm ngơ.
Nói rằng: nói dối làm thơ bắc vờn.
Để rồi cuộc loan quân Tần,
Biết cho Tứ-Thánh bắc vờn hay không?*

Thật là một điều mà người đời không ngờ. Càng làm cho người đời ngạc nhiên hơn nữa những điều tiên-tri, khuyên răn của Tứ-Thánh, đem so sánh lại không khác với những điều mà Ông Sư-Vãi Bán-Khoai hay ông Ba Thối đã cho biết.

Nói về Hạ-Ngươn và Hội Long-Hoa

Trước hết Tứ-Thanh cũng nhận như ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thối rằng: thời-kỳ này là đời Hạ-Ngươn sắp có cuộc biến-thiên thay đổi cả núi sông:

*Hạ-Ngươn mỗi việc mỗi mòn,
Mòn sông mòn biển lai còn mòn non.*

Sự biến-thiên ấy là do Thiên-định, nó đã kể một bên rồi:

*Bây giờ kể Sở người Tề,
Đến kỳ Thiên-định cũng kể một bên.*

Tứ-Thánh cũng cho biết rằng rồi đây nhơn-loại sẽ đi đến Hội Long-Hoa mở ra để chọn người hiền đức; nhưng trước ngày hội-hợp, nhơn-loại phải trải qua bao nhiêu cuộc biến-thiên thảm khổ. Nào là cảnh đói khó:

*Lo đời sắp đói một bên,
Quần sao không bận lại quên ở trường.
Nào là nạn Quỷ-vương khuấy nhiễu:
Quỷ-vương nào kể miếu đình,
Thánh-thần náo động ình-ình vang tai.
Nào là sấm nổi làm cho cha con rã rời:
Cơ gian mặt biển đầu non,
Điện thỉnh chớp nhoáng cha con rã rời.*

Nào là nạn chiến-tranh tàn khốc mà Tứ-Thánh không tả ra nước nào đánh với nước nào, lại ngụ ngôn trong cuộc đánh cờ, người nào khéo tri cơ sẽ biết đâu là đâu:

*Ngó dân ta lăm nổi buồn,
Trở về non đánh lập tuồng cờ Tiên.
Cả kêu các vị đạo Tiên,
Ai mà muốn đánh để tiên năm quan.
Có thua xin chớ thở than,
Sắp cờ ngồi lại năm quan để liền.
Các tiên nghe nói chịu liền,
Nước đỏ nước trắng chớ phiền lộn con.
Đi đâu chốt trắng quá ngon,
Bên kia pháo đỏ lòng son cặp kè.
Chốt trắng ra bị xe nghề,
Xe đỏ nghề-nghiệp trở về chống ngăn.
Pháo đỏ tượng trắng đã ăn,
Xe nghề đương chống đón ngăn nước cờ.
Pháo đầu xuất tướng bơ-phờ,
Xe đâm ngựa chết hăng-hờ tướng thua.
Thiếu tướng bắt sĩ làm vua,
Cờ ai đánh vậy mà thua uổng tiền.*

Sở-dĩ Tứ-Thánh không chịu nói trắng là vì thiên cơ bất khả lậu:

*Bá gia hãy rán chịu phiền,
Thiên-cơ bất lậu khó quyền tôi phân.*

Mặc dầu nói thiên-cơ bất lậu, nhưng rồi Tứ-Thánh cũng lậu như thường:

*Mây trắng chớp nháng như gương,
Tiếng vang nổ dậy Thái-dương ánh trời.
Thiên binh thiên tướng đổi dời,
Núi xương sông máu góc trời khá ghê.
Lìa gia chia rẽ phu thê,
Tiếng kêu khóc kể gia quê chẳng còn.
Xích-tinh phưởng-phất lỗ tròn,
Nguyệt-tinh chớp nháng móc tròn năm châu.
Lao xao dân chúng khó âu,
Sao giăng tứ hướng sức thâm ngàn hàng.
Phiên-bang, đảng Cộng đôi đảng,
Chiến tranh giành giật xóm làng thác oan.
Hắc-long giá võ một phang,
Lửa tuôn sấm chớp kêu vang góc trời.*

*Tân kim phải chịu đổi đời,
Thành-Thang biến cải biết đời mà chưa.
Ba màu phải chịu thốt thưa,
Cây cũng nòi giống sớm trưa giúp rày.
Thanh-long nổi gót trở tài,
Thòng vôi lấy nước bên ngoài Âu quân.
Kim chi khó nổi bền quân,
Rút về Gia-định ngăn chường Đồng-nai.
Trời ơi! Sao ó biếng bay,
Xe kia biếng chạy tại ai xe ngừng.
Súng sao biếng nổ không chường,
Chư bang thập bát ngập ngừng ngấn-ngơ.
Ngồi buồn nói chuyện bá vợ,
Cho ai hiểu chút thiên-cơ tại Trời.*

Tuy Tứ -Thánh lộ thiên-cơ ấy chẳng dễ gì đoán nổi với danh-từ: Xích-tinh, nguyệt-tinh, Hắc-long, Kim-quân, Thanh-long...Có điều người ta để ý là Tứ-Thánh cho biết khi sấm nổ thì súng hết nổ, ó (phi cơ) biếng bay, xe-tăng biếng chạy.

Nói về nước Việt-Nam sau này

Như đã thấy Tứ-Thánh viện lý là thiên-cơ bất lậu, cho nên dùng cách đánh cờ để nói bóng-bãi về thời-kỳ Nguơn-hạ, hay nói úp mở bằng cách dùng danh-từ mà người đời chẳng dễ gì đoán cho ra; nhưng rốt lại Tứ-Thánh lậu thiên cơ như thường khi nói về hậu nhựt của Việt-Nam. Phải chẳng cần phải bộc lộ thiên-cơ cho người đời thức tỉnh mà Tứ-Thánh cho biết cuộc biến đổi ở Việt-Nam trong thời-kỳ Hạ-Nguơn này:

*Hạ-Nguơn mỗi việc mỗi mòn,
Mòn sông, mòn biển lại còn mòn non.
Đổi chồng, đổi vợ, đổi con,
Đổi con, đổi núi, đổi hòn Hà-Tiên.
Đổi Châu-đốc đổi Tịnh-biên,
Thất-sơn lại đổi qua liên Nhà-bàn.
Qua liên năm nước chậ đàng,
Qua lộ Văn-giáo máu tràn như sông.
Đổi nhựt, đổi nguyệt, đổi phong,
Đổi năm, đổi tháng, đổi trong ngày giờ.
Đổi cha lại đổi nhà thờ,
Đổi cồn, đổi bãi, đổi cờ Nam-bang.
Trời xoay Âu, Á bốn phang,
Nước tràn bờ cõi khó an thời-kỳ.*

*Chuyển luân bỏ bực biên-thùy,
Ngũa nghiêng Trời-Đất lập kỳ Thượng-Nguơn.
Khuyên trong anh chị làm ơn,
Ăn ngay ở thật còn hơn làm giàu.
Giữ sao cho khỏi máu trào,
Giữ sao cho được cấm bào Phật ban.*

Mặc dầu Tứ-Thánh không nói rõ, nhưng ai có đọc qua những đoạn của ông Ba Thối cho biết cũng đều nhận thấy giữa ông ba Thối và Tứ-Thánh vẫn cùng một nhận-định về thời Thượng-Nguơn.

Như ông Ba cho biết khi sấm nổ thì có cuộc biến đổi về địa-hình như núi thì vỡ, cù-lao thì sụp, còn biển thì nổi đất liền. Và cũng trong lúc ấy, con người thì đam mê bất tỉnh, giữa chồng vợ khi tỉnh dậy không còn biết nhau. Về những biến động này Tứ-Thánh tóm lược trong những câu: mòn sông, mòn biển, đổi non, đổi núi.

Về lộ Văn-Giáo, ông Ba cho biết :

*Kẻ thị phi niệm Phật đưa đường,
Qua lộ Văn-Giáo vô thường huyết lưu.
Còn ở đây thì Tứ-Thánh nói :
Qua liền năm nước chạt đàng,
Qua lộ Văn-Giáo máu tràn như sông.*

Cũng là một nhận-định như ông Ba. Ta còn thấy Tứ-Thánh cũng nhận có trận Đại Hồng-thuỷ như ông Ba, với câu :

Nước tràn bờ cõi khó an thời-kỳ.

Nhưng Tứ-Thánh còn mạnh dạn hơn ông Ba về sự bộc lộ hậu-vận của nước Việt-Nam. Tứ-Thánh dám nói Hội Long-Hoa lập ngay ở Nam-bang :

*Núi rừng trở ngọc trở ngà,
Long-Hoa lại trở trên Toà Thượng-Nguơn.
Nam-bang một lá quế đơn,
Năm châu tỵ hội Thất-Sơn đông vầy.*

Và Tứ-Thánh lặp lại một lần nữa :

*Ngày sau có một không hai,
Thất-Sơn duy nhứt Như-lai lập-đời.
Trăng lặn rồi kể mặt trời,
Gió thổi hai ngọn đối đời cũng không.
Ngồi buồn nói chuyện mênh mông,
Kẻ lành nghe vậy thì mong tới đời.*

Một lần nữa lời tiên-tri của ông Ba Thối cho biết ngày sau đêm nào cũng có trăng, nay được Tứ-Thánh xác nhận.

Nhưng đến thời-kỳ nào mới có cuộc biến đổi và đời Thượng-Ngươn được lập? Tứ-Thánh cho biết là mong manh lắm rồi:

*Cũng gần sắp trở nhà Nam,
Nay còn Phong-kiến tứ tam tranh giành,
Sắp đời như sợi chỉ mảnh,
Treo chuông khó nổi chuông lành hồi chuông !*

Và nói báo hiệu bằng cuộc khởi loạn của quân Tần, đúng như sự nhận-định của ông ba Thối:

*Đế rồi cuộc loạn quân Tần,
Biết cho Tứ-Thánh bắc vắn hay không ?*

Và đến khi đó thì nhơn-sanh phải chịu nạn đói, thế nên Tứ-Thánh khuyên:

*Khoai lang lại với khoai mì,
Đến khi Tần khởi độ thì khẩu ta.*

Cứ theo Tứ-Thánh thì cuộc biến-động vẫn xảy ra ở thị-thành trước rồi sau mới lan tràn đến thôn quê:

*Châu thành pháo nổ khói bay,
Tiếng rền dậy đất họa lây xóm làng.
Trời ôi ! Khó nổi dân nhàn,
Giỏi chi thầy pháp đặt đàn tổng ôn,
Tổng châu-thành lại tổng thôn,
Thuốc Nam rồi lại cũng huờn về nam.*

Nhưng chịu khổ nhứt trong nước Việt-Nam có lẽ là miền Long-Châu (Long-xuyên và Châu-Đốc):

*Ghe thuyền kẻ tới người lui,
Giữ lời Phật dạy nhủ chui núi rừng.
Xử tiêu một cuộc không chừng,
Long-Châu ướm giáp Phật trường loài gian.
Thây nằm chật đất ngổ-ngang
Đầu trôi sóng dập ngổ ngang hai hồ.*

Mà sở-dĩ có cảnh núi xương sông máu như thế là vì người đời không ưa Phật Trời:

*Nghĩ thương dân-chúng thốt thưa,
Cũng vì bá-tánh không ưa Phật Trời.
Nói rằng Phật ở xa vời,
Trời cao giáp-giới vậy thời biết chi.*

Hay có dạ ưa Phật Trời, nhưng tu không thật-tâm, không thương đến kẻ nghèo đói:

*Tu sao thây chết như bè,
Ngổ-ngang đầu sóng kẻ nghèo chẳng thương.
Rao cùng khắp hết bốn phương,*

Sao không thức giấc hoàng-lương dòm đời.

Ngoài hai tỉnh Long-xuyên Châu-đốc chịu đại nạn, Tứ-Thánh còn cho biết một vài nơi khác, như Sài-gòn và Gia-định:

*Sài-gòn Gia-định ai ngờ,
Nước đâu mà lại lở bờ gốc cây.*

Như Nam-vang:

*Nam-vang nhà gạch nhà vôi,
Ngày sau kiếm trại lá ngòi không ra.*

Như ai cũng biết quyển Tứ-Thánh ra đời từ năm sáu mươi năm nay, trong lúc nước Việt-Nam còn đặt dưới quyền bị-trị, thế mà đã cho biết về cuộc độc-lập sau này. Anh em cứ nghiệm lấy tình-hình hôm nay với những câu Tứ-Thánh nói đây coi có phần nào đúng không ?

*Nói ra nước mắt chan hòa,
Thương cho anh chị khó mà thoát thân.
Tang điền thương hải khó phân,
Không toàn độc-lập hơn-dân như bèo.
Tại ai cầm lái phăng lèo,
Tìm Tân thế-giới chịu nghèo lâu năm.*

Và đây là thời tiên-tri chỉ còn chờ lời đáp của thời-gian:

*Thương công chú Cộng chan dầm,
Vào sanh ra tử lại lầm kể ai.*

Rồi Đức Giáo-Chủ Phật Giáo Hoà-Hảo còn tiên-tri nhiều điều rất ứng-nghiệm với thời cuộc hơn nữa

CHƯƠNG THỨ NĂM

Phật-giáo Hòa-Hảo

I.- Đức Huỳnh Giáo-Chủ

Như mọi người đều biết ở Nam-Việt có hai đạo-giáo mạnh nhất là Cao-Đài-giáo ở miền Đông và Phật-giáo Hòa-Hảo ở miền Tây.

Đức Huỳnh Giáo-chủ ra mở đạo nhằm năm Kỷ-mão (1939), cho đến nay, trong vòng mười bốn năm, một thời-gian rất ngắn đối với các đạo-giáo khác, thế mà hấp dẫn một số tín-đồ không thể tưởng tượng. Hầu hết các tỉnh miền Tây, đa số dân-chúng đều qui-nhướng theo đạo Phật-giáo Hòa-Hảo.

Riêng hai tỉnh Châu-đốc và Long-xuyên, tỷ số-tín-đồ Phật-giáo Hòa-Hảo chiếm từ 80 đến 90 phần trăm trong toàn số dân-chúng. Như thế Đức Huỳnh Giáo-chủ phải có sức màu-nhiệm gì mới có thể thức-tỉnh một số chúng-sanh to-tác dường ấy.

Theo sự nghiên-cứu, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguyên-nhân mà chúng tôi xin tóm lược như dưới đây :

1° **Bản thân của Đức Huỳnh Giáo-chủ** - Ngài vốn xuất thân là người ít học. Cứ như được biết là Ngài học đâu đến lớp ba trường làng, vì mãi đau ốm mà không theo đuổi nữa được. Bỗng một hôm Ngài được sáng tỏ phi-thường, đến các hàng cụ Nho ở trong thôn, các nhà Tây học ở khắp nơi, một khi đến hầu chuyện với Ngài đều phải ngạc-nhiên trước sự thông-minh phi-thường của Ngài.

Nhiều ông cụ nho đem thơ đến thử đều được Ngài họa lại ngay khi ấy, không cần phải bóp trán suy nghĩ. Thế mà bài thơ nào của Ngài làm ra cũng đều siêu-nhiên thoát-tục, ai đọc cũng tưởng là của một đấng siêu phàm nào giáng-cơ. Chẳng những thế, Ngài còn có tài hùng-biện, ứng-khẩu thành thi, diễn giảng thao thao bất tuyệt.

Nhứt là những người làu thông kinh điển nhưng còn thắc-mắc một vài nghi-vấn nào đều được Ngài làm thỏa-mãn bằng những giải-thích cao siêu. Đứng trước một người không học mà thông-minh lỗi-lạc dường ấy, thử hỏi ai chẳng ngạc nhiên hay cảm phục ? Chính vì đó mà một phần lớn trong hàng cụ Nho và Tây học người có căn lành đều sớm tỉnh-ngộ quay về Phật-pháp dưới sự phổ-hóa của Ngài.

2° **Cách chữa trị diệu kỳ của Ngài.** Giáo-chủ được nổi tiếng và được dân chúng ngưỡng-mộ qui-y, một phần lớn là nhờ cách chữa trị của Ngài. Đại-để chúng tôi xin kể ra một vài trường-hợp mà Ngài thấu-phục tín-đồ bằng phương-pháp màu-nhiệm. Có nhiều bệnh điên từ lâu không phương cứu chữa, hung dữ một cách lạ thường khi đem đến, Ngài chỉ lấy dây chuối cột đầu gối đó, rồi bắt niệm Phật và uống nước lã, thế mà hết bệnh.

Còn nhiều bệnh ngặt nghèo khác, các thầy thuốc Tây thuốc Nam đều chạy, đến Ngài cho uống lá xoài, lá ổi, lá mít, bông trang...mà hết bệnh mới kỳ. Điều kỳ diệu nhứt là nhiều người ghiền á-phiện đã uống nhiều thuốc cai mà không bỏ được, đến Ngài chỉ cho uống

nước lã, là bỏ hút cái một, không hành phạt chi cả. Với sự cứu bịnh bằng phép huyền-diệu ấy, còn ai chẳng hồi tâm hướng thiện. Thế là Đức Huỳnh Giáo-chủ bằng phương pháp Tiên-thuật, hoá-độ, một phần lớn chúng-sanh.

3° **Những lời tiên-tri cảnh tỉnh.** Ngài sáng-tác Sấm-giảng văn thơ rất nhiều, trong đó Ngài tiên-tri nhiều điều, hoặc thực hiện nhãn tiền hay lần lượt được thời-gian xác-nhận. Một điều làm cho người ta kinh-ngạc là Ngài nói ngay ý tưởng của người đời.

Đây là một thí dụ: một hôm có một ông lão cụ-nho đến tính thử Ngài, có làm sẵn hai bài thi, nặn nọt suốt đêm.

Khi lão nhà nho ấy vừa bước đến, chưa kịp trình thơ ấy ra thì Ngài đã ra đón trước, vỗ vai ông lão mà rằng: Ý ông muốn làm thơ lắm phải không ? Được, thôi thì vào đây làm thơ với tôi chơi. Nói rồi, Ngài mời ông lão vào nhà, liền lấy viết làm hai bài thơ trao cho ông lão ấy. Một điều làm cho ông lão kinh hồn là hai bài thơ ấy đã họa nguyên vẹn hai bài thơ còn trong túi của ông. Chính nhờ có tha-tâm-thông và những lời tiên-tri linh-ứng mà Đức Huỳnh Giáo-chủ đã cảnh-tỉnh một phần lớn người đời.

4° **Những pháp-môn hành-đạo.** Mặc dầu đạo Phật đã mở ra khắp trong nước, những kẻ sùng-ngưỡng lại rất ít. Một phần là do các nhà sư tu theo Thần-Tú, bày ra bao nhiêu điều mị dối làm cho Phật-pháp một ngày một suy đồi. Dân-chúng một ngày một xa cửa thiền, một phần lớn cũng vì chán ghét cách tu giả dối ấy. Đức Huỳnh Giáo-chủ ra đời nêu lên một pháp-môn vô-vi đúng chơn truyền của Đức Thế-Tôn, cực lực bài xích những điều mị dối của phái tu theo Thần-Tú. Những người có căn lành nhận thấy pháp môn của Ngài rất thích-hợp nên quây về với pháp vô-vi của Phật.

Ngoài số người tu theo pháp vô-vi, còn những tín-đồ của Đức Phật-Thầy Tây-an trước kia cũng quay về với Đức Huỳnh Giáo-chủ.

Ai cũng nhận thấy ở miền Tây nhứt là tỉnh Châu-đốc và Long-xuyên, đa số dân-chúng đều tu theo phái của Đức-Phật Tây-An.

Nay Đức Huỳnh Giáo-chủ ra đời nêu lên một giáo-pháp mà những tín-đồ phái Phật-Thầy nhận thấy không có chỗ nào khác với những điều Đức Phật-Trùm, Đức Phật-Thầy Tây-An, Ông Sư-Vãi Bán Khoai đã dạy, nhứt là Đức Phật-Thầy Tây-An. Chẳng hạn như Đức Huỳnh Giáo-chủ giải về Tứ Ân 1° Ân tổ-tiên cha mẹ; 2 ° Ân đất nước ; 3° Ân Tam-bảo ; 4° Ân đồng-bào nơn loại, thì không có chỗ nào khác Đức Phật-Thầy Tây-An cả.

Thứ nhứt là khi đọc Sấm-giảng của Đức Huỳnh Giáo-chủ, những người tu theo Đức Phật-Thầy-Tây-An ông Sư-Vãi Bán-Khoai..., thấy sao, cả vừa tư-tưởng lẫn câu văn, nó như do một người sáng tác. Về những nhận xét này, rồi đây chúng tôi sẽ đem đối-chiếu nhiều đoạn văn của Đức Huỳnh Giáo-chủ với những đoạn văn của ông Sư-Vãi Bán-Khoai, sẽ thấy rõ chỗ giống nhau ấy.

Đứng trước sự trùng ngôn trùng ý như thế, các tín-đồ của phái Phật-Thầy không còn ngần-ngại gì nữa mà chẳng qui y theo Đức Huỳnh Giáo-chủ, vì họ đã biết biết Ngài là ai

rồi. Do đó mà đa số tín-đồ Đức Phật-Thầy ngày trước, nay đã trở thành tín-đồ Phật-giáo Hoà-Hảo.

Nhưng sứ-mạng của Ngài ra sao ? Tưởng không có gì bằng trích ra đây bài lịch-sử của đời Ngài, do đó Ngài viết ra từ năm 1942.

Lịch sử Đức Huỳnh Giáo Chủ

Ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, vì thời-cơ đã đến, lý Thiên-Đình hoạch-định, cuộc nguy-cơ thảm-họa sắp tràn lan. Ta đây tuy không thể đem phép huê-linh mà cứu an tai-họa chiến-tranh tàn khốc do loài người tàn-bạo gây nên, nhưng mà thử nghĩ: Sinh trong vòng đất Việt-Nam này, trải qua bao kiếp trong địa-cầu lăn-lộn mấy phen, tùy cơ pháp chuyển kiếp luân-hồi ở nơi hải-ngoại để thu-thập những điều đạo-học kinh-nghiệm huyền-thâm, lòng mê-si đã diệt, sự vị-kỳ đã tan mà để lại nguồn gốc phát sinh, trải bao đời giúp nước vừa dân cũng đều mãi sinh-cư nơi đất Việt. Những tiền-kiếp dầu sống cũng là dân quan đất Việt, dầu thác, cũng quý thần đất Việt chớ bao lìa. Những kiếp gần đây, may-mắn gặp minh-sư, cơ truyền Phật-Pháp, gọi nhuần ân-đức Phật, lòng đà quảng-đại từ-bi, **hiềm** vì nổi cảnh quốc phá, gia vong, máy huyền-cơ đã định, lòng thương trăm họ vướng cảnh, đồ lao, chi xiết xót thương chúng sanh vạn khổ.

Nghĩ lúc còn làm người trong biển tục, lăn-lộn chốn mê đồ, mà chẳng quản thân giúp thế cứu dân, vong thân vị quốc, huống chi nay cơ mâu đà thấu tỏ, sớm chiều hầu chơn Phật nghe kinh, ngao du tứ-hải, dạo khắp Tiên-bang, cảnh an-nhàn của người liễu-đạo, muôn ngày vô sự, lóng sạch phàm tâm, sao chẳng ngồi nơi ngôi vị hưởng quả bồ-đề trường thọ mà còn len-lỏi xuống chốn hồng-trần, đặng chịu cảnh chê khen? Vì lòng từ-ái chứa-chan, thương bách-tính tới hồi tai-họa. Phật-Vương đà chỉ rõ máy diệu huyền chuyển lập hội Long-Hoa, chọn những đấng tu hành cao công quả để ban cho xứng vị xứng ngôi, người đủ các thiện-căn để giáo truyền Đại-Đạo, định ngôi phân thứ gây cuộc Hòa-Bình cho vạn quốc chư bang.

Thiên-Tào đà xét định, khắp chúng sanh trong thế-giới trong cái buổi Hạ-Ngươn này, say mê vật-dục, chìm đắm trong biển lợi-danh, gây nên nghiệp-quả, luật trời đà trị tội, xét kẻ thiện-căn thì ít, người tội-ác quá nhiều, chư Phật mới nhủ lòng từ-bi cùng các vị chơn-Tiên lâm phàm độ thế, trước ra công cứu khổ, sau chỉ rõ cơ-huyền, khuyên kẻ thế hướng thiện quày đầu, cải tà quy chánh thì mới mong Thiên Đình ân xá bớt tội căn để kịp đến Long-Hoa châu Phật, trước biết rõ luật Trời thưởng phạt, cùng hữu duyên nghe Phật pháp nhiệm mầu, kiến diện bậc Chơn-Sư, tu hành mau đắc quả, sau làm dân Phật quốc hưởng sự thái-bình, bởi đời này pháp-môn bế mạc, Thánh đạo trần vu, người tâm trí tối đen, đời lăm Ma-Vương khuấy rối. Ta là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu Đạo nơi quốc-độ nào thì cũng phải trở về quốc-độ ấy mà trợ tế nhân dân; vì thế lòng từ-bi bác-ái cùng thù đáp những linh hồn đã trợ duyên trong nhiều kiếp giúp Ta nương cây tu hành, nên ngày 18 tháng 5 năm Kỷ-Mão, Ta hóa hiện ra đời cứu độ chúng sanh. Tuy là nhơn-dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng chớ có dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế. Nên phương pháp của Ta tùy trình-độ cơ cảm của Tín-nữ Thiện-nam, trên thì nói Phật-pháp cho kẻ có lòng mộ Đạo qui căn, gây gốc thiện-duyên cùng Thầy Tổ, dưới dùng huyền-diệu của Tiên-gia độ bệnh để cho kẻ ít căn lành nhờ được mạnh mà cảm lòng từ-bi của Chư Vị với Trăm Quan, thăm-thiết lê dân lâm than thống-thiết, mà lời lành nghe tựa hồ như nhớ như quên, nên kẻ xa xuôi từ-văn chẳng tới, người láng-diềng

tiếng kệ nhàm tai. Đến trung tuần tháng Tám, Ta cùng Đức-Thầy mới tá hiệu Khùng Điên, mượn bút mực tiết lộ lấy Thiên-cơ, truyền cho kẻ xa gần đều rõ biết hầu ăn-năn cải quá làm lành, còn kẻ chẳng tỉnh tâm sau đến tội cũng chẳng trách Phật Tiên không chỉ bảo.

Vấn biết đời Lang-sa thống trị, phép nước nghiêm-hình, dân chúng nếu yêu thương sẽ lắm điều hiềm khích; nhưng mà Ta nghĩ nhiều tiền kiếp Ta cũng hy-sinh vì Đạo, nào quản xác thân. Kiếp chót này đây há lại tiếc chi thân phàm tục, song vì tình cốt-nhục tương thân, cũng ủng-hộ, chở che cho xác phàm bớt nổi cực hình.

Bạc-Liêu, ngày 18-5 Nhâm-Ngũ (1942).

2-Đôi Chiếu Tư Tưởng

Để nhận thấy chỗ liên-hệ giữa Đức Phật-Thầy Tây-An, ông Sư-Vãi Bán-Khoai với Đức Huỳnh Giáo-chủ, tưởng cũng nên đem đối-chiếu những tư-tưởng đồng nhứt giữa ba Ngài.

Trước hết ta nhận thấy rằng: Trong phái Phật-Thầy, các Ngài một khi lâm phạm cứu thế điều xưng Khùng xưng Điên, ý chừng đối lại người đời xưng khôn xưng lanh, thường khinh khi Phật, Tiên, Thần, Thánh.

Mặc dầu xưng Khùng, xưng Điên nhưng đối với những người có thiện-căn, các Ngài không hẹp lượng mà chẳng cho biết rằng: Khùng điên là của Phật, của Thầy chớ không phải của người lãnh trí. Đây là đoạn văn ông Sư-Vãi Bán-Khoai xưng Khùng, xưng điên :

*Điên này Điên Phật, Điên Thầy,
Chẳng sợ ai rầy nên nói cù nhây.*

Ta hãy xem một đoạn văn dưới đây của Đức Huỳnh Giáo-chủ thì sẽ thấy chỗ đồng-nhứt tư-tưởng ấy :

*Bởi chữ Khùng của Phật của Thầy,
Chớ không phải của người lãnh trí.*

Bởi Khùng điên của Phật của Thầy, cho nên rõ thiên-cơ, đoán biết âm-dương kết liễu. Đây ta hãy đọc ông Sư-Vãi-Bán Khoai :

*Khùng sao mà biết thiên-cơ,
Cũng là Phật khiến cho Khùng dại điên.*

Cũng đồng một tư-tưởng này, Đức Huỳnh Giáo-chủ đã viết:

*Khùng đoán biết âm-dương kết-liễu,
Khùng huyền-cơ, Khùng đạo Thích-Ca.*

Ngoài sự xưng hô giống nhau, chúng ta còn thấy cả sự nhận-định thời-cơ cũng giống nhau nữa. Ông Sư-Vãi Bán-Khoai viết:

*Hết đây đến nước dị-kỳ,
Dễ dành thiên-hạ vậy thì chẳng an.*

Đến Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng thế:

*Hết đây đến nước dị-kỳ,
Sưu cao thuế nặng vậy thì thiết-tha.*

Xưa nay, sự trùng ngôn trùng ý vẫn là điều thường thấy xảy ra luôn, nhưng chúng tôi dám chắc chẳng bao giờ có một sự đồng nhứt tư-tưởng như thế này. Trong *quyển Sấm giảng người đời*, ông Sư-Vãi Bán-Khoai trong cuộc đi phổ-độ chúng-sanh thường nói là một Thầy ba tổ. Đây là lời ông Sư-Vãi Bán-Khoai tự-thuật :

*Chùng nào nước cháy đông nguồn,
Một Thầy ba tổ hết đường lao-đao.*

Ông thường nhắc đến luôn :

*Nào khi nắng bụi bay tuôn,
Một Thầy ba tổ chẳng buồn lại vui.*

Đến Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng thế, trong Sấm-giảng, Ngài nhắc lại cuộc châu-du độ thế, cũng cho biết là một Thầy ba tổ :

*Khùng thời ba tổ một Thầy,
Giảng dạy đầy đầy rõ việc thiên cơ.*

Chẳng những cho biết là một Thầy ba tổ mà ông Sư-Vãi Bán-Khoai còn cho biết cả danh hiệu nữa. Đây là danh-hiệu mà ông Sư-Vãi Bán-Khoai thường xưng :

*Huệ-Lự ký tả một bài,
Viễn bang châu quận hậu lai khán tường.*

Hoặc giả :

*Huệ-Lự bút ký tả rồi,
Đặng cho thiên hạ dấu soi để đời.*

Các danh-hiệu này được Đức Huỳnh Giáo-chủ lặp lại trong Sấm Giảng của Ngài :

*Đừng thấy ngu dại mà khi,
Thầy thì Huệ-Lộ tứ thì Huệ-Tâm.*

Khi đọc đến đoạn này thử hỏi còn tín-đồ nào của ông Sư-Vãi Bán-Khoai không nhận thấy chỗ xuất xứ của Đức Huỳnh Giáo-chủ. Họ không còn ngần ngại gì nữa mà chẳng nhận Đức Huỳnh Giáo-chủ là chuyển kiếp của ông Sư-Vãi Bán-Khoai.

Thật thế chúng ta đã đọc đoạn văn này của ông Sư-Vãi Bán-Khoai :

*Tôi đâu mà có an thân,
Bây giờ Phật biểu tôi sang nước Tần.
Mến mà mến nghĩa Hoàng-Lân,
Thương là thương lấy vạn dân mắc nần.*

Rồi đọc đoạn văn này của Đức Huỳnh Giáo-chủ, chúng ta sẽ thấy chỗ nhận-định của tín-đồ của Sư-Vãi Bán-Khoai là đúng:

*Dạy đạo chánh vì thương Nam-Việt,
Ở Cao-miên vì mến Tân-Hoàng;
Trở về Nam đặng có sửa sang,
Cho thiện-tín được rành chơn-lý.*

Như thế thì rõ lắm rồi. Nhưng cũng còn chưa rõ bằng đoạn văn sau đây :

*Đừng ham nói nọ nói này,
Lặng yên coi thử điên này là ai?
Cám thương **Ông lão bán-Khoai.**
Vì yêu dân-chúng chẳng nài nắng mưa.*

Thế là bức màn huyền-vi giữa ông Sư-Vãi Bán-Khoai và Đức Huỳnh Giáo-chủ đã hé mở. Chẳng những thế mà bức màn huyền-vi giữa Đức Phật-Thầy Tây-An và Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng được vén lên. Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết :

*Khùng này quê ngụ núi Sam,
Còn Điên chẳng có chùa am dưới này.*

Núi Sam là chỗ Đức Phật-Thầy Tây-An đã tịch cho nên khi nói đến núi Sam là tín-đồ phái Phật-Thầy hiểu ngay là chỉ Đức Phật-Thầy Tây-An .

Mặc dầu cho biết quê núi Sam để cho dân-chúng đừng nghi nan, nhưng Đức Huỳnh Giáo-chủ vẫn thấy người đời còn thờ ơ, cho nên không dứt lặp đi lặp lại :

*Thương lê thứ bày tường trong đục,
Mặc ý ai nghe phải thì làm.
Lời của người di-tịch Núi Sam,
Chớ có phải bày điều huyễn hoặc;
Cảnh Thiên-trước thớm tho nồng nặc,
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần.
Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ.
Giả quê dốt khuyên người tỉnh ngộ,
Giả bán buôn thức giấc người đời.
Rằng ngày nay có Phật có Trời,
Kéo dân-chúng nhiều người kêu ngạo.
Xuống mượn xác nhằm năm Kỳ-mảo,
Buồn xóm làng cứ ghét Diên Khùng.
Nếu trẻ già có biết thì dùng,
Chẳng có ép có nài bá tánh.*

Thử hỏi, khi đọc đến đoạn này, tín-đồ nào của Đức Phật-Thầy Tây-An, chẳng nhận ra Đức Huỳnh Giáo-chủ là ai ? Chắc sao cũng có người sẽ hỏi: Đức Huỳnh Giáo-chủ lại vừa Sư-Vãi Bán-Khoai chuyển kiếp, lại vừa Đức Phật-Thầy Tây-An chuyển kiếp ? Điều này, chúng ta đã biết: giữa Đức Phật-Trùm, Đức Phật-Thầy Tây-An, ông Sư-Vãi Bán-Khoai và Đức Huỳnh Giáo-chủ vẫn không có sự sai-biệt. Chính Đức Huỳnh Giáo-chủ trong bài lịch sử về đời của Ngài, có đoạn cho biết: "Tuy là nhơn dân mới rõ pháp mà tưởng rằng Ta thượng xác cõi đồng, chớ dè đâu chuyển kiếp đã từ lâu chờ đến ngày ra trợ thế" đủ hiển-thị chỗ nhận-định ở trên. Bởi do nhiều "chuyển kiếp đã từ lâu", cho nên Đức Huỳnh Giáo-chủ diễn giải về Tận-Thế và Hội Long-Hoa không khác ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thối.

3-Giảng về Tận-Thế

Như ta đã biết ông Sư-Vãi Bán-Khoai mở đầu quyển *Sấm Giảng người đời*, bằng câu:

*Hạ-Nguơn Giáp-Tý bằng nay,
Cơ trời đã khiến lập đời thượng-lai.*

Thì Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng mở đầu quyển *Sấm Giảng khuyên đời tu niệm* của Ngài cũng bằng câu :

*Hạ-Nguơn nay đã hết rồi,
Phong ba biển chuyển đổi đời gia cang.*

Ngài cũng nhận thời-kỳ này là thời-kỳ Hạ-Nguơn và danh-từ này được Ngài lặp lại nhiều lần :

*Đời Nguơn-Hạ nhiều người hung dữ,
Nên xảy ra lắm sự tai ương.*

Hoặc là :

*Chữ-vinh hoa giờ chớ có màng,
Bởi giả tạm của đời Nguơn-Hạ.*

Ngài cho đời này là đời giả-tạm vì rồi đây tuồng đời sắp hạ :

*Khuyên rằng trần thế một khi,
Tuồng đời sắp hạ bằng ni rõ ràng.*

Nghĩa là nhân-loại sẽ đến ngày Tận-Thế, và ngày ấy theo Đức Huỳnh Giáo-chủ còn chẳng bao lâu nữa :

*Tận thế-gian còn có bao lâu,
Mà chẳng chịu làm tròn nhươn-đạo.*

Người đời chưa chịu làm là vì người đời còn lẩn lưa, bởi thế Ngài không ngớt nhắc nhở :

*Đời Tận-Thế mà còn lẩn lưa,
Chẳng chịu mau cải dự về lành.*

Và Ngài cho biết là nó mỏng-mẻo lắm rồi :

*Đời Nguơn-Hạ ngày nay mỏng-mẻo,
Khuyên thế trần hãy rán kiên dè.*

Vì lý-do gì tuồng đời sắp hạ, loài người sắp đến cơ tận-diệt ? Đức Huỳnh Giáo-chủ cùng một nhận xét như ông Sư-Vãi Bán-Khoai, cho rằng người đời gây ra hăng ngày biết

bao tội ác. Các du-thần đem những tội ác ấy tâu lại Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, Ngài muốn xử tiêu cho rồi :

*Lưỡng Thần ghi chép liên-miên,
Nào tội nào phước dưới miền trần-gian.
Tâu qua Thượng-Đế Ngọc-Hoàng,
Dương trần hung ác đa đoan quá nhiều.
Chúng-sanh ngang ngược làm liều,
Ngọc-Hoàng Ngài muốn xử tiêu cho rồi.*

Nhưng đứng trước sự phán-quyết của Đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế, Đức Minh-Vương vô cùng thương xót đến cầu Phật tổ cứu trần. Về đoạn này ông Sư-Vãi Bán-Khoai đã viết :

*Hạ-Ngươn gian ác rất nhiều,
Thiên-đình Ngài muốn xử tiêu cho rồi.
Minh-Vương không xiết hỏi ôi !
Lo mưu định kế cứu rày Hạ-Ngươn.
Liên qua Tây-vực Linh-sơn,
Cầu Phật giải cứu cõi trần Hạ-Ngươn.
Chư Phật đến trước đờn trì,
Tâu cùng Ngọc-Đế chớ hờn chúng-sanh.
Để cho Phật dạy làm lành,
Chừng nào chẳng đặng sẽ hành bịnh căn.*

Về đoạn này Đức Huỳnh Giáo-chủ ững cho biết như thế :

Minh-Vương khó đứng không ngồi,

Thảm thương lê-thứ mắc hồi gian-truân.

Trước đèn mắt ngọc lụy rưng,

Quý yêu bá-tánh biết chừng nào nguôi.

Làm sao dạ nọ được vui,

Cúi đầu lạy Phật cầu xin cứu trần.

Và Đức Huỳnh Giáo-chủ còn nhắc thêm rằng:

Lời khuyên xưa cũng một lần,

Nay mượn xác trần xuống bút ra cơ.

Để nhắc lại một lần nữa rằng Ngài đã khuyên một lần rồi, chớ phải không sao. Câu này ám chỉ rằng: Với chuyển-kiếp ông Sư-Vãi Bán-Khoai, Ngài đã khuyên một lần rồi.

Chính nhờ có Phật xin cứu trần mà chư Phật chư Tiên lâm phạm. Về điều này Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng cho biết như ông Sư-Vãi Bán-Khoai rằng :

Kể từ ngày vàng lộn với thau,

Phật, Tiên, Thánh cùng nhau xuống thế.

Hoặc giả :

Cờ thế-giới ngày nay gần thúc,

Nên Phật, Tiên phải xuống hồng trần.

Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết Ngài cũng "là một trong các vị cứu đời ấy. Ai liễu-đạo nơi quốc-độ nào thì phải trở về quốc-độ ấy mà trợ tế nhân dân", vì thế mà Ngài lâm phạm, nhằm khi thế-gian đương gặp lúc nào nòng:

Xuống dương thế đạo trong lê thứ,

Thấy bá gia gặp lúc nào nòng.

Ngài cho biết Ngài xuống thế mấy lần rồi mà nào ai có hay:

Chim Ô đà dựa cầu Ngân,

Người xưa trở gót mấy lần không hay.

Và Ngài cho biết Ngài xuống An-giang, tức là tỉnh Châu-đốc trong miền Nam nước Việt:

Tây-phương trở gót quá xa đàng,

Thương xót Nam-kỳ lại An-giang.

Đoái thấy xóm làng thêm bắt chán,

Yêu đời mê-muội luống bầm gan.

Và chuyển-kiếp vào một xác "thanh sắc trẻ", họ Huỳnh ở thôn Hoà-Hảo. Chính với danh-từ này Ngài đặt cho nền đạo của Ngài hoằng-hóa là Phật-giáo Hoà-Hảo:

Hoà thôn Hảo cảnh xứ chi ta,

Tạm dặt nhờn sanh khỏi ái hà.

Tạo xác Huỳnh danh thanh-sắc trẻ,

Chờ thời Thiên định thiết hùng ca.

Năm Ngài lâm phàm là năm Kỷ-mão (1939):

Xuống mượn xác nhằm năm Kỷ-mão,

Buồn xóm làng cứ ghét Diên Khùng.

Hoặc giả:

Kỷ-mão hạ san mượn xác trần,

Cảnh tình đồng loại lão khuyên dân.

Thậm thâm đây có niềm liên ái.

Hợp tác cùng nhau nối bút thần.

Ngài xuống thế để “nổi bút thần” tiếp tục công cuộc cứu-thế của Ngài, nhưng lần chuyển-kiếp này, sứ-mạng của Ngài ra sao ? Có giống mấy lần chuyển-kiếp trước không ?

4-Sứ-mạng của Đức Huỳnh Giáo-chủ

Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết lần xuống thế kỳ này là Ngài vưng lịnh của Phật Tổ:

Ta vì vưng sắc lịnh Ngọc-Tòa,

Đền Linh-Khứu sơn trung chịu mạng.

Ngài cho biết là Ngài xuống thế-gian mà truyền diệu pháp cho đời cải tà qui chánh :

Ngọc-Tòa Phật-Tổ nầy sai Ta,

Xuống cứu thế-gian nẻo vạy tà.

Hiệp sức tổ Thầy truyền diệu-pháp,

Cho đời thấu rõ đạo Ma-ha.

Đã đành “ai liễu đạo nơi quốc-độ nào thì cũng phải trở về quốc-độ ấy mà trợ tế nhân-dân”, nhưng cái lý chánh là vì cõi đất Việt-Nam sau này là cõi Trung-Ương. Nên chi Ngài cho biết rằng:

Tuy là nường dựa non Tân,

Ngày sau thế cuộc xoay vần về Nam.

Câu này ám chỉ trong một chuyển-kiếp làm ông Sư-Vãi Bán-Khoai ở nước Tần, nhưng cũng về Nam vì nước Nam sẽ là cõi Trung-Ương:

Cõi Trung-Ương luân-chuyển phương Nam,

Mở hội Thánh chọn người trung-hiếu.

Bởi hội Thánh sẽ mở tại Trung-Ương cho nên các vị Phật Tiên đều xuống thế ở Việt-Nam:

Nước Việt-Nam nhắm cõi Trung-Ương,

Sau sẽ có Phật Tiên tại thế.

Chính vì thế mà Đức Huỳnh Giáo-chủ được lệnh lâm phàm:

Ngài vâng chỉ đáo lai trần thế,

Cõi Trung-Ương nhằm đất nước Việt-Nam.

Chọn một chàng tuổi trẻ tục phàm,

Mượn tay gã, tờ hoa thần hạ bút.

Để thi-hành sứ-mạng cao cả của Ngài trong công cuộc dắt dìu sanh-chúng đi đến Hội Long-Hoa, để cảnh tỉnh người đời như Đức Phật-Thầy Tây-An và ông Sư-Vãi Bán-Khoai trước kia, Ngài xưng Khùng xưng Điên mà người đời có ai mấy biết:

Ra đời xưng hiệu Khùng Điên,

Nào ai có rõ Thần, Tiên là gì !

Mặc dầu người đời không biết, Ngài vẫn không vì đó mà không giục thúc người đời tìm Tiên lánh tục:

Điên như ta Điên giống Tiên Rồng,

Điên gỡ ách xích xiềng thế tục.

Chuông Linh-Khứu ba hồi giục thúc,

Đờn Lô-Âm khởi điệu êm tai.

Con lành duyên khá trở gót hài,

Điên quyết chí dắt người lánh tục.

Trong lúc đi hóa-độ, Ngài hóa hiện ra đủ hạng người, khi thì già, khi thì trẻ:

Khi già lúc lại trẻ thơ,

Giả quê giả dốt khắp trong thị thiềng.

Khi thì làm người tàn tật:

*Giả người tàn tật đón xe,
Rồi lại nói về ròng việc thiên-cơ.*

Khi thì giả người buôn bán:

*Nói ra thêm thắm thêm thê,
Ông-Lãnh dựa kê giả bán trâu cau.*

Khi thì giả ra người nhà quê:

*Giả quê dốt khuyên người tỉnh ngộ,
Giả bán buôn thức giặc người đời.
Rằng ngày nay có Phật có Trời,
Kẻ dân thứ nhiều người kêu ngạo.*

Đức Huỳnh Giáo-chủ không ngại mà bày tỏ:

*Cảnh Thiên-trước thơm tho nông nặc,
Chẳng ở yên còn xuống phàm trần;
Ấy vì thương trăm họ vạn dân,
Nên chẳng kể tấm thân lao khổ.*

Đức Phật-Thầy hay ông Sư-Vãi Bán-Khoai lâm phạm với sứ-mạng chỉ thức tỉnh người đời tu-hành cho kịp Hội Long-Hoa, đến như Đức Huỳnh-Giáo-chủ thì Ngài cho biết chẳng những Ngài có sứ-mạng nhắc nhở người đời mà Ngài còn đóng vai-trò quan trọng trong Hội Long-Hoa nữa:

*Muôn thu Thiên định khắp kỳ,
Hạ-Ngươn sắc lệnh khai kỳ Long-Hoa.
Rán vệt phá sương mù trước mắt,
Chớ để cho qui dặt linh hồn.*

*Lão đây vưng lịnh Phật-Tôn,
Lãnh cân thưởng phạt chư môn dữ lành.
Khá chi tâm học-hành kinh sám,
Thoát nơi miền hắc ám phong ba.
Trở chơn cho kịp Long-Hoa,
Long-Hoa có mặt ấy là hiền nhơn.*

Bởi thế, Hội Long-Hoa là một trường thi, lập ra để chọn người hiền đức:

*Long-Hoa Tiên Phật đáo ta-bà,
Lừa lọc con lành diệt quỷ ma.
Nên mãi mê mang mùi tục luy,
Linh hồn chìm đắm chốn nê hà.*

Có lập Hội Long-Hoa mới biết người hiền đức còn được bao nhiêu:

*Lập rồi cái Hội Long-Hoa,
Đặng coi hiền đức được là bao nhiêu ?
Gian tà hồn xác cũng tiêu,
Thảm thương bá tánh chín chiều quặn đau.*

Nhưng Hội Long-Hoa sẽ lập ra như thế nào ?

*Long-Hoa Hội ân cần lo lập,
Lập cho rồi tâm-thập lục-nhơn.
Lôi âm giục khởi tiếng đờn,
Thất-sơn dấy loạn là cơn hiểm nghèo.
Nơi phía trước cheo leo tiếng khóc,*

Đứng sau lưng hình vóc dầy chơn.

Nước kia lửa nọ tương bừng,

Thảm cho thế sự lấy-lừng nạn tai.

Thời cũng tại không ai tu niệm,

Cứ lẳng lơ ngạo biếm khoe khoang.

Đến nay là buổi tai-nàn,

Tam-Thiên lục bá khắp tràn hại dân.

Đến Thân Dậu Thánh Thần náo động,

Thảm cho trần nhà trống ruộng hoang.

Tiếng than lụy ngọc nhỏ tràn,

Nạn tai dồn-dập xóm làng còn chi.

Đại lược thảm-trạng của Hội Long-Hoa sẽ diễn ra như thế nào. Nhưng trước khi đi đến Hội Long-Hoa, cuộc thế sẽ biến chuyển ra làm sao ?

5-Giảng về các tai-biến

Cũng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thới, Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng nhận Hội Long-Hoa là một trường thi lập ra để chọn người hiền đức. Bởi thế muốn đi đến Hội Long-Hoa, có mặt trong Hội Long-Hoa không phải là một việc dễ, vì người có mặt trong Hội Long-Hoa hẳn là người hiền mới được:

Trở chơn cho kịp Long-Hoa,

Long-Hoa có mặt ấy là hiền hơn.

Có mặt trong Hội Long-Hoa đã là một việc khó, thì Hội Long-Hoa chẳng phải lập lên trong một sớm một chiều hay lập lên trong cảnh thái-bình. Vốn là một cuộc lọc lửa để chọn con Tiên cháu Phật, cho nên được đi đến Hội Long-Hoa, con người phải trải qua bao nhiêu biến-thiên nguy khốn, trong sự chuyển xoay trái đất:

Phải chuyển xoay trái đất một bầu,

Đặng lừa lọc con Tiên cháu Phật.

Và sự chuyển-biến ấy, sẽ diễn ra những cảnh thảm sầu khổ não báo hiệu rằng đời đã tới:

Hạ-Nguơn lòng dạ đổi dời,

Bao giờ khổ não đến đời là đây.

Cảnh thảm khổ đã xảy ra ở ngoại quốc, rồi đây nó sẽ diễn đến nước Nam:

Cảnh thảm khổ chiều mai sẽ đến,

Sao dân còn triều mến trần mê.

Mắt nhìn ngoại quốc thảm thê,

Nam-bang cảnh khổ cũng kề bên tai.

Lời trên đây đã xuất hiện từ năm 1938 trong lúc nước Nam còn yên tịnh. Mặc dầu thấy yên, nhưng Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết trước:

Ai mà biết đặng ngày mai,

Ngày nay yên tịnh ngày mai thảm sầu.

Từ đây gặp cảnh buồn rầu,

Cho người tàn bạo cứng đầu khinh khi.

Và cuộc biến chuyển sẽ đổi thay quá mau, từ giờ từ phút:

Nhìn cuộc thế đổi thay quá gắt,

Máy thiên-cơ mỗi phút mỗi thay.

Ngài khuyên dân-chúng hãy nhìn xem thì thấy:

Thôi thôi cảnh khổ hầu gần,

Ta khuyên dân-chúng ân-cần nhìn xem.

Như ông Sư-Vãi Bán-Khoai thì cho biết là sẽ có những điềm trời, còn Đức Huỳnh Giáo-chủ thì nhắc cho người đời để ý về mùa tiết, nay cũng đã khác xưa rồi:

*Trời giông gió sái mùa sái tiết,
Nắng cùng mưa cũng khác xưa rồi.*

Và người đời cứ mãi ước sao đời không tới phút cho rồi:

*Thấy trần thế ai ai cũng ước,
Đòi sao không tới phút cho rồi.*

Nhưng Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết là đã tới rồi mà khi đã tới người đời còn ngơ-ngẩn:

*Nay tới nơi khó đứng khôn ngồi,
Lúc đói cơm buồn lòng ngơ-ngẩn.*

Dầu vậy cũng chưa mấy thâm-thảm, rồi đây sợ khi nhìn thấy phải lạc phách bay hồn, trước cảnh máu sông xương núi:

*Khổ với thảm ngày nay có mấy,
Sợ mai sau dòm thấy bay hồn.
Trừ tà gian còn thiện chỉ tồn,
Cảnh sông máu núi xương tha thiết.
Trần với thế bây giờ nào biết,
Chừng nhìn xem hư thiệt mới tường.*

Thật vô cùng thảm thương cho lê-thứ:

*Thấy thiên-cơ khó nổi yên ngồi,
Thương lê-thứ tới hồi khổ não.*

Bởi từ đây sẽ có nhiều cuộc biến đổi dị-kỳ:

Từ đây biến đổi dị-kỳ,

Dương thế chuyện gì cũng có chuyển xoay.

Đức Huỳnh Giáo-chủ còn cho biết rồi đây sẽ xảy ra nào là cảnh người đời đua nhau mà chạy đất cà:

Mai sau nhiều cuộc đất cà,

Đua nhau mà chạy lâu dài cũng xa.

Và chừng đó khó đứng khôn ngời vì quá thương nhà tiếc của:

Để sau khó đứng khôn ngời,

Thương nhà tiếc của biết hồi nào nguôi.

Là vì nhà cửa ấy, nó tuôn trong một giờ là sạch:

Giàu sang như nước trên nguồn,

Gặp cơn mưa lớn nó tuôn một giờ.

Nào giặc-giã bốn phương nổi lên:

Đến chừng đó bốn phương có giặc,

Khấp hoàn-cầu thiết thiết tha tha.

Nào là nạn đói khổ:

Trong bốn đạo từ đây kim chỉ,

Đói với nghèo sắp đến bây giờ.

Mà một khi nạn đói xảy ra thì người đời phải điêu linh, vì nó kéo dài đến 5 năm sáu tháng:

Bửu ngọc trường quang ẩn tịch kỳ,

Sơn đài lộ vẻ liễu huyền vi.

Kỳ thâm tá giả thi thành thủy,

Hương vị âm thầm mộc túy vi.

Năm năm lục nguyệt cơ hàn thử,

Non lịch đài mây rạn tu mi.

Bảy niên hòa địa nhưn hiền thủ,

Núi ngự Hoàng-san tự Đĩnh-Chi.

Cái nạn đói này, Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết kéo dài cho đến ngày lập đời Thượng-Ngươn mới dứt:

Ngũ niên viễn lự cơ hàn.

Đến chừng qui phục Hốn-Đàng mới yên.

Bởi thế Ngài hằng khuyên những người giàu có:

Kẻ phú quý đừng vong cơm nguội,

Sau đói lòng chẳng có mà dùng.

Cũng như Ngài đã khuyên cả mọi người:

Khuyên trần sớm liệu bắp khoai,

Cháu rau đỡ dạ tháng ngày cho qua.

Về nạn đói, chúng ta thấy Đức Huỳnh Giáo-chủ nhận định như ông Sư-Vãi Bán-Khoai về thời hạn năm năm sáu tháng. Đây là lời của ông Sư-Vãi Bán-Khoai:

Năm năm sáu tháng long đong,

Nhơn dân thiên-hạ mắc vòng gian nan.

Hoặc là:

Năm năm sáu tháng cơ hàn,

Quý-vương gây loạn nào an thế trần.

Nào là nạn Quý-Vương gây tai nạn cho dân-chúng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai vừa nói trên:

Đạo Quý-vương rất nhiều chi nhánh,

Khuyên dương-trần sớm tránh mới mầu.

Để ngày sau đến việc thảm sầu.

Rán nghe kỹ lời Ta mách trước.

Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết là Trời mở cửa cho nó xuống:

Thời-kỳ này nhiều quỷ nhiều ma,

Trời mở cửa Quý-vương xuống thế.

Nó rất tinh tường biết cả tên người mà kêu:

Sau Quý-vương đi đứng nửa lừng,

Thêm tên tuổi chúng sanh nó biết.

Làm đủ cách xuống lên tha thiết,

Ở ngoài đường nó biết tên mình.

Nào là cửa nhà tan nát:

Khấp thế-giới cửa nhà tan nát,

Cùng xóm làng thưa thớt quạnh hiu.

Bấy lâu nay nuôi dưỡng chặt-chiu,

Nay tận-diệt lập đời trở lại.

Nào là cha con, chồng vợ lạc nhau, nhà không ai ở :

Cha nọ bỗng con vợ khóc oà,

Tan nát xóm giếng khổ dữ a !

Nhà không người ở, ôi ! nói trước,

Nếu chẳng tin lời gặp thiết tha.

Ngoài những tai biến vừa kể, Đức Huỳnh Giáo-chủ còn cho biết nào là nạn ác thú kỳ-hình dị-trạng sát hại sanh-linh đúng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thối cho biết. Chúng ta thử so sánh, đây là lời ông Sư-Vãi Bán-Khoai :

Thú sao nhiều thứ dị-kỳ,

Biết sao cho hết khác thì thú nay.

Lốp bay lốp chạy lảng xãng,

Chùng đó cầu nguyện Phật ngựa đặng đâu.

Và đây là lời của ông Ba Thối :

Có hổ lang ác có thú đến nhà,

Hùm tha sấu bắt trẻ già thương ôi !

Còn đây là lời của Đức Huỳnh Giáo-chủ :

Mưu sâu thì họa cũng thâm,

Ngày sau sẽ biết thú cầm chĩnh ghê.

Hùm beo tây tượng bộn bề,

Lại thêm ác thú mảng-xà rít to.

Các loài thú ấy đều biết bay, đúng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai đã viết:

Hổ lang ác thú muôn bày,

Lốp bay lốp chạy sau này đa đoan.

Ai mà ăn ở nghinh-ngang,

Đón đường nó bắt xé tan xác hồn.

Mặc dầu là kỳ-hình dị-tượng, nhưng loài thú ấy có tánh linh, biết phân-biệt kẻ hiền người ác. Với kẻ hiền đức thì nó cúi đầu, còn với người hung ác thì nó sát phạt:

Sau kẻ ấy làm mỗi mảnh hổ,

Cảnh núi non nhiều thú dị-kỳ.

Nó trọng ai hiền đức nhu-mì,

Sát phạt kẻ bội cha phản chúa.

Nào là nạn binhTrời mà ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thối gọi là âm-binh. Đây là lời ông Sư-Vãi Bán-Khoai nói về âm-binh:

Lại còn một mối âm-binh,

Làm đau nhiều chứng trong mình chẳng an.

Kẻ thời nát ruột nát gan,

Người lại nát thịt tan xương chẳng còn.

Và đây là lời của ông Ba Thối:

Xuất ngôn vô độ hữu âm-binh,

Xử phân bất chánh bất minh khổ đời.

Còn đây là lời của Đức Huỳnh Giáo-chủ nói về nạn binh Trời:

No chiều rồi lại đỏi mơi,

Dương trần sắp vướng binh Trời từ đây.

Nào là nạn bàn-môn tả-đạo nhiễu hại sanh-linh. Về đoạn này ông Sư-Vãi Bán-Khoai cho biết:

Bàn-môn tả thú rất nhiều,

Kỳ-lân sư-tử lại nhiều thú hung.

Hay là:

*Bàn-môn diệu-thuật đa đoan,
Hóa lửa nó đốt muôn ngàn người ta.*

Còn Đức Huỳnh Giáo-chủ thì cho biết:

*Ai mà Ta dạy chẳng gìn,
Thì sau đừng trách mất tình yêu thương.*

*Bàn-môn tài phép nào tường,
Kêu Trời giậm đất cũng thì dạ rân.
Nói cho trần-thế liệu-toan,
Chớ theo tả-đạo mà tan xác hồn,
Nó làm nhiều phép nhiều môn,
Bùa mê thuốc lú mê hồn chúng sanh.*

*Thành binh sai đạu cũng rành,
Nếu tin thì mắc tan-tành về sau.*

Nào là nạn Thiên-la địa-võng, ngăn đường đón ngõ, kẻ hung ác không chạy đâu cho thoát:

*Đến chùng đó Thiên-la lưới bủa,
Mới biết rằng Trời Phật công bằng.*

Nào là nạn sơn băng thủy kiệt:

*Sau đến việc sơn băng thủy kiệt,
Khùng thảm thương bá tánh quá chùng.
Nhìn xem trần nước mắt rưng rưng,*

Cảnh áo nã kể sao cho xiết.

Nào là nạn Đại Hồng-Thủy và lửa Trời cháy rực. Về đoạn này ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

Nước đâu ngập lụt gò cao,

Lửa đâu dậy cháy lao xao khắp ngàn.

Và đây là lời Đức Huỳnh Giáo-chủ nói về nạn Đại Hồng-Thủy:

Ngọn thủy triều nô nức sục sôi,

Bầu trái đất một phen luân-chuyển.

Và nói về nạn nước và lửa:

Nước kia lửa nọ tương bưng,

Thảm cho thế-sự lấy lòng nạn tai.

Trải qua những Thiên-tai Địa-ách ấy người đời chết chẳng biết bao nhiêu mà kể cho xiết. Ông Sư-Vãi Bán-Khoai mô-tả thảm trạng ấy với câu:

Ngồi trên đỉnh núi cheo leo,

Thấy trong thiên-hạ như bè trôi sông.

Ông Ba Thời thì cho biết người ta chết đến không ai chôn:

E thân thác chẳng đặng bó bì,

Bây giờ quan quách cô dì chế tang.

Về cảnh-trạng này Đức Huỳnh Giáo-chủ viết:

Lớp đau chết kể thôi vô số,

Thêm tà ma yêu quái chập đường.

Hay là:

Chinh chinh bóng xế về tây,

Đoái nhìn trần thế xác thân ê-hề.

Trong các Thiên-tai Địa-ách, riêng về hai tỉnh Long-Châu (Long-xuyên và Châu-đốc) còn chịu một tai nạn khủng-khiếp của con Long ác-nghiệt. Trong lịch sử Phật-Thầy Tây-An có đoạn nói rằng:

Một hôm ông Đình-tây, một môn-đệ của Đức Phật-Thầy Tây-An, được lệnh Thầy đi xuống vùng Láng, gặp lúc vợ tên Xinh chuyển bụng đẻ mà không có chồng ở nhà. Ông Đình-Tây thấy vậy chạy lo làm giường và rước mụ giùm. Khi tên Xinh đi bắt rắn bắt rùa ở ngoài đồng về nghe rõ tự sự thì hết sức cảm ơn ông Đình-Tây. Ông này thấy trong giỏ của Xinh có một con sấu con, mũi đỏ có năm giò, thì rất thích bèn nài nỉ hỏi mua. Nhưng vì thọ ơn ông Đình-Tây mới vừa giúp vợ mình sinh đẻ nên Xinh vui lòng biểu con sấu ấy cho ông. Được con sấu ấy, ông Đình-Tây đem khoe với Thầy. Té ra Thầy biết đó loại sấu Thần, nên có bảo ông Đình-tây đem giết, để trừ hậu hoạn. Đã không nghe lời Thầy, ông Đình-Tây lén nuôi con sấu ấy. Được ba năm, con sấu ấy một hôm bò đi mất. Không dám giấu-giếm, ông bèn đem việc ấy bạch lại với đức Phật-Thầy thì ngài chặt lưỡi, rồi cắt nghĩa cho ông Đình Tây biết sau này con sấu ấy sẽ nhiều hại dân-chúng không biết bao nhiêu mà kể.

Trong Sấm-Giảng của Đức Huỳnh Giáo-chủ, chúng ta thấy Ngài không dứt nói đến tai nạn phải chịu về con sấu năm giò ấy mà dân-chúng miệt Long-xuyên và Châu-đốc kêu tôn là ông Năm Chèo, còn Đức Huỳnh Giáo-chủ thì gọi là con Long ác-nghiệt.

Về con Long ác-nghiệt, Đức Huỳnh Giáo-chủ có chỉ vị-trí của nó và những tai nạn do nó gây ra :

Con sông nước chảy vòng cầu,

Ngày sau có việc thảm sầu thiết tha.

Chừng ấy nổi dậy phong-ba,

Có con nghiệt-thú nuốt mà người hung.

Đến chừng thú ấy phục-tùng,

Bá gia mới biết người Khùng là ai.

Con thú ấy phục-tùng ai ? Đức Huỳnh Giáo-chủ không ngại mà cho biết rằng:

*Ta chịu lịnh Tây-phương thọ-ký,
Gìn nghiệt-long đặng cứu dương-trần.
Nên ra đời dạy dỗ ân cần,
Khuyên bá tánh vạn-dân liệu lấy.
Và đến chừng đó khắp nơi mới mến yêu Ngài:
Thâu cho được con Long ác-nghiệt,
Thì khắp nơi mới biết mến yêu.*

Trong bao nhiêu tai trời ách nước mà người đời phải chịu trong thời-kỳ Hạ-Nguơn này, tuy là vô cùng khốn khổ, nhơn-loại điêu-linh, nhưng chưa khủng-khiếp bằng tiếng sấm nổ, báo hiệu thời-kỳ chuyển-biến bước qua cõi đời Thượng-Nguơn.

6- Giảng về tiếng sấm nổ

Tiếng sấm nổ sẽ gây ra nhiều hiện-tượng như: Sự thay đổi địa-hình, người đời đê-mê bất tỉnh, các vị Phật Tiên thừa vân lai thế công đồng thưởng phạt, lập lên đời Thượng-Nguơn...

Về tiếng sấm nổ, ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết :

*Thương thay trần hạ hết tình,
Sấm trời sao lại thành-linh nổ ra.
Chừng ấy mới thấy quỉ ma,
Ai lành ai dữ ai là Phật Tiên.*

Còn ông Ba Thới thì viết:

*Chừng nào nghe một tiếng âm thanh,
Lạ quê lạ kiếng bình-minh lạ người.
Lạ non núi lạ dạng nói cười,*

Mặt mày lơ láo như người cuồng phu.

Đều cho biết những hiện-tượng vừa kể trên trong khi sấm nổ.

Về sấm nổ Đức Huỳnh Giáo-chủ giải rất dài, vì đây là một hiện-tượng quan-trọng. Trước hết, tiếng sấm nổ ấy, làm bộc lộ kiếng Tiên :

Vang vầy sấm nổ chuyển luân,

Kiếng Tiên lộ vẻ vui mừng cha con.

Sau nữa, tiếng sấm nổ làm lộ bảng vàng, các nước vì tham báu kéo qua gây chiến-tranh thảm-khốc:

Sấm vang thì lộ bảng vàng,

Chư nhu thế-giới khắp tràn đến thi.

Chữ thi gần chữ sâu bi,

Bị ham của báu ly-kỳ máu rơi.

Tại đâu các nước kéo qua tranh báu, và báu ấy ở đâu ? Về vấn-đề này ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

Chừng nào bầy núi thành vàng,

Thời là mới đặng thanh-nhàn tắm thân.

Hay là:

Chừng nào Núi Cấm hoá lâu,

Thời là bá tánh đâu đâu thái-bình.

Còn ông ba Thới thì cho biết:

Vận nghèo ai chẳng phi ơn,

Của Trời Phật để Thất-Sơn thiếu gì.

Đức Huỳnh Giáo-chủ thì Ngài không ngớt nhắc đi nhắc lại:

*Trên Bảy Núi còn nhiều báu lạ,
Rán tu tâm dưỡng tánh coi đời.
Coi là coi được Phật được Trời,
Coi phép lạ của Tiên của Thánh.*

Ngài cho biết rằng tuy nay là chốn rừng sâu u-minh nhưng mà trong đó có vàng:

*Hỡi bá-tánh rừng sâu có mạch,
Tuy u-minh mà có đền vàng.*

Và Ngài không ngớt khuyên dân-chúng hãy rán tu để sau xem báu ngọc ấy:

*Đời cùng tu gấp kịp thì,
Đặng xem báu ngọc ly-kỳ Năm Non.*

Ngài quả quyết trong ruột Năm Non ấy có lâu đài.

*Rừng lâm cây đá thấy ngày nay,
Mà ruột Năm Non có các đài.
Chờ đợi con hiền noi tục cổ,
Tới thời Thượng-cổ điều hoà mai.*

Và Ngài cho biết lâu đài ấy sẽ lộ nay mai:

*Lâu đài Núi Cấm lộ nay mai,
Thức tỉnh chúng sanh sớm tỏ bày.
Khuyên dạy dân tình minh đạo-đức.
Tu hành được thấy cảnh Bồng-lai.*

Mà khi lâu đài lộ vẻ rồi thì chừng ấy sẽ thấy nhiều việc ly-kỳ ở Năm Non:

Làm cho rồi phận tu-mi,

Sau này sẽ thấy ly-kỳ Năm Non.

Và những chuyện ly-kỳ ấy không chi khác hơn là các nước khi thấy đèn đài châu báu lộ ra quá tham mà kéo đến:

*Lao xao bể Bắc non Tần,
Quân Phiên tham báu xa gần cũng qua.
Tranh phân cho rõ tài ba,
Cùng nhau giành giựt mới là thầy phôi.*

Bởi thế Đức Huỳnh Giáo-chủ thường khuyên:

*Khuyên bốn đạo chớ nên mê ngủ,
Thức dậy tâm đạo chánh của Khùng.
Đặng sau xem liệt-quốc tranh hùng,
Đặng sanh sống nhờ ơn chín bệ.*

Hoặc là :

*Đức Diêm-chúa yêu người hiền thảo,
Trọng những ai biết niệm Di-Đà.
Lại được gần bệ ngọc long-xa,
Coi chư-quốc tranh giành châu báu.*

Hay là :

*Hãy mau khuyên sớm chuyên cần,
Đặng xem chư-quốc non Tần giành chia.*

Nhưng đến khi ấy người hiền thảo thì được dựa kê bệ ngọc các lân xem chư quốc tranh hùng, còn người hung ác thì chịu cảnh vợ xa chồng, con lạc mẹ vì cuộc chiến-tranh tàn-khốc ấy:

*Thảm cho trẻ hài-nhi lịu-điệu,
Vợ xa chồng bận bịu thê-lương.
Phong-trần dày-dạn gió sương.
Chư bang ham báu hùng cường đua tranh.
Còn một cuộc chiến tranh giành xé,
Khắp hoàn-cầu ó ré một nơi.
Dòm xem châu ngọc chiều mới,
Sao đời không sớm tách đời cõi mê.*

Tuy biết rằng vì ham báu mà các nước kéo qua tranh giành gây nên cuộc xâu xé nhau làm cho lê dân phải chịu họa lây, nhưng có đến cảnh thê-thảm ấy, người hiền đức mới thấy phép màu của Phật Tiên Thần Thánh:

*Thất-Sơn lộ vẻ lâu đài,
Chừng ni mới thấy nhiệm màu của Ta.*

Bởi vì chính lúc thảm khổ ấy, lúc sanh linh chết thoi vô số kể, các đấng Tiên Phật mới hiện ra mà Đức Huỳnh Giáo-chủ đã khuyên tín-đồ lo tu sau sẽ thấy việc gì trên mây:

*Tu hành tâm trí rán tri,
Sau này sẽ thấy việc gì trên mây.*

Hoặc là :

*Này này lời lẽ rán ghi,
Sau đây sẽ thấy việc gì trên mây.*

Chừng đó những người hiền đức sẽ được tận mắt nhìn thấy Phật Tiên và lâu đài quốc-vương:

Nguyện cầu qua khỏi nạn tai,

Đặng coi Tiên, Thánh lâu đài quốc-vương.

Hay là :

Chữ Nam-mô đẹp được lòng sâu,

Sau thấy được nhà Tiên cửa Thánh.

Chẳng những được thấy Tiên Phật mà còn được xem phép màu của mấy Ngài nữa:

Thương sanh chúng tỏ bày quá kỹ,

Hỡi dương trần nên sớm quày đầu !

Đặng sau xem Phật-pháp nhiệm màu,

Với báu quý đài lâu tươi tốt.

Về những phép lạ này, Đức Huỳnh Giáo-chủ có nói đến nhiều đoạn, như:

Sớm chiều rèn đức kinh tinh,

Ngày sau mới thấy phép linh của Trời.

Những phép lạ ấy sở dĩ Phật Tiên hóa hiện ra là để trừ lũ Hung-Nô :

Gắng công tu xem nhiều phép lạ,

Của Thần Tiên trừ lũ Hung-Nô.

Phải có phép Phật mới trừ nổi lũ Hung-Nô, vì chúng nó có tài phép đa đoan lắm. Về đoạn này Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

Các nước vây phủ tư bề,

Phật cùng chư vị nào hề rảnh đâu.

Minh-Hoàng ngự tại Nam-lầu,

Phật cùng chư-vị lo thâm phép Thần.

Còn ông Ba Thối thì viết:

*Mãn nhứt thình các nước đều vô,
Đầu sơn giao chiến Nam-mô tranh tài.
Thập bát quốc vây phủ ở ngoài,
Thiền trung xuất trận phép tài quan Thiên.
Đoái Ngũ-long tiền trận nữ Phiên,
Giao chinh tam trận chư Tiên lai đầu.
Phật thâm phép chư quốc chư hầu,
Qui lai thiền nội ứng hầu Phật-vương.*

Và Đức Huỳnh Giáo-chủ thì viết:

*Địa Tiên tài phép đa đoan,
Phi-đao bửu-kiếm mê mang mắt trần.
Phật truyền thâm hết phép Thần,
Cứu an bá tánh một lần nạn nguy.
Phiên binh bốn phía tứ vi,
Kể sao cho xiết chuyện ni sau này.
Lớp thì thú ác dẫy đầy,
Lớp thì tranh-đấu tối ngày chẳng thôi.
Kẻ hung chừng đó làm mỗi,
Cho bày ác thú đền bồi tội xưa.*

Nhưng khi Phật thâm hết phép rồi, Phiên binh hàng đầu bằng cách nào ?

Ông Ba Thối cho biết Việt-Nam có một vị quân sư thượng-trí anh-hào coi mười tám nước:

*Nam triều sau có quân-sư,
Coi mười tám nước chư châu phục tùng.
Ngày sau nhiều kẻ anh hùng,
Nghề văn nghiệp võ trí trung không cùng.*

Vị quân-sư ấy đóng một vai trò quan-trọng mà ông Ba Thối cho biết thêm rằng:

*Hữu quân-sư thượng trí anh-hào,
Dạy mười tám nước chỗ nào văn thơ.
Mười tám nước tài phép trợ trợ,
Phật thâm trả quả ngân ngọc chư hầu.
Mười tám nước lai giảng hàng đầu,
Thường năm cống lễ ứng hầu Hấn-bang.*

Chỉ dùng thượng trí mà vị quân-sư ấy làm cho tài phép của các nước phải trợ trợ. Về đoạn này Đức Huỳnh Giáo-chủ nói rõ cho người đời thấy rằng:

*Thất-Sơn tiếng nổ,
Qui cổ diệt kim.
Cửu cửu y nhiên,
Tình riêng tham báu.
Đổ máu tuôn rơi,
Khùng mới nói chơi,
Chư bang hàng phục.*

Cũng đồng một ý nghĩa như ông Ba Thối rằng: Khùng mới nói chơi, chư bang hàng phục nghĩa là khắc phục Phiên-binh bằng phương-pháp bất chiến. Để bộc lộ tánh-cách bất chiến ấy, Đức Huỳnh Giáo-chủ viết thêm rằng:

*Anh hổ hò khoan,
Tình tang xự xế,
Bỏ phể hương thôn,
Ác đức vô môn.
Rồng mây hội yến,
Ra đời bất chiến,
Nổi tiếng từ-bi,
Lời lẽ rán ghi.
Thành công em thăm,
Có lắm người yêu.*

Về đoạn này nhiều người đem so sánh cho rằng giống một đoạn sấm của cụ Trạng-Trinh:

*Phân nhân lòng bắt khởi,
Nhiều nhiều xuất đông chinh.
Bảo-Sơn thiên-tử xuất,
Bất chiến tự-nhiên thành.*

Chắc sao cũng có kẻ hỏi: tại đâu chỉ mới nói chơi mà chư bang hàng phục, chẳng chiến mà thành? Có người giải-thích rằng: khi sấm nổ rồi thì súng chai, các võ-khí không còn hiệu lực nữa. Trong lúc ấy chỉ còn đấu phép hay đấu trí. Xưa nay sở-dĩ có chiến-tranh, nước khai hãn bao giờ cũng có giữ nhiều mưu-đồ chiến-lược bí-mật, chắc chắn rằng bên địch không lường nổi. Nay nước Việt-Nam có một vị quân-sư thượng-trí, có lục thông (Thiên-nhãn-thông, Thiên-nhĩ-thông, Thần-túc-thông, Tha-tâm-thông, Túc-mạng-thông, Lậu-tận-thông) ngồi một nơi mà thấy xa, nghe xa biết cả ý muốn của người nữa, thử hỏi khi chiến-lược của mình mà người biết, đều toan tính trong lòng mình mà người ấy lại hay, còn ai có gan dạ nào khai chiến, chẳng hàng đầu chớ.

7-Giảng về Thượng-Ngươn

Một khi mười tám nước phục-tùng thì Tam-giới công-đồng hội-hiệp để trừng trị những người hung ác ban thưởng người hiền lương:

*Người hung chết rất chặt thây,
Nhìn xem bắt thảm ngày rày cho dân.
Mấy người còn được xác thân,
Thi là đài ngọc, các lân mới kê.*

Về đoạn Tam-giác công-đồng hội-hiệp, ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

*Thiên-đàng Địa-ngục hiệp sang,
Trung-ương Tam-giới xuê-xang phỉ tinh.
Nói cho bá-tánh làm tin,
Đừng mê đạo khác mà quên Nam-đình.
Đến chùng gặp hội bình-minh,
Gươm nào tội nấy chớ tình thở than.*

Còn ông Ba Thời thì viết:

*Sau Tam-giới hội lại một ngôi,
Muôn dân lạc-nghiệp chúa tôi thuận hoà.*

Về đoạn này Đức Huỳnh Giáo-chủ giải rất rõ:

*Hiền lành chùng đó sum vầy,
Quân thần cộng lạc mấy ngày vui chơi.
Đến đó Ta thấy mới mừng cười,
Nhìn xem Ngọc-Đế giữa Trời định phân.*

*Thiên-hoàng mở cửa các lân,
Địa-hoàng cũng mở mấy từng ngục-môn.*

*Mười cửa xem thấy ghê hồn,
Cho trần coi thử có mà hay không ?*

*Nhơn-hoàng cũng lấy lẽ công.
Cũng đồng trừng trị kẻ lòng tà gian.*

*Ấy là đến lúc xuê-xang,
Tam-hoàng trở lại là đời Thượng-Ngươn.*

Về việc Đức Ngọc-Đế định phân, Đức Huỳnh Giáo-chủ còn cho biết thêm rằng:

*Có ngày mở rộng qui khô,
Non Thần vang chuyển Khùng ngồi xử phân.*

*Huyền-cơ máy tạo xoay vần,
Đồng về Phật cảnh mười phần xinh tươi.*

Chẳng những Ngài dự một phần trong việc phân định của Đức Ngọc-Đế, mà còn lãnh một trọng trách trong việc lập bảng Phong-Thần nữa. Về bảng Phong-Thần Đức Huỳnh Giáo-chủ có viết:

*Các nơi Tiên-trưởng đầu đầu,
Lư-bồng hội-hiệp đồng châu Thánh-vương.*

*Trụ kia bạo ác phải nhường
Võ-vương hữu đức đường đường trị dân.*

*Thì rõ việc Phong-Thần trở lại,
Thuyền Đông-Pha lèo lái cánh trương.*

Và chỉ có người hiền đức mới xem được cuộc Phong-Thần đăng bảng:

Nhờ ơn Trời ban bố đức ân,

Xem chung cuộc Phong-Thần tại thế.

Nhưng vị nào lãnh phần đứng ra dựng bảng Phong-Thần ? Đức Huỳnh Giáo-chủ không e ngại mà cho biết:

Đến kỳ thi danh Thầy chạm bảng,

Trên đài cao gọi các linh-hồn.

Chỉ có một hội này mới biết ai được ai mất. Bởi thế Đức Huỳnh Giáo-chủ không dứt khuyên răn:

Lo lo liệu liệu chịu tiếng trần,

Có một hội này rán lập thân.

Chớ để trễ chầy rên chẳng kịp,

Khuyên ai khuya sớm rán chuyên cần.

Và một khi được bước đến cõi Tiên-bang mới hưởng được sự an nhàn dựa kê cửa Thánh:

Gắng công khỏi buổi nghèo nàn,

Sum vầy một cuộc Hón-đàng toại thay.

Người nào vẹn được thảo ngay,

Dựa kê cửa Thánh đài mây an nhàn.

Nhưng hỡi ôi ! những người được hưởng phước huệ ấy còn chẳng được bao nhiêu. Theo ông Sư-Vãi Bán-Khoai thì trong mười người còn lại hai người:

Tôi buồn bốn phía không yên,

Kẻ dữ hết tám, người hiền còn hai.

Nhưng theo ông Ba Thối thì trong mười người chỉ còn có một:

Càng ngày càng hao càng mòn,

Mười phần hết chín chẳng còn người hung.

Còn Đức Huỳnh Giáo-chủ thì cho biết cả thế giới số người còn lại lỗi hai ba phần:

Thiên cơ biến đổi can qua,

Gấm trong thế-giới còn đôi ba phần.

Mau mau kíp kíp chuyên cần,

Chúng sanh còn có lập thân hội này.

Nhưng số người còn lại ấy, có thể giữ được tấm thân ô-trước trong thời-kỳ Thượng-Ngươn chẳng ? Một thời-kỳ mà quả đất đổi hình, cảnh vật đều xinh tươi khí-hậu thanh khiết ôn lương, ngày thì mặt trời mọc, đêm thì có trăng sáng như ban ngày ? Từ ông Sư-Vãi Bán-Khoai , trải qua ông Ba Thối đến Đức Huỳnh Giáo-chủ, đều nhìn nhận là có sự thay hồn đổi xác, phản lão hoàn đồng. Về vấn đề này ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

Tu hành như đức thì hơn,

Thay hồn đổi xác nhờ ơn Cửu-trùng.

Hết tục rồi lại đến Tiên,

Giữ lời Phật dạy mới yên mới lành.

Ông Ba Thối cũng nhận sự phản lão hoàn đồng, hết tục đến Tiên ấy là nhờ phép Phật:

Khá bủa câu thả lưới đợi chờ,

Phật cho tài phép một giờ thoát mê.

Cõi dương-gian ba kiếng ba quê,

Ba ngôi ba chúa châu phê nhứt điều.

Thương cho người sống ít thác nhiều,

Linh đơn Phật rưới mai chiều hóa Tiên.

Về vấn đề này Đức Huỳnh Giáo-chủ có viết :

Chừng Bảy Núi lâu son lộ vẻ,

Thì người già hóa trẻ dân ôi !

Tu hành ắt được thành-thời,

Lại xem được Phật được Trời báu thay.

Đức Huỳnh Giáo-chủ còn cho biết cái hiện tượng thay hồn đổi xác chẳng riêng gì ở Việt-Nam mà còn khắp hoàn-cầu:

Sau lập hội thì già hóa trẻ,

Khắp hoàn-cầu đổi xác thay hồn.

Đức Ngọc-Hoàng mở cửa thiên môn,

Đặng ban thưởng Phật Tiên với Thánh.

Và Ngài cho biết cũng như ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thới rằng: việc thay hồn đổi xác, già hóa trẻ ấy là nhờ phép Tiên phép Phật:

Cổ ngữ hằng ghi thậm khổ đa,

Tận diệt nhơn gian, trực Tiên khoa.

Lão già hậu qui nhơn ấu giả,

Ly-kỳ Thiên định dĩ thiên-la.

Thế là đời Thượng-Ngươn đã lập với sự đổi mới địa-hình, nhơn-vật. Về đoạn này ông Sư-Vãi Bán-Khoai có viết:

Phật Trời nói chẳng sai lời,

Long-Hoa là hội Phật Trời lập ra.

Lập rồi cái Hội Long-Hoa,

Chọn người tu niệm đặng rày bao nhiêu ?

Chọn lựa coi thử ít nhiều,

Người lành kẻ dữ còn tiêu kẻ nào ?

Minh-Vương xuất đế ngôi cao,

Lập đời Thượng-cổ anh hào hiền lương.

Chọn người của Phật mến thương,

Đặng giao mỗi nước cho Vương Minh-Hoàng.

Còn ông Ba Thối thì viết:

Phật thâm phép chư quốc chư hầu,

Qui lai thiên nội ứng hầu Phật-vương.

Đồng chúc Thánh vạn thọ an khương,

Tuế tăng vạn tuế Phật vương thọ trường.

Phân chư quốc cống lễ minh tường,

Tiểu ban lãnh sắc thường thường thọ ân.

Đãi yến diên chư quốc quan dân,

Chỉnh tề trở lại hương lân an phần.

Phân thượng hạ quan chức quân thần,

Phân ngôi phân thứ định phần quan dân.

Chúc Hớn trào miên viễn hoàng ân,

Trường sanh thọ tuế muôn dân thanh nhàn.

Thế là ông Sư-Vãi Bán-Khoai và ông Ba Thối đồng nhận ở thời-kỳ Thượng-Nguơn sẽ do Đức Minh-Vương ngự trị.

Đến Đức Huỳnh Giáo-chủ, Ngài cũng nhận như thế:

*Khấp lê-thứ biến di thương hải,
Dùng phép mầu lập lại Thượng-Nguơn.
Việc thiên-cơ Khùng tỏ hết trơn,
Cho trần hạ tường nơi lao lý.
Lão nào có bày điều ma-mị,
Mà gạt lờng bốn đạo chúng sanh.
Đức Minh-Vương ngự ở Nam-thành,
Đặng phân xử những người bội nghĩa.*

Và Ngài cho biết có Đức Minh-Vương sửa trị thì đời mới an cư:

*Đạo đời nào có tư riêng,
Minh-Vương sửa trị mới yên ngôi Trời.*

Và đời an cư ấy là ngày Thượng-Nguơn hồi phục:

*Làm cho rõ mặt râu mày,
Thượng-Nguơn hồi phục là ngày an cư.*

Ông Sư-Vãi Bán-Khoai cũng nhận như Đức Huỳnh Giáo-chủ rằng có Đức Minh-Vương trị nước thì dân mới thái-bình:

*Các nước chư quốc khiêm nhường,
Minh-Vương trị nước như Đường cao-Tôn.
Nam trào Phật ngự rất đông,
Vua lên chánh-điện thì dân thái-bình.*

Về thời-kỳ thanh-trị ấy, Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết như thế này:

*Ngày nào mà Phật, Tiên toạ vị,
Ấy thời lai bình-trị muôn dân.
Khắp các nơi chư quốc xưng thần,
Trong bốn biển chúng dân lạc-nghiệp.
Theo dõi gót người xưa mới kịp,
Vững mây lành ngũ sắc hào quang.
Phật, Thánh, Tiên Đông-độ bước sang.
Miền Nam-địa phân chia đẳng cấp.
Nước cờ mới nay đà khởi sập,
Trở tài hay biển lấp non đồi,
Dưới cùng trên ảm đạm khí Trời,
Cả thế-giới mưa hòa gió thuận.
Tạo nền móng Thánh quân đặt vững,
Nơi Triều-ca gãy dựng tôi hiền.*

Mà sở dĩ khắp thế-giới đều một niềm hòa-thuận là vì ở thời-kỳ Thượng-Nguơn sẽ có Phật, Tiên tại thế, và việc nước đều gom về một mối, đặt dưới sự sửa trị của một vị Thánh quân:

*Cùng no bốn biển một cha thôi,
Bỏ dứt thói hư với tật tồi.
Trên có Phật Trời soi việc thế,
Dưới đây cơm áo lão về ngôi.*

Và sau này, khi đời Thượng-Nguơn được lập thì nước Việt-Nam sẽ đổi quốc-hiệu là Hớn-bang. Về điều này ông Sư-Vãi Bán-Khoai đã có nói:

Nói cho già trẻ lo âu,

Minh-Vương khôi phục Hớn Châu Phong Thần.

Còn ông Ba Thối thì viết:

Mười tám nước lai giáng hàng đầu.

Thường năm cống lễ ửng hầu Hớn-bang.

Hay là :

Phân thượng hạ quan chức quân thần,

Phân ngôi phân thứ định phần quan dân.

Chúc Hớn trào miên viễn hoàng ân,

Trường sanh thọ tuế muôn dân thanh nhàn.

Về quốc-hiệu sau này của Việt-Nam, Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng nhận là Hớn-bang hay Hớn-đàng:

Ngũ niên viễn tự cơ hàn,

Đến chừng qui phục Hớn-đàng mới yên.

Bởi Hớn-bang là một cõi Tiên-bang sau này cho nên muốn đi đến cõi ấy, Đức Huỳnh Giáo-chủ hằng khuyên hãy cố gắng tu hành:

Gắng công khỏi buổi nghèo nàn,

Sum vầy một cuộc Hớn-đàng toại thay !

Người nào vẹn được thảo ngay,

Dựa kê cửa Thánh đài mây an nhàn.

Và muốn đi tới cõi tốt đẹp ấy, cần phải nhẫn-nại trông chờ:

Duyên sự đê mê cảnh Hớn-đàng,

Lần dò cho thấu nẻo Tiên-bang.

Xuê-xang mấy kiếng nhìn sương gió,

Lòn cúi chờ trông lúc khai-hoàn.

Mà ngày khai-hoàn ấy là ngày thấy được phụng-hoàng xuất hiện, tức là điềm thánh-chúa ra đời:

Chứng nào thấy được phụng-hoàng,

Rồng châu chớp nháng Hớn-đàng hiển vinh.

Và ngày hiển vinh ấy là ngày hớn-đàng vững đặt:

Một tay tá quốc an bang,

Nước nhà vững đặt Hớn-đàng hiển vinh.

Cứ theo Đức Huỳnh Giáo-chủ thì ngày hiển vinh, vui tươi ấy cũng gần lỗ bóng, chớ không còn xa:

Ngày vui tươi cũng đà lỗ bóng,

Cớ sao đời còn mãi say sưa ?

Không tìm Thầy đặng hưởng phước thừa,

Ngày lập hội tay vin cành quế.

Cái cơ-hội được vin cành quế, chỉ có một ngày hội này mà thôi. Bởi thế Ngài khuyên hãy rán chuyên cần, bằng để trễ chầy thì chẳng kịp. Nhưng chứng nào Hội Long-Hoa mới lập ? Ngày tận-diệt còn xa chẳng ?

8- Những lời Tiên-tri

Đọc qua các Sấm Giảng từ ông Sư-Vãi Bán-Khoai, trải qua ông Ba Thới cho đến Đức Huỳnh Giáo-chủ, ai cũng nhận thấy có nhiều đoạn nói về thời-gian rất phù-hạp nhau, mà phù-hạp cả Sấm của Trạng-Trình nữa.

Trong Sấm Trạng-Trình có đoạn viết

*Long vĩ xà đầu khởi chiến-tranh,
Can qua xú xú khổ đao binh.
Mã đề dương cước anh-hùng tận,
Thân dậu niên gian kiến thái-bình.*

Ông Sư-Vãi Bán-Khoai cũng nhận-định như thế, nên có nhiều đoạn viết như:

*Mèo kêu nghe tiếng ai bi,
Quân thần phụ tử xiết chi ưu phiền.
Rồng bay xao xiển nào yên,
Rắn bò giáp giới đảo điên dương-trần.
Chừng nào có ngựa có lân,
Có qui có phụng có quân có thần.*

Hay là:

*Năm Mẹo tháng Mẹo chưa buồn,
Năm Mẹo tháng Hợi lụy tuôn dầm-dề.
Vậy mà chưa thấy ủ ê,
Trung-ương rồng lộn ê hề thây thi.
Mèo kêu riết tới ai bi,
Tới gà về ổ dân thì bình an.*

Như thế là cùng nhận như Đức Trọng qua Dậu mới thái-bình.

Ông Ba Thới cũng nhận rằng:

*Con Mèo ngồi sợ rắn xa đàng,
Dê thời ghét Khỉ xóm làng sạch trơn.*

*Thập bát quốc làm hội đầu sơn,
Thăng thiên độn thổ nhờ ơn Phật Trời.*

Trong Sấm Giảng của Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng thấy đồng một nhận-định ấy:

*Mèo kêu bà tánh lao xao,
Đến chừng rỗng rảnh máu đào chĩnh ghê.
Con ngựa lại đá con dê,
Khấp trong trần hạ nhiều bề gian-lao.
Khỉ kia cũng bị xáo xào,
Canh khuya gà gáy máu đào mới ngưng.*

Và cho biết đến Dậu là có Phật ra đời:

*Chừng nào mới dựng thành thời,
Dậu Phật ra đời thế-giới bình yên.*

Và nhắc lại rằng những điều cho biết trên đây là đúng theo sấm truyền của Đức Trạng:

*Ngày nay xe lết xe lôi,
Đúng lời truyền sấm của đời Lê.
Là năm Rỗng, Rảnh, Ngựa, Dê,
Chúng sanh thế-giới ê-hề thây phơi.
Trạng Trình truyền sấm mấy lời,
Ngày nay dân chúng vậy thời rấn tri.*

Về bài Sấm của Trạng Trình, có người cho rằng đã ứng hiện trong trận đại-chiến thứ hai vừa rồi. Nhưng trong quyển *Phi-Lạc sang Tàu*, ông Hồ-Hữu-Tường cãi lại rằng: bài Sấm của Đức Trạng chỉ vào trận giặc cuối cùng là trận giặc thứ ba.

Nhưng có điều mà Sấm Giảng đều nhận là thế nào giặc Tần cũng khởi trước, mở màn cho cơ tận-diệt.

Về điểm này ông Ba Thối viết:

*Lòng tướng Phật có người bảo-hộ,
Của bá gia cứu độ bá-gia.
Việc trước thời Tần khởi loạn ra,
Sát hơn vật người ta thậm khổ.*

Tứ-Thánh cũng có viết:

*Để rồi cuộc loạn quân Tần,
Biết cho Tứ-Thánh bắc vắn hay không.
Ếch ngồi đáy giếng mắt trông,
Vịt nghe tiếng sấm cũng không biết gì.
Khoai lang lại với khoai mì,
Đến khi Tần khởi độ thì khẩu ta.*

Trong Sấm-Giảng, Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng cho biết Tần sẽ diêu động trước:

*Tam châu hữu ngạn lỵ nhỏ sa,
Thập bát chư bang động can-qua.
Dương gian mãnh thú trừ tàn ác,
Lê thứ hậu lai khổ thiết tha.*

Tần bang hậu hận tiên diêu động,

*Nam-quốc lương dân kiến linh xa;
Phồn hoa đô hội lưu giang huyết,*

Dư đảng dọc ngang cặp Ma-ha.

Nhưng đầu sao cũng chỉ là những lời tiên-tri, vì chưa thực-hiện nên còn chưa tin. Đức Huỳnh Giáo-chủ cũng biết thế nên chi có nói trước:

Nữa sau đến việc biết đời,

Bây giờ chưa thấy nó thời không tin.

Mặc dầu tin hay không tin, Ngài cũng nói:

Nghe không thì cũng mặc tình,

Nói cho rõ rệt dân tin không là.

Và đây là những lời tiên-tri đã ứng-hiện: chúng tôi muốn nói về hiện-tượng lúa bay.

Nói lúa mà biết bay, thiệt không có ai ngờ, nhưng hiện-tượng này đã xảy ra. Cứ theo báo chí đăng tải thì hiện-tượng này đã xảy ra ở tỉnh Bạc-liêu mà người tường-thuật không ai khác hơn là một vị cao cấp trong toà-án ở Bạc-liêu trước kia đã từng lăn lộn trong nghề báo, có đứng chủ-trương cả tuần báo lẫn nhật báo.

Như thế lời tường-thuật không còn nghi-ngờ là điều bịa đặt. Người ta có đưa ra giả-thuyết cho rằng con trốt hốt lúa bay đi, nhưng theo lời tường-thuật thì không thể cho đó là một hiện-tượng do con trốt gây ra, vì rằng khi thấy lúa bay thì người ta cố đậy ém nó lại nhưng nó vẫn chui ra bay như thường, trong lúc không có gió đông gì cả.

Cái hiện-tượng này cũng thấy xảy ra ở trong tỉnh Long-xuyên và Châu-đốc, ngặt vì không có ai tường-thuật lên mặt báo nên không ai hay biết.

Cái hiện-tượng này đã được Sấm-Giảng từ mười mấy năm về trước cho biết và cắt-nghĩa lúa ấy bay về đâu? Đây là đoạn Đức Huỳnh Giáo-chủ giải thích về lúa bay:

Ngồi chơi đạo-lý bàn qua,

Mấy bà có biết lúa mà bay không ?

Có người đạo-lý hơi thông,

Xin ông bày tỏ cho tôi hiểu rày.

*Điên nghe liền mới tỏ bày,
Lúa bay về núi để dành ngày sau.*

Thế là lúa ấy bay về núi để dành ngày sau mà trong khi *Kim-cổ kỳ-quan* của ông Ba Thối đã cho biết:

*Đói ăn bắp đói nữa ăn khoai,
Hết khoai hết bắp chiều mai ăn đá,*

Thế là lời tiên-tri về lúa bay từ mười mấy năm về trước ngày nay đã ứng-hiện.

Và đây là lời tiên-tri mà Đức Huỳnh Giáo-chủ cho biết trước rằng sau này khó kiếm được Ngài:

*Tu kíp kíp nếu không quá trễ,
Chừng đói đâu khó kiếm Diên Khùng.*

Hay là:

*Rán nghe lời dạy của Thầy,
Để chừng đến việc kiếm Thầy không ra.*

Ngoài ra Ngài còn cho biết trước những biến-chuyển về thời cuộc Việt-Nam mà lần lượt được thấy ứng-hiện không sai. Như khi Nhật chiếm đóng, Ngài cho biết Nhật ăn không hết nửa con gà, trong lúc người ta tin chắc Nhật sẽ thắng Đồng-minh.

Lời tiên-tri ấy được ứng-hiện rõ ràng.

II. Ông Thanh Sĩ hay Người Có Huệ

Dân chúng ở miệt Hậu-giang và một số người ở Sai gòn không còn lạ với ông Thanh-Sĩ. Ông tên tục là Trần-duy-Nhứt mà người đời thường gọi là cậu Hai nhỏ. Năm nay, ông mới 25 tuổi, vốn là người sanh-trưởng ở Nha-mân thuộc tỉnh Sa-Đéc. Mồ côi cha từ nhỏ, ông sống với mẹ già, nhà nghèo nên sự học-hành chệnh-mảng. Ông chỉ học đến lớp ba trường làng rồi thôi. Ông sống với mẹ và lo việc tu-hành theo phái cư-sĩ tại-gia, pháp-môn của Đức Huỳnh Giáo-chủ hoằng-hoá, chú-trọng về đạo Tứ-ân, học Phật tu nhơn, chớ không có khổ-hạnh trường chay, hay luyện đơn hoá khí gì, nghĩa là tu như bao nhiêu tín-đồ Phật-giáo Hòa-Hảo.

Ấy thế, mà khi ông lên mười sáu tuổi thì bỗng nhiên ông sáng tỏ, thông-minh một cách lạ thường, nhưng hồi ấy ông chưa biểu-lộ cho ai biết. Gặp lúc loạn-lạc, ông và mẹ bỏ đất Nha-Mân tản-cư lên miệt Châu-đốc và Long-xuyên. Và vào mùa xuân năm 1948, lúc ông được 21 tuổi thì ông ra đời nói pháp.

Và đây là những điều kỳ-diệu mà người đời phải ngạc-nhiên. Ông có tài hùng-biến mà xưa nay chưa từng thấy.

Chúng ta thường thấy các vị cao-tăng thuyết-pháp, người kém học thì hoặc viết bài sẵn rồi đọc, kẻ lấu-thông thì hoặc ứng khẩu, nhưng hầu hết đều dùng loại văn xuôi. Đến như ông Thanh-Sĩ thì chẳng thế. Bất cứ ở đâu ông cũng ứng khẩu và thuyết-pháp bằng thi trường thiên, khi thì thượng lục hạ bát, khi thì song thất lục bát, khi thì thất ngôn trường thiên, khi thì tứ cú liên hoàn, thao thao bất tuyệt, cả ba bốn giờ đồng hồ mà không ngưng, đứng trước hằng năm bảy ngàn thiện-nam tín-nữ. Nhưng chớ tưởng ứng khẩu như thế là thi không điều luyện.

Những nhà thi bá một khi nghe ông thuyết-pháp phải lắc đầu, vì lối thi của ông rất điều-luyện và trác-tuyệt. Nếu phải là tay thi gia, chưa hẳn ngồi nặn nọt mà làm được. Có người nghi ngờ ông đã làm sẵn, rồi học thuộc lòng. Điều nghi ngờ này bị phá tan khi có nhiều nơi đưa đầu-đề ra nhờ ông giảng là ông liền ứng khẩu cả hai ba tiếng đồng hồ mà không dứt.

Hoặc giả, người ta muốn thử coi ông có làm sẵn không, bèn đưa ra cùng một đầu-đề đó mà ở nơi này thì giảng khác, còn ở nơi nọ thì lại giảng khác nữa. Nói tóm một điều là ông tùy căn-cơ và trình-độ của thính-giả mà hóa-độ. Ông biết rõ căn-cơ và đi thấu vào ý-tưởng của mỗi người đến hầu chuyện với ông.

Chính vì chỗ cơ-huyền này mà nhiều người đến hoặc hỏi pháp hoặc xin thơ đều được ông làm thỏa-mãn. Ông cho thơ ngay tại chỗ, viết trước mắt mọi người. Và điều kỳ-diệu mà người đến xin thơ phải ngạc-nhiên là bài thơ ấy nói đúng vào bản-tính của mình. Có một lần, có một người được ông cho thơ, khi đọc đến phải

khủng-khiếp, vì những lời mà người ấy nguyện hằng đêm trước bàn Phật đều được lặp lại trong bài thi.

Còn một điều mà các nhà thơ phải khâm-phục là ông thường làm một lỗi thơ khoán-yêu nghĩa là hạn chữ ở nửa chừng câu.

Đây chúng tôi xin đơn cử ra một bài thơ ông cho một ông Đốc-phủ nọ ở Sài gòn, một bài thơ bằng chữ nho, mặc dầu từ bé đến lớn ông không hề có học, vừa khoán thủ, vừa hai lần khoán yêu. Bài này làm ngay khi ông đốc-phủ ấy đến xin:

Cứu trần **Thiên** duyệt **Kiếp** mê si,

Dân chúng **Tông** đồ **Hối** sự phi.

Mạt pháp **Tịnh** diêu **Tà** chánh khởi,

Kiếp phạm **Độ** tái **Loạn** bình thi.

Phật sanh **Kiên** thế **Qui** liên toạ,

Tiên hoạt **Hành** nhưn **Kiến** ngọc trì,

Lâm khổ **Bất** cần **Long** hổ trợ,

Trần hoàn **Di** dịch **Hội** chi nguy.

Xin tạm lược đại-ý như vậy :

- Xuống trần cứu người khỏi kiếp mê si, trở lại vui thích ở cửa thiên.
- Cho dân-chúng tông-đồ hối cải việc quấy.
- Ở thời-kỳ diệt-pháp thì khởi ra hai mối tà chánh.
- Ở kiếp phạm thì vẫn trở qua trở lại, loạn với bình thi nhau.
- Phật ra đời để đem về tòa sen.
- Tiên giáng trần khiến người thấy được bệ ngọc.
- Cảnh khổ đã đến sao chẳng cầu Long hổ cứu trợ.

- Cuộc trần hoàn sắp thay đổi, nổi nguy khổ dồn đôn.

Đọc toàn bài đã có nghĩa, mà khi đọc dọc xuống hàng thứ nhứt, thứ ba và thứ năm, chúng ta sẽ thấy ba câu:

Câu đầu: **Cứu dân mạng-kiếp Phật Tiên lâm trần**, có nghĩa: Phật Tiên xuống phàm cứu dân trong thời-kỳ mạng-kiếp.

Câu thứ ba: **Thiền-tông Tịnh-độ kiêm hành bất di**, có nghĩa: Hãy tu hành cả pháp-môn Thiền-tông và Tịnh-độ chớ dời đổi.

Câu thứ năm: **Kiếp hồi tà loạn qui kiến Long Hội**, có nghĩa: Hãy mau cải tà qui chánh thì sẽ thấy Hội Long-Hoa.

Như thế đủ thấy tài làm thi của ông là tuyệt và sự nhận-định huyền-cơ của ông cũng siêu phàm.

Đây chúng tôi xin trích thêm một bài thơ bằng văn Việt để cho ai ai cũng có thể thưởng thức, chẳng những cái hay của lối thơ khoán yêu mà còn nhận-thức những lẽ huyền-cơ của ông Thanh-Sĩ về cõi đời Hạ-Ngươn này:

*Xót thương **Hạ** giới chịu tan-tành,*

*Ấy cũng **Ngươn** do nghiệp bất lành.*

*Đến lúc **Gần** đây tuồng nhị chúa,*

*Sẽ ra **Có** cuộc trở tam thanh.*

*Nước tràn **Tây** sạch phường vô đạo,*

*Lửa dậy **Trần** thiêu lũ bất minh.*

*Hồi trẻ **Bớ** già mau tỉnh ngộ !*

*Tu cầu **Dân** chúng sớm thẳng-bình.*

Ngoài ý-nghĩa của toàn bài cho biết cuộc biến-thiên trong những ngày sắp tới mà ai ai cũng nhận thấy, chúng ta khi đọc câu thứ ba theo chiều dọc xuống còn thấy câu khoán-yêu này: **Hạ-Ngươn gần có tẩy trần bớ dân !** Như thế thật là tài tình, tài tình ở chỗ toàn ý bài thơ với câu khoán-yêu cùng một ý-nghĩa.

Cái lỗi thơ khoán-yêu là cái lỗi thơ sở trường của ông Thanh-Sĩ. Nói thế chẳng phải về các loại thơ khác ông không tinh. Cho đến nay ông sáng-tác được ba tập thơ: *Châu thuyết, Tiếng chuông cảnh tỉnh và Tinh thể*.(1)

(1). Mới đây ông có viết tập "Bán dạ Đông thiên".

Ngoài ra ông cho thơ rất nhiều và viết nhiều bài trường-thiên, nhưng tiếc vì tản mác một nơi một mớ, nên không kết-tập được. Một điều đáng tiếc nữa là mỗi lần thuyết-pháp, ông điều dùng lối ứng khẩu không được ký âm, cho nên không còn dấu tích lưu lại.

Một người từ chỗ vô học mà trở nên sáng tỏ thông-minh như thế, thật là một việc hy-hữu. Trong người ấy hẳn có cái gì siêu phàm lắm.

1- Thế nào là người phát huệ ?

Trước khi đi sâu vào tư-tưởng-giới của ông Thanh-Sĩ, tưởng cũng nên biết qua thế nào là người phát huệ, và có phải đó là một hiện-tượng thần-bí không ?

Về sự phát Huệ, trong Sấm Giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ có đoạn viết:

Nếu ai mà biết chữ tu trì,

Tâm bình tịnh được thì phát huệ.

Như thế đủ thấy rõ rằng hễ cái tâm đã định thì tức nhiên Huệ phát. Cũng như một hồ nước mà cứ mãi động, cặn cáu nổi lên thì không làm sao thấy được đáy hay ngòi trên bờ hồ dòm xuống mà thấy rõ diện mục. Phải làm cho đáy hồ yên tịnh, cho cặn cáu lắng xuống thì nước hồ tự-nhiên trong, tức nhiên ngó thấy được đáy. Cái tâm con người cũng thế, hễ nó xao-động thì nó gây thêm vô-minh, duy nó yên tịnh thì nó mới phát Huệ, nghĩa là đạt đến sự sáng tỏ.

Để đạt được Huệ, trong nhà Phật có sáu pháp Ba-la-mật phải tu, mà Tàu dịch là Lục-Độ nghĩa là sáu chiếc đò đưa đến bến giác, tức là Huệ vậy.

Sáu pháp Ba-la-mật ấy là:

1° *Đàn-na* (Dana) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Bố-thí* nghĩa là đem tiền của, thân mạng, pháp mà ban-bố cho chúng-sanh.

2° *Thi-la* (Sila) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Trì-giới* nghĩa là giữ các giới-luật của kẻ hoặc tu tại-gia hoặc tu xuất-gia.

3° *Săn-đề* (Ksanti) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Nhẫn-nhục* nghĩa là nhẫn chịu mọi đau khổ trên đời.

4° *Ti-lê-da* (Virya) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Tinh-tấn* nghĩa là nhứt tâm sẵn bước tới, không hề nản chí.

5° *Thiền-na* (Dhyana) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Thiền-định* nghĩa là yên tịnh cõi lòng và dứt tâm tán loạn.

6° *Bát-nhã* (Prajna) tiếng Phạn, Tàu dịch là *Trí-huệ* nghĩa là trí thông suốt các pháp, thấu hiểu chơn-lý.

Cứ theo sáu pháp này mà tu-hành chơn chánh thì sẽ đạt được Huệ. Sáu pháp này có thể giản-súc lại làm ba pháp: **Giới, Định, Huệ**, nghĩa là phải giữ giới và thiền-định thì đạt được Huệ.

Như thế muốn được Huệ phải hành sáu pháp Ba-la-mật. Như trường-hợp của ông Thanh-Sĩ, có phải ông cũng đã hành y theo pháp Lục-độ kia không ? Như chúng ta đã biết: ông Thanh-Sĩ chỉ tu theo phái cư-sĩ tại-gia pháp-môn của Đức Huỳnh-Giáo-chủ, một pháp-môn chỉ tu nhưn đạo, học Phật tu nhưn, thì nhờ đâu ông lại lại phát Huệ ? Vì đâu người không học mà nói pháp rất rành ?

Về điều này trong Sấm-giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ có đoạn giải rằng :

Đức Lục-Tổ ít ai dám sánh,

Người dốt mà nói pháp quá rành,

Lựa làm chi cao chữ học-hành,

Biết tỏ ngộ ấy là gặp Đạo.

Như thế rất rõ: trường hợp của Lục-Tổ Huệ-Năng không có học mà nói pháp rất rành, cũng chẳng qua là nhờ tỏ ngộ mà thôi.

Nhưng biết đâu sự tỏ ngộ của Đức Huệ-Năng chẳng chỉ để hoàn-thành bao nhiêu sự học hỏi ở tiền-kiếp ?

Về điều này, ông Thanh-Sĩ trong quyển *Châu-thuyết* cũng có viết:

Có học có biết có tường,

Không học mà biết phi thường khó thay !

Có bông có trái nhờ cây,

Có công tu-luyện được tài Thần-thông.

Cũng là một ý-nghĩa cho biết đã có công tu-luyện ở tiền kiếp chớ chẳng phải không. Như thế trong những người sáng tỏ, phát Huệ ngày nay hẳn có một tiền kiếp siêu-phàm.

Về trường-hợp của ông Thanh-Sĩ, không thấy ông cho biết điều gì quá sự hiểu biết của người phàm-tục. Ông rất khiêm-tốn mà cho biết rằng:

Lòng nguyện một kiếp một thân,

Vừa lo tự giác, vừa lần giác tha.

Và bổn-phận của ông là để nhắc nhở lại những điều giáo-hoá của Thầy cho người đời phấn-khởi tu-hành:

Kể từ ngày lối đạo Sĩ Thanh,

Miền Châu-đốc chỉ rành đường lối.

Khi vắng mặt Đức Thầy tắm tối,

Giục-giã người phấn-khởi tu hành,

Mặc dầu ông quá khiêm-nhượng, không xưng hô nhưng người ta cũng nhận thấy ở ông một bậc siêu phàm, trong bài thơ tự-thán khoán thủ dưới đây:

Thân do tứ đại hợp nên hình,

Ta đã hồi quan rất bạch minh.

Sống ngụ hồng-trần gieo giống thiện,

Thác hồi cứu vị đạo non linh.

Vẫn không nhiễm-loạn nơi phàm tục,

Xem khắp ta-bà độ chúng-sinh.

Như phải quyên thân vô-lượng kiếp,

Thường vui tái-hiện cứu mê linh.

Với câu "**thác hồi cựu vị đạo non linh**" đủ biểu-lộ tánh siêu-phàm ấy. Càng bộc lộ tánh siêu-phàm và lòng quảng-ái của ông hơn nữa là bài thơ "**Lòng ta**" sau đây:

Mong mỗi trau giồi tánh Phật nhi,

Độ đời nổi chí đấng từ-bi.

Chúng-sanh nếu mãi còn luân-chuyển,

Nguyện gánh cho trần cái khổ ni!

Khổ ni lãnh chịu cõi trần-gian,

Lần lượt non đài đặng rảnh rang.

Nếu một phút nào dân thống-khổ,

Ta dầu cực-lạc khó ngời an.

An ngời tự tại một mình ta,

Hạ-giải điều-linh mấy vạn nhà.

Dám hỏi tâm phàm đau đớn chẳng,

Huống hồ Phật Thánh đặng nhàn ca.

Trường-hợp của ông Thanh-Sĩ là như thế thì những người phát Huệ khác cũng như thế.

2-Luật tuần-hoàn của đời sống vô-vi và hữu-vi

Về vấn-đề Tận-Thế và Hội Long-Hoa, ông Thanh-Sĩ nhận-thức không khác Sấm-Giảng. Ông nhận thời-kỳ này là thời-kỳ Hạ-Nguơn, đúng như lời di-giáo:

Đức Thầy dẫn bảo cặn lời,

Hạ-Nguơn nay đã hết đời rán tu.

Vì là thời-kỳ tận-diệt:

Rằng Hạ-Nguơn tận-diệt từ đây,

Phật Thánh Tiên xuống thế đông vầy.

Và ông cho biết trong muôn thuở mới có một lần như thế:

Đời tới đây tai khổ lu-bù,

Vì Tận-Thế muôn thu mới có.

Mà sở-dĩ có cuộc Tân-Thế là vì số Trời đã định:

Chẳng qua phải lúc tai nản,

Nghiệp trần số hệ Thiên-hoàng đã phân.

Đúng với luật tuần-hoàn vũ-trụ:

Có câu thiên-địa tuần hườn,

Đáo đầu thiện ác một cơn tan tàn.

Cái luật tuần-hoàn ấy đã định trong thế-kỷ hai mươi này, và ông Thanh-Sĩ cũng nhận cái luật ấy đúng với lý Tam-nguơn, như Cao-Đài-giáo đã nêu ra. Sở-dĩ phải lập lại Tam-nguơn là bởi con người trong thế-kỷ hai mươi này quá trầm-luân đoạ-lạc :

Trong rất nhiều kinh pháp siêu sinh,

Người đoạ-lạc trầm luân mãi mãi.

Nên mới đành Tam-Nguơn lập lại,

Đời hai mươi thế-kỷ tiêu-điều.

Trong hội này công quả ít nhiều,

Tùy duyên nghiệp luật triều thưởng phạt.

Ông Thanh-Sĩ cho biết cái luật tuần-hoàn của Tam-nguơn không bao giờ dứt.

Sự tuần-hoàn ấy có nghĩa là một cuộc sa-thải, một cuộc chọn lọc có ý-nghĩa tiến-hóa chứ không phải có ý-nghĩa thối hóa, một cuộc chọn lọc tùy ở duyên nghiệp của chúng-sanh hoặc được thưởng, tiến-hóa cất nhắc lên, hoặc bị phạt, thối-hóa ngưng trệ lại. Trong thời-kỳ Thượng-Nguơn con người về tánh-chất rất hồn-nhiên, đã cảm-ứng với lý siêu-nhiên, cho nên sự tiến-hóa rất dễ-dàng, một phần lớn đã đặc đạo vượt lên một thế-giới cao-khiết hơn. Phần nào không tiến-hóa thì toạ lạc xuống thời-kỳ Trung-Nguơn.

Trong thời-kỳ này cũng có một phần được tiến-hoá thì vượt lên còn phần nào không tiến-hoá thì trầm-luân xuống thời-kỳ Hạ-Nguơn. Nhưng đến thời-kỳ này thì phần không tiến-hoá không còn được lưu lại, vì là thời-kỳ cùng tột. Phần nào được chọn lọc thì đem về đời Thượng-Nguơn để có dịp tiến-hoá lên còn phần nào không được chọn lọc thì sẽ bị sa-thải, đoạ-lạc, đợi cho đến mấy muôn năm sau, khi từ Thượng-Nguơn chuyển dần xuống Hạ-Nguơn, tùy cảnh đời nào thích-hợp với căn-cơ, nghiệp quả của mình mà lộn trở lại.

Cái luật tuần-hoàn của Tam-Nguơn là như thế. Mà cả luật huyền-vi, ông Thanh-Sĩ cũng cho biết sẽ diễn tiến như thế nữa.

Ở thời-kỳ Thượng-Nguơn, con người sống về vô-vi. Trong con người chứa đựng đủ sự nhiệm-mầu của vũ-trụ, vì con người lúc bấy giờ sống phù-hợp với lý siêu-nhiên. Con người có thể bay được, nghĩa là có đủ phép thần-thông: như đằng vân, độn thổ; có huệ-nhãn, ngồi một nơi mà thấy xa được; có huệ-nhĩ, ngồi một nơi mà nghe được xa; có tha-tâm-thông, ngồi một nơi mà biết chuyện xảy ra ở địa phương xa hay tai biến sắp xảy đến.

Nhưng con người huyền-linh ấy qua đến thời-kỳ Trung-Nguơn trở đi vì sống xa với lý siêu-nhiên, cho nên cái bản-tánh huyền-linh ấy dần dần mất đi, hay giải-thích một cách khác, lớp người huyền-linh đã được tiến-hoá qua thế-giới khác, chỉ còn hạng người không tiến-hoá, nghĩa là kém huyền-linh ở lại. Vì mất bản-tánh huyền-linh cho nên con người phải sống về *hữu-vi*, nghĩa là giả-tá vật-chất bên ngoài để bù đắp lại chỗ bản-tánh huyền-linh của mình.

Vì vấn-đề cần sống và để giúp đỡ cho cuộc sống dễ-dàng, con người phải tìm phương sáng-chế về vật chất. Chính vì đó mà sự phát-minh máy móc xuất-hiện. Để thoả-thích cái bản-tánh đằng vân, người ta sáng-chế ra phi cơ; để nghe được, người ta sáng chế ra vô tuyến truyền thanh; để thấy được xa, người ta sáng-chế ra vô-tuyến truyền-hình. Người

ta còn đương tìm kiếm và sáng-chế ra nữa để đạt đến tha-tâm-thông nhưng chưa có kết-quả.

Mặc dầu nhờ sự sáng-chế, con người đã đạt được một phần mà bản-tánh huyền-linh của mình đã có, nhưng sự sáng chế ấy, kể ra chỉ đạt được một phạm-vi rất hẹp, chớ không được như bản-tánh huyền-linh vô-biên vô-tận.

Như máy vô-tuyến truyền hình chỉ giúp cho người ở xa thấy được những hình nào mà người ta cho thâu vào, chớ không như huệ-nhãn muốn phóng đến cõi nào cũng không hề có chướng-ngại.

Con người một khi sáng-chế ra được máy móc thì lấy làm thoả thích với sự sáng-chế của mình, cho nên một ngày một đi sâu vào đời sống vật-chất, chẳng màng đến đời sống vô-vi. Họ không màng hay không còn nhớ là vì họ đã sống xa thời-kỳ vô-vi, lâu quá rồi. Chẳng những không màng nghĩ, mà họ còn phủ-nhận đời sống vô-vi, cho đó là một sự huyền-ảo không thực.

Đó là căn-tánh của con người sống trong thế-kỷ hai mươi này, nhút nhút đều lấy khoa-học làm chuẩn-thẳng. Hễ cái gì khoa-học không có thể khám-phá ra hay không có thể đạt đến họ cho là phản khoa-học, phản tiến-hoá.

Ông Thanh-Sĩ cho biết rằng: Vì quá sùng phụng vật-chất máy móc mà rồi đây con người phải đi đến chỗ tiêu-diệt bằng những máy móc do họ sáng-chế ra. Đó là luật tuần-hoàn của lý vô-vi.

Xã-hội loài người tiến từ đời sống vô-vi đến đời sống hữu-vi, để rồi đây trở lại đời sống vô-vi trong thời-kỳ Thượng-Nguơn sẽ tới. Cuộc Tận-Thế lần này là một cuộc tiến-hoá lớn của nhơn-loại. Rồi đây khi đời Thượng-Nguơn được lập, xã-hội loài người sẽ tiến-hoá bằng cả muôn ngàn lần xã-hội văn-minh ngày nay.

Luật tuần-hoàn dĩ đáo, cơ tận-diệt đã hầu kề. Vì thế, Phật, Tiên, Thánh lập ra Hội Long-Hoa để chọn người hiền đức nghĩa là có bản tánh vô-vi lập lên đời Thượng-Nguơn.

3-Những tai-biến trước ngày Hội Long-Hoa

Luật tuần-hoàn đã hiển-nhiên như thế và lý tận-diệt cũng đã rõ như thế, tận-diệt để tẩy sạch lớp trước trần.

Nhìn cuộc đời quá ác-trước, ông Thanh-Sĩ không dứt tiếng than:

Mở lời hội luy muốn tuôn,

Thấy đời tôi tệ lòng buồn nào hơn !

Ngoài môi trau chuốt nghĩa hơn,

Trong lòng bội bạc oán hơn ai hay.

Lời ngay mà dạ chẳng ngay,

Đời này miệng ngọt lòng cay thiếu gì.

Buồn ai đem bạc đổi chì,

Tiên-bồng chẳng tưởng, tưởng thì trần mê.

Và vì quá đắm mê mà người đời gây ra bao nhiêu tội ác, loạn-luân cang-kỷ:

Tình anh em gây ra thù hận,

Đạo cha con giết lẫn với nhau.

Tranh tước quyền xâu xé đồng bào,

Nghĩa chồng vợ hại nhau tàn nhẫn.

Ở chòm xóm lăm điều như bản,

Nào dâm-ô nghịch lẫn oán thù.

Phạm tội tình cướp trộm lu-bù,

Đường đạo-đức mờ lu thái quá.

Nếu cái dòng đời ác-trược như thế cứ lôi cuốn đi tới mãi, loài người sẽ tiến đến đâu ? Nếu không đến ngày tận-diệt. Và cái cơ tận diệt ấy đã được báo hiệu bằng những cuộc biến-chuyển, bằng những cuộc chiến-tranh ác-liệt:

Đời Hạ-Nguơn loạn-lạc chiến-tranh,

Chúng áp-dụng thẳng bình dân-chủ.

Ý thông-thái chê đê cổ-hủ,

*Lo đua chen hấp-thụ văn-minh.
Nào tự-do trai gái kết tình,
Chúng mặc sức ăn xinh mặc tốt.
Đời mạt-hạ nay đà cùng tột,
Đến đây là ráo rớt cuộc đời.
Cuộc tuần-huần chuyển động chiều mới,
Tiếng gầm thét rụng rời thân thể.
Khắp thế-giới từ đây hết kể,
Sự cạnh-tranh cấu xé lan tràn.
Miễn cho mình danh vị cao sang,
Mặc ai bị tai nạn trời kể.*

Chẳng những loài người điêu-linh mà cả vạn-vật cũng chung số phận:

*Đời Tận-Thế lắm cơn dông tố,
Cả muôn người chịu khổ điêu-linh.
Giống cỏ cây sắt đá vô tình,
Cũng chung chịu với mình bi-thảm.*

Vì thấy đời sắp đến cơ tận-diệt, Đức Thế-Tôn động lòng bi-cảm, truyền cho các Bồ-Tát xuống trần phổ-hoá cứu vớt chúng-sanh:

*Phật từ-bi lấy lòng thâm cảm,
Thấy chúng-sanh tai nạn dập dồn.
Động lòng thương Đức Phật Thế-Tôn,
Truyền Bồ-Tát tách chơn xuống thế.*

*Khai đạo-pháp tuỳ duyên phổ tế,
Có dắt-dìu những kẻ chúng sanh.
Quá mê-si tham nhiễm tập-tàn,
Vì quyền tước lợi danh chen lẫn.*

Và các đấng Phật Bồ-Tát đã xuống trần vào thế-kỷ hai mươi này:

*Đạo ngày nay hai mươi thế-kỷ,
Phật ra đời dẫn chỉ trần ai;
Đặng sớm lo tạo cảnh nguyệt-đài,
Dìu bá tánh khỏi nơi khổ hải.
Đạo từ-bi muôn đời ban rải,
Nay vẫn còn tồn-tại trường miên.
Buổi Hạ-Nguơn sanh chúng đảo-điên,
Đem đạo-đức tạo giếng an-lạc.*

Các đấng thiêng liêng ấy ngày nay vì mượn xác trần cho nên dân-chúng không tin, nhưng rồi đây sẽ thấy các Ngài tại thế:

*Rồi sau đây đặng thấy Phật Tiên,
Cõi thế-gian tháo mở gông xiềng.
Đưa nơn loại non Tiên dựa kể.
Đó là tới thì giờ biến thế;
Nay còn đang lọc lựa chánh tà.
Nên thăm sầu khắp cả bá gia,
Chịu lắm cuộc phong ba cuộn cuộn.*

Bởi còn trong thời-kỳ lừa lọc, cho nên cuộc đời càng ngày càng bối rối, muôn dân
đồ thán đảo-điên:

*Cả muôn dân đồ thán đảo-điên,
Cam siết chặt truân chuyên nhiều nỗi.
Ngày càng ngày việc đời bối rối,
Đường rộng dài khó nỗi tới lui.*

Mà nhứt là miền Á-Đông thì còn chịu biết bao nhiêu tang-tóc.

*Từ đây cho đến định quyền,
Biết bao tang-tóc khắp miền Á-Đông.*

Và ông Thanh-Sĩ cho biết rằng đời khổ đã tới rồi, nên khuyên bá gia gắng-bó tu-
hành:

*Lời giục thúc tu-hành gắng-gố,
Này bá gia đời khổ tới rồi.*

Và sự khổ ấy diễn ra bằng tai nạn dập-dồn:

*Lòng lo lắng việc bất tường,
Một ngày một đến đủ đường nạn tai.*

Nào là nạn đạn lạc tên bay:

*Nỗi sầu nạn lạc tên bay,
Nỗi thương giặc-giã trong ngoài hại dân.*

Làm cho cửa nát nhà tan:

*Giang-san phải nhuộm máu điều,
Giống-nòi rời rã sanh nhiều việc hư.
Có thấy chẳng gia cư tan nát,*

Cả xóm chòm xơ-xác đảo điên.

Nào là giặc nổi lên khắp thế-giới:

Khắp thế-giới thâm thê thê thâm,

Giặc bao trùm xe trạm đua chen.

Và các nạn binh-đao sở-dĩ xảy ra, sát hại sanh-linh bỏ thây thi ê-hề là bởi thời-kỳ tận-diệt:

Từ đây nước lửa tràn-trề,

Binh đao đồn-dập ê-hề thây thi.

Đó cũng bởi thời-kỳ tận-diệt,

Nên nhiều điều thảm-thiết lê dân.

Nào là nạn đói đau, nên chi ông Thanh-Sĩ thường khuyên:

Lo cần kiệm tu-hành chánh kỷ,

Vì đói đau lộ vĩ gần đây.

Nên cần-lao trồng trặc lúa khoai,

Đặng chi độ qua ngày thống khổ.

Ông mãi lặp lại rằng nạn đói đau ấy gần lắm rồi:

Đói đau cuộc thế hầu gần,

Cơ Trời xoay chuyển cõi trần ngày nay,

Càng xiết chặt nhiều ngày khổ não.

Vì chịu bao nhiêu tai họa đồn dập nên gia-cư lần lần thưa-thớt:

Việc sắp đến trời long đất lở,

Cảnh điều-hiêu vô-vỏ sầu tư;

Mãi lần lần thưa-thốt gia cư,

Đó mới biết trường đồ mã lực.

Nhưng bấy nhiêu tai nạn cũng chưa hết, vì từ nay cho đến ngày lập đời Thượng-Nguơn còn nhiều nỗi đau khổ chông gai:

Từ nay đến gặp đời Thượng-cổ,

Lướt bụi bờ nhiều chỗ gai chông.

Nào là nạn sơn băng thuỷ kiệt:

Cũng đứng ý chúng hiệp cô,

Sơn băng thuỷ kiệt đói khô bây giờ.

Cùng một nhân-định với Sấm-Giảng của Đức Huỳnh-Giáo-chủ về đoạn:

Sau đến việc sơn băng thuỷ kiệt,

Khùng thảm thương bá tánh quá chừng.

Nào là nạn ác thú nhiều hại sanh-linh như sấu bắt hùm tha. Về tai nạn sấu bắt hùm tha này ý-kiến ông Thanh-Sĩ không khác ông Ba Thới. Đây chúng ta thử so-sánh.

Ông Ba Thới thì viết:

Có hổ lang ác thú đến nhà,

Hùm tha sấu bắt trẻ già thương ôi !

Ông Thanh-Sĩ thì viết:

Để rồi đến việc can-qua,

Đầy đường sấu bắt hùm tha túng cùng.

Ông Thanh-Sĩ còn mô-tả cảnh thảm khốc ấy, ai trông đến cũng lạc phách kinh-hồn:

Mắt trông thấy tứ vi hổ báo,

Tai nghe rền cày cáo mài nanh;

Màng-xà núp ẩn rừng xanh,
Lội bơi uốn khúc hoành-hành gớm-ghê.

Kẻ bạo ác hồn mê bất tỉnh,
Dưới sông thời-linh-nghinh sấu to.

Dưới trên con hét con hò,
Lớp bay lớp chạy vầy vò người hung.

Lũ gian ác vô cùng sợ hãi,
Người lương hiền chằm rãi bước đi;
Nhờ ơn các bực Thần-kỳ,
Thương người trung hậu hộ trì bình an.

Kẻ bạc ác thềm than trộm trách,
Phật Trời không mở vạch rừng mê;

Đến nay gặp việc thảm thê,
Hồn phi phách tán tãi tê mặt mày.

Lời bút tích trưng bày thâm diệu,
Bởi tối tâm chẳng hiểu thời thôi.

Để chừng đến việc khổ rồi,
Biết đâu trốn khỏi, lưới trời bủa giăng.

Và đây là cảnh mà người hung ác bị thú phân thân xé thịt.

Kéo lũ lượt qua truông vượt ải,

Bị thú hùm giết hại thốt thưa.

Ruột rà muối xát tốt tưa,

Nhãn mày nhíu mặt đổ thừa cho ai ?

Con đũa công đũa đai liu-điêu,

Phận túng nghèo kẻ níu người lồi;

Yêu tinh bắt giết làm mồi,

Thương người ăn ở bạc vôi không còn.

Nào là nạn nước lửa sấm-sét làm chuyển động khắp hoàn-cầu:

Nạn thủy hoả phong lôi sấm chớp,

Khắp hoàn-cầu Trời Đất chuyển xoay.

Dụng thần-thông Nam Bắc Đông Tây,

Cả vạn vật muôn loài ngơ-ngác.

Mà sở-dĩ loài người chịu bao nhiêu tai nạn thâm như thế, vì đây mà một cuộc lọc lửa chọn người hiền đức đặng chầu Chúa Thánh:

Từ đây lựa lọc sạch tinh,

Đặng chầu Chúa Thánh Long-đình xướng ca.

Và cũng như các Sấm-Giảng, ông Thanh-Sĩ nhận cuộc lửa lọc là một trường-thi cho những người tài đức:

Từ đây nhiều bực nhiều trang,

Siêu quần bạt chúng lập đàn công danh.

Trường thi Trời Phật đã dành,

Ai người hiền-đức ra tranh bảng vàng.

Cái trường thi này không như cái trường thi của người đời chọn kẻ văn hay võ giỏi, mà là một trường thi đạo-đức, chọn căn hạnh, bản tánh:

Trong hội này công quả ít nhiều,

*Tuỳ duyên nghiệp luật triều thưởng-phạt.
Đáp những công hiền nhu khao khát,
Nhờ mưa lành tưới mát bá tòng.
Cái trường thi đạo-đức rất thông,
Mà cũng ở vào trong căn hạnh.
Thi đức-trí thi trong bản-tánh,
Chỗ bại thành do bởi lòng người.*

Và cái trường thi ấy không chi khác hơn là Long-Hoa Đại-Hội.

4-Giảng về Hội Long-Hoa

Ông Thanh-Sĩ còn cho biết cái trường thi đạo-đức ấy, cuộc Đại-Hội ấy sẽ mở tại Nhà-bàn:

Long-Hoa Đại-Hội Nhà-bàn,

Thương thay những kẻ bại tàn còn chi !

Bởi Long-Hoa Hội là một trường thi chọn người hiền-đức, cho nên muốn đi đến phải là những bậc trung lương đã sửa thân cải tánh. Bởi thế, ông Thanh-Sĩ thường khuyên:

Rán mà cải tánh sửa thân,

Long-Hoa mới đặt hầu gần Phật Tiên.

Chín toà sen báu hoa liên,

Phật Ngài lộ vẻ nhưn hiền ai đương.

Rạng mà những bậc trung lương,

Gian dâm vô đạo đầy đường huyết lưu.

Và chỉ khi nào Hội Long-Hoa mở ra mới hết cơn khổ não, nước trị nhà an:

Muốn cho nước trị an nhà,

Cầu Trời mở Hội Long-Hoa non đoài.

Và đây là cảnh Long-Hoa Đại-Hội được ông Thanh-Sĩ mô-tả rất rõ:

Muốn hầu dưới cội Hoa-Long

Được xem Tiên Phật công đồng thưởng ban;

Dem bao tiếng ngọc lời vàng,

Tuôn nghe như suối trên ngàn đổ ra.

Vừa thâm vừa diệu lại xa,

Khiến cho vạn vật hiền hoà như nhau:

Mùi hương phưởng phất ngạt ngào,

Khắp trong vũ-trụ nơi nào cũng nghe.

Mây mù thấy chẳng còn che,

Trăm ngàn nhật-nguyệt sua se ánh hồng;

Nổi lên nhiều trận mưa bông.

Thập phương chư Thánh tỏ lòng cúng dường.

Côn trùng thảo mộc đồng mừng,

Được nhờ đức Phật gọi nhuần phúc dư.

Thế gian tử hiếu phụ từ,

Khắp trong thiên hạ an cư thái bình.

Thật là một cảnh-tượng vô cùng đẹp xinh, một cảnh do phép của Phật Tiên tạo ra. Như thế, muốn được thấy cảnh tượng ấy, đâu phải là dễ. Nhưng chừng nào mới mở ra Hội Long-Hoa? Ông Thanh-Sĩ bảo hãy chờ cho sấm nổ thì sẽ rõ:

*Sấm vang rõ biết rừng tòng,
Điển quang chớp nháng Lạc-Hồng khởi phong.*

*Sẽ rõ biết Hoa-Long Đại-Hội,
Cân công-bình chẳng mỗi vị tư.*

Tiếng sấm nổ, ông Thanh-Sĩ cho biết cũng như các Sấm-Giảng từ ông Sư-Vãi Bán-Khoai cho đến Đức Huỳnh-Giáo-chủ, sẽ là một hiện tượng vô cùng quan-trọng, vì tiếng sấm ấy sẽ làm lộ lâu đài cung điện:

*Sấm vang điện ngọc lộ ra,
Hào quang Đức Phật Di-Đà sáng trưng.
Trên nhạc thổi chín từng mây bạc,
Dưới điện đài lâu các nguy-nga.*

Vì đâu sấm nổ lại lâu các lộ ra ? Và lộ ra ở đâu ? Ông Thanh-Sĩ không nói ra, nhưng cho biết rằng những cảnh đẹp xinh ấy nay vẫn còn ở chốn sơn lãnh, đương chờ người trọn lành bước tới:

*Chốn sơn lãnh nay còn chờ đợi,
Người chọn lành bước tới xem qua.
Kìa tường vân năm thức chói loà,
Nọ rực-rỡ trăm hoa ngũ sắc,
Cảnh xinh đẹp cứu trùng đài các,
Đời thiếu chi vàng bạc của tiền.*

Ông Thanh-Sĩ vẫn nhắc cho người đời nhớ rằng: mặc dầu ngày nay thấy là núi rừng, nhưng mai sau chính nơi đó sẽ có nhiều quý báu, qui tụ Thánh-Thần:

*Nay núi rừng chim kêu vượn hú,
Sau rồi xem qui tụ Thánh-Thần;*

Được trưng bày phép lạ phi thân,

Đầy hạnh phúc muôn dân thọ hưởng.

Ban đầu ông Thanh-Sĩ còn nói bao-quát rằng những đèn đài châu báu ấy còn ẩn trong lâm sơn, sau ông tiến gần một chút nữa mà cho biết những châu báu ấy còn ở trong đá, và rồi đây đá ấy hoá vàng, nên chi ông khuyên:

Lời lành khuyên nhủ thế-gian,

Ran tu gặt đá hoá vàng mà coi.

Và ngày mà đá hoá vàng ấy sẽ là ngày phụng-hoàng chớp cánh:

Đợi chờ xem núi đá hoá vàng,

Cảnh lâm sơn chớp cánh phụng hoàng;

Nhà Thượng-Cổ sửa sang cho chúng.

Tuy nói ẩn-ước nào là đèn đài châu báu còn ẩn trong lâm sơn, trong đá, nhưng rốt cuộc rồi, ông Thanh-sĩ cũng không thể giấu mà chỉ ngay ra:

Long-Hoa riết tới cho bền,

Rõ ràng Bảy Núi lâu đèn nguy nga.

Nhưng cũng chưa rõ bằng câu sau đây:

Chờ cho non Cấm hoá lâu,

Phật ra công dụng phép mầu mới an.

Như thế là ông Thanh-Sĩ cùng nhận-định như ông Sư-Vải bán-Khoai và Đức Huỳnh-Giáo-chủ.

Về điều này ông Sư-Vải bán-Khoai đã viết:

Chừng nào núi Cấm hoá lâu,

Thời là bá tánh đâu đâu thái bình.

Và Đức Huỳnh-Giáo-chủ thì viết:

*Lầu đài núi Cẩm lộ nay mai,
Thức tỉnh chúng sanh mới tỏ bày.
Khuyên dạy dân tình minh đạo đức,
Tu hành được thấy cảnh Bồng-Lai.*

Ông Thanh-Sĩ cũng nhận như ông Sư-Vải Bán-Khoai rằng chừng nào Cẩm sơn lộ về thì thiên-hạ mới yên:

*Chừng nào cá nọ hoá long,
Cẩm sơn lộ về đền rồng mới yên.*

Về Thất-Sơn, ngoài hiện-tượng hoá-hiện đền đài châu báu, ông Thanh-Sĩ còn cho biết nhiều hiện-tượng khác nữa, như cảnh Phật Tiên xuất hiện trên mây:

*Xem coi đến việc Thất-sơn,
Hào-quang Phật hiện nghe đồn trên mây.*

Và Thất-Sơn sau này sẽ là bãi chiến trường ghê-gớm giữa các nước đến tranh giành châu báu:

*Ngày sau dân sự chật đường,
Thất-Sơn đồng lớn chiến-trường gớm ghê.
Kẻ ác đức chịu bề khói lửa,
Nỗi đau binh chan-chứa một bầu.
Từ đây đến việc không lâu,
Tu đừng mạnh yếu nạn sầu bên lưng.*

Và khi sanh-linh đồ thán, máu chảy thành sông, xương chồng tợ núi thì khi ấy, người đời mới thấy rõ Phật Tiên:

*Rồi sau đây thấy rõ Phật Tiên,
Cõi thế gian tháo mở gông xiềng,
Đưa nhơn-loại non Tiên dựa kế.*

Các Ngài từ trên chín tầng mây bạc thừa hạc xuống trần:

*Phật Tiên Thánh mấy tầng mây bạc,
Lìa vị ngôi thừa hạc phàm gian.
Thiên-liêng Phật định vén màn,
Đủ đầy mẫu nhiệm phép tràng trị dân.*

Chỉ có phép mẫu của Phật mới thâm phục và định phần các nước:

*Sấm vang điện ngọc lộ ra,
Hào quang Đức Phật Di-Đà sáng trưng.
Trên nhạc thổi chín tầng mây bạc,
Dưới điện đài lâu các nguy nga.
Phật Tiên Thần Thánh hăng-hà,
Định phân chư quốc phục hoà từ đây.
Đến chùng đó sum vầy tôi Chúa,
Lúc khải-hoàn Thầy tứ xứng ca.*

Và chính lúc Phật Tiên thừa hạc lâm phàm, Chúa Thánh mới trở mặt:

*Chín tầng mây chư Tiên thừa hạc,
Đồng ứng thính khúc nhạc reo vang.
Chúc vạn dân được hưởng an nhàn,
Đặng phò tá tôn nhan Thánh Chúa.*

*Khấp thế-giới mây lành bay tủa,
Được vui cười Thượng-cổ thanh tân.
Đồng gọi nhuần Minh-đức Tân-dân,
Trời phân định cõi trần chí thiện.*

Và cũng chính lúc ấy mới thấy bảng Phong-Thần, trong mấy ngàn năm mới thiết-lập lại một lần:

*Nền Phật-pháp thành lòng yêu chuộng,
Nếu bỏ qua rất uổng bố dân !
Mấy ngàn năm mới có một lần,
Non nhược thủy Phong-Thần thiết lập.
Tạo lư-bồng trận đồ bủa khắp,
Có định tuồng tam-thập lục-nhơn.
Người tu hành được hưởng phước dươn,
Kẻ hung ác Thần Tiên nã tróc.*

Về câu "tam thập lục hơn", ông Thanh-Sĩ cùng một nhận-định như Đức Huỳnh-Giáo-chủ ở câu:

*Long-Hoa Hội ân cần lo lập,
Lập cho rồi tam-thập lục hơn.*

Và khi bảng Phong-Thần được thiết-lập, kẻ hung ác sẽ bị xử tiêu thì sẽ đến Long-đình hội yến ban thưởng kẻ hiền-đức:

*Xem rõ biết Phong-Thần dựng bảng,
Hội Mây-Rồng tỏ rạng non triều.
Chư Thiên hưởng cảnh tiêu-diêu,*

*Đờn ca sáo thổi thêm nhiều báu xinh.
Sẽ đến lúc Long-đình hội yến,
Trên Thiên-nhan ban thưởng tôi hiền.
Chói ngời đèn ngọc Rồng Tiên,
Muôn thu thịnh thới trường miên Lạc-Hồng.*

Để hiểu tổng-quát những biến-cổ xảy ra từ sấm nổ cho đến ngày Thánh Chúa trị an, ông Thanh-Sĩ tóm lược trong mấy vần thơ gọn-ghẽ này:

*Chừng nghe đặng tam thỉnh tiếng nổ,
Cảnh rừng tòng nhị trở hoa đơm.
Non đoài bát-ngát hương thơm,
Thần Tiên xuất thế tiếng đờn Ma-ha.
Phong-Thần hội Tiên-gia trở mặt,
Dụng phép màu dẹp giặc trừ thù.
Cơ đồ Minh Chúa tay thu,
Trị an bá tánh đâu đâu thanh nhàn.*

Chỉ có Thánh-Vương trở mặt mới đem lại thái-bình trong thiên hạ:

*Lời kêu gọi gái trai tỉnh thức,
Nhẹ gót hồng châu chực bệ đờn.
Giọng vàng phụng gáy Kỳ-Sơn,
Thánh-vương trở mặt thần dân thái-bình.*

Và chỉ có Thánh Chúa trị vì, chư quốc mới khâm tôn, thần phục:

Ngai vàng Chúa Thánh chấn dân,

Rồng châu hổ phục quần thần kim-giai.

Đến chùng đó nước ngoài từng phục,

Đồng tung hô cầu chúc Minh-Vương.

Tuế tăng vạn tuế thọ trường,

Khâm tôn chư quốc Hầu-vương trị vì.

Và chùng đó nước Việt-Nam sẽ lấy hiệu là Hớn-bang có dựng lên một cây Châu-kỳ, nghĩa là cây cờ có hột ngọc minh-châu, chói sáng cả thế-giới, thấy tốt đẹp vô cùng, rực rỡ như ánh thái-dương:

Chùng đến đó Châu-kỳ hạnh phúc,

Hiện ngày nay trong đục chưa tường.

Chờ ngày hội hiệp âm-dương,

Thì là Hậu-Hớn Tiên-Đường bình an.

5-Giảng về đời Thượng-Ngươn

Như chúng ta đã biết: tiếng sấm nổ làm cho núi tan vỡ, đền đài châu ngọc hiện ra, đã là một hiện-tượng không ai ngờ, nhưng ngoài hiện-tượng ấy, còn nhiều điều kỳ diệu nữa là sự thay hồn đổi xác của chúng-sanh, tùy căn hạnh mà thành Tiên, thành Phật. Về hiện-tượng này ông Thanh-Sĩ có viết:

Chúng-sanh được thay hồn đổi xác,

Tùy thiện-căn làm Phật làm Tiên.

Đó mới tri rõ việc cơ-huyền,

Trong bá tánh bình yên vô sự.

Chẳng những được thay hồn đổi xác mà còn phản lão hoàn đồng nữa:

Long Hoa Hội xem vào quý báu,

Phật Thần-thông phản lão hoàn-đồng.

*Kim liên đưa nở núi sông,
Hào quang Phật rọi dặm hồng ngũ vân.
Ngày ngày được hầu gần bệ ngọc,
Rất toại lòng mưa móc gội nhuần.*

Và được như thế là nhờ phép màu của Phật:

*Đến khi náo loạn quỉ tà,
Có bầu linh-dược của Bà cứu cho.*

Một khi đời Hạ-Nguơn được giải-thoát, tức là đi đến đến đời Thượng-Nguơn an-lạc:

*Đời Nguơn-Hạ một lần giải-thoát,
Cảnh Thượng-Nguơn an-lạc nhà nhà.*

Và đây ông Thanh-Sĩ cho chúng ta biết về đời Thượng-Nguơn tốt đẹp mà mọi người đều mong ước. Trước hết ông Thanh-Sĩ cho biết đời Thượng-Nguơn là một đời mà khắp thế-giới đều an-cư lạc-nghiệp, cách ăn thối ở đều khôn ngoan, không có cảnh gái trai lẳng loàn:

*Khắp thế-giới an-cư lạc-nghiệp,
Đời Thượng-cổ giữ theo nề-nếp,
Cách ăn ở bắt thiệp khôn ngoan.
Cả gái trai chẳng có lẳng loàn,
Bỏ thối mới văn-minh cặn-bã.*

Con người ở thời-kỳ này đều là hạng tài ba, từ ngoài đường cho đến trong nhà đều an-hoà, thuần-phong mỹ-tục:

*Tu cho sống sót mà coi,
Coi người Thượng cổ hẳn hoi tài ba.*

Dựng lên quốc-tịnh dân hoà,

Ngoài đường mỹ-tục trong nhà thuần-phong.

Chẳng những đời sống xã-hội Thượng-Nguơn được mỹ-lệ mà còn hoà-hợp nhau không có tư riêng, dầy đầy châu báu cho đến cửa rơi không người lượm:

Hoà hợp nhau chẳng có tư riêng,

Đời bình-trị nhà không đóng cửa.

Giữ thức lệ cách ăn thói ở,

Chẳng lưu-manh gian-trá mị dân.

Đời dầy đầy báu ngọc châu trân,

Không có kẻ gian thần dòm ngó.

Đức Thánh Chúa như trang vua Võ.

Trị vì dân lớn nhỏ an-cư,

Nhờ từ-bi Phật xuống phước dư,

Cho bá tánh được câu hạnh-phúc.

Con người thì thanh nhàn thông-thả, phải chẳng khỏi cần lo miếng ăn vật uống, vì ngoài đồng đã có lúa trời mọc sẵn như ông Ba Thới cho biết, cho nên tiêu-diêu tự-tại, ngao-du bốn biển năm hồ:

Đời nay nặng việc thuế sưu,

Thượng-Nguơn thông-thả oán cừu cũng không.

Nghêu-ngao rao Bắc hò Đông,

Trầm ngâm như gã Tử-Phòng sáo tiêu.

Năm hồ bốn biển tiêu-diêu,

Vui vầy đất Thuấn trời Nghiêu khoẻ lòng,

Ở ăn trên dưới giữ đồng,

Thánh-quân nhiếp chánh thời thần thuận trung.

Ông Thanh-Sĩ cho biết Thánh-Vương ở đời Thượng-Nguơn sẽ noi theo gương của vua Nghiêu vua Thuấn mà trị dân, cho nên đời ấy rất hiền-đức:

Đức Thánh-Chúa noi theo Nghiêu-Thuấn,

Đời an khang gầy dựng tôi trung.

Khắp thần dân hưởng sự thung-dung,

Cả muôn họ vui mừng hả dạ.

Đời hiền-đức gìn theo phong-hoá,

Khắp hoàn-cầu một dạ yêu nhau.

Mà sở-dĩ khắp hoàn-cầu đều một dạ yêu nhau, hoà thuận nhau, là vì ở đời Thượng-Nguơn, tam-giáo qui nguyên, các nước đều tu có một đạo, cùng một lối giáo-dục như nhau. Chính nhờ đó mà xã-hội Thượng-Nguơn sẽ được thái-bình vĩnh-viễn cả mấy muôn năm:

Lập đời Thượng-cổ huy-hoàng,

Dưới trên hoà thuận gia-đàng ấm no.

Mùi bát-nhã thơm tho khắp chốn,

Tam giáo đều một bốn thuỷ nguyên,

Thánh tài xuất thế bình yên,

An bang tế thế vô biên trí mầu.

Khắp thiên hạ cúi đầu khâm phục,

Cả hoàn-cầu giáo-dục như nhau.

Đại-đồng bác-ái thanh cao,

*Phật Trời phân định nước nào cũng tu.
Thương lẫn nhau không thù không oán,
Xốt ngọt bùi giới-hạn nào phân.
Sạch lòng chẳng chấp ngã nhân,
Trên vua ngay thẳng dưới thần cúc cung.
Trong gia-đạo ngoài cùng lân quốc,
Nhường nhịn nhau ở thật ăn ngay.
Đâu đâu thanh trị trong ngoài,
Từ trên nhân vật đến loài cỏ sần;
Cũng được hưởng gió trăng đằm ấm,
Về tươi cười đượm thắm hoa xinh.*

Về vấn-đề tam-giáo qui-nguyên, chúng ta cũng đã thấy ông Ba Thối nói tới với những câu:

*Qua ngày sau không miếu không đình,
Hội-tề công sở nhứt tình quốc-gia.
Nước Tây Thiên nhà thờ không cha,
Niệm Trời niệm Phật quốc-gia an-hoà.
Mười tám nước như con một nhà,
Đều thời niệm Phật Di-Đà công phu.*

Như thế chúng ta đủ thấy rằng ông Thanh-Sĩ nhận-định huyền-cơ, nhứt nhứt đều phù-hợp với sự nhận định, tiên-tri của ông Sư-Vãi Bán-Khoai, ông Ba Thối và Đức Huỳnh-Giáo-chủ, nghĩa là cả phái của Đức Phật-Thầy Tây-An.

Ông Thanh-Sĩ cũng như mấy Ngài trong phái Phật-Thầy, cho biết thế nào người đời cũng sắp đến cơ tận-diệt và hội Long-Hoa sắp mở ra để chọn người hiền đức, lập đời Thượng-Ngươn, nhưng định ngày giờ chừng nào Hội Long-Hoa mở ra thì không ông nào dám nói. Tứ-Thánh đã than: “Thiên-cơ bất lậu”. Đến ông Thanh-Sĩ, ông cũng thú nhận là không dám bàn:

*Thiên-cơ đây chẳng dám bàn,
Chỉ đem ý nghĩ phổ troàn vậy thôi.*

Mặc dầu ông không dám định ngày giờ, nhưng ông luôn luôn nhắc cho người đời nhớ rằng: Thế cuộc đã cận lắm rồi, không còn lâu.

*Ngày nay thế cuộc hầu gần,
Rán mà để dạ ân cần chùi lau.*

Hay là:

*Từ đây đến việc không lâu,
Tu đừng mạnh yếu nạn sâu bên lưng.*

Và muốn cho người đời nhận-thức ý-nghĩa của những danh-từ “hầu gần” hay “không lâu” đó thế nào, ông không ngần-ngại mà ví nó như trái chín mùi muốn rụng:

*Chín mùi trái nọ muốn rơi,
Mà còn chim chuột khuấy chơi lỡ-làng.*

Hoặc giả:

*Đời nay như trái chín mùi,
Sao còn lắm kẻ ham vui lợi quyền.*

Và đây là một tin quan-trọng mà ông báo trước cho người đời sớm liệu lấy thân, tu hành tinh-tấn:

*Than ôi ! sắp khởi ngòi chiến quốc,
Vận Nam-bang quả đất Trung-Ương.*

Và đây là một bài thi khoán-thủ, có ý-nghĩa thức tỉnh người đời mà ông đã thân tặng một vị bác-sĩ nọ ở Saigòn:

Trong trần khởi động cuộc phong ba,

Hai lẽ trâm thẳng với nghịch hòa.

Ngàn việc cao sang như ảo mộng,

Năm điều giới-luật tợ châu sa.

Tận kim bởi quả kim điêu-xảo,

Thế cổ vì nhân cổ thật-thà.

Đến lúc châu nhi hườn phục thì,

Nơi nơi hãy tỉnh giấc Nam-kha.

Ông Thanh-Sĩ cho biết với câu khoán thủ: **trong hai ngàn năm Tận-Thế đến nơi.**

CHƯƠNG THỨ SÁU

Phân Giải-thuyết

I.- Người Có Điển Lành: Cô Trúc Lâm Nương

Thế nào là điển-lành? Và điển-lành với huệ khác nhau thế nào?

Như chúng ta đã biết người có huệ là tự tâm sáng tỏ. Và cho được có huệ phải tu luyện phép Lục-Độ, lắng lắng cái tâm nghĩa là, nói theo danh từ Phật-học, do Tự-lực mà có. Còn người có điển-lành là người, nhờ có một vị siêu-phàm nào tiếp điển cho, nghĩa là sự sáng tỏ do Tha-lực mà có. Bởi thế, người có huệ thì sự sáng tỏ, giờ phút nào cũng có, còn người điển-lành thì sự sáng tỏ chỉ có trong những lúc được tiếp điển.

Muốn cho dễ hiểu, chúng tôi xin đưa ra một thí-dụ cụ-thể. Như một chiếc xe hơi, sở dĩ chạy được là do viên tài-xế điều-khiển. Ở người có huệ thì sự sáng tỏ do tâm, cho nên có thể ví như viên tài-xế tự mình điều-khiển lấy chiếc xe, bất cứ lúc nào muốn chạy xe cũng được. Còn người có điển-lành thì khác. Chiếc xe cử-động là do viên tài-xế điều khiển, ở đây là một đấng thiêng-liêng, còn người có điển-lành ví như người ngồi một bên viên tài-xế. Bởi thế chiếc xe chạy được là do viên tài-xế chớ không do người ngồi một bên. Hễ viên tài-xế không có thì chiếc xe không có thể chạy được. Trường-hợp của người được tiếp điển là như thế.

Tuy rằng sự sáng tỏ của người có điển-lành là do sự tiếp điển mà có, nhưng cũng nhờ sự tiếp điển ấy mà người được tiếp, nếu biết dọn mình và gắng chí tu hành chơn chánh cũng được mở tâm-linh và lần lần cũng sáng tỏ.

Nhưng trường-hợp này rất hiếm.

Người có điển-lành chẳng những khác với người có huệ, mà cũng khác với đồng bóng và cầu cơ.

Về đồng bóng thì phải thượng xác, mỗi khi muốn cầu một đấng thiêng-liêng nào đó. Người thượng xác mỗi lần lên là mỗi lần ợ ngáp biểu-hiệu một trạng-thái không còn tự biết mình, vì phần xác đã cho đấng thiêng-liêng nào đó mượn rồi.

Thế cho nên, khi đấng thiêng-liêng thăng thì phần xác không còn nhớ những điều gì của mình đã làm hay nói trong lúc lên đồng. Người có điển-lành thì không thế. Khi muốn ra thi bày hay giảng-giải điều chi thì người được tiếp điển không có đổi trạng-thái, vẫn ngồi nói-năng như thường.

Người có điển-lành còn khác với lối cầu cơ ở chỗ, cầu cơ thì phải có đàn cơ, có đồng-tử. Mỗi lần cầu là mỗi lần phải nguyện vái và muốn cầu phần thiêng-liêng nào thì nguyện thỉnh phần thiêng-liêng ấy.

Bởi thế một đàn cơ thể tiếp nhiều vị thiêng-liêng xuống cơ. Còn người có điển thì không thế. Bất cứ giờ phút nào hễ muốn cầu một điều gì thì người có điển-lành được vị thiêng-liêng tiếp điển ngay, và chỉ có một vị thường trực; cũng có khi được một vài phần thiêng-liêng khác tiếp điển, nhưng trường-hợp này ít xảy ra.

Như thế chúng ta có thể hiểu rằng người có điển-lành là người được một đấng thiêng-liêng nào đó tiếp-diễn. Về những thi bài hay diễn giảng trong lúc được tiếp điển, ai cũng nhận thấy là siêu-phàm thoát tục. Một điều kỳ-diệu là những người được tiếp điển lại vốn là người ít học hay có học cũng ở mức phàm-nhơn.

Ấy thế, mà khi được tiếp điển thì sáng tỏ một cách lạ thường, viết văn thơ lưu loát, chưa hẳn người có học uyên-bác hay những tay thi-bá sánh kịp. Chẳng những thi bài thoăn-thoắt siêu-nhiên mà còn đượm mùi huyền-cơ màu-nhiệm, óc phàm không thể lường nổi. Bởi thế, những người đến thử thách đều phải ngạc-nhiên trước những phút người được tiếp điển, mà bình sanh họ biết sức học hỏi, hiểu biết không đến đâu.

Đó là một điều huyền-diệu mà các đấng thiêng-liêng tá-hiện để thức-tỉnh người đời trong thời-kỳ mạt-kiếp này. Một điều mà ai ai cũng phải kinh-ngạc là người được tiếp điển giải-thuyết về Tận-Thế và Hội Long-Hoa rất phù-hợp với Sấm-Giảng hay những điều tiên-tri của các bậc siêu phàm đã cho biết.

Phải chăng cơ tận-diệt đã gần mà người có điển lành xuất hiện rất nhiều?

Trong số đó, chúng tôi xin giới thiệu cô Trúc-lâm nương ở Gia-định mà nhiều người được biết. Vậy cô giải-thuyết về Tận-Thế và Long-Hoa thế nào?

1- Giải-thuyết về Tận-Thế và Hội Long-Hoa

Cô Trúc- lâm-nương cũng giải-thuyết rằng: thời-kỳ này là thời-kỳ mạt-pháp, cuộc đời sẽ tiến đến cơ tiêu-diệt. Mà đó cũng chẳng qua là luật tuần-hoàn đã định, vì chúng-sanh quá đắm say trần trược, gây quá nhiều quả báo, cho nên hễ vay nhiều thì phải trả nặng. Trong bài "Nhân, Xuân vấn đáp", cô mượn lời xuân mà tỏ bày cái lý siêu-mầu ấy:

Thiện Nhân hỡi! đôi lời ta xin gửi,

Cuộc tuần-hoàn tạo-hóa đã định phân.

Vì chúng-sanh say đắm vị hương trần,

Thời mạt-pháp, vay nhiều nên trả nặng.

Và để cứu vớt chúng-sanh trong thời-kỳ mạt-pháp, các đấng Phật, Thánh, Tiên lâm-phàm và xuất-hiện ở nước non nhà. Cô Trúc-lâm-nương cũng mượn lời Xuân để đáp:

Là tri-kỷ, đôi lời ta xin nhắn,

Phật, Thánh, Tiên xuất-hiện nước non nhà.

Độ chúng-sanh, giữ vững khắp san-hà,

Đời mạt-pháp hoằng khai thành chánh-pháp.

Chính nhờ phép mầu của Phật, Thánh, Tiên mà các hùng binh đều giải giáp. Thánh Chúa xuất-hiện lập lên đời Thượng-Ngươn rục rờ:

Cơ mầu-nhiệm hùng-binh đều giải giáp,

Đời Thượng-Ngươn rục-rỡ ánh mây hồng.

Khắp bầu Trời tỏ rạng bóng Lạc-Long,

Cùng Chúa Thánh điểm tô sông núi Việt.

Trong các Sấm Giảng cho biết rằng: trước khi đi đến Hội Long-Hoa, loài người phải điêu-linh về tai trời ách nước, như nạn binh đao, nạn sấm nổ, nạn lửa trời, nạn Đại Hồng-thủy...

Thì đây cô Trúc-lâm nương cho biết những biến-cổ xảy ra từ đây đến ngày Hội Long-Hoa và lập đời Thượng-cổ.

Chúng tôi xin tuyển chọn những bài trong đó cô có nói đến sấm nổ:

Bão tố đầy trời ngoại xứ Âu,

Nước tràn lợp đất đổ nghiêng bầu.

Đau lòng bạt gió chim sa bẫy,

Não dạ mê mồi cá mắc câu.

Rồng lộn sông vàng mây tái mặt,

Sấm rền rừng thẳm núi tươi đầu.

Việt-Nam tỏ rạng màu Anh Thánh,

Rướn đức năm châu, chủ bá hầu.

Câu “Sấm-rền rừng thẳm núi tươi đầu” đủ mô-tả cảnh-tượng khi sấm nổ thì núi phải vỡ tan, như các Sấm-Giảng đã nói.

Về nạn nắng lửa mưa đầu, cô Trúc-lâm-nương có đề-cập đến trong bài thơ dưới đây:

Đốt nén tâm hương tựa mái lâu,

Đoái nhìn khói lửa khắp năm châu.

Mây giăng chẳng phủ bao giòng lệ,

Trăng tỏ khôn soi mấy đoạn sầu.

*Xót bấy nạn dân chan **nắng lửa,***

*Thương thay ách nước đẫm **mưa đầu.***

Cơ Trời mầu-nhiệm cơ huyền định,

Tiếng khóc như sinh tiếng khóc đầu.

Và đây bài thơ cô có nói đến nạn lửa Trời và Hồng-Thủy:

Bốn phương cùng động can-qua,

Tìm cho được chốn Tam-Hòa bảo thân.

Có lời nhắn khách tu chân,

Đừng ngơ-ngác giữa đàng trần mà nguy.

Cuộc thế suy, lòng người suy,

Đông Nam đại loạn chia ly muôn phần.

Lửa trời hực cháy rần rần,
Hồng-thủy nước xoáy, xoay vẩn càn khôn.
Tìm cho đến **Bảo-giang** môn,
Là nơi **Chúa Thánh Chí-Tôn** tọa thiền.
Cầu xin được phép **diệu-huyền**,
Hài-vân thoăn-thoát đến miền **Đế-kinh**.
Đợi thời trăng lặn bể **kinh**,
Long-Hoa thành-tựu **phỉ-tình** ngao-du.

Về Hội Long-Hoa cô Trúc-lâm-nương có bài thơ sau đây, với câu khoán thủ: Long-Hoa Đại-Hội hợp nhứt Linh-căn”.

Long môn Di-Lặc ngự tòa **sen**,
Hoa quý Quan-Âm tọa trước **đèn**.
Đại mở chơn thần nhuần thạch thủy,
Hội hòa kim tánh đượm hương **sen**.
Hợp hoàn chín cỏi trên thềm ngọc,
Nhứt thống năm châu dưới ánh **đèn**.
Linh diệu phép màu qui một mỗi,
Căn nguyên hườn bốn thắm mùi **sen**.

Trong bài thơ này cô chỉ dùng hai vận: sen và đèn, cũng là một lối thơ rất khéo như thơ độc vận.

Cũng như Sấm-Giảng, cô Trúc-lâm-nương cho rằng giống dân Lạc-Hồng sẽ trở mặt, bình trị bốn phương, các nước đều lai đầu Minh-Chúa:

Non tòng vị thắm chảy tràn Âu,

*Bát-ngát hương bay khắp trọn bầu.
Đương lúc gió đùa cây đổi lá,
Giữa mùa sóng bủa cá vương câu.
Ra nhân mở khóa năm châu hội,
Trở đức khai cơ tám hướng đầu.
Hồng-Lạc làu làu lòa ngọc chiếu,
Bốn phương bình trị đến Minh hầu.*

2- Giải-thuyết về Thượng-Nguơn và Chúa-Thánh

Cô Trúc-lâm-nương cho rằng khi Hùm sa lưới và Ngạc vương câu, ám chỉ hai cường quốc tranh-hùng mong bá-chiếm hoàn-cầu thì giống dân Lạc-Hồng qui-phục được năm cõi mà lập nên đời Nghiêu Thuấn:

*Thuyền giác muốn chèo đến bến Âu,
Đón đưa căn quý hội chung bầu.
Bởi xa rừng Thánh, Hùm sa lưới,
Vì dẫm bến trần, Ngạc vương câu.
Rối dạ gió đùa dân tản lạc,
Thỏa lòng biển cạn nước quây đầu.
Ai hay Hồng-Lạc qui năm cõi,
Đất Thuấn Trời Nghiêu tụ bá hầu.*

Phụ họa theo Sấm-Giảng, cô Trúc-lâm-nương nhận rằng đến thời-kỳ lập đời Thượng-Nguơn, đất Thuấn Trời Nghiêu, thì tam giáo qui nguyên, Đức Phật Di-Lặc ra hoằng-khai chánh-pháp, qui tụ thất thập nhị hiền, tam thiên đồ-đệ:

Lập đời Thượng-Cổ đạo cao thâm,

*Tam giáo qui nguyên định chẳng lằm.
Chánh-pháp hoǎng-khai, ngôi Di-Lặc,
Quần tu phổ-độ: sắc Quan âm.
Tam thiên ngũ hiệp qui lai thế,
Thất thập nhị hiền tụ giáng lâm.
Bốn hướng tuần du công Thánh-mẫu,
Bàn đào mở hội đón linh căn.*

Chính đó là thời-kỳ bình-trị muôn dân lạc-nghiệp âu ca. Chừng đó mới biết nhà Nam có Bảo-Hà, giống dân Lạc-Hồng rữ-rữ:

*Lạc-Hồng rữ-rữ chốn triều-ca,
Mới biết nhà Nam có Bảo-Hà.
Xích-tử ra đời an vạn quốc,
Hào-quang chói rạng khắp gần xa.*

** ** **

*Xà chuyển ánh hồng rọi sắc long,
Mới hay cháu phụng với con rồng.
Càn khôn chuyển máy âm dương định,
Rực rữ muôn năm ánh Lạc-Long.*

** ** **

*Thượng-cổ lai hườn dấu Lạc-Long,
Huyền-cơ xoay chuyển rục trời hồng.
Vân môn, Trước-địa tri thiên lý,*

Hội chốn Bảo-Hà mới rõ thông.

Nhưng chốn Bảo-Hà cũng gọi là Bảo-Giang ở đâu? Chính đó là bí-quyết để tìm ra chỗ Thánh-Vương xuất, mà cô Trúc-lâm-nương thường thử-thách:

Đố ai biết Bảo-giang môn?

Là nơi Thánh-địa Thiên-tôn định phần.

Lầu lầu ngọc chiếu cảnh trần,

Là nơi Tiên, Phật, Thánh, Thần xuất thân.

Xuất kim thân, hóa kim thân,

Ly nơi Đồng thổ xoay vần Tây-phương.

Về danh-từ Bảo-giang hay Bảo-hà, chúng ta thấy cô Trúc-lâm-nương vẫn nhắc đến luôn. Nhưng Bảo-giang ở đâu?

Danh từ Bảo-giang có phải là danh-từ mới lạ không? Nếu ai có nghiên-cứu về Sấm Trạng-Trình, chắc nhận thấy danh-từ Bảo-giang hay Bảo-giang môn được lặp đi lặp lại mãi.

Đây chúng tôi xin trích ra một vài đoạn có nói đến Bảo-giang như:

Lại nói sự Hoàng-giang sinh Thánh,

Sông Bảo-giang Thiên định ai hay?

Hoặc là:

Trí xem nhiệm nhặt cho tường,

Bảo-giang Thánh xuất Trung-ương thuở này.

Hay là:

Bảo-giang Thiên-tử xuất,

Bất chiến tự-nhiên thành.

Cũng cho biết Bảo-giang là nơi xuất Thánh và Thánh xuất ở Trung-Ương, nhưng không chỉ Bảo-giang là ở nơi nào.

Sở-dĩ chúng tôi đem đối-chiếu mấy đoạn văn của Sấm Trạng-Trình với những danh-từ của cô Trúc-lâm-nương đã dùng là để cho ta thấy cô Trúc-lâm-nương chịu ảnh-hưởng của Sấm Trạng-Trình rất nhiều.

Chẳng những về danh-từ, cô Trúc-lâm-nương chịu ảnh-hưởng của Sấm Trạng-Trình mà về sự nhận định thời-cơ, chúng tôi cũng thấy cô ngã theo Sấm Bạch-Vân và các Sấm Giảng.

Đây chúng ta hãy đọc bài này của cô Trúc-lâm-nương:

Xà chuyển long thăng Thánh xuất trần,

Còn chờ thân dậu mới an dân.

Ngọ mùi thảm họa sầu không tả,

Thìn tỵ can qua khổ chẳng phân.

Phất phối cờ hồng xâm đất Việt,

Chập chông xương trắng ngất non Thần.

Mưa dầu nắng lửa mười năm chấn,

Nước này tôi hiền trở Chúa nhân.

Như thế chúng ta thấy không xa với Sấm Giảng và Sấm của Trạng-Trình về bài "Long vĩ xà đầu khởi chiến-tranh", nhưng có điều cô nói rõ về việc qui kỳ Thánh-vương xuất-hiện.

Cô rất tha-thiết trong mong Thánh-vương xuất-hiện, trong bài thơ khoán thủ dưới đây:

Chí khí công minh chí nguyện thành,

Tâm hòa ý đẹp nhứt tâm sanh.

Mộng người Đại-đức nơi thềm ngọc,

Tường kẻ từ-bi chốn cửa thanh.

Thánh đạo nghiệp duyên còn chọn đón,

Vương minh ngôi vị sẵn riêng dành.

Xuất năm rồng giỡn cùng non nước,

Hiện giữa trời Nam một giống lành.

II.- Thiên Thơ

Trong các Sấm Giảng, cũng như mấy vị có huệ và điển-lành đều nhận rằng nước Việt Nam sau này sẽ dẫn đầu thế-giới và trong ngày Hội Long-Hoa, Thánh-Chúa xuất-hiện trên đất Việt-Nam, nhưng chưa giải-bày rõ tại đâu nước Việt-Nam hữu-phước và sẽ là cõi Trung-Uơng sau này, nghĩa là trung-tâm điểm của nền văn-minh Thượng-Nguơn. Cô Trúc-lâm-nương có cho biết Thánh-chúa sẽ xuất hiện ở Bảo-giang môn, nhưng không nói Bảo-giang môn ở đâu?

Nay nhơn đọc quyển **Con đường nào?** của tác-giả A.T.Y có thấy giải-thuyết những chỗ thắc-mắc ấy, nên chúng tôi xin trình-bày ra đây để giúp thêm sự hiểu biết về vấn-đề Tận-Thế và Hội Long-Hoa.

Cứ theo tác-giả thì quyển *Con đường nào?* viết theo tài-liệu quyển **Huyền Diệu Thiên Thơ** mà tác-giả may mắn được một dị-nhân tặng cho ở vùng Thất-Sơn.

Trước khi vào đề, tác-giả nêu lên một bài thơ có thể nói, tóm lược những điều Sấm-Giảng đã giải về cõi đời Hạ-Nguơn, hiện-tượng khi sấm nổ, Hội Long-Vân và Long-Hoa, Tam giáo qui nguyên, ngũ chi hiệp nhứt, giống dân Hồng-Lạc lập nên dòng Bích-Ngọc sau này... Chỉ có tám câu thơ mà gồm đủ các biến thiên của nước Việt.

Việt-Nam xuất hiện Hạ-Nguơn kỳ,

Thánh-Tổ lâm phàm hiệp ngũ chi.

Ba tiếng sấm vang khai địa huyết,

Bảy nguồn thủy dựng tảo sơn kỳ.

Rồng Mây Phật hội Phong-Thần mạng,

Sen nở, Long-Hoa vạn quốc qui.

Ớ hỡi ! Lạc-Hồng nền Bích-Ngọc,

Vững lòng Chúa ẩn, hạnh duyên tùy.

Cốt yếu của quyển **Con đường nào?** là quyết định chắc-chắn có Thánh-Nhân ra đời hay chẳng ? Đó là cả mục-đích của quyển *Con đường nào?* mục-đích tìm Thánh-Nhân và vì đâu nước Việt-Nam có phước được Thánh-Nhân xuất hiện và được nảy nở một giống dân Bích-Ngọc sau này?

Muốn đạt được mục-đích tìm Thánh-Nhân ấy, tác-giả nêu lên hai nguyên lý để làm mục-phiêu trong sự suy-cứu:

1^o Nguyên-lý cõi trần sắp có Thánh-Nhân ra đời.

2^o Nguyên-lý Thánh-Nhân ra đời.

Trước hết chúng tôi đề-cập đến Nguyên-lý thứ nhất.

Muốn biết có Thánh-Nhân ra đời hay không tác-giả xét qua mấy khoản sau đây:

a) VĂN-MINH VẬT-CHẤT HIỆN TẠI. Về phương diện khoa-học, thì loài người đã thông-minh tuyệt-bực, phát-minh nhiều máy móc tân-xảo. Nếu sánh với năm mươi năm về trước thì trình-độ ngày nay đã tiến-hóa rất nhiều, từ chỗ phiền-phức tiến đến chỗ giản-tiện mỹ-thuật.

Về phương-diện sinh-lý, tình-cảm, tư-tưởng và xác thân của người đời nay, biến-hóa đến chỗ mịn-màng, sắc-xảo, thông-minh, một hiện-tượng là trẻ con ngày nay có nhiều cảm-tưởng rất sâu xa.

b) PHONG-TỤC. Nhờ sự giao-thông mau lẹ, phong-tục của xứ này chịu ảnh-hưởng của xứ kia mà thay đổi. Con người ở bên Á-châu tiêm-nhiễm trực tiếp hay gián-tiếp văn-minh thế-giới mà không hay.

c) SỰ CHÊNH-LỆCH VỀ TINH-THẦN. Bị văn-minh khoa-học cám-dỗ, con người ham mê theo vật-chất kim-thời, lặn mình vào cuộc tranh-đấu để thỏa-thích tâm phàm. Vì quá say mê vật-chất mà một ngày một xao lãng phần cao-siêu của tinh-thần. Chính vì đó mà "cuộc thế đảo lộn xoay vần, đang lôi cuốn chúng-sanh vào đời mạt-pháp".

d) GIÁO-LÝ XƯA HẾT HIỆU-LỰC. Tác-giả đưa ra gương Phật-giáo suy-vi ngày nay, để chỉ rằng giáo-lý xưa không còn hiệu-lực, "mặc dầu hôm nay chúng ta thấy Phật-giáo còn thanh-hành nhưng chẳng qua là sự tín-ngưỡng thờ phượng mà thôi. Đường tu luyện bị sai siển rất nhiều, hoàn cảnh hỗn-loạn lôi kéo con người càng ngày càng xa đường đạo, mặc dầu còn mỗi ngày lễ bái đốt hương". Mà sở-dĩ có cảnh-tượng suy-đồi ấy là bởi ngày nay "cảnh đời hiện-tại khiến người giàu thì ham mê vật-chất, đeo đuổi theo danh-lợi nhả tiền, sung-sướng tạm thời trong vật-dục, không cần đến đường đạo hạnh cao thâm". Còn kẻ nghèo vì vấn đề "cần sống" còn đâu đâu óc lo nghĩ đến đạo-đức. Chính vì thế "tâm phàm không thể bình tĩnh mà tu niệm được. Nơi am tự chùa chiền còn bị tàn phá, nơi miếu võ còn bị tiêu tan, huống chi là kẻ thường dân làm sao cho khỏi bị đảo-điên trầm bề?"

e) THỜI LOẠN BẮT BUỘC. Tác-giả nhận rằng: hiện nay chẳng riêng gì nước Việt-Nam mà hầu hết các nước trên thế-giới đều lâm vào tình-cảnh của một cuộc nội-loạn. Vì sự cần sống mà con người nhập phe đảng để tranh-đấu nhau, chính đó là nguyên nhân của cuộc nội-loạn nước nào theo nước nấy.

g) ĐỜI SẮP TÀN. Vì đâu đời sắp tàn? Tác-giả đưa ra hai nguyên-nhân:

1^o) Vì sự cần sống mà loài người sanh ra tội ác đến cực điểm, sát hại nhau không biết gớm. “Đời càng chế-tạo máy tinh-vi màu-nhiệm, khí-giới tối-tân lợi-hại mà thiếu đức hạnh hiền lương thì càng dẫn con người đến chỗ tàn sát nhau không dứt”. Mà đó cũng là cơ Tạo-hóa khiến hạng người hung ác phải tiêu-diệt, còn hạng người hiền lương thì được sống sót để lập nền-tảng cho giống dân thứ sáu ra đời.

2^o) “Theo luật vũ-trụ, trái đất phải thay đổi cảnh vật núi non sông biển vào khoản 2100 năm một lần và biển chuyển, lấp biển dời non, biên-giới sụp đổ một kỳ là 12.000 năm. Mỗi lần thay đổi san-hà thì một lần chúng-sanh biến-động tâm-lý, xác thân cũng theo cảnh trần mà biến-hóa”.

h) TỪ TRÍ-HUỆ ĐẾN GIẢI-THOÁT. Với sự phát minh khoa-học, con người đã tiến đến một trình-độ quá cao về vật-chất lẫn tinh-thần. “Trong thế-kỷ này chúng sanh phần nhiều đã đến trình-độ tiến-hóa vật-chất cực-điểm, tầm đến nguyên-lý sanh-tồn của vạn vật, cái luật vũ-trụ tiến-hóa vô cùng hơn hồi đời Xuân-Thu bên Tàu nữa”. Nhưng vì hóa đằm theo vật-chất mà thành ra mê chấp. Chính vì sự mê chấp mà con người phải đi đến chỗ tiêu-diệt.

Hạng người tiến-hóa không kịp trình-độ giải-thoát thì bị tiêu diệt, còn hạng người đủ điều-kiện giải-thoát thì được sống sót, tạo lập đời mới cho giống “Dân Bích-Ngọc”. Giống dân này phải nhờ bực Thánh-Nhân lâm-phạm chỉ dạy phương-pháp giải-thoát đường mê chấp.

Xét qua các nguyên-nhân vừa kể trên, tác-giả kết-luận: thế nào cũng có Thánh-Nhân ra đời trong thời-kỳ này.

1-Nguyên-lý Thánh-Nhân ra đời

Muốn biết Thánh-Nhân giáng-sanh ở xứ nào, cần phải xét qua ba điều-kiện:

"Thời thế. Thời thế là thời-cơ vận mạng của một nước, và thế-lực thịnh suy của nơnh dân. Thời thế hiện ra cho đúng sự cần dùng sức lực của Thánh-Nhân.

"Hoàn cảnh. Phải đủ hoàn-cảnh thuận-tiện, địa thế và xã-hội. Nghĩa là Thánh-Nhân giáng trần trong cảnh: trên thì hạp lòng trời, dưới thì hạp lòng chúng sanh để cho Ngài dạy-dỗ được mau lẹ.

"Nhân-tâm. Do duyên nghiệp và trình-độ con người trong đường tu niệm. Nếu nhơn-dân không đầu óc-tu niệm, tâm trí hoang mang theo vật chất lòng dạ độc ác tham-lam, Thánh-Nhân nào có ra đời nơi ấy được đâu. Ngài ra đời không hạp nhơn tâm, ai hưởng ứng theo Ngài? Bởi vậy Ngài lựa xứ nào có tiền duyên hiền lành với Ngài. (Vì bực Thánh-Nhân thường được chứng quả đến La-Hán Phật, được quyền tự-do chọn lựa cho đầu thai giúp đời, nếu như không giúp đời bằng cách giáng trần thì không đầu thai cũng được, vì La-Hán Phật là hạng đã thoát luân-hồi quả-báo rồi) phần đông có chí tu-hành và phải đến nấc thang tiến-hóa cần-thiết Ngài mới lâm phàm giúp đỡ.

"Xứ nào đủ ba điều-kiện trên kia, thì nơi đó Thánh-Nhân xuất-hiện chẳng sai. Bây giờ các nước trên thế-giới coi xứ nào có đủ ba điều-kiện ấy?".

Trước hết tác-giả xét qua các nước bên Âu-châu thì thấy rằng: "Gần hết các nước văn-minh bị khoa-học trói buộc, lôi kéo vào cảnh tham-vọng tài-sản, vật chất, quên hết sự quý báu tinh-thần. Tuy rằng từ 1800 có một vài người tu hành đặc đạo như Le Comte de Saint Germain, và có hội Thông-thiên-học xuất-hiện ban rải thuyết "Huỳnh-đệ đại-đồng" trong các dân-tộc. Chúng ta không quên phong-trào Thôi-miên học P.Jagot, anh em ông Durville, và Thần-linh-học A. Kardec, giúp đỡ người Âu rất nhiều về sự thức-tỉnh tinh-thần khỏi đường lầm mê vật-chất. Nhưng người Âu bị khoa-học có kết-quả nhãn tiền làm thỏa-mãn tâm-phàm, vật chất lôi-cuốn quá mạnh, thành-thử một bên thì lặn xả vào đường tranh-đấu, còn một bên thì an-phận với chủ nghĩa "Huỳnh-đệ đại-đồng" của giáo-lý Thông-thiên-học đang hồi thịnh-hành khắp nơi"...

Xét qua Ấn-độ thì mặc dầu ở nước này có Trung-ương hội thánh Adyar Madras, truyền-bá giáo-lý Thông-thiên-học nhưng các bực ấy còn thiếu điều-kiện kiến-tạo đời An-lạc, vì một vị Tiên hay Phật muốn xuống trần phải có sáu điều-kiện căn-bản này:

"1.-Phải đắc quả La-Hán Phật, hoặc chiếm được sắc lệnh Tiên ban.

"2.-Phải đi vào đường hy-sanh hạnh-phúc cõi Bồng-Lai Cực-Lạc để chịu đầu thai làm phàm tục.

"3.-Phải đủ năng-lực tiến-hóa vật-chất, tinh-thần cho hạp hoàn-cảnh và thời-thế dưới cõi trần.

“4.-Phải lập lời *Thệ-nguyện* gánh vác công việc của chúng-sanh đến nấc thang tiến-hóa nào?

“5.-Phải có nhân-duyên với phần đông dân-sự ở xứ đó.

“6.-Phải có nhân-duyên đầu thai xuống cõi trần cho kịp lúc nhân-dân đang cần gấp người giúp đỡ.

“Tất cả điều-kiện trên, có hai khoản **Nhân-duyên** là quan-trọng nhất. Bởi vì nếu một vị Tiên, Phật quyết hy-sanh giúp đời, có nhân-duyên tiền căn với nước Mỹ không thể giáng trần vào con nhà Việt-Nam được. Lại nữa, nếu nhân-duyên Thánh-Nhân giáng sanh, chưa nhằm lúc chúng-sanh cần gấp sự giúp đỡ thì công-phu lâm phạm của Thánh-Nhân không còn hiệu lực gì nữa.”

Sau khi xét qua các nguyên-lý về Thánh-Nhân xuất hiện và các nước trên thế-giới, tác giả kết-luận: Việt-Nam là Thánh-địa vì Việt-Nam có đủ điều-kiện địa-lý và dân-tộc cho Thánh-Nhân ra đời.

2- Việt-Nam Thánh-địa

Và đây, tác giả xét qua phương-diện địa-lý của Việt-Nam.

“Nước Việt-Nam có hai địa-thế đặc-biệt là hai mảnh đất phù-sa do các sông lớn bồi đắp, Hồng-Hà và Cửu-Long-giang, lập thành Bắc-phần và Nam-phần Việt-Nam. Nếu lấy khoa học địa-lý mà xét thì cái đầu ở Nam còn cái đuôi ở Bắc. Nước Việt-Nam được thấm nhuần con sông lớn nhất, dài nhất trên thế-giới. Nguồn nó bắt đầu tại núi Tây-Tạng Hy-mã-lạp-sơn chạy sang bên Tàu, bỏ ngọn về Việt-nam, hạ miệng ra biển Đại-thanh. Miệng Cửu-Long vừa kết tụ ngưng khí, đầu Cửu-Long vừa hiện đủ hình, thì nước Việt-Nam có Tổ xuất-hiện, Thánh-Nhân ra đời giúp chúng-sanh vào đường hạnh-phúc.

“Một con sông lớn nhất thế-giới, khởi nguồn nơi dãy núi Tây-Tạng cao nhất, dài nhất, lớn nhất ở hoàn-cầu, làm sao khỏi linh-hiển lạ thường?

“Khoa địa-lý dạy rằng hể trong dòng sông, bắt nguồn từ nơi đất địa hiên-linh, núi cao ngàn năm không người ở, rừng rậm ngàn năm không ai tới lui, phóng lượn sóng nghênh-ngang ngàn thu không cạn thì con sông ấy sẽ kết tụ nơi huyết “**Long đảnh**” một địa-huyệt rất linh hiển phì nhiêu về vật-chất, cao siêu tốt bậc về tinh-thần. Ngọn Cửu-Long-giang là một dòng Bảo-giang oanh-liệt, oai nghiêm, vừa tạo thành nên vóc-vạc hoàn-toàn lối 100 năm nay. Kết liền với các núi, Cửu-Long-giang xuất-hiện ra **12 huyết huyền-diệu** chấm đậm nét hùng-vĩ trên địa-cầu này.

“Bắt đầu khởi kết tụ ngưng-khí Âm Dương xây nên địa-huyệt thứ nhất tại THẤT-SƠN (Châu-đốc). Chỗ ấy ba huyệt thiên-tiên hiệp lại làm Nê-hườn cung, xuất-hiện đúng ngày linh-hiển TAM HUÊ TỤ ĐÁNH mùi hương lạ kỳ bí-mật bay ra từ núi Sam đến núi Tượng. Chỗ ấy là cân não, cốt tủy của Cửu-Long tên nó được hưởng-ứng theo luồng điện thiên-niên, oai nghiêm, từ-bi, hùng-vĩ đời sau gọi là **KIM THÀNH HUYỆT**. Đó là huyệt dương đã hiện, Cửu-Long kết lẩn với hai cốt núi Âm-Phong, cô độc, liên hiệp thành cặp mắt Hà-tiên và Phú-quốc là **THỦY TRUNG HUYỆT**, Tây-ninh núi Điện Bà là **HUYỀN MÔN HUYỆT**, hai đảnh núi ấy thuộc về Âm, kết tụ ngưng-khí tại Trung-nguơn tạo nên **ẤN ĐƯỜNG HUYỆT** (Dương) để khai mở luồng điển quang cho các huyệt kia vừa ngưng tại lối miệt Long-xuyên, Bình-mỹ (một dãy cù-lao lớn chạy dài từ Bình-mỹ xuống gần đến Cần-thơ).

“Từ Kim-Thành huyệt phóng xuống mũi Cà-Mau và núi Kỳ-Vân, hai huyệt dương nữa, một bên thì thành sống mũi Cửu-Long chấm đến Cà-Mau (tức là **LÂM HUYỀN HUYỆT**) một bên thì Hàm-Rồng tại Kỳ-Vân (tức là huyệt **BÍCH-NGỌC**). Đồng cân với hai huyệt âm (Thủy-trung huyệt và Huỳnh-môn huyệt) hiện ra một huyệt thứ sáu (**BÌNH-NAM-HUYỆT**) tại núi Côn-Nôn là chót lưởi của Cửu-Long.

“Sáu huyệt Âm dương vừa kết tụ ngưng-khí thì tại gần Trung-ương huyệt, yết hầu Cửu-Long, vừa khai mở gần Cần-thơ bây giờ, gọi là **Trung-ương Cửu-Long huyệt**. Lần lần ba cửa mở ra cửa Đại, Tiểu v.v... vừa thành tựu (năm Nhâm-Thìn 1892) khiến cho ba nguồn thủy dựng tại Bình-Nam châu chuyển-động (lưởi Cửu-Long) làm cho các miền ở chánh cửa khẩu phải bị nạn lụt (Vàm-cỏ, Gò-công, Bến-tre và các cù-lao nhỏ v.v...) ba ngày ba đêm.

Đó là bảy huyệt linh-thiên chánh gốc của xứ Việt-Nam mới ngưng kết được lối 100 năm nay. Đứng giữa hoàn-cầu sự linh-thiên tân-tạo là đầu Cửu-Long-giang, một nguồn Bảo-giang thiên-cơ đã định phải chói rạng sự huyền-diệu nhứt hạng khắp bốn bề năm châu. Vì địa linh ấy mới sanh nhưn kiệt, các vị Thánh Tổ kim thời hể thuộc Âm-mạng thì phải xuất-hiện (chớ không phải giáng sanh) dạy đời trong ba huyệt Âm (Thủy-trung huyệt, Huỳnh-môn huyệt và Bình-Nam huyệt), còn thuộc Dương thì phải xuất-hiện ở Thất-Sơn, Kỳ-Vân và Cà-Mau (Kim-Thành, Bích-Ngọc, Lâm-Huyền huyệt). Nhưng mặc dầu Âm hay Dương mạng, tại gần Cần-thơ cũng là kết-tinh mỗi Trung-ương, yết-hầu Cửu-Long, lập nền tảng bình-phân nguồn sống vật chất cho nhưn-dân, còn Kim-Thành huyệt là nơi kết-tụ tinh thần khiến cho Thánh Tổ sẽ lập căn-bản, ban rải mùi Từ-bi Bác-ái, Minh-triết cho chúng-sanh.

Bởi nguồn thiên-cơ định cho xứ Việt-Nam được hưởng ân huệ của Cửu-Long-giang cho nên chúng ta phải rút địa-thể mà đoán ra thịnh-suy, hung-kiết, vận-mạng của một

nước, một giống dân. Còn ngoài Bắc phần Việt-Nam là cái đuôi Cửu-Long lan-tràn đến vịnh Hạ-Long là dứt tại cốt Hậu-Đà của **Long-Vĩ huyết** ngang Vinh lên Lạng-sơn Cao-bằng, có nhiều hầm mỏ và các tiểu huyết, đã hiện ra từ 4000 năm nay bây giờ đã gần tàn rụi, bao nhiêu đời oanh-liệt các bậc tiên-đế tiên-vương đều lần lượt ẩn vào mây mù tịch-mịch của thời gian.

“Tạo-hóa có một định-luật bất-tuyệt là vạn vật sanh hóa tiêu-diệt theo thời-gian, hết rồi đến sụt, hết thịnh tới suy, hết cao siêu đến hồi hỗn-loạn. Cái luật tuần-hoàn bí-mật của giọt nước mưa luân-chuyển từ nơi hải-hà mệnh-mông không bờ-bến, bay bổng lên tận trời xanh, ngưng kết mây mù, rơi tan xuống đất từ giọt nhỏ lẫn lộn qua các cảnh gió bụi, sạch trong, rồi đến lúc thoát dòng “*Gian nan đau khổ*” hiệp nhau thành một con sông lăn mau về biển cả, rồi cũng đến ngày kia bay trở lại lên trời biến-chuyển theo luật tuần-hoàn Trời đất, không ngừng không nghỉ. Chúng ta nào có biết đâu đời sống con người cũng như giọt nước mưa của vũ trụ? Nhưng lạ lùng thay! Hiện-tượng của: đất địa, san hà, hồ hải! Đó cũng là một sự “sống” vô cùng bí-mật của quả địa-cầu này, và cũng là một “đòn cân tạo-hóa để bình-phân thiên-luật điều-hòa các tinh-tú trong vòng càn khôn vô-tận.”

“Việt-Nam! Việt-Nam! Việt-Nam là một xứ tùy vận-mạng thiên-cơ địa hậu, sanh được ở chỗ linh huyết thiên-nhiên của tạo-hóa, thật là thay! Quý thay! Xứ tân tạo, nước tân tạo, dân tân tạo. **Kỳ hương sẽ phưởng phát tại huyết Kim-Thành** khiến cho chúng-sanh trên hoàn-cầu sẽ được hưởng mùi hạnh-phúc ngàn thu. Đất phù-nguyên vừa kết thành, tự-nhiên các huyết mạch được tích tụ khí nguơn-thỉ Trời Đất, khiến cho tất cả con người (95 phần trăm) Nam-phần Việt-Nam xu-hướng theo đường đạo hạnh. Vì sao? Bởi xứ Việt-Nam là nơi Thánh-địa, tạo-hóa đặt để Nam-phần Việt-Nam đúng theo luật vũ-trụ và ở nhằm trụ cốt huyền-diệu của trái đất này.

“Thất-Sơn (*bảy hòn núi sắp theo hình của **huyết tiên-thiên** trong thân thể con người*) cho nên gọi là núi Bảo-Sơn (hay là Bửu-Sơn cũng vậy). Số bảy là số hóa sanh vô-tận (Vô cực –Thái cực – Lưỡng nghi - Tứ Tượng, 3 trong rồi biến ra bảy, ngôi thứ tự Trời Đất, đến bảy từng vũ-trụ hóa-sanh sẽ hiệp nút trong vô-tận (chữ Án của Ấn-độ). Trong số bảy ấy phân ra hai giai-đoạn. Thứ nút ngôi đầu tiên (A-Di) là ngôi Âm dương chưa phân định. Đến lúc Âm-dương vừa phân, A-Di vừa sáng tỏ, thì chính trong ngôi ấy đã có hiện ra Tam-Thanh (Huyền-hóa Tam-Thanh). Đó là Tam-Thanh nút thể (một ba-ba một). Tam-Thanh nút thể biến hiệp với khí nguơn-thỉ biến thành cõi Trời phụ (nếu kể tam-thanh là ba, thì $6+3=9$, còn nếu kể nút thể thì $6+1=7$). Ấy là những số huyền-diệu bí-mật thiên cơ. Một, Ba, Bảy, Chín thành Tam-giác (Ba) tứ diện (Bốn) là hình-thức của một người ngồi thiền đúng cách (kiết già). Hiệp nút Trung-Uương là thức-tánh rồi hườn hư. Thật ra một sự bí mật của người tu-hành đang tầm hiểu.

“Bởi vậy nước Việt-Nam sanh vào một địa-huyết thật linh-diệu vô cùng (Thất-Sơn, bảy núi, Dương và Cửu-Long, chín rồng, Âm). Sơn tiền điểm Long-mạch trong số bảy có sanh hóa, trong số chín Âm-dương kết tụ hườn hư, thật là không có xứ nào được như vậy.

Toán theo khoa-học địa-lý thì nhờ có sự huyền-diệu trên đây, xứ Việt-Nam trở nên một Thánh-địa, một nước chứa đầy dân-tộc hiền-hậu, thông-minh nhơn-đức. Nhưng từ ngày bí-mật của ngọn sông Cửu-Long vừa lập thành bảy huyết chánh gốc đến nay (gần 100 năm) các huyết ấy khai mở mà con người Việt-Nam đã tiến lần đến chỗ hiền nhân thánh-triết”.

Cứ theo khoa-học địa-lý mà xét nước Việt-Nam hẳn là một địa-linh, các huyết vừa kết tụ trong vòng một trăm năm nay. Ảnh-hưởng của cuộc địa-linh ấy đã gây nên một phong-trào đạo-hạnh tưng-bừng chưa từng thấy.

“Phong-trào đạo Tiên hồi 1880 (huyết vừa kết tụ lại Thất-Sơn và Kỳ-Vân), có nhiều nhân-vật đặc quả Tiên ban như các vị: Phật-Thầy, Cử Đa, ông Đanh, Đạo Nổi, Thầy thím v.v... Từ 1800 đến 1920 thì có phong-trào Thiên-Chúa-giáo sang qua lan-tràn khắp xứ, kế đó có cuộc chấn-hưng Phật-giáo người chót được sắc lệnh phổ-thông ba năm là nhà sư Nguyễn-Kim-Muôn (sắc lệnh đây là sắc lệnh của hội chư Phật chớ không phải bằng-cấp thầy chùa). Sứ-mạng ngài có ba năm với Pháp-môn Tịnh-độ mà thôi. Trong thời-kỳ ấy gần hết dân-chúng miền Nam theo Tịnh-độ Cư-sĩ tu hành nhiệt-tâm. Sớm chiều trong các làng đều nghe tiếng chuông mõ. Ba năm sứ-mạng của Sư vừa dứt thì có hội Thần-linh-học gây dựng đạo Minh-lý rồi kế Cao-Đài-giáo tiếp theo bành-trướng cơ-quan Tam-kỳ Phổ-độ làm rúng động nhơn-tâm, dân-chúng tín-ngưỡng theo hằng triệu. Như vậy còn chưa kể các vị tu Tiên như Tây-ninh có Bà Cô, Nha-trang, Phan-thiết có Cô-tư Bè, Kỳ-Vân có Cô-Cậu, hiện nay vẫn còn linh-diệu, mỗi phái được hàng ngàn đệ-tử.

“Kể thấy cuộc chấn-hưng Phật-giáo ở tại Linh-Sơn tự có cơ-quan truyền-bá bằng kinh sách; ông Minh-Trí lập ra nhánh Lễ-bái Lục-phương. Phật-học chùa lớn tại Phú-định (Chợ-lớn) do ông Lâm-Văn-Hậu chủ trương và các hội như Lưỡng-xuyên và Phật-giáo, mùi Chơn-lý của kinh phật được đem ra học hỏi nhiệt-thành; chùa lớn nhất ở tại Huế, bên nữ cô Diệu-Tịnh (Thích-Nữ) lập chùa Từ-Hòa, vận-động phái nữ ra trường “Ni-trường Phật-học” ngoài Huế, diu dắt nữ-lưu trên đường sáng suốt. Kế Diệu-Tịnh có Võ-Phụng-Kiều, pháp-danh Diệu-Minh, mở các am vân tại Mỏ-cày (Bến-tre) truyền-bá pháp-luyện tinh-thần và ăn hoa quả (cô dùng hoa quả trên ba mươi năm mà mập-mạp mạnh khỏe như thường). Lối 1935 ông Bạch-Liên tại Châu- đốc lập chi nhánh Thông-thiên-học do tận gốc bên Ấn-độ (Adyar Madras). Đồng thời ảnh-hưởng Phật-Tiên hiệp-nhút nổi lên, vị cầm-đầu giáo-hội là ông Huỳnh-phú-Sổ (bây giờ gọi là Đức Giáo-chủ Hòa-Hảo).

“Như chúng ta xét rõ, không nước nào mới trong vòng một trăm năm mà nổi lên hơn cả chục phong-trào đạo-đức rất nhiệt-thành. Thứ nhất là từ 50 năm nay, người Việt-Nam (riêng Nam phần) hết lòng lo tu-niệm...

Ấy cũng là nhờ một phần lớn ở địa lý, đất linh, ở vào các vĩ-tuyến địa-cầu kết thành những huyết-mạch cực-kỳ huyền diệu về tinh-thần đạo-đức”

Tác-giả cho biết phần đất Việt-Nam đóng vào 12 huyết sáng-suốt (6 huyết chánh, 6 huyết phụ và huyết Trung-Uương là huyết hội các huyết) mà số 12 huyết lại thuộc về Tâm-điền huyết; “cho nên khiến các hạng con người lần lần xu-hướng vào đường đạo-hạnh hết. Các huyết vừa kết tụ thì các tôn-giáo, giáo-hội mọc lên như nấm, nhân-dân niệm Phật Trời vang lừng một cõi. Đến lúc cửa huyết Kim-Thành, Bích-Ngọc, Lâm-Huyền khai mở trong ba tiếng Ngũ-lôi vang động, bảy nguồn thủy dựng trào lên, thì Thánh-Nhân xuất-hiện ra đời đem mùi bác-ái yêu thương nhơn-vật vô cùng mà giúp chúng-sanh vào đường hạnh-phúc...

“Về dân tộc Việt-Nam, chúng ta không thể xem xét nước da hay là giống sanh-sản lai người ngoại-quốc. Nhưng chúng ta có thể lấy nội-dung tiến-hóa theo chiều thiên-cơ. Nhơn-vật ở địa cầu này đã đến thời-kỳ biến-chuyển lần thứ ba (lần thứ nhì bên Âu-châu sụp đất Atlantide thành biển Océan Atlantique bây giờ, có trên 12.000 năm). Giống dân thứ tư tiêu-diệt, còn sống sót các giống dân phụ của giống dân thứ năm trở lại sanh-sản rải rác dưới cõi trần, để ngày sau gây tạo nên hoàn-cảnh, nhơn-tâm và nòi giống của giống của dân thứ sáu ra đời hiệu là giống dân BÍCH-NGỌC, màu da trắng trong như ngọc-bích, thông-minh tiến hóa vô cùng, tự-do dùng thân cảm-tưởng trong Danh, Lợi, Tình mà lòng không mắc chấp...

“Trước khi giống dân thứ sáu ra đời, phải có một phong-trào hỗn-loạn (như khi xưa, mỗi lần tạo-lập nền tảng cho giống dân mới, thì giống dân cũ sắp tàn, sự hỗn-loạn tự-nhiên phải có). Lịch-sử hằng ghi chép những gương xưa, chúng ta thấy rõ. Kể thời tạo-lập nền tảng cho giống dân mới, thì có Thánh-Nhân ra đời dạy chúng-sanh.

“Dân-tộc Việt-Nam theo thời cơ Thiên-định có rất nhiều linh-hồn thông-minh, tài-trí, đức-hạnh của các giống dân phụ thứ năm chuyển kiếp làm con người, vì Nam phần Việt-Nam là nơi địa-huyết hạp với sự tiến-hóa với các linh hồn ấy. Dầu rằng các linh hồn khắp nơi hội-hiệp ở tại Nam phần Việt-Nam nhưng chẳng qua là do luật Trời biến-động khiến luồng Từ-Ân xuyên-tạc, Nguồn Ân Thánh-Triết lâm phạm sẽ thu các linh-hồn ấy vào hàng đệ-tử cùng nhau tạo-lập “Đài gương An-Lạc”, đem hạnh-phúc cho nhơn-sanh. Vì dân-tộc Việt-Nam quan-hệ vô cùng đến sự tiến-hóa trên địa-cầu này, cho nên Nguồn Ân Thánh Triết (hiện nay chúng quả Phật La-Hán) phải tòng theo thiên-cơ mà chuyển kiếp vào dân Việt-Nam, lập đời mới, văn-minh tuyệt điểm vật-chất và tinh-thần phối-hiệp, rồi Ngài sẽ đặc quả Bồ-Tát vào cõi Trời Cực-Lạc”.

Tuy biết rằng “Nguồn Ân” xuất-hiện và tạo nên hạnh-phúc ở Việt-nam, nhưng Ngài còn giúp đỡ cho cả thế-giới. Ngài sở-dĩ giáng sanh ở Việt-Nam là “vì nơi đây hạp với thiên-cơ địa-hậu, hoàn cảnh, nhơn-tâm, nhưng Nguồn Ân vẫn là hạnh-phúc chung cho nhơn-loại, giúp chúng-sanh thoát khỏi dòng lao khổ”.

“Hạnh-phúc thay dân Việt-Nam!

“Hãy sửa soạn tâm hồn trong sạch lạ mừng Nguồn-Ân cứu-thế, muôn đời mới có một”.

Đó là tất cả nguyên-lý để tìm hiểu tại đâu nước Việt-Nam sẽ là cõi đất Trung-Uơng trong thời-kỳ Thượng-Nguơn và dân-tộc Việt-Nam được hữu-phước dẫn đạo sau này, như Sấm-Giảng đã từng cho biết.

Chúng ta đã biết qua đâu là huyệt Kim-Thành, đâu là huyệt Bích-Ngọc, đâu là Bảo-Sơn đâu là Bảo-giang?

Thế là bức màn huyền-vi hé mở cho chúng ta khi đọc đến Sấm Trạng-Trình với những câu như:

Bắc hữu Kim-Thành tráng,

Nam tạc Ngọc-Bích thành.

Hay là:

Bảo-giang Thiên-tử xuất,

Bất chiến tự-nhiên thành.

Hoặc là:

Bảo-Sơn Thiên-tử xuất,

Bất chiến tự-nhiên thành.

III. Nhà Bác Học: Ông Hồ Hữu Tường

Ngoài lối giải-thuyết Sấm-Giảng khoa-học địa-lý còn lối giải-thuyết bằng phương-pháp khoa-học của ông Hồ-hữu-Tường, một học-giả mà ông Tam-Ích đã liệt ngang hàng với Đào-duy-Anh, Phan-văn-Hùm. Nguyễn-văn-Tổ v.v.

Nhưng trước khi đề-cập đến lối giải-thuyết của ông, tưởng cũng nên tìm hiểu tại đâu ông Hồ-hữu-Tường thay-đổi quan-niệm một cách đột-ngột mà ông Thiếu-Sơn gọi ông Tường là "một nhà học-giả đương khủng-hoảng về tinh-thần".

Mà quả là ông Tường có khủng-hoảng về tinh-thần chẳng, khi ông ra thuyết "Xuân Thu mới" và tuyên-bố ly-khai học-thuyết mác-xít, vì theo ông, học thuyết này đã quá thời trong giai-đoạn tiến-hóa tư-tưởng hiện nay và sau này.

Nhưng do ông Tường xây dựng thuyết "Tân Xuân Thu", một danh-từ mà chúng ta được thấy Sấm-Giảng nêu lên để chỉ thời-tiết sau này của thời-kỳ Thượng-Nguơn.

Hắn ông Tường khám-phá được cái gì, nhận thấy một chơn-lý cao siêu nào, nên ông mới thay-đổi tư-tưởng một cách đột-ngột như thế.

Nếu không thế, thì có lý đâu ông lại kêu lên "những tiếng gọi đàn" tha-thiết trong quyển *Tương-lai văn-hóa Việt-Nam* mà chúng tôi xin trích ra đây một đoạn:

"Tôi muốn cất tiếng mà kêu to. Kêu thực to để ai nấy cùng nghe. Tôi muốn có một giọng tha-thiết. Thực tha-thiết để ai nấy cùng cảm. Tôi muốn có những luận-điều đanh-thép. Thực đanh-thép để ai nấy cùng tin. Nghe, cảm, tin... để cùng tôi đem một cái vinh quang chưa hề có trên quả địa-cầu về cho dân-tộc ta, dân-tộc Việt-Nam.

"Đây là một gia-đình nghèo nàn khốn-khổ. Mẹ bệnh la-liệt không tiền chạy thuốc. Gạo trong vò sạch hết sạch. Em nhịn đói không nổi kêu khóc vang tai. Tất cả anh, chị, em đều đuối sức, mệt hơi, vì thời buổi làm ăn vất-vả...Ngẫu-nhiên, một đứa con trong gia-đình này gặp ở giữa rừng một khối vàng to. Khối vàng quá to, thừa sức cung-cấp để chạy thuốc cho mẹ, mua gạo nuôi cả nhà, trang-trải các mối nợ và làm cho gia-đình trở nên mấy ngàn lần triệu-phú. Khối vàng quá to, nên sức mình ôm về, hay lăn về không nổi. Rồi hối hả, đứa con ấy chạy đi kêu anh, chị, em, lên "tiếng gọi đàn" để vào rừng cùng đem khối vàng về...

"Trong lòng của đứa con ấy cũng đồn-dập những luồng thốn-thức e-ngại. Làm sao mà có được những lý-lẽ đanh-thép để cho anh, chị, em tin? Cảm-hóa, tin rằng mình đây không phải là điên rồ, không phải là mê-mộng lại sáng-suốt mà báo tin mừng cho gia-

đình và lên tiếng gọi đàn, để cùng nhau chung sức, nắm ngay lấy hạnh-phúc và vinh-quang.”

Ông Tường đã bộc-lộ sự khám-phá của ông bằng một lối văn ngụ-ngôn ẩn-ước quá khéo-léo.

Nếu ông không khám-phá được cái gì hay không nhận thấy một chơn-ly cao-siêu nào thì có lý đâu từ địa-vị một nhân-viên trong phái-đoàn Hội-nghị Dalat, đương được người tín-nhiệm lại từ khước trách nhiệm của mình, mang gói từ Hà-Nội trở về Sài gòn, tuyên-bố một câu làm ngơ-ngác cả mọi người: ông tuyên-bố từ giã trường chánh-trị trong năm năm.

Từ sự kinh-ngạc này, ông đưa người ta đến kinh-ngạc khác. Ông lảng-lặng như một thầy tu nhưng lâu lâu ông đăng lên báo nhiều ý-tưởng mà không ai ngờ. Ông cho rằng học thuyết mác-xít đã lỗi thời, rồi ông đưa ra thuyết “Tân Xuân Thu” làm cho phái của ông Tam-Ích cực-lực chỉ-trích.

Nhưng đó cũng chưa mấy ngạc-nhiên bằng khi ông Tường đưa ra đời bộ *Ngàn năm một thuở* trong đó ông mượn vai Phi-Lạc để đưa ra bao nhiêu lời tiên-tri của Sấm-Giảng, giải-thuyết lý Tận-Thế, lý Tam-Nguơn và đồng thời phủ-nhận những điều người đời nay đương tin-tưởng ở máy móc, thù phụng cái cũ của người ta để làm cái mới của mình mà không nhận rằng mình đã có “một khối vàng to”.

Đây chúng ta thử đọc một đoạn văn này của ông Tường đủ thấy quan-niệm của ông về cái nghĩa “mới” và “cũ”.

“Những nhà lập luận thiển-cận thường có luận điệu này: triết-gia Tàu hay lấy những học-thuyết cũ rích của Tây-phương mà nhập-cảng vào Trung-quốc và bảo đó là “mới” thì nguyên-nhân là bởi các triết-gia ấy có bệnh “cóp” rồi thì họ kiêu-hãnh với lời giải-thích tạm bợ:” Á-phiện làm buồn ngủ vì á-phiện có tính làm buồn ngủ”.

“Ta thì không thế. Ta lại tìm thêm:”Tại sao các triết-gia Trung-Hoa hay cóp?”

“Nhưng hỏi mãi cũng chán. Bởi vì lòng ta muốn làm sao cho ta được như chim bằng của Trang-Tử vỗ cánh bay mấy muôn dặm, sáng-tạo ra được một nền triết-học nào mới-mẻ đối với Tây-phương! Chớ cái việc cóp các học-thuyết của Tây-phương rồi đem ra mà nói rằng “tân” với đồng-bào của mình, thì thú thực “tân” này không khác cái “tân” của các bà đã nằm bếp!

"... Muốn cầm đầu thế-giới hay chịu phận, làm em của người, làm nước chư-hầu hiến cống cho một nước thiên-tử nào đó, thì hãy một mực đi theo triết-học của nước đó đi. Còn nếu nuôi chí lớn: thì lập một nền triết-học khác làm cơ-sở cho một đạo sống khác".

Nhưng những tư-tưởng trên đây chưa làm đảo lộn-cả ý-thức-hệ của con người bằng đoạn văn vấn-đáp sau đây:

" Học sách à? Học sách tức là nhận kẻ viết sách làm thầy sao? Tôi không học nơi sách nào cả!

" Họ tức mình hỏi:

" Không học anh làm sao biết được?

" Thì nó nói đồng-dạc rằng:

" Không học mà biết mới hay chứ! Nếu phải học mà biết cũng như các ông nghề ông cống khác, chớ nào có hơn, mà tranh có một địa-vị hơn họ!"

Thật là một ý-tưởng ngạo-nghễ, nhưng thật ra thì không ngạo-nghễ tí nào! Không học mà biết là một hiện-tượng không còn lạ với người đời nay nữa.

Hẳn quý ngài còn nhớ Đức Huỳnh Giáo-chủ đã viết:

Đức Lục-Tổ ít ai dám sánh,

Người dốt mà nói pháp rất rành.

Và ông Thanh-Sĩ cũng có viết:

Có học có biết có tường,

Không học mà biết phi thường khó thay!

Cũng đồng một ý nghĩa: không học mà biết mới hay, như ông Tường đã nói.

Tại đâu ông Tường có những ý-tưởng giống trong Sấm-Giảng? Nếu ông không khám-phá một điều gì!

Có người cho biết rằng: sở-dĩ ông Hồ-hữu-Tường thay đổi ý-tưởng một cách đột-ngột như thế là vì ông đã được một quyển **Thiên-Thơ** cũng như tác-giả quyển *Con đường*

nào?. Ông dựa vào quyển *Thiên-Thơ* ấy viết ra bộ **Ngàn năm một thuở**, giải-thuyết Sấm-Giảng với sự hiểu biết của một người đi sâu vào đạo-giáo.

Sau khi đặt ra bao nhiêu nghi-vấn về sự thay đổi chí hướng của ông Hồ-hữu-Tường, nhiều người quả-quyết ông có được *Thiên-thơ* và đây là điều mà người ta đã khám-phá được về chỗ bí-ẩn ấy.

Chỗ bí-ẩn ấy là ông Tường đã tự-nhận có được một quyển sách, rồi dựa theo đó viết ra chuyện *Ngàn năm một thuở*.

Đây đoạn ông Tường tự-nhận được có quyển sách:

“Số là tác-giả này, sau khi lánh nạn ra đến Hà-nội, ngụ được vài tháng, thì nạn binh lửa nổi lên, phải rút lui theo ngả Thụy-khê, làng Bưởi, rồi đến làng Cổ Nhuế, v.v... Rồi đến khi hồi cư về Hà-nội, thì cũng do đường ấy. Khi trở về Cổ Nhuế, thì làng mạc tiêu điều, xơ xác, phải đến một góc đình con đứng mà ngủ tạm một đêm. Không dè lượm quyển sách ghi tên những ai đến hỏi nơi vị “Cố vấn học thuật” của làng. Nhờ vậy mới biết câu chuyện rồi do đó tìm thêm, để thuật lại ở đây câu chuyện lạ đời “Ngàn năm..một thuở”.

Mọi người đều cho rằng chỉ một đoạn văn này đủ cho chúng ta thấy ông đã tự-nhận có được ***Thiên-thơ*** một cách hết sức khéo-léo, cũng như dùng thuật-ngữ “tìm được một khối vàng trong rừng” để ám chỉ rằng tìm được sự vinh-quang của Việt-Nam.

Nếu quả thật ông Hồ-hữu-Tường đã được quyển *Thiên-thơ*, sao ông không lấy đó mà lập-thuyết một cách chững-chạc của một nhà sáng-tạo, hay phát-minh mà lại dùng lối văn trào-phúng viết úp mở, nửa hư nửa thiệt?

Muốn hiểu dụng-ý của ông, hãy nghe ông biện-luận thế nào là trào-phúng, thế nào là không trào-phúng, trong một đoạn văn dưới đây:

“Ngài nói sao mà nghe như giọng trào-phúng vậy?”

“Phi-Lạc cả cười hỏi lại:

“Nếu là trào-phúng thì sao?”

“Cả thầy đều nói:

“Nếu là trào-phúng thì ngài nói chơi. Nếu không trào-phúng thì là ngài nói thiệt.

“Phi-Lạc cười dài nói:

“Lầm to! Lầm to? Trào-phúng thuộc về giọng nói mà không về nội-dung-có xác sự thật hay không. Có thể nói với giọng đạo-mạo như giọng của Đạo Nhân Dĩ-Nhất mà không xác với thực-tế chút nào. Còn nói đùa như tôi khi này mà không phải là trái với sự thật. Chính là ta phải dựa theo vào sự thật khi trào-phúng mới được.

Như thế, còn ai nghi trong giọng trào-phúng của ông Tường không hàm có sự thật.

Nhưng sở-dĩ ông Tường dùng thuật ngữ trào-phúng là vì ông còn hoài-nghi. Ông thấy tương-lai khoa-học và đồng thời ông lại thấy cảnh-giới sau này vô cùng đẹp-đẽ hơn khoa-học, nhưng cảnh giới ấy lại do Thiên-lực mà có, còn khoa-học, thì do nhân-lực mà có. Ông thấy hay nhờ quyển *Thiên-thơ* giúp cho ông thấy, ông thấy nhưng chưa tin trọn vì nó xa với ông quá, còn khoa-học thì nó gần với ông hơn.

Chính vì đó mà ông đâm ra hoài-nghi và cũng vì hoài-nghi mà ông Tường giải-thuyết Sấm-Giảng bằng một lối văn nửa hư nửa thiệt.

1-Giải-thuyết lý Tam-Nguơn và Tận-Thế

Nhưng đầu với hình-thức nào, ông Tường cũng đã cho người ta thấy ông đi sâu vào Sấm-Giảng. Một cách gián-tiếp, ông nhìn nhận lý Tam-Nguơn và cơ tận-diệt, như ông đã nêu ra trong bộ *Ngàn năm một thuở*.

Đây chúng ta hãy nghe ông Hồ-hữu-Tường luận về lý Tam-Nguơn:

“Trước thời này, đã có một thuở thái-bình mà các thi-sĩ gọi là “thời đại hoàng kim” chẳng? Đó là một câu hỏi không lấy đâu làm bằng để trả lời cho được.

“Các tôn-giáo bảo:

“Hồi xưa, trên trái đất này, đã có một nền văn minh chói lọi, người sáng-suốt, thông cảm được cùng tiên phật, biết phép nhiệm mầu, đoạt quyền tạo hóa, hiểu được quá khứ vị lai. Rồi đến một lúc kia, hồng thủy dâng lên, đất sụp núi lở, ấy là thời tốt đẹp kia đã tận-thế. Thật ra chỉ là, dứt thời “thượng nguơn” để sang “trung-nguơn”.

“Đến thời ‘trung-nguơn’ này, tuy loài người không được ai ai cũng là hạng địa tiên như trước, song cả thầy an cư lạc nghiệp, chung hưởng thái bình, đường không lượm của rơi, nhà ngủ không đóng cửa. Và có một ít thánh-hiền, hồi ức được sự sáng-suốt của thời thượng-nguơn, có ghi chép điều hiểu biết vào những kinh sách mà đến nay, dầu ai thông minh đến bậc nào cũng không hiểu nổi. Thời trung nguơn này chấm dứt với đời Nghiêu Thuấn. Và từ đây bắt đầu “Hạ Nguơn”.

Thời "hạ-ngươn" là một thời đen tối cho loài người. Người, lòng nuôi đầy ác ý, tranh nhau mà bóc lột nhau, giành nhau mà chém giết nhau. Kẻ giẫm lên xương máu của phần đông để lập sự-nghiệp của mình, thì được thế nhân ca tụng là anh hùng, vĩ nhân. Bao nhiêu óc sáng-suốt đều bị lợi dụng để chế tạo các khí giới tàn sát lẫn nhau, đưa nhân loại dần dần đến cảnh tận-thế.

"Nhưng các tôn-giáo chỉ muốn đem cảnh "tận-thế" mà dọa loài người, cho họ sợ sự trừng phạt của trời đất mà theo các giáo điều. Các tôn-giáo quên rằng: trời đất xoay vần, hết năm cũ sang năm mới, thì cảnh đông qua xuân tới là dĩ nhiên. Vậy nên hạ-ngươn có dứt rồi thì một thượng-ngươn khác sẽ đến. Ấy là "đổi đời". Lý trời là vậy đó".

Đọc đoạn này chúng tôi thấy ông Tường luận rất xác đáng về lý Tam ngươn, nhưng vì mang phải tật hoài-nghi mà ông cho rằng tôn-giáo muốn đem cảnh Tận-Thế dọa loài người cho họ sợ sự trừng phạt mà theo các giáo-điều. Có hẳn muốn cho loài người theo giáo-điều mà tôn-giáo nêu ra vấn-đề tận-thế chẳng?

Chẳng hiểu dựa vào đâu ông Tường nhận thấy điều ấy, chớ từ Cao-Đài-giáo cho đến Phật-giáo phái Phật-thầy đều nhận: hể mãn thời-kỳ Hạ Ngươn thì đến thời-kỳ Thượng-Ngươn. Như thế thì tôn-giáo đâu có quên cái lý tuần-hoàn của vũ-trụ mà ông Tường hoài-nghi.

Mặc dầu ông Tường phủ-nhận danh-từ "Tận-thế" và nhận giai-đoạn chấm-dứt thời-kỳ Hạ-Ngươn là một cuộc "đổi đời". Song rốt cuộc ông cũng nhận "cuối thời Hạ-ngươn này là cảnh tận-thế của nhân loại".

Đây chúng ta hãy nghe lý-giải của ông Tường về Tận-Thế, do Ngài Tả-quân Lê-văn-Duyệt cắt nghĩa cho ba nhà sư người Tàu nghe:

"Nãy giờ phải đòi ông Nguyễn-văn-Tổ đến cắt nghĩa rõ về nguồn gốc của Thánh-Nhân, ấy muốn cho ba vị biết rằng khi mà Quỷ vương suy rồi là do tay Thánh-Nhân chấm dứt. Lúc ấy là cuối thời Hạ-Ngươn.

"Ba nhà sư hỏi:

"Làm sao mà biết rằng cuối Hạ-Ngươn?"

"Tả-quân đáp:

"Cái đặc sắc của cuối thời Hạ-Ngươn này là cảnh tận-thế của nhân-loại. Xưa nay, loài người đã chứng kiến những cuộc tàn tạ của lắm cái văn-minh, như văn-minh của Ai-cập, của Ấn-độ, của Tàu. Nhưng mà những cuộc tàn tạ này không dữ dội và không phổ

biển. Đó là những cuộc suy nhược lần mòn ở một địa phương. Nay là cảnh tận-thế dữ-dội phổ biến của nhân-loại.

“Ba nhà sư nghe nói đồng hỏi:

“Vì sao các nền văn-minh trước lo việc nhân nghĩa đạo đức, lo việc tu dưỡng của loài người. Như gần đây, Khổng, Phật, Gia-tô, Hồi Hồi thầy đều lo việc cứu vãn nhân loại...

“Nghe Tả-quân ví sự trút đổ của văn-minh Âu-Tây như hai người ôm vật nhau, thì cả thầy muốn biết rõ hơn nữa. Thấy vậy Tả-quân giải:

“Hiện nay các nước theo Âu Tây hãy còn đông. Đáng kể có Nga, Mỹ, Đức, Anh, Pháp, Nhật, Ý có bảy nước. Kỳ dư chỉ là mới phết một lớp sơn bề ngoài thôi. Với bảy nước này, thế giới phải sống cảnh tượng như hồi liệt quốc nhà Châu. Một trận chiến tranh thứ nhất đã đưa chúng vào một phen vật lộn. Nay lại bắt đầu một cuộc chiến tranh thứ hai. Nhưng chưa hết đâu! còn có một lần chiến tranh thứ ba nữa. Mà lần thứ ba này, cái văn minh Âu Tây lại kết tinh thành hai khối chọi nhau.

“Sư Hồng Hạc hỏi thêm:

“Hai khối này có phải là khối dân chủ và khối phát-xít chẳng?

“Nghe hỏi vậy tả quân cười đáp:

“Dân chủ hay phát xít, tự do hay độc tài, đó chỉ là những phương tiện như thế nào cũng không cần, miễn là họ đạt đến mục-đích.

“Sư Hồng Hạc nghe nói không hiểu, bèn hỏi:

“Ngài nói văn minh Âu Tây đuổi theo cái lợi thì biết dựa vào đâu mà bảo rằng bảy nước ấy lại phân làm hai khối?.....

“Bởi là chiến tranh toàn-diện, nên sức tàn phá của nó mãnh liệt không ngăn. Không có một địa hạt nào tránh khỏi sự tiêu-diệt. Giữa các nước, thì nước này diệt nước kia bằng những khí giới lạ lùng, nguy hiểm.

Trong một nước, thì đoàn thể này chống với đoàn thể kia một cách quyết liệt chẳng kể mạng người, chẳng động lòng nhân. Hễ khác đảng phái thì dầu cho là anh em, chồng vợ, cha con cũng không dung nữa. Bao nhiêu thâm tình đều xóa bỏ, chỉ nghe mạng lịnh của đảng phái mà thôi. Rốt cuộc mọi người đều phải đau đớn khổ sở vì không biết làm

sao mà dung hòa ý, tình, lý của mình với mạng lệnh khắc khe của đoàn thể. Không lúc nào con người thấy mình bị một ách quá nặng nề như thế!

“Ba nhà sư nghe tả cảnh tận-thế rùng rợn như vậy thì kinh hồn và chấp tay đồng hỏi:

“Nếu nhân loại bị loạn lạc như vậy, thì còn có hy vọng gì mà sửa đổi lại, lấy trí dẹp loạn, lấy thái bình trừ chiến tranh chẳng?

“Tả quân đáp:

“Bởi cái thời loạn lạc như vậy, nên loài người khổ sở vô ngàn. Những hoạn, những nạn có Quỷ vương gieo rắc sẽ tràn ngập, làm chết ngợp chúng sanh. Thế mà có người cứu vãn được y như lời quẻ thứ mười hai của Khổng-Minh. Quẻ ấy là:

Chúng hoạn cứu nạn,

Thị duy Thánh Nhân.

Dương phục nhi tri,

Hối cực sanh minh.

“Câu thứ nhất và câu thứ nhì có nghĩa là”

“Lấy hoạn mà chữa cái nạn, thì có Thánh Nhân mới làm được. Còn hai câu sau lại định kỳ hạn mà Thánh-Nhân xuất-hiện. Hết cái thời ám này, nghĩa là dứt cái hạ-nguơn, bắt đầu thượng nguơn khác thì dương trở lại, chuyện ấy sẽ rõ. Ấy là hết tối tới sáng vậy. Lời sấm rõ lắm rồi. Nay dứt hạ nguơn Thánh Nhân là Xích Tử ra đời, đổi đời mới, lập thiên hạ lại.

“Ba nhà sư cùng hỏi:

“Còn chúng hoạn cứu nạn là làm sao?

“Cái đó là việc riêng của Xích-Tử, là sự nghiệp của người, ta không có phép lo trước. Thiên cơ bất khả lậu!

“Rồi Tả-quân nói tiếp:

“Còn như quẻ thứ mười ba:

Hiền bất dĩ dĩ,

Thiên hạ nhứt gia.

Vô danh vô đức,

Quang diện Trung-Hoa.

“Là tả cái cảnh thiên hạ đại-đồng mọi người được dùng, không bỏ sót ngoài đồng như thuở hạ nguơn, tất cả thiên hạ sống chung một nhà, yêu thương nhau. Cảnh ấy là thiên đường trên quả địa cầu”.

Ngoài những lý do Tận-Thế mà ông Hồ-hữu-Tường mượn lời Ngài Tả quân để phân giải như đã nói trên ông Tường còn giải-thuyết lý Tận-Thế về phương-diện lý-số và tôn-giáo nữa.

“Về mặt lý số, những nhà lãnh đạo cho phong trào muốn cho tất cả dân chúng tin-tưởng vào một ngày mà mọi người phải chọn chỗ dự bị, ngày hết thời âm sang thời dương, hết thời tối đến thời sáng sủa, hết thời khổ não đến thời hạnh phúc, hết thời loạn lạc tới thời thanh bình, hết thời tủ nhục tới thời vinh quang. Họ là những nhà lý số, dựa theo những thuyết của nhà triết-học đời Tống như Thiệu nghiên Phu, mà định cái ngày vinh quang ấy ở vào thế hệ của chúng ta.

“Thời về mặt tôn giáo, học thuyết của sư tổ Huệ Năng cũng đồng một dự đoán như vậy. Phật Di-Lặc xuống thế độ trần cũng vào khoản này. Và đến như theo Gia Tô giáo, ngày tận-thế hai ngàn năm sau Jésus giáng sanh cũng hiệp với tiên-tri của phái lý số.

“Mấy triệu người theo Lão học, tin vào phép dưỡng sinh. Mấy trăm triệu người theo Nho giáo, mấy trăm triệu người theo Gia Tô giáo đồng một sự tin-tưởng. Kẻ theo khoa học, dầu có hoài nghi cũng không cưỡng lại một trào lưu ngày càng mãnh liệt và đến lúc, nghiêng về một phía”.

Đọc đến đoạn này, người ta sẽ thấy rõ mỗi hoài nghi của ông Tường đã vỡ tan khi ông viết:

“Kẻ theo khoa học, dầu có hoài nghi cũng không cưỡng lại một trào lưu ngày càng mãnh-liệt”.

Nhưng vậy người ta có thể hiểu thêm rằng đầu ông Tường dùng một lối văn nữa hư nữa thực để cho người đọc có cảm tưởng rằng ông còn hoài nghi, nhưng thật ra trong thâm tâm, ông vẫn tin Sấm-Giảng.

Ông tin chắc đến nỗi ông dám cả quyết cho trận đại-chiến thứ ba sẽ nổ vào năm 1952.

Đây là một đoạn văn ông Hồ-hữu-Tường nói về trận địa-chiến thứ ba:

“Mấy năm mà Ngài gọi là không lâu?”

“Nay là cuối 1945. Cái kế-hoạch đánh cuội của tôi vạch ra đó ít lắm bốn năm mới xong, nghĩa là đến gần hết năm 1949 thì Tưởng-giới-Thạch mới nhượng hoàn toàn cho đảng Cộng, thì còn mấy năm nữa đâu?”

“Mà mấy năm nữa chớ?”

“Thì ba năm, đến năm 1952, ắt có chiến-tranh thứ ba. Xứ tôi ai mà chẳng biết. Ông Trạng-Trình có để lại lời Sấm:

Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,

Can qua xứ xứ động đao binh.

Mã đề dương cước anh hùng tận,

Thân dậu niên lai kiến thái bình.

“Bài Sấm này không phải chỉ cuộc chiến tranh thứ nhì sao?”

“Lầm! Lầm to? cuộc chiến tranh thứ nhì hoặc kể là khởi ở Tàu, nơi vụ Lư cầu Kiều là năm 1937 tức là năm Đinh Sửu, hoặc kể là khởi ở Âu châu hay là năm 1939 tức là năm Kỷ mao chớ nào phải là năm Thìn đầu mà gọi là Long vĩ, năm rồng, cuối năm Thìn?”

“Và lại lời sấm là bàn về cuộc chiến tranh thứ hai có ăn thua gì mà làm sấm chi cho mất công? Mà câu “Mã đề dương cước” đâu có ứng? Bởi anh hùng không có tận mà?”

“Vậy theo Ngài thì cuộc chiến tranh thứ ba ra làm sao?”

2-Giải thích trận Đại Hồng-thủy và Thiên-Hỏa

Đây chúng ta thử nghe ông Tường giải-thích về Đại Hồng-thủy.

Ông Tường cho rằng từ trước đến nay chưa có trận chiến-tranh nào mà sự tàn-sát lớn-lao bằng trận đại chiến thứ ba, bởi vì kỳ chiến tranh này, bao nhiêu phát-minh về nguyên-tử đều được đem ra phụng-sự cho việc sát hại. Chính vũ-khí nguyên-tử ấy sẽ gây ra bao nhiêu tai nạn cho loài người như làm cho quả địa-cầu phải ngập lụt, làm cho nhân loại phải cháy thiêu.

Trước hết ông Tường cho rằng thế nào trận Đại-chiến thứ ba cũng nổi ra giữa Nga và Mỹ. Nhưng khu-vực chiến-đấu là khu-vực nào?

“Bây giờ chú thử tính lại xem con đường nào là đường chiến-lược của cuộc giao-phong của đôi bên? Ta sắp hai giả-thuyết. Một là Nga lấn thế mà công kích. Hai là Mỹ thừa sức mà tràn tới.

“Nếu Nga muốn công kích Mỹ hay là Mỹ đánh Nga thì con đường gần hơn hết là con đường hàng không vòng trên bắc cực. Thế là các nước ở nửa trên sẽ bị dội bom, bom thường, bom nguyên tử, bom vi trùng mà bị tàn phá cả.

“Anh nói như vậy rõ lắm! Tôi thấy bên Tân thế-giới thì Gia-nã-đại, Hiệp-chủng-quốc, còn bên Cựu thế-giới thì cả Âu-châu, Tây-bá-lợi-á, Nhật-bổn và miền Bắc nước Tàu sẽ bị tàn phá không thua gì một cuộc tận-thế.

“Còn nếu Lục quân của Nga muốn tấn-công Mỹ thì phải noi theo ba đường.

“Con đường phía Tây là phải tràn qua nước Đức, nước Pháp, nước Y-pha-nho, Bắc-phi, để tiến tới Tây Phi và Nam-Phi, vì hai chỗ này sang qua Nam Mỹ gần hơn để rồi đó đánh lên Bắc Mỹ.

“Con đường phía Đông là từ Tây-bá-lợi-á đánh tan Nhật bổn để đổ sang A-lát-Ka, rồi đánh sang Gia-nã-đại và Huê-kỳ.

“Con đường phía Nam là tấn-công Ấn-độ rồi từ đó đánh sang qua Úc-châu để sang qua Nam-Mỹ nữa.

“Và con đường chiến lược của Mỹ cũng chỉ là ba con đường ấy mà thôi”.

Sau khi vạch rõ khu chiến-đấu của Nga và Mỹ, ông Hồ-hữu-Tường không ngần-ngại mà nói đến cách hành quân của đôi bên.

Theo ông thì “con đường tấn công gần hơn hết bằng phi cơ, bằng bom nguyên-tử là xuyên qua Bắc cực và Nam-cực. Thì tất nhiên chiến-trường là hai chỗ ấy, Nga thì học phía Bắc cực, Mỹ thì lo Nam Mỹ, còn Anh thì lo Nam-Phi. Vậy cuộc chiến-tranh nguyên-tử tàn khốc sẽ diễn ở Nam cực và Bắc cực, mỗi bên toan phá hủy căn cứ của đối phương.

“Mỗi bên sẽ ném nhiều bom nguyên-tử mà không hạn chế được... Sức nóng của bom nguyên-tử làm nước đá kia chảy ra, sôi lên thành hơi nước nóng và có một trận lụt khổng lồ, một trận lụt nước sôi từ Nam-cực và Bắc-cực tràn về miền Xích-đạo.

“Người ta muốn làm gì để ngăn trận lụt nước sôi do nước đá ở Bắc cực và Nam cực chảy ra mà sôi sùn sục ấy cũng không được, bởi sức nổ chuyên của nguyên tử chạy cũng không kịp nữa.”

Nếu đó chẳng phải là trận Đại Hồng-thủy, chớ còn gì nữa, mà là trận Đại Hồng-thủy bằng nước sôi. Nếu vậy thì nhân-loại bị tiêu-diệt hết sao? Hay có phương gì tránh nạn lụt nước sôi ấy?

Ông Tường cho biết rằng: Ở Nam Mỹ-châu và Bắc Mỹ-châu, người ta giành nhau mà chạy đến cái eo đất nhỏ xíu ở giữa. Nội cái đứng không cũng đủ chật đất rồi còn chỗ đâu cày cấy có lúa mà ăn? Tránh nạn phỏng nước sôi thì cũng bị nạn đói.

“Còn ở Âu-châu thì hết đường mà chạy. Ở trên tràn xuống thì bị Đại-trung-hải chặn lại, tàu đâu mà chở cho hết. Và chở đem đi đâu bây giờ? Ở Phi-châu thì phía Nam dồn lên lại đụn sa-mạc Sahara. Tránh nước sôi lại bị khát nước. Ở Bắc phi thì chạy xuống đụn Sahara vậy.

“Còn ở Nga thì chạy đâu? Chạy qua xứ Á-rập, Sa-mạc, chỉ chạy sang Ấn-độ, xứ Ấn-độ không đủ mề cốc nuôi dân, nay lại thêm người nữa làm sao mà sống nổi.

“Còn dưới kia, Úc-châu sẽ bị nạn lụt nước sôi tràn tới, không còn đường chạy, vì nó là một hòn đảo.

“Chung qui lại, chỉ có vùng Đông Nam Á-châu của ta là Miến-điện, Xiêm-la, Việt-Nam, miền Nam nước Tàu là thoát được cái nạn lụt khổng lồ ấy”.

Ngoài nạn lụt, ông Tường còn cho biết cái nạn lửa cháy rục Trời mà Sấm-Giáng gọi là Thiên-hỏa. Ông Tường nói rằng: “Cuộc chiến-tranh thứ ba sẽ là một cuộc chiến-tranh nguyên-tử. Mà cái lợi hại của nguyên-tử-lực không phải là mấy quả bom như kỳ rồi đã nói ở Nhật-bổn đâu. Sự hại của nó là sức nổ chuyên. Một nguyên-tử này nổ ra, phát điện tử

bắn vào nguyên tử kế đó thì nguyên-tử sau này nổ luôn theo rồi chuyển như vậy mãi ra và tràn lan vô cùng tận. Nhiệt độ phát ra không thể tưởng tượng được”.

Nhưng rất may, nạn Thiên-hỏa ấy cũng như nạn lụt nước sôi không tràn đến miền Xích-Đạo. Nhờ đó mà nước Việt-Nam được an-tòan, dẫn đạo các nước trong thời-kỳ Thượng-Nguơn.

3- Giải-thích về Thượng-Nguơn và Xã-hội Tân Xuân-Thu

Ông Hồ-hữu-Tường cho biết rằng: “Cuối trận chiến tranh thứ ba hầu khắp quả địa cầu đều bị tàn phá. Các đô thị lớn đã biến thành những đồng gạch ngói ngổn-ngang bắn ra những tia quang-tuyến của nguyên-tử-lực cho đến cỏ cũng không mọc được. Đó là kết quả của nguyên-tử. Đâu đâu, đầy xác chết bốc ra muôn ngàn loại vi-trùng đang nghễ-nghễ tìm nạn nhân. Đó là kết quả chiến-tranh vi-trùng. Thành thị thì như thế. Còn thôn quê thì chỉ còn có một thứ cỏ dại mới khởi sự mọc le the bởi cái lẽ dễ hiểu rằng: khi làn nước sôi tràn lụt qua một lượt, thì cỏ cây thảy chết sạch hột giống thảy luộc chín tất cả. Loài người cũng chết sạch. Có ai sống sót khỏi nạn nước sôi cũng bị nạn đói, bởi còn cái gì đâu mà ăn? Riêng có vùng nhiệt-đới thì cỏ cây còn thanh-mậu, các giống mễ cốc hãy còn sót lại. Nhưng ở nơi khác từ mấy năm, người chết gần hết, ai mà trồng trọt, nên phần đông đã trở nên hoang-vu”.

Chính nhờ ở vào vị-trí của miền Xích-Đạo mà nước Việt-Nam cũng như Miến-điện, Xiêm-la và miền Nam nước Tàu “thoát được cái nạn tàn phá của trận lụt khổng lồ ấy. Lại là xứ sản-xuất rất nhiều lúa ăn. Có bà con tản cư đến thêm gấp đôi dân số, nghĩa là đến hai trăm triệu người cũng có thể nuôi được”.

Vốn là một khu “phi chiến”, cho nên nước Việt-Nam sau này sẽ “bất chiến tự nhiên thành” đúng như Sấm Trạng-trình đã tiên-tri, mà ông Hồ-hữu-Tường ví sự “bất chiến tự nhiên thành” ấy như miếng võ-thuật “Hầu tử xuất động”. Nước Việt-Nam yếu-ớt cũng như con khỉ trong hang không làm gì chống lại nổi cọp, beo, lang, gấu, rắn, thê mà biết len-lỏi, chờ cho các nước mạnh như cọp, beo, lang, gấu kia choảng nhau cho đến sụm hết, đúng với lời Sấm “Mã đề dương cước anh hùng tận”, rồi xuất động thì làm gì chẳng làm chúa.

Đó là nhờ vị-trí “phi chiến” của nó mà sau này nó trở nên một nước dẫn đầu thế-giới.

Nếu thế thì nước Việt-Nam chẳng có gì tốt đẹp, vẫn giữ cái cảnh-tượng điêu-tàn cỏ khô đồng cháy, hoang-vu như thế sao?

Ông Tường cũng tin rằng thế giới sẽ bước qua thời-kỳ Thượng-Nguơn, nghĩa là vô cùng tốt đẹp, khí-hậu ôn hòa như trong Sấm Giảng đã nói. Nhưng làm thế nào thế-giới biến hình, thay đổi khí-hậu và trở nên một xã-hội Tân Xuân-thu, nghĩa là trong một năm chỉ có hai mùa ấm và mát?

Sự biến đổi ấy, ông Tường cũng qui cho kết-quả của bom nguyên-tử mà ra.

Ông Tường giải-thích như thế này: bom nguyên-tử mà Nga và Mỹ đem ra dùng sau này sẽ còn mãnh-liệt gấp trăm, ngàn lần thứ bom nguyên-tử đã dội xuống nước Nhật. Sức nổ của nó, nếu không làm núi tan đất vỡ thì cũng làm quả địa-cầu, vì chịu không nổi mà xô-dịch vị-trí đi. Nó sẽ từ vị-trí hiện-hữu mà xô-dịch qua một vị-trí khác. Do sự xô-dịch ấy, quả địa-cầu ở vào một vị-trí một năm chỉ có hai mùa: Xuân và Thu, khí trời quanh năm rất ấm-áp mát-mẻ, còn ban đêm thì luôn luôn có mặt trăng mọc, sáng cả đêm này qua đêm khác, không hề sai chạy. Cái thế-giới đó, ông Tường gọi là thế-giới Xuân Thu.

Đã đổi vị-trí như thế, đã thay đổi mùa tiết ngày đêm như thế, không nói ai cũng biết: chịu ảnh-hưởng của khí-hậu ôn nhu như thế, từ loài khoáng-vật, đến thực-vật cũng như động-vật, thế-giới sau này sẽ vô cùng đẹp đẽ. Cây cối hẳn tốt tươi, đất đai hẳn thích-hợp cho các loài cây quý báu thì con người hẳn cũng đẹp-đẽ và thông-minh tiến-hóa hơn nhiều.

Ông Tường cho rằng cái xã-hội sau này sẽ tột bậc văn-minh, thái-bình muôn thuở, con người sẽ tài trí phi thường. Nếu đem sánh với thời-kỳ Hạ-Nguơn này thì cách biệt không biết bao xa.

Cứ lấy theo thiên-văn-học mà xét thì ông Tường thấy rằng: quả địa-cầu chúng ta đương chuyển từ cung con cá qua cung con cừu, trong mười hai Thiên-cung (Zodiaque). Hiện nay chúng ta còn ở trong cung con cá, một cung mà người đời có tâm-trạng như con cá, hễ gặp nhau là đá, cắn nhau. Bởi thế, ở vào thời-kỳ này, nhưn loại xô đẩy nhau vào con đường chiến-tranh không dứt, tương tàn tương sát. Cung con cá biểu-thị thời-kỳ Hạ-Nguơn. Trái lại, cung con cừu biểu-thị thời-kỳ Thượng-Nguơn, một thời-kỳ con người thông-minh tiến-hóa cao siêu nhất trong các thời-kỳ. Ông Tường gọi là thời-kỳ của hạng minh-triết. Chẳng những con người trí-hóa thông-minh mà xã-hội lại thanh-trị dân chúng đâu đâu cũng an-cư lạc-nghiệp. Các nước rất tương thân tương ái cho nên thế-giới trải qua một thời-kỳ thái-bình cả muôn năm, giống như đời Nghiêu-Thuấn.

Đó là cả quan-niệm của ông Hồ-hữu-Tường về vấn đề Tận-thế và sự xây dựng cõi đời Thượng-Nguơn mà ông gọi là xã-hội Xuân Thu, quan-niệm dựa theo khoa-học để giải thích Sấm-Giảng.

Như chúng tôi đã nói: ông Tường vì vướng phải chủ-nghĩa hoà-nghi mà ông mãi tắc-tị, không tiến đến đâu.

Ông Tường nói rằng: Sau trận giặc thứ ba các nước ở miền tiếp cận với Bắc-cực và Nam-cực đều bị nạn lụt nước sôi và sức nổ chuyền của bom nguyên-tử mà tiêu tàn đến cây cỏ cũng không mọc. Trong tình trạng hoang-vu như thế, nước Việt-Nam nhờ ở khu-vực phi-chiến mà tồn-tại, phỏng làm gì với nhân-lực mà xây dựng cõi đời Thượng-Nguơn?

Nếu thế thì cõi đời Thượng-Nguơn cũng vẫn là cõi thế-giới cũ-kỹ này thì thấy gì phân-biệt Thượng-Nguơn với Hạ-Nguơn. Còn mong rằng bom nguyên-tử sẽ làm xô-dịch vị-trí của quả địa-cầu và nhờ đổi vị-trí ấy mà thế-giới sau này sẽ đổi mùa tiết, nhưng lỡ như sức nổ chuyền của bom nguyên-tử không hãm lại được, nó cứ nổ chuyền mãi phỏng quả địa-cầu có bị cháy thiêu, loài người có bị chết luộc vì nạn lụt nước sôi chăng?

Nhưng thật ra Tận-Thế có đúng như các nhà khoa-học, bác-học đã nghiên-cứu không?

CHƯƠNG THỨ BẢY

Tổng-luận

Nên hiểu Tận-Thế như thế nào?

Đọc qua loạt bài Tận-Thế và Hội Long-Hoa, tưởng cũng nên định-nghĩa rõ Tận-Thế là thế nào?

Có tôn-giáo nêu lên vấn-đề Tận-Thế với ý-nghĩa là tiêu-diệt thế-giới của loài người. Quả địa-cầu này sẽ mất luôn, nghĩa là loài người đều tận-diệt. Có người này ra ý-nghĩ rằng: nếu loài người đều chung số phận tận-diệt thì phải làm gì lo Tận-Thế với không Tận-Thế chớ! Nếu biết rằng sắp có Tận-Thế với ý-nghĩa là loài người tiêu-diệt thì cần gì phải lo nghĩ mà chẳng phung-phí cho sướng thân.

Cái luận-điều này chúng ta thường thấy nhiều người nêu lên để cho rằng: tôn-giáo đưa ra vấn-đề Tận-thế có ý làm cho người đời sợ sự trừng-phạt mà nghe theo các giáo-điều. Cái nghĩa Tận-Thế ấy trái hẳn với luật tuần-hoàn của vũ-trụ.

Ngoài luận-điều ấy, chúng ta còn thấy luận-điều của các nhà chiêm-tinh-học và các nhà khoa-học tính tuổi trái đất nêu ra bao nhiêu kết-quả của cuộc tìm tòi và tính toán cho rằng nào là mặt trời còn mấy triệu năm nữa mới nguội, ảnh-hưởng của nó sẽ làm cho quả địa-cầu phải nguội theo mà tắt hẳn đi; nào là quả địa-cầu ngày một khô lần, vì nước một ngày một thấm vào trong ruột trái đất như thuyết của ông Mạc-tên (Martel); nào là mặt đất một ngày một thấp dần vì thời tiết làm hao mòn núi non đất cát, nước mưa đem xuống biển do các nguồn sông rạch, khối đất hao mòn ấy lấp dần đáy biển làm cho nước biển một ngày kia sẽ nhận chìm những phần đất của dân-cư; nào là cái trục của quả địa-cầu một ngày một nghiêng dần, làm cho sức quay của nó một ngày một chậm đi, rồi đến một ngày kia nó sẽ trút đổ v.v.

Những luận-điều vừa kể cùng đồng hiểu Tận-Thế là một cuộc tiêu-diệt của quả địa-cầu.

Nhưng thật ra danh-từ Tận-Thế nêu ra trong quyển sách này có một đồng một ý-nghĩa tiêu-diệt quả địa-cầu, tiêu-diệt loài người không?

Mặc dầu danh-từ Tận-Thế được nhắc nhở đến luôn, nhưng khi đọc qua Sấm-Giảng, ai cũng nhận thấy rằng: Thời-kỳ Hạ-Nguơn sắp chấm dứt để bước sang thời-kỳ Thượng-Nguơn. Như thế Tận-thế có nghĩa là chấm dứt một thế-hệ này để bước sang một thế-hệ khác, đúng theo cái luật tuần-hoàn của vũ-trụ. Nhưng khổ nỗi, lần đổi đời này của thời-kỳ Hạ-Nguơn, nó không được êm-thắm như lần đổi đời của thời-kỳ Thượng-Nguơn qua thời-kỳ Trung-Nguơn, của thời-kỳ Trung-Nguơn qua thời-kỳ Hạ-Nguơn. Vì đó là những cuộc đổi đời thuận chiều.

Còn lần đổi đời này của thời-kỳ Hạ-Nguơn trở lại thời-kỳ Thượng-Nguơn, từ cái thật xấu trở lại cái thật tốt, bởi nó không thuận chiều cho nên nó phải đau đớn. Nhân loại vì đó mà phải điều-linh trong cuộc lừa lọc quá khắt-khe của luật đào-thải: tốt còn xấu mất. Đó là một cuộc lừa lọc, một cuộc đổi đời, chớ không phải là một cuộc tiêu-diệt.

Mà làm gì có sự tiêu-diệt quả địa-cầu trong thời-kỳ này. Nếu xét theo thuyết của nhà Phật thì không thể đặt ra vấn-đề Tận-Thế. Nếu nói Tận-Thế, tức nhiên là có sáng-thế, mà như thế là không đúng luật vũ-trụ vô thi vô chung của nhà Phật.

Thế-giới sở dĩ được thành-lập là do tạo nghiệp, do tâm niệm vọng-động của chúng-sanh cũng như nhà ngục sở-dĩ có là vì người đời còn phạm tội. Chỉ khi nào không còn tội nhân thì mới không có nhà ngục, cũng như khi nào chúng-sanh không tạo nghiệp, tâm niệm không vọng-động thì mới không có thế-giới này. Có thể chúng-sanh hết tạo nghiệp chẳng? Nói tỷ-dụ như chúng-sanh đều đoạn cái gốc luân-hồi, dứt được cái tâm vọng-động đi nữa, thì thế-giới chẳng vì đó mà bị hủy hoại đi, hay không thành-lập?

Tại sao vậy?

Cứ theo thuyết nhà Phật thì trong vũ-trụ có tam-giới: cõi Dục-giới, cõi Sắc-giới và cõi Vô-sắc-giới. Quả địa-cầu của chúng ta ở là một thế-giới trong cõi Dục-giới là cõi còn các điều dục-lạc như: ăn, uống, ngủ, thức, trai, gái. Còn cõi Sắc-giới tuy đã ly được những điều dục-vọng nhưng còn có đủ sắc thân. Đến như cõi Vô-sắc-giới thì không còn sắc thân nữa mà chỉ còn tâm-thức.

Nếu chúng-sanh còn trong vòng luân-hồi thì không sao tránh khỏi luật thăng trầm do nghiệp-lực gây ra. Bởi có luật thăng trầm cho nên trong lúc có người được sạch nghiệp vượt lên thì cũng có chúng-sanh vì nghiệp lực mà giáng xuống. Thế cho nên dầu cho chúng-sanh ở cõi đời này mà được vượt lên hết đi nữa thì cũng chẳng vì đấy phá tan tam-giới được. Chắc gì trong lúc ấy chẳng có chúng-sanh ở cõi Sắc-giới trở xuống cõi Dục-giới. Huống chi theo luật tiến hóa còn bao nhiêu chúng-sanh ở cõi thấp kém hơn cõi đời này chẳng có lúc vượt lên thế-giới này.

Cái luật tuần-hoàn còn thì chưa có thể hiểu theo các nhà chiêm-tinh-học hay khoa-học tính tuổi trái đất kia rằng Tận-Thế có nghĩa là hủy diệt quả địa-cầu.

Đây là một cuộc đổi đời đúng theo lý Tam-nguơn.

Có người nhắc chuyện lại rằng: lúc Đức Huỳnh Giáo-chủ dưỡng bệnh ở nhà thương Chợ-quán, một hôm bác-sĩ Trần-văn-Tâm cai-quản bệnh-viện ấy đến hỏi Ngài về ý-nghĩa của hai tiếng Tận-Thế đã thấy nói trong các Sấm-Giảng thì Ngài đáp rằng: Ông hãy tìm

quyển sách nói về trận sụp đất Ấc-lăng-tít (Atlantide) mà đọc. Trận sụp đổ tới đây sẽ giống như trận sụp đất.

Như thế thì danh-từ Tận-Thế không có nghĩa là một sự hủy diệt quả địa-cầu mà chỉ là một cuộc thay đổi địa hình như kỳ sụp đất Ấc-lăng-tít.

Nhưng thế-giới Ấc-lăng-tít thế nào và sự sụp đổ của nó ra sao?

Tận-Thế sẽ giống lần sụp đất Ấc-lăng-tít

Khảo-cứu về Ấc-lăng-tít, trên thế-giới hiện nay, có thể chia ra làm hai phái: một phái gồm những nhà ngữ-ngôn-học và cổ-vật-học, muốn tìm lại đất Ấc-lăng-tít như nhà triết-học Bá-lạp-đồ (Platon) đã tả là một cù-lao trước kia nằm giữa khoản Phi-châu và Mỹ-châu, trong biển Đại-tây-dương ngày nay, sau một trận Đại Hồng-thủy hòn đảo ấy sụp đổ không còn dấu vết; còn một phái gồm những nhà địa chất-học, nhân-loại-học và tiền-sử-học - phái này hiện nay rất đông - muốn tìm lại đất Ấc-lăng-tít là thế-giới nguyên-thỉ đã di-lưu một giống dân văn-minh.

Cái thuyết nhận rằng Ấc-lăng-tít là một nền văn-minh tối cổ đã tàn tạ sau trận Đại-hồng-thủy, được các giới bác học ngày nay nhìn nhận, nhưng tìm để hiểu cái xã-hội tàn tạ ấy thế nào thì mỗi người đưa ra một giả-thuyết không giống nhau. Nhà địa-chất-học thì dựa theo sự khai-quật của mình mà chấp lấy luận-thuyết của mình là đúng, nhà nhân-loại-học thì dựa theo sự nghiên-cứu của mình mà cho rằng lý-thuyết của mình là hơn.

Ông A. Bessmertny trong quyển "**L'Atlantide**" khi khảo qua các giả-thuyết về Ấc-lăng-tít, đã nhận rằng: "Nếu có thể kiểm-điểm một lý-thuyết Ấc-lăng-tít nói về sự phân-liệt của địa-cầu, người ta sẽ thấy một quan-niệm này thay thế một quan-niệm khác, một quan-niệm rất cũ-kỹ được lặp lại với những tài-liệu khác nữa, và như thế, bức tranh toàn diện sẽ luôn luôn trở thành hỗn-tạp".

Như thế thì với những phương-pháp mò-mẫm từ cuộc khám-phá này đến cuộc khám-phá khác của những nhà địa-chất-học, nhân-loại-học v..v...không tìm thấy lại những xã-hội, những thế-giới có trước tiền-sử. Mà dầu có tìm được chẳng nữa cũng chỉ tìm được một đôi phần tài-liệu, chớ không thể xây dựng lại những xã hội nguyên-thỉ đúng với toàn diện của nó.

Trong lúc cuộc nghiên-cứu mò-mẫm chưa đi đến đâu, thì có một phái người phát-giác một cách đầy đủ thế-giới Ấc-lăng-tít, không bằng phương-pháp mò-mẫm mà bằng phương pháp trực-giác, nghĩa là dùng tâm-linh soi tỏ lại những việc quá khứ. Với phương-

pháp này, người ta có thể hồi-ức lại nguồn gốc bất-diệt của quá khứ và thấy rõ những điểm mà người thời nay không thể hiểu nổi.

Cái phương-pháp trực-giác này, theo nhà Phật không phải là khó hiểu. Cái năng-khiếu trực-giác ấy không chỉ khác hơn Túc-mạng-thông trong Lục-thông của nhà Phật. Kẻ tu-hành đắc đến quả A-La-Hán đều chứng được Lục-thông. Túc-mạng-thông là một năng-khiếu thấy rõ lại các tiền-kiếp.

Ai có đọc truyện Tiên-thân của Phật Thích-Ca cũng nhận thấy khi Ngài đắc đạo rồi, nghĩa là mở Lục-thông. Ngài kể lại chẳng những tiền-kiếp của Ngài mà còn bao nhiêu quốc-độ trong Tam-thiên Đại-thiên thế-giới. Ngày nay những người có huệ cũng có cái năng-khiếu mà người Âu Tây gọi là trực-giác đó. Ai có đến hầu chuyện với người phát huệ, thử đem chuyện cổ kim ra hỏi, mới thấy chỗ kỳ-diệu là người phát huệ ấy vốn là kẻ không học, nhưng đối đáp một cách thông-minh lạ thường, thông hiểu cả việc quá khứ vị lai. Tuy gọi rằng huệ chớ kỳ thật là đã mở Túc-mạng-thông.

Ông Rudolf Steiner đã dùng năng-khiếu trực-giác ấy mà thuật lại thế-giới Ấc-lăng-tít. Theo ông, sở dĩ người thời nay không còn hiểu gì về thế-giới thần-tiên của đất Ấc-lăng-tít, là vì "khi thế-giới này sụp đổ thì khí trời dày đặc ở thời-kỳ Ấc-lăng-tít, trải qua một cuộc thay đổi". Đến lúc đó thì cuộc đời thần tiên trước kia tan dần và thế-giới chói rọi của dân Ấc-lăng-tít chỉ còn lưu lại trong ý-thức của người ở thời-kỳ Trung-Nguơn một ký-ức mang-máng của thời-đại hoàng-kim.

Cứ theo phái trực-giác, thì Ấc-lăng-tít là một thế-giới cực-kỳ văn-minh, vì trận Đại Hồng-thủy xảy ra trước đây 20.000 năm, mà sụp đổ. Dân ở thời-kỳ đó rất thông-minh, có một ký-ức rất phát-triển, nhờ đó mà làm chủ được những điều mà người đời gọi là sinh-lực. Cũng như thời nay, chúng ta dùng than đá tạo ra sức động-cơ, dân Ấc-lăng-tít dùng sức sinh-nở của vạn-vật mà giúp vào kỹ-thuật của mình.

Ông Steiner cho biết rằng tiền-bối của giống dân Ấc-lăng-tít là giống dân xứ Lemurie, một thế-giới ở phía Nam Á-châu hiện nay, đã sụp đổ từ lâu. Một phần ít giống dân ấy còn sót lại xây dựng thế-giới Ấc-lăng-tít. Và đến lượt giống dân này, một phần lớn tàn tạ, còn một phần ít được di-lưu lập thành giống dân Aryens ngày nay. Ông Steiner cho rằng giống dân Lemurie, Ấc-lăng-tít và Aryens là những giống dân nguyên-thỉ của nhân-loại.

Ba giống dân này hiệp với hai giống dân xưa nữa và hai giống dân hậu-duệ của giống dân Aryens, lập thành bảy giống dân chánh của nhân-loại.

Cứ theo ông Steiner thì giống dân Ấc-lăng-tít có những quyền-lực trong lời nói mà người thời nay không có thể có. Lời nói của họ có năng-lực như các câu chú, có thể làm cho cây cối nảy nở hay thú dữ phải phục tùng v.v...

Các thời-đại hoàng-kim của thế-giới Ấc-lăng-tít ấy bị sụp đổ sau một trận Đại Hồng-thủy.

Theo ông Frenzold Schmidt thì đã có bốn lần đại tai đã xảy ra: lần đói kém xảy ra khắp mặt địa-cầu, 70.000 năm trước Tây lịch; lần sụp đổ Tháp Babet, 50.000 năm; lần Thiên hỏa, 35.000 năm; lần Đại Hồng thủy, 20.000 năm trước Tây lịch, chính lần Hồng-thủy này nhận chìm đất Ấc-lăng-tít.

Lần đại biến sắp tới đây sẽ giống lần sụp đổ Ấc-lăng-tít. Nhưng nó sẽ diễn ra như thế nào?

Tận Thế và Hội Long Hoa Xảy Ra Như Thế Nào?

Ông Thanh-Sĩ có viết:

Tận-Thế bằng cách nào?

Đó là một cuộc lọc lừa lớn lao và kỳ-diệu của Đức Ngọc-Đế mà với trí phàm con người khó thể nghĩ bàn được vì nó sẽ làm thay đổi được tất cả vạn-vật một cách mâu-nhiệm và chớp nhoáng. Sau một cuộc lở đất long trời tối tăm mù-mịt, người đứng cách nhau trong gang tấc không thấy, tiếng cây ngã đá xiêu quên nghe và có những lời khóc than kêu cứu thảm thiết mà không ai làm sao đỡ-gạc cho nhau được. Trong lúc đó hốt nhiên những cái cũ-kỹ, những cái trái ngược đạo-lý, những cái đảo lộn nhân-tâm và những điều không được tương-ứng với cơ tạo-hóa bên trong cũng như bên ngoài, con người thấy thấy đều bị tận-diệt hết cả.

Về bên ngoài của con người:

- Những loại thuộc về khoáng-vật như đao, kiếm, súng ống, bom đạn v.v...
- Những loại thuộc về thực-vật như cây có gai, cây có chất hôi, chất độc và cây vô-dụng vô ích v.v...
- Những loại thuộc về động-vật như rắn, rít, sói, lang, beo, gấu, trâu, bò, mèo, chó v.v...(1)

Nói tóm lại các loại bên ngoài con người bất kỳ thứ nào, dù khoáng-vật, thực-vật hay động-vật cũng vậy, hễ là loại không có ích cho thời đó về sự mát mẻ cũng như về sự cần dùng mà ngược lại còn làm tổn hại cho con người thì bị tiêu-diệt ngay.

Về bên trong của con người:

Nhút thiết về ngôn- ngữ, tư-tưởng và hành-động bất công bất chánh, không đạo không đức, đê-tiện xấu-xa, càn-ngang thô-lỗ v.v...mà con người có từ trước đến giờ đều bị tiêu-diệt ngay trong lúc biến-thiên ấy.

Tại sao? Vì kẻ đã có những bầm-tánh và hành-vi tồi-tệ chắc-chắn không được tồn-tại; trái lại người được tồn-tại trong thời đó nhút-định không có những chỗ xấu xa kia.

Tại sao Đức Ngọc-Đế có quyền tiêu-diệt được cả vạn-vật ở quả địa cầu này? Vẫn được và càng được nhiều hơn nữa trong thời-kỳ mạt-pháp này bởi lẽ Ngài là một vị cầm cán một cơ-quan chưởng-quản cả vạn vật ở cõi ngũ trược-ác thế này, nên chi lúc nào Ngài cũng có quyền chiếu theo công-lý của luật nhân quả báo-ứng mà thưởng phạt vạn vật ở thế-gian. Đây chẳng khác nào một cuộc trừng-thanh của một chánh-phủ.

Tuy nhiên, trước khi đem ra trừng trị vạn-vật mà nhút là người về những tội lỗi hung hăng giáo-quyệt thì Đức Ngọc-Đế cùng Đức Phật đồng ý cho các vị Thịnh-văn, Duyên-Giác, La-Hán, Bồ-Tát và các bậc Thần, Tiên gấp rút làm phàm cùng một khẩu-hiệu cùng một giáo-pháp (song có nhiều thể-thức khác nhau, ấy là tùy theo căn cơ và địa vực) để dạy dỗ kêu réo những người có thiện-căn, có âm-đức mau mau hồi đầu thức tỉnh lánh dữ về lành hầu có nhờ sự ủng-hộ của các đấng Tiên, Phật, Thánh, Thần để tránh khỏi cơ tận-diệt tới đây. Đồng thời các vị thiêng-liêng ấy cho người đời biết trước Hội Long-Hoa sẽ mở tại thế-gian ở miền Nam nước Việt.

Hội Long-Hoa như thế nào?

Long-Hoa là một hội chọn lựa những phần-tử ưu-tú có đạo-đức chơn chánh, có hiểu hạnh đầy đủ, có trung-nghĩa vẹn toàn, nói tóm lại là những người tâm tánh trong sạch hiền lương để lập lại cõi đời an-lạc công bằng ở thời-kỳ Thượng-Nguơn.

Trong khoản kế cận Hội Long-Hoa, tất cả loài người loài vật cho đến thảo-mộc côn-trùng trên thế-gian đều ở trong cảnh giết hại tàn-phá và đau đớn hơn hết là con người đũa nhau nôi da xáo thịt gây nên nạn đói đau thê-thảm.

Đến ngày Hội Long-Hoa sẽ có nhiều việc nhiệm mầu không thể tưởng-tượng được, nào là hai phái tà-giáo và chánh-giáo đua nhau trở tài đấu phép làm kinh thiên động địa, nào là loài người và loài thú sát-hại nhau làm thần sầu quỷ khóc. Trong cảnh ấy, hai phái

chánh-giáo và tà-giáo xô nhau đến cảnh giết chóc xương chông tọt núi, máu chảy thành sông mà chung qui phái chánh-giáo được trọn thắng, nhờ bí-pháp của Đức Phật phù trợ. Còn những loại thú dữ do phép màu của Thần Tiên hóa hiện để sát phạt loài người có lòng ác độc, tuy mang lột người mà chẳng chút giống người, chỉ biết khu danh trục lợi ích-kỷ tổn-nhân, nói tóm lại là lòng của họ như thú-vật nên bị thú-vật giết hại đúng theo phản-lực nhân-quả. Sau khi trừ xong những hạng ác-nhân thì các vị Thần Tiên thu phép màu lại và các loại thú dữ không còn nữa.

Đến đây là lúc các vị Tiên, Phật, Thánh, Thần đồng giáng phàm để tùy theo nhân duyên mà cứu độ nghĩa là người có duyên với Phật thì được Phật rước về cõi Phật, có duyên với Tiên thì được Tiên rước về cõi Tiên còn những người vào bảng Phong-Thần thì làm Thần, những người kém đức-hạnh hơn mấy hạng nói trên thì ở lại làm dân hoặc làm quan phò Chúa Thánh.

Có một điều lạ nhứt là phần nhiều và có thể nói và gần hết các vị cứu thần trung-quân ái-quốc của Việt-Nam từ đời Đinh, Lê, Lý, Trần trở lại đây đều tái kiếp.

Trong cảnh tà chánh phân-tranh nhân-vật cấu xé đó, Đức Di-Lặc ra đời lập Hội Long-hoa có cả chúng-sanh của ba ngàn thế-giới tham thính như Thính-Văn, Duyên-Giáo, La-Hán, Bồ-Tát, chư Tiên, chư Thần, Trời, người, rồng, hổ, điểu v.v... đều xoay quanh bửu tòa của Ngài để nghe những lời vi-diệu nhiệm-mầu chưa từng có. Ngài sẽ thống nhứt tất cả kinh luật lại làm một khiến cho tất cả chúng-sanh không còn sự tranh-chấp câu-nệ đạo này chánh đạo kia tà. Ngài là vị thứ năm trong năm vị Phật hiện-hiếp. Vào thời-kỳ mạt-phát này đến lượt Ngài ra đời kể truyền chánh-pháp của Đức Thích-Ca bởi sau khi Đức Thích-Ca diệt-độ đến nay đã hơn 2500 năm (2515 năm theo Phật-lịch), lời di-giáo, bị sai lạc tinh-lý vì bị truyền qua dịch lại nhiều lần. Càng nhờ Ngài mà nhân-loại sẽ được một thế-giới trang-nghiêm, thanh-lịch, an lạc phi-thường. Đường đi như lót cẩm-thạch, cỏ tợ nệm bông. Người đẹp như Tiên không làm có ăn, không may có mặc, cư xử nhau rất nên hiền-hòa lịch sự. Với mỹ-lệ ấy, con người lại có cái đặt-biệt là không cánh mà bay, sống lâu muôn tuổi, tri-hóa thông-minh một cách dị-thường. Vì phần nhiều là người thượng-cổ tái-kiếp nên phong-tục tập-quán được giữ gìn nghiêm minh liêm-khiết.

Đây là nói ngay ở xứ Việt-Nam. Sở-dĩ nước Việt-Nam được cái diễm-phúc như nói trên là bởi các vị vua chúa cho đến quan dân Việt-Nam vào đời Đinh, Lê, Lý, Trần trở lại đây phần nhiều đều qui-ngưỡng về Phật đạo và Nho-đạo một cách thâm-thiết. Trong đó có một vị vua phát nguyện sau khi thành đạo sẽ trở lại chủ-trì nền đạo và phong-tục Việt-Nam. Nhờ công-quả và công-đức ấy mới khiến thay đổi được địa vị của nước Việt-Nam vậy.

Còn nước Việt-Nam sẽ trở thành địa-điểm trung-ương của đời Thượng-Nguơn là vì tuần-tự theo định-luật tuần-hoàn của cơ tạo-hóa.

Long-kiến, ngày 20-10-52.

(1) Sở-dĩ không có loại con trâu bò là vì đến thời Thượng-Nguơn khởi cày cấy, ngoài đồng tự-nhiên có lúa mọc sẵn, mỗi khi đến kỳ lúa chín thì nó tự lặn vào nhà khởi cần phải gặt hái. Còn không có chó mèo bởi trong nhà không có chuột bọ và không có trộm cắp.

Tận-Thế lần này là một cuộc đại tiến-hóa

Cứ theo lý Tam-nguơn thì luật tuần-hoàn của vũ-trụ (vũ-trụ theo nghĩa không-gian và thời-gian) không bao giờ dứt.

Cứ từ Thượng-Nguơn chuyển sang xuống Trung-Nguơn, và từ Trung-Nguơn chuyển xuống Hạ-Nguơn, là một cuộc tuần-hoàn theo chiều thối-hóa. Còn từ Hạ-Nguơn chuyển lên Thượng-Nguơn, nghĩa là từ cõi đời thật xấu chuyển lên cõi đời thật tốt, là cuộc tuần-hoàn theo chiều tiến-hóa. Chúng ta ở vào thời-kỳ chuyển biến từ Hạ-Nguơn sang Thượng-Nguơn: tức là ở vào thời-kỳ chuyển biến tiến-hóa.

Cuộc Tận-Thế hay đúng ra cuộc chuyển biến lần này là một cuộc đại tiến-hóa chẳng những cho quả địa-cầu mà cho cả vạn vật, chúng-sanh, tiếng chúng-sanh gồm cả phàm lẫn Thánh.

Nói về các đấng siêu-phàm, nhờ lần tiến-hóa này mà được tròn bản-nguyên.

Đây chúng tôi xin xét qua một vài đấng siêu-phàm.

Ai có đọc Kinh Địa-Tạng cũng hiểu rằng Địa-Tạng Bồ-Tát từ thác sanh làm Bà-la-môn nữ và Quang-Mục nữ trong đời quá khứ có phát ra một lời nguyện hết sức bi-thiết. Ngài nguyện rằng: Tôi từ ngày nay cho đến tột đời vị-lai không biết bao nhiêu kiếp số, quyết vì những chúng-sanh tội khổ ở trong sáu đường mà thi-thiết ra nhiều phương-tiện, khiến cho giải-thoát được hết, rồi thân tôi đây mới thành Phật-đạo.

Vì bản-nguyên bi-thuyết ấy mà trải qua hằng-hà sa số kiếp, mặc dầu Địa-Tạng đã chứng quả Bồ-Tát, song vì số chúng-sanh tội lỗi trong sáu đường chưa giải-thoát hết mà Ngài vẫn ở mãi địa vị Bồ-Tát chưa thành Phật-đạo. Ngài thường hóa hiện ở cõi Địa-ngục để giáo-hóa chúng-sanh, và cũng nhờ nguyện-lực hoằng thâm của Ngài mà chúng-sanh tội-lỗi được cứu-độ.

Đến ngày Hội Long-Hoa khai mở để lập lên cõi đời Thượng-Nguơn, Địa-Tạng Bồ-Tát sẽ được thoả mãn bản-nguyện mà thành Phật-đạo.

Vì sao? Là vì Hội Long-Hoa là một Đại-hội hiệp cả ba cõi: cõi Trời, cõi người và cõi đất tức là cõi âm, để công-đồng thưởng-phạt. Những vị ở cõi Trời như các vị Bồ-Tát, La-Hán, Duyên-Giác, Thinh-Văn cùng các vị Thiên-Long, Bát-bộ sẽ qui tụ xung quanh bửu tòa của Phật Di-Lặc, cũng như chúng-sanh ở cõi âm và cõi dương đều hội nhau ở đó để chịu sự phán-quyết lần cuối cùng.

Những người đắc quả lên cõi trên thì được các Ngài ở cõi trên rước, những người chưa đắc quả nhưng không tội lỗi thì ở lại lập đời Thượng-Nguơn, còn nhứt thiết chúng-sanh tội lỗi thì đều phải chịu tiêu-diệt. Như thế là cõi Địa-ngục đã được xóa bỏ, đường tội lỗi không còn ai, thì tức-nhiên là bản-nguyện của Địa-Tạng Bồ-Tát đã mãn. Ngài sẽ thành Phật-đạo.

Cũng như Đức Di-Lặc đã đắc quả Bồ-Tát, bấy lâu vẫn ngự ở cung Trời Đâu-xuất, ngày Hội Long-Hoa mở ra, Ngài sẽ ngồi dưới cội cây Long-Hoa mà đắc quả Như-Lai, hoàn thành bản-nguyện của Ngài là tạo lập một quốc-độ vô cùng trang-nghiêm giải-thoát bao nhiêu sự khổ não cho người đời như sự ăn, mặc, ở nhứt là phương-diện sanh-sống con người ở thời-kỳ Thượng-Nguơn sẽ được giải-thoát một phần lớn, nhờ ở khí-hậu điều-hòa tốt đẹp, nhờ ở đất đai thích hợp cho sự nảy nở của mễ cốc, tự-nhiên mọc lên khỏi cần cày cấy.

Đó là chỉ đơn cử có hai vị Bồ-Tát đã thỏa-mãn được bản-nguyện trong cuộc tạo-lập thời kỳ Thượng-Nguơn, chớ ngoài ra còn nào là các vị, từ bậc Thinh-Văn, Duyên-Giác cho đến bậc La-Hán, đã tạo công-đức trong thời-kỳ Hạ-Nguơn này cũng đều được tăng quả-vị.

Đó là chưa nói đến chúng-sanh trong cõi đời này. Đã đành những chúng-sanh tội lỗi phải bị tiêu-diệt, chớ thật ra là thối-hóa. Những chúng-sanh ấy vì không còn thích hợp với thời Thượng-Nguơn phải sa đọa hoặc vào một thế-giới thấp hèn nào tương-ứng với trình độ tội lỗi của họ hoặc phải làm cây cỏ trong thời kỳ Thượng-Nguơn, ngưng-trệ sự tiến-hóa trong mấy chục ngàn năm chờ chừng đến một ngày kia cõi đời trở nên thích-hợp với trình độ tiến-hóa của họ thì họ sẽ tái-kiếp. Nhưng ngoài hạng người thối-hóa ấy, hầu hết là được tiến-hóa. Người đắc-quả về cõi trên thì được rước đi đã đành mà những người đầu không đắc-quả, còn ở lại cõi đời Thượng-Nguơn, cũng sẽ được bao nhiêu cơ hội thuận tiện giúp cho họ tiến-hóa một cách mau chóng.

Thử đem cõi đời Hạ-Nguơn so sánh với cõi đời Thượng-Nguơn, thì đủ thấy người ở cõi Hạ-Nguơn này thiếu điều-kiện để tu cho đắc quả bằng người ở cõi đời Thượng-Nguơn.

Ở cõi đời cơ-cực như thế này, ngày nào cũng lao tâm khổ trí với miếng ăn, phải làm lụng, cày cấy cực nhọc mới có lúa mà ăn thì dầu có muốn tu hành cũng không được rảnh mà sớm kệ chiều kinh.

Chí như người ở cõi đời Thượng-Nguơn thì về miếng ăn họ khỏi cần lo: ngoài đồng lúa mọc sẵn, lại khi lúa chín tự nó lăn vào nhà; như thế họ rảnh tâm trí mà tu niệm.

Chẳng những thế, họ được sống gần các vị Tiên Phật, ngày ngày thấy Tiên Phật trước mắt, lại còn được Phật Di-Lặc mở trường thuyết-pháp, hóa-độ diu-dắt cho. Nhờ đó mà tiến hóa rất mau, tu hành sớm đắc quả.

Như thế, đủ thấy rằng lần Tận-Thế kỳ này để lập lên cõi đời Thượng-Nguơn là một cuộc đại tiến-hóa của chúng-sanh. Và cõi đời Thượng-Nguơn sẽ là một nấc thang tiến-hóa giúp cho người ở thời đó bước lên quả vị Tiên Phật.

Chắc-chắn thấy Phật Tiên thừa hạc lâm phàm

Có thể nào thấy Phật Tiên Thần Thánh thừa hạc xuống trần?

Ở thời-kỳ Hạ-Nguơn này mà đòi cho thấy được Phật Tiên Thần Thánh thừa hạc lâm phàm, hay thấy được tận mắt mới tin, thì chẳng khác mấy nhà khoa-học đòi đi lên cung trăng hay các hành tinh vậy.

Có thể thực-hiện những điều đòi hỏi ấy ở cõi đời-ác trước này chăng?

Không thể được, mà cũng có thể được.

Tại sao không thể được?

Là các đấng thiêng-liêng kia ở cõi thượng-giới, còn cõi đời của chúng ta là cõi hạ giới, cách nhau hai mươi mấy tầng Trời, mỗi giới thích-hợp cho mỗi thể-chất thì làm gì người ở cõi thượng-thanh kia có thể xuống cõi hạ trước này với nguyên thể được chớ.

Cứ theo Kinh Thủ Lăng-Nghiêm thì từ cõi Dục-giới trở lên cõi Vô-sắc-giới có 28 tầng Trời, mỗi tầng thích ứng cho mỗi tầng chúng-sanh.

Chúng-sanh nào toàn về phần *tưởng* thì nhẹ nhàng bay lên, nên khi chết sanh lên cõi Trời. Bằng *ình* ít *tưởng* nhiều thì thể nhẹ cất chẳng được cao lắm, tức làm hàng Tiên.

Bằng *ình* và *tưởng* cân nhau thì chẳng bay lên sa xuống, tức là đầu-sanh trong cõi người. Cũng bởi có nửa *tưởng* nên " *tưởng* " thuộc về sáng mà thông-minh, cũng bởi có

nửa tình, nên " *tình* " thuộc về tối mà ngu độn. Nếu *tình* nhiều *tưởng* ít thì trôi tấp vào hoành-sanh, nặng thì làm thứ có lông, nhẹ thì làm nòi có cánh. Bằng bảy phần *tình* ba phần *tưởng* thì chìm xuống thủy-luân, rồi sanh nơi hỏa-tế là chỗ thủy hỏa giáp nhau, mà thọ khí lửa dữ, làm thân ngạ-qui thường bị lửa thiêu đốt. Còn chín phần *tình* một phần *tưởng* thì chìm dưới suốt thấu hỏa-luân, thân bị sa vào chỗ gió lửa, hai thứ giao thông, nhẹ thì sanh nơi Địa-ngục Hữu-gián, nặng thì sanh nơi Địa-ngục Vô-gián. Đến như toàn về phần *tình* tức là phải xuống tới A-tỳ Địa-ngục.

Như thế đủ thấy mỗi cõi chỉ thích-hợp cho mỗi loài chúng-sanh, khác nhau ở chỗ *tình*, *tưởng* nhiều ít mà thôi.

Trong quyển Đại-thừa Chơn-giáo cũng thấy có đoạn nói về sự sai-biệt của linh-hồn ở cõi như thế này:

"Linh-hồn của con từ cõi Bồng-Lai Tiên-Cảnh hoặc Cực-Lạc Niết-Bàn mà muốn đầu thai xuống cõi hạ-giới là cõi thứ 7 thì đã phải trải qua 6 cõi hư-linh ở thượng-tầng không-khí, mà mỗi khi trầm xuống cõi hư-linh thì linh-hồn phải chịu dưới quyền cấu-tạo của Tạo-hóa chi cơ, nghĩa là phải thọ bầm thần-khí ở cõi hư-linh đó mà bao bọc thêm ra ngoài một lớp thể-chất nữa, mà hễ càng trầm xuống xa chừng nào thì lại càng nặng nề thêm chừng nấy. Khi trầm xuống đến cõi Dục-giới này lại còn phải mang thêm một xác thân phàm-tục đủ điều..."

Để hiểu hai đoạn vừa dẫn ở kinh Thủ Lăng-Nghiêm và Đại-thừa Chơn-giáo, chúng tôi xin đưa ra một tỷ-dụ cụ-thể.

Những nhà hải-dương-học, khi thảo-sát những loài động-vật ở sâu tám chín ngàn thước dưới đáy biển Thái-bình-dương và Đại-tây-dương, có gặp một giống cá kỳ-quái, hai mắt sáng như đèn, muốn đem lên mặt nước để khảo-nghiệm. Nhưng khi vừa đưa nó lên tới mặt nước thì nó nổ tan. Điều đó đủ chỉ rằng loại cá ấy chỉ thích-hợp với áp-lực nước đáy biển chứ không như các loại cá quen sống gần mặt nước; bởi thế khi đem nó lên mặt nước, vì chịu không nổi áp-lực ở tầng trên, nên chi nó phải nổ.

Điều nhận xét này cho ta thấy rằng: ở cõi trọng-trực này mà muốn thấy tận mắt Phật Tiên Thần Thánh ở cõi thượng thanh kia, thì chẳng khác nào loài cá ở tám, chín ngàn thước sâu dưới đáy biển mà muốn đưa lên mặt nước vậy. Muốn cho loài cá lên mặt nước mà còn sống thì ít ra thể-chất của nó phải giống thể-chất của loại cá ở mặt nước, có đủ các bộ-phận thích-ứng với hoàn-cảnh sống ở mặt nước.

Đến như người phàm-tục mà muốn thấy tận Phật Tiên cũng thế; hoặc người phàm phải có thể-chất nhẹ-nhàng như Phật Tiên, nghĩa là "tưởng" nhiều "tình" ít, hoặc hoàn-cảnh cõi trần-trực này biến-thể để thích-ứng cho Phật Tiên hóa-hiện.

Đến khi đó thì người trần sẽ thấy được Phật Tiên tại thế. Và ngày đó là ngày sấm nổ, ngày mở Đại-Hội Long-Hoa. Tiếng sấm nổ có hiệu-lực làm thay đổi hẳn hoàn-cảnh của quả địa-cầu, làm biến chất ngũ-hành.

Điều này không có chi là khó hiểu. Ông Rudolf Steiner khi khảo về đất Ấc-lăng-tít, nhận thấy rằng ở thời kỳ Ấc-lăng-tít, lớp không-khí bao bọc quả địa-cầu rất dày-đặc hơn thời nay, còn trái lại chất nước thì loãng hơn. Như thế đủ chứng rằng trận Đại Hồng-thủy làm sụp đổ đất Ấc-lăng-tít, đã làm cho ngũ-hành biến chất. Sau này khi tiếng sấm nổ làm thay đổi địa-hình, ngũ-hành cũng biến chất đi, tạo nên một hoàn-cảnh thích-hợp cho Phật Tiên giáng thế.

Nhưng đến lúc đó, chẳng phải người nào cũng có thể thấy được vì muốn thấy được Phật Tiên tận mắt, ít nhất thể-chất phải phù-hợp với hoàn-cảnh ấy thì mới sống được.

Trong quyển Đại-thừa Chơn-giáo có đoạn giải rằng:

"Một ngày kia, những con nào biết đạo-đức, ăn chay lạt, thân thể nhẹ-nhàng hiệp với Tiên-thiên thì lúc dương sanh mới có thể chịu nổi với khí ấy mà còn vững-vàng sống đặng; còn những con vô Đạo bị cả khí Hậu-thiên nên tới ngày âm tuyệt dương sanh ấy, chúng nó sẽ không bao giờ hứng chịu nổi khí chơn-dương, nên phải dứt hơi lìa mạng."

Ông Thanh-Sĩ cũng nhận rằng: "Nhứt thiết về ngôn-ngữ, tư-tưởng và hành động bất công bất chánh, không đạo không đức, đê-tiện xấu xa, càn-ngang thô-lỗ v.v... mà con người đã có từ trước đến giờ đều bị tiêu-diệt ngay trong lúc biến-thiên ấy."

Như thế đủ thấy rằng muốn thấy được Phật Tiên, phải là người có thể-chất phù-hợp với hoàn-cảnh Phật Tiên. Chớ đừng không mà đòi cho thấy được Phật Tiên mới tin thì không khác bầy tôi ở triều vua Tự-Đức không tin lời điều-trần của các sứ-thần Việt-Nam đi Pháp về. Ai có đọc lịch-sử Việt-Nam cận-đại hẳn còn nhớ vua Tự-Đức có gởi phái-đoàn qua Pháp để điều-đình. Khi trở về ông Phạm-phú-Thứ cũng như ông Phan-thanh-Giản có làm tờ điều-trần kể rõ sự văn-minh kỹ-xảo của người Âu-Tây như cho biết ở xứ người xe không kéo mà chạy, thuyền không chèo mà đi, đèn đốt trở ngọn xuống mà cháy v.v., rồi yêu-cầu nhà vua hãy sớm liệu gởi du học-sanh ra xứ ngoài. Ngoài ra ông Nguyễn-tường-Tộ có thảo ra 18 tờ điều-trần cũng nói về văn-minh cơ-xảo Âu-Tây và yêu-cầu cho học-sanh xuất dương; nhưng bầy tôi của vua Tự-Đức không tin, cho đó là đặt điều nói dóc. Đến chừng họ tin được, thấy tận mắt xe không kéo mà chạy, thuyền không chèo mà đi, đèn trở ngọn xuống mà cháy v.v... thì ô hô! Nước Việt-Nam đã mất.

Trước cơ tận-diệt hầu kê và Hội Long-Hoa sắp mở chúng-sanh liệu thế nào?

Từ Cơ-Đốc-giáo trải qua Phật-giáo, Cao-Đài-giáo, phái Phật-Thầy Tây An, Phật-giáo Hòa-Hảo, cho đến nhiều dị-nhân ra đời gần đây đều cho biết cơ tận-diệt đã gần và Hội Long-Hoa sẽ mở. Vậy đối với lời cảnh-thế của Phật Tiên, chúng-sanh phải liệu cách nào?

Như chúng ta đã biết: vì người đời cứ mãi dẫn thân trên con đường tội lỗi, nên chi Đức Ngọc-Đế định xử tiêu. Nhưng trước khi phán-quyết lần cuối cùng. Ngài đồng ý với Đức Phật cho các vị Thánh Tiên lâm phạm kêu gọi chúng-sanh hướng thiện quày đầu một lần chót. Từ cơ bút của Cao-Đài-giáo cũng như Sấm-Giảng của phái Phật-Thầy Tây-An và Phật-giáo Hòa-Hảo, đều gấp rút dạy bảo chúng-sanh tu sao cho kịp kỳ Đại-Hội Long-Hoa.

Cái mục-đích là đạt đến Hội Long-Hoa để rồi qua thời-kỳ Thượng-Nguơn có đủ cơ-hội thuận-tiện, như được Phật Di-Lặc mở trường phổ-hóa mà tu cho đắc chánh quả. Đã là thời-kỳ gấp rút thì không thể tu với những pháp-môn xa vời để đắc ngay quả Phật Bồ-Tát hay La-Hán được, mà phải tu tắt, tu để được sống còn trong ngày Hội Long-Hoa.

Đây chúng tôi xin đưa ra một tỷ-dụ dễ hiểu:

Ai cũng biết bất cứ pháp-môn tu-hành nào cũng để đạt đến cứu-cánh là **đảo bi-ngạn**, nghĩa là đến bờ bên kia, bờ của Cực-Lạc Niết-Bàn hay Thiên-Đàng Tiên-Cảnh. Con đường từ bờ bên này đến bờ bên kia là một cái đại dương to lớn. Như thế muốn đi đến bờ bên kia, phải đóng những thuyền lớn, tất nhiên phải nhiều công phu. Về phương-diện tu-hành phải dày công tu luyện.

Nhưng trong lúc gia công đóng một chiếc thuyền cho lớn mà chưa xong, thì có người cho biết là sắp có trận bão lụt lớn, mà ngoài đại dương kia có một đảo giúp cho người ta núp được trận bão lụt ấy, lại rất dễ là ai ai cũng có thể đi đến được với một chiếc xuồng con, thuyền nhỏ chẳng mất nhiều công kiến-tạo. Vậy thì người đời, có nên gấp rút đóng một chiếc thuyền nhỏ xuồng con để ra đảo ẩn núp bão lụt, rồi sau sẽ đóng chiếc thuyền có thể đi thẳng đến bi-ngạn, hay là cứ ngồi đó lui-cui lo đóng chiếc thuyền cho thật lớn mà không rời để bị trận bão lụt nhận chìm lôi cuốn mất.

Cái ý-nghĩa câu tỷ-dụ này cũng giống ý-nghĩa các đấng siêu phàm cho ta biết về cơ tận-diệt và Hội Long-Hoa. Cơ tận-diệt ví như trận bão lụt, còn Hội Long-Hoa ví như hòn đảo kia để ẩn núp cơn dông tố.

Có hiểu như thế, chúng ta mới hiểu tại đâu các đấng siêu-phàm không bảo chúng-sanh đóng những chiếc thuyền to mà chỉ bảo đóng những chiếc xuồng con hay thuyền nhỏ, nghĩa là pháp-môn tu tắt, cốt làm sao đạt đến Hội Long-Hoa.

Nhưng thế nào gọi là pháp môn tu tắt?

Sở dĩ người gây quá nhiều tội lỗi là vì người đời cứ mãi làm ác. Nay muốn cứu với họ chỉ có cách là làm sao cho họ bỏ ác về lành trước đã. Đó là điều căn-bản, bất cứ đạo-giáo nào cũng dạy như thế, Phật làm bài kệ rằng:

Chư ác mạc tác,

Chúng thiện phụng hành;

Tự tịnh kỳ ý,

Thị chư Phật giáo.

Nghĩa là:

Điều ác đừng làm,

Điều lành gồm làm.

Tự lắng lấy lòng,

Phật dạy như thế.

Nhưng thế nào gọi là làm lành? Nếu không phải là hành nhân-đạo là mỗi đạo mà đạo-giáo nào cũng khuyên làm tròn trước hết. Nếu không thế, sao lại có câu: Dục tu Tiên-đạo, tiên tu nhân-đạo; nhân-đạo bất tu, Tiên-đạo viễn hỹ; nghĩa là: Muốn tu Tiên-đạo, trước phải tu nhân-đạo, nhân-đạo mà không tu thì Tiên-đạo nó đi xa vậy.

Đồng với lý này, Đức Huỳnh Giáo-chủ có viết:

Bạch trình giữ lấy nghĩa nhân,

Muốn về cõi Phật lập thân cõi trần.

Hay là:

Tu đền nợ thế cho rồi,

Thì sau mới được đứng ngời tòa sen.

Như thế đủ hiểu rằng: muốn tu cho thành Phật Tiên chi chi, cũng phải tu cho rồi cái đạo làm người trước đã. Có xem tiền-kiếp của Phật Thích-ca mới thấy trước khi đạt đến quả Phật, Ngài đã trải qua bao nhiêu kiếp hành tròn nhân-đạo.

Trong truyện **Lục giả Tiên tung** có kể lại rằng: có người lên núi tìm chơn-sư để học đạo, nhưng khi gặp chơn-sư thì ngài không tiếp nhận mà bảo phải trở xuống trần lập cho có công-đức rồi trở lên ngài mới truyền giáo cho. Như thế cũng nhận cái lý phải tu nhân-đạo trước. Trong truyện **Hứa-Sử** cũng dạy như vậy.

Nhưng đạo làm người gồm những gì? Đức Phật Thầy Tây-An cũng đồng với Phật mà nhận rằng: đạo làm người có bốn cái ân lớn cần phải làm cho tròn là:

1° Ân Tổ-tiên cha mẹ,

2° Ân đất nước,

3° Ân tam-bảo (Phật, Pháp, Tăng),

4° Ân đồng bào và nhân-loại (với kẻ xuất-gia thì ân đàn-na thi chủ).

Nếu bốn cái ân này mà làm không tròn thì khó mà tu cho tròn Phật-đạo. Nói thế không thể hiểu nên trọng phần nhân-đạo mà bỏ phần Phật-đạo; mà nên hiểu rằng: đồng thời tu Phật-đạo, phải làm tròn nhân-đạo, nghĩa là cùng với **tu huệ** phải có **tu phước**.

Pháp-môn mà Đức Phật-Thầy Tây-An dạy tu tắt để đi đến Hội Long-Hoa là như thế, nghĩa là pháp-môn: học-Phật tu Nhân. Nhưng đừng vội tưởng pháp-môn ấy chẳng thâu-hoạch được kết quả. Bằng chứng cụ-thể là đã có nhiều môn-đệ của Phật-Thầy đắc quả và phát huệ tâm. Như trường hợp của ông Thanh-Sĩ là một và còn bao nhiêu người mà chúng tôi chưa tiện giới-thiệu ra đây.(1)

Sở-dĩ chúng tôi phải nói đến pháp-môn của Phật-Thầy là để đáp lại các bạn đã hỏi: Phải làm thế nào khi biết cơ tận-diệt hầu kẻ Hội Long-Hoa sắp mở?

Nhưng những điều chúng tôi đã dẫn ra, chỉ là trong muôn một pháp-môn của Đức Phật-Thầy mà ở đây chúng tôi không thể nói nhiều hơn nữa. (2)

Để giúp quý bạn có một ý-niệm tổng-quát về Tận-Thế và Hội Long-Hoa, chúng tôi trích ra đây hai bài thơ khoán thủ của ông Thanh-Sĩ:

Ngày tháng trôi qua tợ bóng cầu,

Giờ ân trên đĩnh chẳng còn lâu.

Tận đời vạn cảnh lâm tràng mộng,

Thế diệt thiên bang cuộc bể dâu

Chập chững nhân-gian nhiều ách nước,

Chờn vờn thế-giới lắm oan sầu.

Bên kia bên nọ tranh vô địch,

Lưng lưng rồi thôi chẳng đến đâu.

* * *

Tóm thâu ý nghĩa một ngày gần,

Tắc diệt cựu phàm lập Thánh tân.

Long hội Thần Tiên qui tứ-bộ,

Hoa trì Phật Thánh thống Tam-Nguơn.

Ông Trời biến cải màu thiên-hạ,

Bà Đất chuyển luân sắc thế trần.

Để biết huyền-vi cơ báo ứng,

Ý phàm hướng thiện rõ chơn-nhơn.

Viết xong ngày 10-11-1952.

(1). Kỳ dư còn nhiều bậc có Huệ và Điển-lành không được nhắc đến, vì lẽ là không có sáng-tác về Tận-thế và Hội Long-Hoa.

(2). Hãy đọc quyển Đức Phật-Thầy Tây-An của Vương-Kim và Đào-Hưng.